

NGUYỄN Q. THẮNG

HOÀNG SA TRƯỜNG SA

LÃNH THỔ VIỆT NAM

NHÌN TỪ CÔNG PHÁP QUỐC TẾ



NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

HOÀNG SA – TRƯỜNG SA
LÃNH THỔ VIỆT NAM
nhìn từ
Công pháp Quốc tế

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

NGUYỄN Q. THẮNG

**HOÀNG SA - TRƯỜNG SA
LÃNH THỔ VIỆT NAM**

nhìn từ
Công pháp Quốc tế

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nhà xuất bản Tri Thức xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc cuốn sách *Hoàng Sa, Trường Sa, Lãnh thổ Việt Nam - Nhìn từ Công pháp Quốc tế* của tác giả Nguyễn Q. Thắng.

Phần đầu cuốn sách (từ chương 1 đến chương 4) đã được Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản từ năm 1988 với tựa đề *Hoàng Sa - Trường Sa*. Ngoài việc sửa chữa các lỗi ở sách cũ, trong bản thảo cho lần xuất bản này tác giả đã bổ sung ba chương quan trọng và một số phụ lục mới. Nhận thấy đây là một công trình sưu tầm và khảo cứu một cách nghiêm túc các chứng cứ lịch sử và Công pháp Quốc tế nhằm khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa là một phần không thể tách rời của lãnh thổ nước nhà nên chúng tôi đã phối hợp với tác giả để cho ra đời cuốn sách này.

Hy vọng rằng đây sẽ là một tài liệu tham khảo bổ ích cho tất cả những ai muốn tìm hiểu thêm nhiều khía cạnh của chủ đề Hoàng Sa - Trường Sa trong bối cảnh mới này. Đây cũng có thể là một gợi ý tốt cho những ai quan tâm nghiên cứu một vấn đề rộng lớn hơn, quan trọng hơn: vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.

Cuối cùng, chúng tôi xin được lưu ý bạn đọc rằng: Nhà xuất bản Tri Thức luôn luôn tôn trọng ý kiến riêng của tác giả nhưng không nhất thiết phải hoàn toàn tán đồng quan điểm của người viết và dành quyền độc lập phê phán cho bạn đọc. Vì tính nhạy cảm của chủ đề nên chúng tôi cũng đã khuyến nghị tác giả cuốn sách này hết sức cẩn trọng trong khi khai thác các tư liệu lịch sử, mà trước hết là yêu cầu về tính chính xác; và một khi cuốn sách đã đến tay bạn đọc trong và ngoài nước thì trách nhiệm xã hội trước hết thuộc về tác giả.

Nhà xuất bản Tri Thức

LỜI ĐẦU SÁCH

(Nhân kì tái bản 2008)

Cuốn *Hoàng Sa - Trường Sa* xuất bản năm 1988 (Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh) nay đã không còn trên thị trường sách toàn quốc.

Do nhu cầu chung và các sự việc xảy ra gần đây có liên quan đến hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chúng tôi cho tái bản sách này để độc giả có tài liệu tham khảo. Lần in này, chúng tôi có sửa các lỗi mà lần trước mắc phải; đồng thời bổ sung thêm ba chương về Lịch sử và Công pháp Quốc tế có tiêu đề:

- *Diễn biến vụ tranh chấp chủ quyền hai quần đảo.*
- *Công pháp Quốc tế và chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa.*
- *Sự thật lịch sử và vấn đề pháp lí.*

để chứng minh cho chủ quyền Việt Nam trên vùng biển này. Do đó, sách có nhan đề: *Hoàng Sa - Trường Sa Lãnh thổ Việt Nam nhìn từ Công pháp Quốc tế.*

Nhân dịp này, tác giả xin chân thành cảm ơn cố Gs.TTH, (1933-1996) Paris, đã hoan hỉ gửi tặng chúng tôi một số tài liệu về Hoàng Sa, Trường Sa. Quý vị trong Ban Biên giới của chính phủ - nhất là ông LMN (1926-2005) - đã đọc giúp bản thảo và hiệu chỉnh cho cách dùng các thuật ngữ về biên giới hiện đại.

Một lần nữa, tác giả trân trọng cảm ơn bạn đọc, các học giả đã quan tâm đến thiên khảo luận này, mặc dầu sách vẫn còn thiếu sót.

Sài Gòn mùa hè năm Mậu Dần (1998)
Xem lại tháng 11 năm 2007

NQT

LỜI NÓI ĐẦU

Tập sách này không phải là một chuyên luận qui mô về chủ quyền Việt Nam trên lãnh hải Việt Nam

Đây chỉ là một số tài liệu liên hệ về lịch sử, địa lí, tài nguyên... thuộc chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Do nhu cầu tìm học, chúng tôi đã sưu tầm được một số tài liệu về Hoàng Sa, Trường Sa. Hôm nay, chúng tôi mạnh dạn trình bày các tư liệu này để bạn đọc thấy rõ thực chất vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa. Do vậy, chúng tôi xem đây chỉ là một tập hồ sơ nhằm đưa việc hành xử chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa ra trước dư luận chung.

Hoàn thành được tập sách này là nhờ sự giúp đỡ về tư liệu của giáo sư Võ Long Tê (tác giả sách *Les Archipels de Hoang Sa et de Truong Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie*, 1974, Sài Gòn), ông Đỗ Văn Anh (Thư viện Khoa học Xã hội, thành phố Hồ Chí Minh) và ông Trương Văn Khuê (năm 1943-1995) Giám đốc Nhà xuất bản Trẻ thành phố Hồ Chí Minh (năm 1986), tác giả xin ngỏ lời cảm ơn trân trọng.

Công việc tuy được chúng tôi thực hiện với một tinh thần nghiêm chỉnh, cân nhắc kĩ lưỡng; nhưng chắc không khỏi còn thiếu sót. Chúng tôi mong bạn đọc và học giả đàn anh chỉ cho những hạn chế khó tránh khỏi.

NQT

Sài Gòn 1974-1988

CHƯƠNG I

ĐỊA LÍ VĂN HÓA HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Hoàng Sa, Trường Sa, là đất của Việt Nam từ nhiều thế kỉ nay, được người Việt chiếm cứ, khai thác lâu đời. Đây là một phần lãnh thổ Đại Việt thuộc Phủ Tư Nghĩa, xứ Quảng Nam thuở trước; Gần đây, thuộc xã Hòa Long, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam; Hiện nay, là *huyện đảo Hoàng Sa*, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng⁽¹⁾. Còn Trường Sa là xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa), nay là *huyện đảo Trường Sa*, tỉnh Khánh Hòa.

Địa lí văn hóa Hoàng Sa, Trường Sa từ nhiều năm nay đã được người Chiêm trước đây; và sau này, người Việt kế thừa, do sự đồng tình của hai triều đại Việt Nam và Chiêm Thành từ thế kỉ XIV, XV.

Xét về nhiều phương diện, từ môi trường thiên nhiên đến địa lí, xã hội... nhất là về lịch sử thì Hoàng Sa, Trường

(1) Ngày 6-11-1996 Quốc hội Việt Nam ra Nghị quyết tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chánh: *Tỉnh Quảng Nam và Thành phố Đà Nẵng*, huyện đảo Hoàng Sa là 1 trong 7 quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng (Theo Nghị định số 07/CP ngày 23-1-1997).

Sa là một phần lãnh thổ thiêng liêng không thể nào chia cắt với Tổ quốc Việt Nam.

1) Vài nét lịch sử, chính trị

Trong sinh hoạt chính trị nước ta và các nước láng giềng đã có một sự hữu hảo trong quan hệ bang giao. Lịch sử bang giao đó có sự đồng tình, nhất trí về nhiều mặt; nhất là về mặt chính trị, ngoại giao.

Từ đầu thế kỉ XIV (1307), vua Trần Anh Tông (1293-1314) đã nhận hai châu Ô, Rí của Chiêm Thành trở thành quận huyện của nước ta. Do cuộc hôn nhân giữa Chế Mân - Huyền Trân Công chúa, việc bang giao giữa Việt Nam - Chiêm Thành trở nên đầm ấm và bờ cõi Việt Nam lúc ấy đã giăng dài tới Bồ Chánh, Quảng Bình và một phần đất Thuận Hóa (nay thuộc tỉnh Thừa Thiên).

Sau khi Hồ Quý Ly lên ngôi vua, đổi quốc hiệu nước là Đại Ngu, tình hình bang giao giữa Việt Nam và Chiêm Thành vẫn hòa hiếu như xưa. Năm 1402, Hồ Hán Thương lên thay Hồ Quý Ly (Hồ Quý Ly làm Thái thượng hoàng) làm vua thì vua Chiêm là Ba Đích Lại (tức Jaya Shihavarman V) dâng đất Chiêm Động (tức phủ Thăng Hoa, tỉnh Quảng Nam), Cổ Lũy (tức tỉnh Quảng Ngãi) cho nước ta. Hồ Hán Thương cho lập thành 4 châu: châu Thăng, châu Hoa, châu Tư và châu Nghĩa, đặt lộ Thăng Hoa thống hạt 4 châu. Còn ở miền núi thì đặt thành trấn Tân Ninh và cử Nguyễn Cảnh Chân làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa.

Sau khi nhường đất Chiêm Động và Cổ Lũy, người Chiêm vẫn sống tại khu vực này, họ cùng với người Việt từ Thanh Hóa, Nghệ An chung sống trên đất cũ. Từ đó, người Việt đến lập nghiệp ngày càng đông hơn và khai khẩn thêm đất hoang,

mở cửa khẩu để giao thương với các miền khác và các nước láng giềng.

Vậy, kể từ năm 1403, khu vực Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa (tức Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định gần đây) đã chính thức thống thuộc vào quyền lực nhà nước Đại Việt từ lãnh vực hành chánh công quyền đến phương diện công pháp quốc tế. Tình cách pháp lí ấy đã được hai triều đại phong kiến Việt Nam, Chiêm Thành cùng thỏa thuận theo cơ sở pháp lí đương thời.

Sang thế kỉ XV, vua Lê Nhân Tông (vào năm 1446) đã cải tổ nền hành chánh trong nước bằng cách đặt các Ti, Sở ở các Đạo để cai trị. Sau đó (năm 1461), vua Lê Thánh Tông (Hong Đức năm thứ 2) lo tổ chức hành chánh tại các châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa; đồng thời đặt làm Đạo Thừa Tuyên Quảng Nam như các Đạo đã có từ Quảng Bình trở ra. Danh xưng “*Quảng Nam*” bắt đầu có từ đó trong lịch sử mở nước của tiền nhân.

Lúc ấy (năm 1471) Đạo Thừa Tuyên Quảng Nam thống lĩnh 3 phủ, 9 huyện. Phủ Thăng Hoa có 3 huyện là Lệ Giang⁽¹⁾, Hà Đông⁽²⁾ và Hi Giang⁽³⁾, Phủ Tư Nghĩa⁽⁴⁾ có 3 huyện là Bình

(1) Theo Nguyễn Bá Trắc, *Hoàng Việt Giáp Tý niên biểu*, Bộ Quốc gia Giáo dục. 1968, Sài Gòn.

(2) Hà Đông: nay gồm 5 huyện Núi Thành, Tiên Phước, Trà Mi Bắc, Nam, Phú Ninh và Thành phố Tam Kỳ.

(3) Hi Giang: tức phủ Duy Xuyên, rồi đổi thành huyện Duy Xuyên.

(4) Tư Nghĩa: đời Nguyễn Hoàng đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa; đời Tây Sơn đổi làm Hòa Nghĩa. Từ Hòa Nghĩa trở vào Nam thuộc Trung ương Hoàng đế (Nguyễn Nhạc); phủ Thăng, phủ Điện trở ra thuộc Bắc Bình Vương (Nguyễn Huệ).

Sơn, Mộ Hoa⁽¹⁾ và Nghĩa Giang⁽²⁾, Phú Hoài Nhơn có 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Li⁽³⁾ và Tuy Viễn⁽⁴⁾.

Sách *Thiên Nam dư hạ tập* cho rằng đời Hồng Đức khi vẽ bản đồ Đại Việt thì Quảng Nam Thừa Tuyên sử ti thống lãnh 3 phủ, 9 huyện, Phú Thăng Hoa có 3 huyện: Lệ Giang gồm 9 tổng, 73 xã; huyện Hi Giang 8 tổng, 58 xã; huyện Hà Đông 8 tổng, 4 xã, Phú Tư Nghĩa có 3 huyện; Nghĩa Giang 12 tổng, 93 xã; huyện Bình Sơn 6 tổng, 70 xã; huyện Mộ Hoa 6 tổng, 53 xã. Phú Hoài Nhơn có 3 huyện; huyện Bồng Sơn có 7 tổng, 32 xã; huyện Phù Li có 6 tổng, 60 xã và huyện Tuy Viễn có 6 tổng xã ⁽⁵⁾.

Như vậy, khu vực Đạo Thừa Tuyên Quảng Nam vào thế kỉ XV bao gồm một vùng rộng lớn từ Nam Thuận Hóa (Điện Bàn: Điện Bàn lúc ấy là một phủ của châu Ô⁽⁶⁾) vào sát núi Thạch Bi ở Phú Yên (nay thuộc tỉnh Phú Yên). Do đó, cả khu vực từ rừng núi xuống đồng bằng và các hải đảo dọc theo lãnh thổ trên đều thống thuộc Đạo Thừa Tuyên Quảng Nam. Sau đó (năm 1490), đổi lại gọi là “xứ Quảng Nam” và năm 1520 gọi là “trấn Quảng Nam”.

Mặc dầu trải qua bao lớp sóng phé hưng, 2 xứ Thuận

(1) Mộ Hoa: đời Thiệu Trị đổi thành Mộ Đức vì kỵ húy chữ Hoa, nay là huyện Mộ Đức.

(2) Nghĩa Giang: đời Thành Thái chia huyện Nghĩa Giang thành Nghĩa Hành và Tư Nghĩa.

(3) Phù Li: nay gồm hai huyện Phù Cát và Phù Mỹ.

(4) Tuy Viễn: Nay là huyện Tuy Phước và An Nhơn, tỉnh Bình Định.

(5) Tham khảo Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*, Khai Tri xuất bản, Sài Gòn, 1970.

(6) Tham khảo *Ô châu cận lục*.

Hóa, Quảng Nam, nhân dân vẫn sung túc, thanh bình. Sách *Ô châu cận lục* viết vào đời nhà Mạc, do Dương Văn An đề tựa năm Ất Mão (năm 1555) có tả qua sinh hoạt của xứ Quảng Nam như sau:

“Đồng bằng thì nông tang vốn sẵn nghiệp nhà, bờ biển thì cá, muối là kho vô tận... Cửa thổ nơi đã sẵn thứ rượu tắm rất ngon. Hải vị sơn hào của nhiều chạn chứa. Cá tôm sẵn ở sông bể, gỗ lấy ở núi rừng. Xóm làng trù mật, nên gà, chó từng đàn; cỏ, nước ngon lành, nên trâu bò béo tốt. Trong công điền có cả tư điền; ngoài thuế ruộng còn nhiều thuế khác. Sông hồ lấy lợi, đi thuyền tiện hơn đi chân; đất cát phì nhiêu, được thóc không cần khó nhọc.

Còn ở huyện Điện Bàn (nay thuộc tỉnh Quảng Nam) thì “Nhân dân làm giàu bằng thóc, nhà nông đập lúa bằng trâu. Đường bộ thì có xe, đường thủy thì sẵn thuyền (...). Xã Mạc Châu trồng nhiều hoa hồng, xã Long Châu sản xuất nhiều lụa trắng. Hai làng Hóa Khê, Cẩm Lệ cấm cộc nhọn để giữ ngạc ngư; các xã Lỗi Sơn, Chiêm Sơn đóng cửa gỗ để phòng mãnh thú”(1).

Với đất nước đó, chẳng bao lâu sau Nguyễn Hoàng (năm 1558-1613) vào trấn thủ Thuận Hóa, kiêm lãnh trấn Quảng Nam. Kể từ đó tiền nhân ta đã lật sang một trang sử mới cho bức dư đồ Đại Việt.

Lịch sử Nam tiến của một dân tộc là một quá trình mở nước và giữ nước khởi đi từ buổi bình minh lịch sử của nhân dân ta. Quá trình đó đã phát triển trong trường kì lịch sử dân

(1) *Ô châu cận lục* (khuyết danh), Dương Văn An nhuận sắc và đề tựa, Bùi Lương dịch, Văn hóa Á châu xuất bản, 1961, Sài Gòn.

tộc qua các đời Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn và cuối cùng là triều đại nhà Nguyễn (năm 1802-1945). Trong chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước đó, nhân dân ta đã đổ biết bao mồ hôi, nước mắt và không ít máu đào mới có một biên cương rộng lớn như ngày nay. Biên cương ấy duỗi dài vào Nam, ra Biển Đông, khởi đi từ đời nhà Hồ (năm 1400-1407), qua vua Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn (năm 1558-1788), triều Nguyễn (năm 1802-1945). Tiền nhân chúng ta đã vạch lau lách, rừng bụi, bùn lầy để vươn dài lãnh thổ vào Nam, vượt trùng dương sóng lớn đến Hoàng Sa, Trường Sa để làm thành trì giữ gìn đất nước.

Lãnh thổ ấy được minh định bắt đầu từ đời Lê Thánh Tông (năm 1460-1497) nhất là vào các đời chúa Nguyễn và hai đời Gia Long (năm 1802-1820), Minh Mạng (năm 1821-1840), bằng những tư liệu chính xác và với các bản đồ cổ cùng một số sử liệu đáng tin nhất như: *Bản đồ Hồng Đức* (Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư), *Đại Nam nhất thống toàn đồ*, *An Nam Đại quốc họa đồ* và các công trình biên khảo lịch sử, địa lí của các học giả Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú... cùng các tác phẩm sử của Quốc sử quán triều Nguyễn (xem phần sau).

Bên cạnh các sử liệu vừa nêu, chúng ta còn thấy các truyền thuyết lâu đời của các dân tộc ít người sống trên dãy Trường Sơn cũng đã chứng minh vùng biển Việt Nam từ thế kỉ XV đến nay rất nhất quán với các sử liệu của nước ta và các tác giả nước ngoài.

Truyền thuyết dân Rađê cho rằng họ vốn là con dân của Trời. Sau thời kì Đất rung với Trời, Đất tách làm nhiều mảnh, có mảnh bị chìm dưới biển. Người Rađê có nhiều bà con ruột thịt phải bơ vơ trên các mảnh đất đương ngập lụt giữa trùng dương. Những người Rađê bèn kết bè bằng tre nứa thả xuống

biển, theo dòng nước trôi đi tìm bà con bị thất lạc vì Đất rung. Có người theo dòng nước trở về và cũng có người thích sinh sống ở các hải đảo giữa biển cả⁽¹⁾.

Với những truyền thuyết dân gian ấy cũng nói lên được phần nào sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt Nam (kể cả dân tộc ít người) đã có mặt trên dải đất này từ lâu đời.

2) Giao thông hàng hải và vị trí quốc phòng

Vị trí hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nằm trên đường biển Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh) - Hồng Kông (Trung Quốc) cách Đà Nẵng 300 đến 350km. Vị trí của nó nằm giữa 15 độ 45 đến 47 độ 15 vĩ tuyến Bắc, và 110 độ đến 118 độ kinh Đông. Đây là một dãy đảo san hô nằm ngoài khơi Biển Đông, ở vào khu vực trung tâm của kinh tuyến và vĩ tuyến Việt Nam (xem bản đồ số 1).

Ngày nay, với kĩ thuật hàng hải hiện đại, các nhà chỉ huy tàu biển có thể kiểm soát tất cả vùng từ duyên hải Trung Hoa, Việt Nam đến các đảo thuộc Malaysia, Indonesia, Philippines. Chính nhờ vị trí này, tàu biển có thể đi suốt từ Bắc Thái Bình Dương xuống Ấn Độ Dương. Từ nhiều trăm năm nay, Hoàng Sa, Trường Sa là những trạm dừng chân của các tàu biển khi gặp bão tố tại Biển Đông, tuy rằng đây là những đảo san hô. Các tàu buôn quốc tế từ thế kỉ XVI đã từng dừng chân và nương đậu tại Quần đảo này.

Ngược dòng lịch sử từ thế kỉ XII, Triệu Như Quát khi viết sách *Chư Phiên chí* đã dùng những từ “Thiên Lí Trường

(1) Theo *Thần thoại Việt Nam*, in trong *Việt Nam văn học toàn thư*, Hoàng Trọng Miên, Văn Hưu, 1959, Sài Gòn.

Sa” (*Cát dài ngàn dặm*), “Vạn Lí Thạch Sàng” (*Giường đá muôn dặm*) để chỉ hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nằm ở Biển Đông gần với bờ biển Việt Nam nhất.

Đầu thế kỉ XV, Trịnh Hòa (một đại thần nhà Minh đi bành trướng thế lực) đi chinh phục các nước Đông Nam Á, đều dùng hải lộ này. Với nhiều lần qua lại trên đường biển thuộc khu vực này, các hải thuyền thời ấy đã có câu:

“Thượng phạ Thất Châu, hạ phạ Côn Lôn:

Châm mê đà thất, nhân thuyền mạc tồn”(1).

Nghĩa là:

Trên thì sợ vũng Thất Châu, phía dưới thì sợ đảo Côn Lôn.

Bao nhiêu la bàn, kim lạc, bánh lái đều mòn, làm cho thuyền chìm, người chết chẳng còn gì cả.

Vùng biển Hoàng Sa thời ấy gồm có 7 đảo lớn nổi trên mặt nước, gọi là *Thất Châu dương*, các đảo nhỏ hơn còn chìm dưới nước. Chính nó đã làm trở ngại rất nhiều cho các tàu thuyền đi ngang qua vùng biển này, nhất là khi gặp những cơn bão biển hoặc bão nhiệt đới xuất phát từ biển Philippines.

Năm 1701, các giáo sĩ đạo Thiên chúa đi trên tàu l’Amphitrite đã cho rằng Quần đảo Hoàng Sa là một trạm liên lạc trên hải đạo này. Và Quần đảo này đã thống thuộc vào xứ Đàng Trong từ lâu, như họ đã viết:

“On appareilla avec un très bon vent et en peu de temps on s’éleva à la hauteur du Paracel. Le Paracel est un archipel qui dépend de L’Empire d’Annam. C’est un effroyable rocher

(1) *Sdd.*

de plus de cent lieues décrie par les naufrages qu'on y a fait de tous temps, il s'étend le long des côtes de la Cochinchine. L'Amphitrite à son premier voyage de la Chine pansa y périr"⁽¹⁾.

Nghĩa là:

Chúng tôi dong buồm đi với gió thuận và chẳng bao lâu đến ngang tằm Hoàng Sa. Hoàng Sa là một Quần đảo thuộc đế quốc An Nam. Đó là một khối đá dễ sợ dài hơn trăm dặm, mang tiếng xấu vì những vụ đắm tàu ở đó từ trước đến nay. Nó trải dài dọc theo bờ biển Nam Kỳ. Tàu L'Amphitrite trong chuyến đi lần đầu sang nước Trung Hoa tưởng đã mất mạng ở đó.

Các tài liệu của những thương gia Hà Lan trong công ti Hà Lan - Đông Ấn in từ năm 1631-1636 cho chúng ta biết rõ vào ngày 20-7-1634, dưới thời Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635), một số tàu Hà Lan nhổ neo từ Batavia (thuộc Indonesia) vượt biển theo hải lộ trên đến Đài Loan. Riêng chiếc Grootebrock bị đắm gần đảo Hoàng Sa (Paracel) ngang Bắc vĩ tuyến 17 với số lớn hàng hóa và 9 thủy thủ mất tích. Hai năm sau (1636), vào thời Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635-1648) cũng trên hải lộ này, hai chiếc tàu Hà Lan cập bến Đà Nẵng rồi hướng về Hội An để yết kiến vị quan trấn giữ khu vực này. Ở đây, họ gặp quan địa phương và sau đó được bề kiến Chúa Thượng để yêu cầu mở một thương điểm tại Hội An. Yêu cầu trên của họ được Chúa Thượng chấp thuận.

(1) Trích trong tuần báo *Indochine* nhan đề là *Mystère des atollos, journal de voyage Paracel*, 1931, Sài Gòn.

Đến thế kỉ XIX, các tàu biển qua lại Trung Hoa, Việt Nam, Philippines, Indonesia, Malaysia... đều dùng đường biển này để giao thương. Tuy hải lộ này không mấy an toàn cho tàu biển, nhưng nó vẫn là đường duy nhất để tàu bè dễ cập bến các nước vừa kể.

Từ nhiều thế kỉ qua, hải lộ này vẫn là con đường ngắn nhất giúp các tàu biển qua lại dễ dàng các khu vực và các nước trên. Đường biển nguy hiểm này được Lý Văn Phức (năm 1785-1849), một nhà ngoại giao và cũng là nhà thơ có tiếng của nước ta vào đời Minh Mạng, khi ông đi công cán tại Philippines đã ghi lại cảm tưởng của mình cùng thủy thủ trong bài thơ và bài tựa như sau:

“Vạn Lí Trường Sa là một dải cát trắng từ biển nổi lên, phía Tây tiếp dương phận trấn Quảng Nghĩa, phía Đông giáp dương phận đảo Lữ Tống (Lưu Xông - Philippines), phía Bắc tiếp dương phận các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Dải dặc kéo ngang không thể lường đo được. Ấy là chỗ rất nguy hiểm đệ nhất có tiếng từ xưa đến nay. Tàu thuyền qua đó, thường thường kiêng dè sợ không thấy nó. Ấy vì chân bãi cát ra rất xa. Một khi đi lằm (đi đụng phải) thì không thể trở lại. Ngày 14-5 Nhâm Thìn (năm 1832), thuyền Định Tường rời khỏi cỏi Quảng Nghĩa, đã vào hải phận trấn Bình Định. Trừ tính không lằm, một đường thẳng vo, lấy hướng Kim Mao Ất (Đông, hơi xế Nam) mà tiến. Không dè trái gió, nước xiết, con thuyền không tiến. Thình lình trưa hôm sau, ngóng trông thấy nó, sắc cát lơ mờ, khắp chân trời đều trắng. Tất cả người trên thuyền, trong lòng bùng bùng, nước mắt rung rung. Trên thuyền ngoảnh hỏi đà công (người cầm lái). Y là một tay lão luyện Tây dương. Nó nói rằng: Lấy thước đạc thiên (lục phân

- sextant) mà đo thì may thuyền chưa phạm vào chân bãi cát, còn chuyển buồm kịp.

Bèn lấy hướng Kim Dậu (Tây) nhắm Quảng Nghĩa mà lúi, may nhờ phước lớn của triều đình về đến cửa bể Thái Cầm mà tạm đỗ. Cuối cùng không việc gì ⁽¹⁾.

Vào đầu thế kỉ XX (năm 1929), Cucherosset trích đăng ý kiến của Dubois de Jaucigny viết trong *l'Univers - Histoire et description de tous les peuples, leurs religions, moeurs coutumes: Japon, Indochine, Ceylan* xuất bản năm 1850 tại Paris cũng nhắc đến Quần đảo Hoàng Sa.

Đây là một nhóm đảo nằm giữa đường hàng hải Cam Ranh - Hồng Kông - Thượng Hải... Dọc theo hải lộ này có nhiều đá ngầm nguy hiểm nên đã gây ra nhiều vụ đắm tàu, như vụ tàu Mirianna (Đức) đắm năm 1896, tàu Bellona (Đức) đắm năm 1895, tàu Irnegie Maru (Nhật) đắm năm 1896. Tất cả các tàu trên đều do công ti Anh bảo hiểm và đăng kí.

Năm 1899, Toàn quyền Doumer (Pháp) phúc trình lên bộ Thuộc địa ở Paris, xin phép lập hải đăng tại Hoàng Sa.

(1) Bài thơ đề Vọng kiến Vạn Lý Trường Sa tác trong sách *Đông hành thi thuyết thảo* của Lý Văn Phức. Trích lại của Giáo sư Hoàng Xuân Hân, tập san *Sử Địa* số 29, 1975, Sài Gòn. Tham khảo thêm *Hải trình chỉ lược*, bản chữ Hán song dịch Pháp Việt (Tạ Trọng Hiệp dịch), Hội Quán đảo xuất bản, Paris, 1994.

Lý Văn Phức (năm 1785-1849): *Danh sĩ* đời Gia Long, tự là Lân Chi, hiệu là Khắc Trai, quê làng Hồ Khẩu, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Đông (nay thuộc ngoại thành Hà Nội). Đỗ cử nhân năm 1819 làm Hàn Lâm viện Biên tu ở Quốc sử quán, hiệp trấn Quảng Nam, Hữu thị lang bộ Hộ. Sau đi công cán ở Tân Gia Ba (Singapore), Trung Quốc, Indone-sia... Ông mất năm 1849, còn để lại một số tác phẩm văn học giá trị...

Theo tác giả trên, hai Quần.đảo Hoàng Sa, Trường Sa rất quan trọng, vì đảo nằm trong các đặc tính sau:

1) *Trạm cho thủy phi cơ lộ trình Hồng Kông - Đà Nẵng - Sài Gòn.*

2) *Điểm tựa chiến lược cho tàu ngầm khi có chiến tranh.*

3) *Trạm thông báo khí tượng thủy văn.*

4) *Hoàng Sa, Trường Sa là nơi tránh gió lớn cho các tàu đánh cá.*

Và cũng tác giả trên trong bài *Les Droits de l'Annam sur les Îles Paracels et les devoirs du Gouvernement Protecteur* (1) thì chính quyền Bảo hộ Pháp phải minh định chủ quyền trên Quần đảo Hoàng Sa bằng các hành động cụ thể sau:

1) *Vẽ bản đồ Hoàng Sa, Trường Sa có tỉ lệ lớn (1/200.000), vẽ bản đồ hải quân và địa chất;*

2) *Đặt hải đăng;*

3) *Lập trạm kiểm soát và thông báo khí tượng thủy văn;*

4) *Lập đội biên phòng và trú đóng tại Hoàng Sa.*

Vì Hoàng Sa, Trường Sa có lợi ích về mặt quốc phòng và hàng hải cho toàn thể bán đảo Đông Dương. Như vậy, tại khu vực này các hạm đội tàu ngầm, hoặc các tiềm thủy đình khác có thể khống chế, phong tỏa các tàu biển ra vào vịnh Bắc Kỳ và các cảng lớn như Đà Nẵng, Cam Ranh. Nghĩa là căn cứ hải quân tại Hoàng Sa, Trường Sa có thể kiểm soát tàu biển qua lại các nước Đông Dương, Đông Nam Á, khu vực

(1) *Eveil Économique de l'Indochine*, số 627, ngày 23-6-1929, Hà Nội.

Thái Bình Dương; nhất là đường biển Sài Gòn - Hồng Kông - Thượng Hải.

Ngoài ra, căn cứ hải quân tại Hoàng Sa, Trường Sa sẽ ngăn chặn được liên lạc đường biển của các nước ngoài vào bờ biển Việt Nam.

Thế cho nên, ngay từ thế kỉ XVII, các Chúa Nguyễn và vua Gia Long, Minh Mạng đã đặt đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải không những đến Hoàng Sa thu lượm các hải vật do các tàu buôn nước ngoài bị đắm tại đó; mà nhiệm vụ chính của các đội hải quân này là canh phòng an ninh và bảo vệ tổ quốc. Các hải đội trên vẫn duy trì mãi cho đến khi quân viễn chinh Pháp chiếm Nam Kỳ mới bị bãi bỏ.

Vì những yêu cầu thực tế đã nêu, cũng như tầm quan trọng về vị trí hàng hải và quốc phòng của hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa mà chính quyền Pháp tại Đông Dương phải thực hiện những biện pháp an ninh phòng thủ. Sau này, ta thấy họ đã xây dựng tại Hoàng Sa, Trường Sa một số cơ sở thông tin liên lạc, căn cứ quân sự... để phản não giúp cho các tàu biển qua lại trên hải lộ này; đồng thời, duy trì quyền lực của người Pháp tại Đông Dương.

Từ thực tế trên cho ta thấy rõ yếu điểm của hải lộ quốc tế này và trạm liên lạc khí tượng thủy văn đối với nền an ninh của các nước Đông Nam Á nói chung - và Việt Nam nói riêng.

3) Vị trí và địa thế các đảo chính

Quần đảo Hoàng Sa nằm giữa hai tuyến 112 độ - 117 độ Đông và giữa hai vĩ tuyến 14, 45 - 17, 10 độ Bắc. Từ thành phố Đà Nẵng đi thẳng hướng Đông cách đất liền khoảng 350km đường biển.

Từ đây, tàu biển có thể đi thẳng hướng Đông vào khoảng hơn 12 giờ đồng hồ, tàu sẽ bắt gặp đảo Tri Tôn. Tri Tôn là một đảo nhỏ được cấu tạo toàn bằng san hô, tàu lớn khó cập bến, nên tàu phải ngược lên hướng Bắc.

Từ Tri Tôn lên hướng Bắc khoảng 20 hải lý, đến vĩ tuyến thứ 16, tàu sẽ vượt qua đảo Bạch Qui. Đây là một bãi san hô ngầm, khi thủy triều xuống, đảo mới nổi lên, đảo có hình bầu dục. Tàu càng chạy về hướng Bắc, chúng ta sẽ gặp nhóm *An Vinh* (Amphitrite groupe). Nhóm này nằm gần vĩ tuyến 17, khoảng giữa kinh tuyến 112 độ - 116 độ, gồm một số đảo lớn nhỏ, phần lớn được cấu thành bởi san hô. Giữa những dải san hô, một vùng cát trắng pha lẫn giữa màu nước xanh biếc. Trên các đảo có rất nhiều chim biển sinh sống. Nhóm đảo này có hai đảo lớn nhất là Phú Lâm và Linh Côn.

Từ Phú Lâm, Linh Côn, tàu ngược qua hướng Tây Nam, chúng ta sẽ bắt gặp nhóm *Lưỡi Liềm*, nay ta gọi là nhóm Lưỡi Liềm (Croissant groupe hay Crescent). Nhóm này gồm các đảo: *Hoàng Sa*, *Cam Tuyền* (Hữu Nhật), *Duy Mộng*, *Quang Ảnh*, *Quang Hòa*, rồi trở lại gặp Tri Tôn và Bạch Qui trước khi tàu trở về đất liền.

Các đảo này về thành một hình bầu dục tương tự như một lòng chảo, trong ấy chiều sâu không quá 40m. Phần lớn các đảo đều thấp nên tàu đến gần mới thấy rõ được.

Đảo Quang Ảnh gần như một mô đất cao, đảo Quang Hòa chỉ thấy lơ thơ vài ngọn dừa và phi lao. Đảo Duy Mộng cao khỏi mặt biển không quá 4m, trên đó có rất nhiều con vút và chim biển.

Đảo chính thuộc nhóm này là đảo *Hoàng Sa*. Nơi đây

có sinh hoạt nhộn nhịp nhất so với các đảo khác, như các trại quân, sở khí tượng, nhà kho, Miếu Bà và một số ngôi mộ vô danh của các nhân viên hành chánh, quân sự trước đây. Đặc biệt là có *tám bia chủ quyền của Hoàng đế Việt Nam* thuở xưa.

Sau đây, chúng tôi miêu tả sơ lược vị trí và đặc điểm của từng đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa.

Quần đảo Hoàng Sa gồm trên 36 đảo lớn nhỏ nằm rải rác trong khu vực kinh tuyến và vĩ tuyến như đã nói trên. Trong số 36 đảo lớn nhỏ này được chia thành hai nhóm chính.

A. NHÓM BẮC

Các bản đồ hàng hải quốc tế gọi nhóm đảo này là *Amphitrite groupe* (đây là tên một chiếc tàu biển có tên là Amphitrite bị chạm đá ngầm đắm tại Hoàng Sa) ta gọi là nhóm *An Vĩnh*. Nhóm này nằm về phía Bắc đảo trung tâm, gồm các đảo chính:

– *Đảo Cây*, tiếng Hán gọi là đảo Cù Mộc, tiếng Pháp gọi là Île à l'Arbre, tiếng Anh gọi là Tree Island.

– *Đảo Trung*, tiếng Pháp gọi là Île du Milieu, tiếng Anh là Middle island.

– *Đảo Bắc*, tiếng Pháp gọi là Île du Nord, tiếng Anh gọi là North Island.

– *Đảo Nam*, tiếng Pháp gọi là Île du Sud, tiếng Anh là South Island.

– *Đảo Hòn Đá*, tiếng Hán gọi là Thạch đảo, tiếng Pháp gọi là Île Rocheuse.

– *Đảo Linh Côn*, tiếng Pháp gọi là Île Lincoln, tiếng Anh gọi là Lincoln Island. Đảo này nằm về phía cực Đông của Quần đảo, trên kinh tuyến 112,45 độ. Khu vực gần đảo này là một nhóm đảo san hô rải rác, nhấp nhô trên mặt nước xanh, chúng thường bị sóng biển vùi dập. Đảo có tên là *Lincoln* là do chiếc tàu Lincoln bị đắm tại đó.

– *Đảo Phú Lâm*, tiếng Pháp gọi là Île Boisée, tiếng Anh là Woody Island. Đây là một đảo lớn nhất thuộc nhóm này, diện tích của đảo rộng hơn 15km². Trên đảo có nhiều cây cối rậm rạp, ở đây có rất nhiều loài chim biển sống và tạo thành trên đất một lớp phân chim rất dày. Vào thời người Pháp chiếm đóng, có một số công ti Nhật Bản đến khai thác phân chim. Đảo này tuy lớn nhưng địa thế chiến lược không quan trọng bằng đảo Hoàng Sa, nên trước đây người Pháp không đặt căn cứ quân sự, cơ sở khí tượng tại đây⁽¹⁾.

Ngoài các đảo chính vừa kể, còn có các đảo san hô nhỏ thường bị nước biển vùi dập tùy theo từng cơn thủy triều.

B- NHÓM TÂY

Nhóm này nằm về phía Tây - Nam, cách nhóm Bắc vào khoảng 20 hải lí. Các bản đồ hàng hải quốc tế gọi là Croissant Groupe, ta gọi là *nhóm Nguyệt Thiềm* (nhóm lưỡi Liềm). Nhóm này gồm các đảo chính:

– *Đảo Hoàng Sa* tiếng Pháp gọi là Île Pattle, tiếng Anh là Pattle island.

(1) Đảo Phú Lâm, năm 1950 đã bị Bắc Kinh lấn chiếm. Sau đó, chính quyền Việt Nam lên tiếng phản đối nên các lực lượng Việt Nam Cộng hòa cùng cố các cơ sở trên các đảo lân cận, nhất là Hoàng Sa.

Nguyễn Q. Thắng

– Đảo Hữu Nhật, tiếng Pháp gọi là Île Robert, tiếng Anh là Robert Island.

– Đảo Duy Mộng, tiếng Pháp gọi là Île Drummond, tiếng Anh là Drummond Island.

– Đảo Quang Ảnh, tiếng Pháp gọi là Île Money, tiếng Anh là Money island.

– Đảo Quang Hòa, tiếng Pháp gọi là Île Duncan, tiếng Anh là Duncan island (gồm đảo Quang Hòa Đông và Quang Hòa Tây).

– Đảo Bạch Qui, tiếng Anh gọi là Passu Kead Island.

– Đảo Tri Tôn, tiếng Pháp gọi là Île Triton, tiếng Anh là Triton Island.

Trong nhóm này có đảo Hoàng Sa là quan trọng nhất về nhiều phương diện.

a) Đảo Hoàng Sa

Nằm trên tọa độ 11,36 độ kinh tuyến - 16,33 độ vĩ tuyến, đảo hình bầu dục, phía Bắc có hải đăng. Nơi đây, trước năm 1945 và gần đây (năm 1945-1974) có căn cứ quân sự, đài khí tượng thủy văn thuộc Sở Khí tượng tỉnh Quảng Nam. Nơi đây có một hệ thống thông tin liên lạc trực tiếp với đài khí tượng Sài Gòn và các nước Đông Nam Á.

Diện tích chung toàn đảo bao gồm cả san hô là 3,5km². Diện tích nhô lên khỏi mặt nước là 1,5km². Trên đảo có bia đá ghi chủ quyền Việt Nam như sau: *République Française Empire d'Annam - Archipel des Paracels (Cộng hòa Pháp - Đế quốc An Nam - Quần đảo Hoàng Sa)*, về hướng Đông Bắc, có vài ngôi mộ của các binh sĩ triều Nguyễn chết, chôn cất tại đây.

Phía Đông có một miếu thờ, gọi là Miếu Bà (Miếu Bà)⁽¹⁾. Theo các giới am tường, miếu mới được xây hồi chiến tranh thế giới lần thứ hai. Miếu như một cái hộp, dài 6m, rộng 4m, cao 3m, mặt miếu trông ra hướng Đông, lưng tựa vào hướng đất liền. Trong miếu có một tượng Bà đứng trên một tảng đá chạm trổ khéo léo, tượng Bà cao khoảng 1,5m, tương tự như các tượng Phật vùng Non Nước (thành phố Đà Nẵng), hoặc giống như tượng Bà ở Phú Quốc (thuộc tỉnh Kiên Giang). Mặt tượng Bà phúc hậu, đôi mắt hiền từ. “Bà” mặc một chiếc áo dài the đen quá đầu gối như tượng một phụ nữ Việt Nam. Trước tượng Bà có tượng Phật Thích Ca và một số binh khí cổ truyền, bên trái chỉ còn một thanh đao treo bên cạnh Bà.

Miếu Bà là nguồn an ủi tinh thần, là niềm tin cho những người sống cô đơn lâu ngày trên hải đảo xa xôi. Ngày trước, đây là nơi các ngư dân Trung Hoa, Đài Loan, Nhật, Tân Gia Ba... đi đánh cá, vào cúng vái hoặc cầu khẩn các điều an lành trên các chuyến hải hành.

Tại trung tâm đảo có đài khí tượng. Đài này chính thức hoạt động từ năm 1938, có nhiệm vụ quan sát thời tiết, phổ biến tin tức thủy văn, khí tượng cho các cơ sở khí tượng khắp các nước Đông Nam Á qua hệ thống viễn thông Sài Gòn với số 48860 (Số 48 là ám số các nước Đông Nam Á và 860 là ám số Hoàng Sa). Đài này được biết dưới danh xưng “*Station d’Observation 860*”⁽²⁾. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai,

(1) Có thể Miếu Bà sau này xây trên nền cũ của Hoàng Sa thần từ cát vào năm Minh Mạng thứ 16 (năm 1835) (Xem *Đại Nam Thực lục chính biên đệ nhị kỷ* - quyển 154).

(2) Theo ông Trần Văn Mạnh, nguyên Trưởng ti Khí tượng Tuy Hòa hồi năm 1975, (trước đó ông Mạnh làm việc tại Đài Khí tượng Hoàng Sa), Sơn Hồng Đức dẫn trong *Tập san Sử Địa*, 1975, Sài Gòn.

thực dân Pháp rồi phát xít Nhật xây dựng một số căn cứ phòng thủ và liên lạc thám báo ở đây. Đến năm 1945, các căn cứ này bị phi cơ Đồng minh oanh tạc. Cùng với trong đất liền, ngày 9-3-1945, Nhật cũng đảo chính Pháp tại đây, lính Nhật tước khí giới toàn lính lê dương. Lúc ấy, các nhân viên Việt Nam ở đài Khí tượng Hoàng Sa tháo trần nhà lấy gỗ làm bè thả trôi về đến được Qui Nhơn (nay thuộc tỉnh Bình Định).

Đảo Phú Lâm tuy diện tích lớn hơn đảo Hoàng Sa, nhưng về vị trí chiến lược và địa thế không quan trọng bằng đảo Hoàng Sa, nên người Pháp đặt các cơ sở chính đều tại Hoàng Sa.

b) Đảo Hữu Nhật

Các bản đồ hàng hải quốc tế gọi là *Robert*. Sách sử địa cũ của ta gọi là Hữu Nhật vì hồi năm 1836, vua Minh Mạng đã phái viên *Thủy quân đội trưởng xuất Phạm Hữu Nhật* ra đảo Hoàng Sa để đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa. Theo nhân dân địa phương Quảng Ngãi, ở đây có họ Phạm Hữu (Nhật), trước từng làm quan triều Nguyễn. Do đó, tên ông được nhân dân đương thời đặt cho đảo này (Tham khảo *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ*, quyển 165). Đảo nằm theo hướng Nam, cách đảo Hoàng Sa khoảng 3 hải lý, đảo hình tròn, đường kính khoảng 800m, nằm trên tọa độ 111,35 độ kinh tuyến... 16,33 độ vĩ tuyến. Diện tích đảo khoảng 1,5km², chung quanh đảo có cây cối rậm rạp, chính giữa là một lòng chảo không sâu lắm. Lớp thảo mộc ở dưới chính là cỏ tranh, trên đảo ít cây cối, nhưng biển quanh đảo có rất nhiều rong rêu, phủ kín cả mặt biển.

Ở đây không có người thường trú, nên con vịt lên bờ nằm và đẻ trứng la liệt từ tháng 3 tháng 8 âm lịch hàng năm.

Trước năm 1960, đảo này không có các lực lượng quân sự và dân sự đồn trú. Thỉnh thoảng có vài đoàn chuyên gia về hầm mỏ và phân bón Việt Nam, Nhật Bản đến thăm dò, nghiên cứu tài nguyên thiên nhiên. Năm 1963, tại đảo có các lực lượng quân sự Việt Nam Cộng hòa (Nam Việt Nam) thiết lập một bia chủ quyền ghi ngày 5-12-1963 và một số miếu nhỏ ghi ngày 24-11-1963.

c) Đảo Duy Mộng

Bản đồ hàng hải quốc tế gọi là *Drummond*. Đảo nằm trên tọa độ 111,44 độ kinh tuyến; 16,28 độ vĩ tuyến, đảo cũng do san hô tạo thành. Đảo nhô lên khỏi mặt nước khoảng 4m. Trên đảo có nhiều loại cây nhỏ. Giữa đảo là một vùng đất trống, cư dân có thể sinh sống được. Đảo có một lạch nước nhỏ nên ghe có thể vào sát bờ. Tàu lớn thì bỏ neo cách bờ đảo khoảng 200m.

d) Đảo Quang Ảnh

Bản đồ hàng hải quốc tế gọi *Money*. Sách sử địa cũ của ta gọi là đảo *Quang Ảnh* là do tên Phạm Quang Ảnh, đội trưởng Hoàng Sa đội theo lệnh vua Gia Long ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển và thu hồi các hải vật tại đó, vào năm 1815. Do đó, nhân dân ta đương thời lấy tên ông làm tên đảo (tham khảo *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ*). Đảo nằm trên tọa độ 111,30 độ kinh tuyến, 16, 27 độ vĩ tuyến; đảo cũng do san hô cấu thành, cao khỏi mặt nước khoảng 6m. Chung quanh đảo có nhiều đá ngầm nhọn, sắc, rất nguy hiểm cho tàu cập bến, do vậy tàu lớn không thể cập vào đảo này. Đây là một đảo cao nhất trong *nhóm Lưỡi Liềm* (Croissant groupe). Vì địa thế hiểm trở và trên đảo không có giếng nước ngọt nên rất ít người lui tới.

d) Đảo Quang Hòa

Bản đồ hàng hải quốc tế gọi là *Duncan*. Đảo nằm trên tọa độ 11,42 độ kinh tuyến, 16, 26 độ vĩ tuyến, đảo cũng do san hô cấu thành. Trên đảo có nhiều bụi rậm, chung quanh có bãi cát vàng, san hô lấn ra rất xa đảo. Vì vậy, các tàu lớn phải thả neo ngoài khơi, rồi theo xuồng nhỏ mới vào bờ được. Đảo Quang Hòa gồm một đảo lớn này và một số đảo nhỏ khác nối liền nhau bằng một bãi cát dài. Vì vậy, trong một số bản đồ địa chất có nơi ghi là *Quang Hòa Đông* và *Quang Hòa Tây*.

e) Đảo Bạch Qui

Bản đồ hàng hải quốc tế gọi là *Passu keah*, đảo nằm giữa tọa độ 11,50 độ kinh tuyến, 16,10 độ vĩ tuyến. Đây là một bãi đá ngầm được cấu tạo bởi một dải san hô, tàu thuyền không thể cập vào bờ. Đảo thật sự chỉ nổi lên khỏi mặt nước khi thủy triều xuống.

g) Đảo Tri Tôn

Bản đồ hàng hải quốc tế gọi là *Triton*. Đây là một đảo nằm đơn độc về phía cực Nam của Quần đảo, giữa tọa độ 11,50 độ kinh tuyến, 15,45 độ vĩ tuyến. Đảo này rất ít người đến, nhưng lại có rất nhiều hải sản như hải sâm, ba ba, san hô... San hô ở đây đủ màu, san hô già thì cứng, chân người dẫm lên dễ bị cắt rách da thịt, còn san hô non thì mềm mại.

Ngoài các đảo vừa kể, khu vực này còn có rất nhiều mỏm san hô nhô lên trên mặt nước. Nhiều mỏm khi thủy triều xuống chỉ có một diện tích đủ cho vài người đứng chân mà thôi! Theo một vài nhà nghiên cứu thực địa chứng kiến tại chỗ, cả hệ thống Quần đảo này có trên mấy chục đảo

lớn nhỏ⁽¹⁾ quần tụ nhau trong một khu vực rộng lớn như vừa miêu tả trên.

Gần đây, trên bản đồ hành chánh Việt Nam in năm 1982, do Công ti Thiết bị Trường học, Bộ Giáo dục (Hà Nội) phát hành, ngoài các đảo vừa kể trên, còn có các đảo như: đảo *Chim Yến*, bãi *Xa Cừ*, cồn *Bông Bay*, cồn *Đá Lồi*. Các đảo, bãi và cồn này đều quần tụ chung quanh khu vực phía Tây này.

C. NHÓM CỤC NAM (*Quần đảo Trường Sa*)

Quần đảo Trường Sa nằm về phía cực Nam của Quần đảo Hoàng Sa. Quần đảo nằm trên đường hàng hải Sài Gòn - Hồng Kông - Trung Hoa - Nhật Bản và các nước Đông Nam châu Á. Quần Đảo Trường Sa cách Vũng Tàu 340 hải lí, cách Cam Ranh khoảng 250 hải lí.

Quần đảo Trường Sa có khoảng trên 100 đảo, đá, bãi cạn, nằm rải rác trong một khu vực khoảng từ 6,50 độ đến 12 độ Bắc vĩ tuyến và từ 111,30 độ đến 117,20 độ kinh Đông. Diện tích khu vực này rộng khoảng 160.000 đến 180.000km² (gấp 10 lần diện tích khu vực Quần đảo Hoàng Sa), chiều dài từ Tây sang Đông khoảng 800km, từ Bắc xuống Nam khoảng 600km. Tổng số diện tích các đảo, đá nổi, khoảng hơn 10km². Quần đảo Trường Sa ở về phía cực Đông Nam Quần đảo Hoàng Sa. Trong hơn 100 đảo lớn nhỏ trên, thật sự chỉ có một số đảo quan trọng (kể từ Bắc xuống Nam):

a) Đảo Song Tử Đông, tiếng Pháp gọi là Banc d'Île

(1) Tham khảo bài của Sơn Hồng Đức đăng trên *Tạp san Sử Địa*, 1975, Sài Gòn.

Nord-Est, tiếng Anh gọi là North-East Island Bank. Đảo nằm trên tọa độ 11,29 độ vĩ tuyến - 114,21 độ kinh tuyến.

Đảo cấu thành bởi san hô, trên đảo có một số cây và rất nhiều phân chim.

b) Đảo Song Tử Tây, tiếng Pháp gọi là Banc d'Île Sud-Ouest, tiếng Anh gọi là South-West Island Bank, đảo nằm trên tọa độ 11,25 độ vĩ tuyến Bắc - 113,60 độ kinh tuyến. Đảo hình lưỡi liềm và cũng được cấu thành bởi các tính chất chung của Quần đảo Trường Sa. Gần đảo có nhiều mỏm đá ngầm, nhiều rong biển. Trên đảo tương tự như đảo Song Tử Đông.

c) Đảo Thị Tứ, tiếng Pháp gọi là Île Thitu, tiếng Anh gọi là Thitu Island, đảo nằm trên tọa độ 11,70 độ vĩ tuyến - 114,16 độ kinh tuyến. Đảo hình bầu dục chung quanh có rất nhiều rong biển và các bãi đá ngầm. Trên đảo có một số cây như mù u, bàng...

d) Đảo Loại Ta, tiếng Pháp gọi là Île Loaita, tiếng Anh gọi là Loaita Island. Đảo nằm trên tọa độ 10,42 độ vĩ tuyến Bắc - 114,25 độ kinh Đông. Đảo được cấu tạo bởi san hô và cát, trên đảo có nhiều phân chim và thực vật tương tự như các đảo lân cận.

đ) Đảo Ba Bình, (trước đây Đài Loan gọi là Thái Bình), tiếng Pháp gọi là Île Itu-Aba, tiếng Anh gọi là Itu-Aba Island. Đảo nằm trên tọa độ 10,22 độ vĩ tuyến Bắc - 114,21 độ kinh tuyến Đông. Đây là đảo lớn nhất của Quần đảo Trường Sa với diện tích khoảng 0,65km².

Về mặt cấu tạo địa chất, thảo mộc, sinh vật, đảo cũng tương tự như các đảo lân cận.

e) Đảo Nam Yết, tiếng Pháp gọi là Ile Namyt, tiếng Anh gọi là Namyt Island. Đảo nằm trên tọa độ 10,10 độ vĩ tuyến Bắc - 114,25 độ kinh tuyến Đông. Đảo có chiều dài khoảng 700m, ngang 250m, đây là một đảo tương đối cao, nơi cao nhất khoảng 2,7m, chung quanh là một vòng đai san hô, có nhiều bãi đá ngầm. Trên đảo có một số dừa, bàng, mù u, nhàu và cây cỏ nhiệt đới.

g) Đảo Sinh Tồn, tiếng Pháp gọi là Ile Sincome, tiếng Anh gọi là Sincome Island. Đảo nằm trên tọa độ 9,60 độ vĩ tuyến Bắc - 114,50 độ kinh tuyến Đông. Về mặt cấu tạo địa chất, sinh vật tương tự như các đảo thuộc Quần đảo.

h) Đảo Trường Sa, tiếng Anh gọi là Spatley Island hay Spratly. Đảo nằm trên tọa độ 8,40 độ vĩ tuyến Bắc - 111,50 độ kinh Đông.

Đây là đảo nằm về phía cực Đông của Quần đảo Trường Sa.

Ngoài các đảo chính, còn có một số đảo nhỏ hơn nằm rải rác quanh các tọa độ vừa kể như: Đảo Bến Lạc, Bình Nguyên, Vĩnh Viễn, Sơn Ca...

Bên cạnh các đảo lớn nhỏ nói trên, Quần đảo Trường Sa còn bao gồm cả một hệ thống đảo, đá ngầm, cồn... hơn 120 đơn vị gồm các bãi đáng chú ý sau đây: *Dinh Ba, Cỏ Rong, Sa Bìn, Suối Ngà, Chữ Thập, Châu Viên, Trăng Khuyết, Thuyền Chài, Thám Hiểm, Kỳ Vân, Kiệu Ngựa...* Các đá *Men Di, đến Cây Cỏ, đá Hóp, đá Lớn, đá Nhỏ, đá Ba Đầu, đá Vành Khăn, đá Chữ Thập, đá Núi Môn, đá Suối Ngọc, đá Lát, cồn Tây, cồn Giữa, cồn Đông, đá Tiên Nữ, đá Núi Lè, đá Công Đo, đá Hoa Lau, đá Lốt, đá Góc Ma...* (Theo Bản

đồ hành chánh Việt Nam - Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước, Hà Nội, 1986).

4) Tài nguyên thiên nhiên

Như đã mô tả về hình thể, các đảo của Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, nằm theo từng vị trí riêng. Do địa chất của các đảo khác nhau, nên địa chất, tài nguyên được cấu tạo cũng khác nhau.

Theo tài liệu Bộ Kinh tế của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa - Nam Việt Nam - và các chuyên gia địa chất, kinh tế của Chính phủ Nhật Bản trước năm 1974 thì trên khắp các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa có một số tài nguyên thiên nhiên đáng kể. Quan trọng nhất là số lượng phốt-phát. Với số phốt-phát này có thể chế biến thành một lượng phân bón có thể đáp ứng nhu cầu trồng trọt cho các tỉnh phía Nam trong vài thập kỉ. Lượng phốt-phát này được các chuyên gia hầm mỏ Nhật Bản khảo sát và phê nhận ở mỗi đảo như sau:

– *Đảo Hoàng Sa.* Tại đảo này, trước năm 1964, đã được Công ti Phân bón Việt Nam (Nam Việt Nam) khai thác một thời gian gần 10 năm. Công ti này khai thác và sản xuất vào khoảng 100.000 tấn, và hiện trên đảo (1974) còn một khối phân phốt-phát chưa đặc chế vào khoảng 4.000 tấn, đã được khai thác. Theo công cuộc khảo sát của các chuyên gia địa chất, lượng phốt-phát dự trữ tại đảo Hoàng Sa và khoảng 370.000m³.

– *Đảo Hữu Nhật.* Trên đảo này, lượng phốt-phát đã được khai thác từ trước năm 1924 do các công ti của Nhật đầu tư. Theo các chuyên gia thì người Nhật đã chở về Nhật trên 50.000

tấn. Hiện nay lượng phốt-phát vẫn còn trong lớp đá san hô khoảng 550.000m³.

– *Đảo Duy Mộng*. Phần lớn đảo này được bao phủ bởi cây Phosphorite và cũng được cấu tạo như các đảo khác. Phốt-phát được tìm thấy trong cát, trong đất, trong lớp đá san hô ước chừng 750.000m³.

– *Đảo Quang Ảnh*. Lượng phốt-phát cũng nằm trong đất, cát, san hô ước tính vào khoảng 920.000m³.

– *Đảo Quang Hòa*. Tương tự như các đảo trên, lượng phốt-phát cũng nằm trong các lớp đất, cát, san hô. Lượng phốt-phát ở đây ước tính vào khoảng 980.000m³.

Riêng tại hai đảo Hoàng Sa, Cam Tuyền, lượng phốt-phát trên đã được khai thác từ năm 1964 trở về trước.

Tổng cộng lượng phốt-phát trên 5 đảo thuộc nhóm An Vĩnh là 3.600.000m³.

Nếu trong tổng số phốt-phát khai thác được trên dưới 50% (năm mươi phần trăm) thì sẽ được hơn 1.800.000m³. Số lượng này tương đương với một trọng lượng 2.700.000 tấn phốt-phát⁽¹⁾. Con số này các chuyên gia địa chất chỉ ước tính trong 6 đảo thuộc nhóm An Vĩnh, chứ chưa kể nhóm Lưỡi Liềm, vì lúc ấy (năm 1974) họ chưa khảo sát thực địa tại nhóm này⁽²⁾.

Như trên đã nói, tại đảo Hoàng Sa từ năm 1924-1945 các

(1) Theo Trần Hữu Châu, kĩ sư hóa học và các kĩ sư hầm mỏ, chuyên gia Nhật Bản làm việc tại Bộ Kế hoạch và Phát triển Sài Gòn, 1974.

(2) Theo Nha Khoáng chất (Bộ Kinh tế) Sài Gòn thì lượng phốt-phát tại nhóm Tuyền Đức có trên 4.600.000 tấn, Quang Ảnh 1.200.000 tấn, Duy Mộng 1 triệu tấn.

công ti Nhật Bản đã được phép của Chính quyền Pháp tại Đông Dương để khai thác. Đến các năm 1955-1964, các hãng phân bón khác đến Hoàng Sa khai thác gồm có:

– *Công ti Hữu Phước* (Hyew Huat) có trụ sở đặt tại Singapore do Lê Văn Cang làm quản đốc, được Chính quyền Nam Việt Nam cho phép hoạt động. Công ti này khai thác, sản xuất phân bón phải bán cho các nhà nông tại Nam Việt Nam. Số lượng phân phốt-phát do công ti này sản xuất từ năm 1957-1959 là 8.000 tấn.

– *Công ti phân bón Việt Nam*, Công ti này do Bùi Kiến Thành làm quản đốc, trụ sở đặt tại Sài Gòn, Công ti khai thác sản xuất đến năm 1962 được 12.000 tấn.

– *Công ti kĩ nghệ phân bón Đại Nam* (KYPHA-ĐACO) do Đào Nhật Tiến thành lập và khai thác từ năm 1972. Theo các chuyên gia của Công ti kĩ nghệ phân bón Đại Nam cho biết thành phần phốt-phát phân sản xuất từ lớp san hô lấy ở các đảo trong Quần đảo Hoàng Sa có chất lượng rất tốt. Phân được bón thử tại các thí điểm ở Nam Việt Nam trước đây có kết quả rất khả quan.

Theo báo cáo của Phòng thí nghiệm Viện Khảo cứu Bộ Nông nghiệp Sài Gòn cho biết kết quả phân tích mẫu phân phốt-phát sản xuất tại Hoàng Sa như sau:

Nitơ - Ni: 0%

Phốt-phát - P_2O_5 : 20,51%

Oxít Kali - K_2O 15,25%

Theo các chuyên gia phân bón, thành phần phốt-phát (P_2O_5) chỉ cần chứa 16% trong trọng lượng phân thì phân sẽ có hiệu quả và chất lượng rồi. Nhưng trong mẫu phân phân

tích trên thì thành phần phốt-phát chứa đến 20,51% và có chứa thêm một lượng pô-tát nên phân sản xuất tại Hoàng Sa rất tốt. Đã vậy, giá thành của phân Hoàng Sa chỉ bằng ¼ phân từ các nước ngoài vào thời gian trên.

Bên cạnh phân phốt-phát sản xuất từ đất, từ san hô Hoàng Sa còn có các tài nguyên khác như:

- Cát trắng, vỏ sò, ốc... các loại này có thể xay thành bột rồi nung lên (hoặc ngược lại) có thể trị phèn rất hữu hiệu cho các vùng đất phèn tại Nam Bộ, hoặc trộn theo một tỉ lệ nhất định làm thực phẩm gia súc.

- Hải sản: rau câu, tổ yến (yến sào) dùng làm thực phẩm quý có thể làm hàng xuất khẩu vào loại cao cấp.

- Trung tâm du lịch cho khách du lịch trong nước và nước ngoài.

Trên đây là nguồn lợi đã có từ lâu và đã được khai thác gần nửa thế kỷ nay, nhưng nguồn tài nguyên thiên nhiên này chỉ có một tầm mức giới hạn trong lĩnh vực kinh tế Việt Nam mà thôi.

Tài nguyên có lẽ quan trọng nhất là gần đây (năm 1972-1995), các công ti dầu khí của các nước phương Tây đã nhiều lần thăm dò và phát hiện chung quanh hai Quần đảo Hoàng Sa và nhất là Trường Sa của Việt Nam có một trữ lượng dầu khí khá lớn về mặt kinh tế. Theo các công ti đó, trữ lượng dầu khí dọc theo vùng biển Việt Nam là một tiềm năng kinh tế lớn lao cho các quốc gia chủ các vùng biển vừa kể.

Theo các chuyên gia dầu khí quốc tế thì tại khu vực Hoàng Sa, bồn trầm tích (có dầu) sâu hơn 2.000m. Riêng khu vực Trường Sa, bồn trầm tích sâu hơn 7.000m bao gồm một

diện tích thêm lục địa Việt Nam đến Quần đảo Trường Sa⁽¹⁾ (xem bản đồ).

Đây là một tài nguyên thiên nhiên lớn của nước ta trong viễn tượng kinh tế lâu dài⁽²⁾.

5) Khí hậu và thảo mộc

Quần đảo Hoàng Sa gồm một số hải đảo nằm về phía Đông thành phố Đà Nẵng. Trước năm 1930, các nhà địa lý Việt Nam và quốc tế chưa xác định rõ được khí hậu khu vực này. Bắt đầu từ năm 1938, người Pháp thiết lập tại đảo Hoàng Sa một đài khí tượng vô tuyến điện báo hoạt động thường trực và quan sát khí tượng thủy văn tại khu vực chung quanh.

Đài này cung cấp tin tức về tình hình gió, bão, thủy văn cho Việt Nam và các nước thuộc vùng Đông Nam châu Á. Từ Hoàng Sa đài báo về Sài Gòn, rồi từ Sài Gòn qua hệ thống viễn thông đến các nước vừa kể. Các nước này biết được tình hình khí tượng khu vực này qua ám số 48860. *48 tức là vùng Đông Nam châu Á và 860 là Sở Khí tượng Hoàng Sa.* Đài này được các nước biết đến với cái tên *Station d'Observation 860*. Nhờ vậy mà Việt Nam và các nước Đông Nam châu Á biết rõ tình hình khí tượng, gió bão, khí hậu trên đường biển và toàn thể khu vực Đông Nam Á.

(1) Theo dữ liệu của các công ti thăm dò dầu khí quốc tế trong các năm (năm 1994-1996).

(2) Theo Giáo sư Monique Chemillier - Gendreau trong sách *La Souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, Nhà xuất bản L'Harmattan, 1996, Paris, trữ lượng dầu ở Trường Sa là 105 tỉ thùng, khí đốt khoảng 25 tỉ m³.

- Khí hậu

Hoàng Sa nằm trên khu vực đại dương nên mùa đông không lạnh lắm như ở Đà Nẵng, mùa hè, Hoàng Sa cũng không nóng như khu vực từ đèo Hải Vân đến Quảng Ngãi.

Chẳng hạn tháng Giêng ở Đà Nẵng trung bình là 31 độ thì ở Hoàng Sa lại là nơi hưởng nhiều gió nồm đại dương nhất, nên chỉ đến 26-27 độ.

Ngoài ra, các tháng 3, 4, 5, 8, 9, 10 thì khí hậu càng dễ chịu hơn so với trong đất liền Quảng Nam, Đà Nẵng; tuy các tháng 8, 9, 10 thường có bão thổi qua, hoặc tập trung nơi đó. Đây có thể là nơi khí hậu tương đối mát hơn so với Đà Nẵng và các vùng khác của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Về độ mưa, tổng số trong năm vào khoảng 1.170mm. Đây là con số trung bình vũ lượng của những năm quan trắc 1939-1943; 1948-1962. Mưa ở Hoàng Sa ít hơn so với thành phố Huế. Mùa moi rơi đều từ tháng 6 đến tháng 2 âm lịch. Trung bình trong 1 năm có 112 ngày mưa. Độ ẩm cao nhất vào những tháng 6, 7, 8, 9, 10, 11.

Sau đây, chúng tôi trích bản *tình hình khí hậu vùng Hoàng Sa* của Nha Khí tượng Sài Gòn năm 1964.

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TB N	23,5	24	26,2	27,7	29,2	29,1	28,9	28,7	28,1	27,1	25,8	24
TB ẨĐ	82,1	83,7	38,8	83,5	83,9	84,8	84,2	83,7	84,4	83,3	83,7	81
TB VL	21	17	21	60	73	128	96	141	197	228	143	47
SNM	8	5	3	5	8	8	7	9	15	17	14	13

Trong bảng trên, các chữ viết tắt có nghĩa là:

TBN: trung bình nhiệt

TB ÂĐ: trung bình ẩm độ

TBVL: trung bình vũ lượng

SNM: số ngày mưa⁽¹⁾.

Về bão, hàng năm vào mùa thu, đài phát thanh thường báo động bão tập trung chung quanh Hoàng Sa, Trường Sa hoặc biển Philippines.

Bão hoạt động ngay giữa khu vực từ Nam đảo Hải Nam kéo dài xuống đảo Lữ Tống, Bornéo, Singapore. Thường thường bão tập trung từ đảo Lữ Tống thổi dọc từ Nam lên Bắc qua Trường Sa. Tại Trường Sa, bão có khi thổi thẳng lên đảo Hải Nam rồi đổ bộ vào lục địa Trung Quốc. Hoặc từ Trường Sa di chuyển đến Hoàng Sa, đổ vào đất liền Việt Nam, nên các tỉnh dọc miền Trung đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của những cơn bão này.

Tác dụng của các cơn bão này trên biển Đông gây nên những làn sóng dài di chuyển nhanh và xuất hiện trước trung tâm bão. Nhờ những hiện tượng này, trước đây ngư dân duyên hải các tỉnh trung Trung Kỳ biết được bão sẽ ập đến lúc nào. Do đó, họ có thể tránh được các trận “hải trào bạo phong” này.

Trung tâm các cơn bão này thường xuất hiện ở biển Philipin và nhất là ở Quần đảo Trường Sa, nơi phát sinh bão. Vì vậy, các nhà hàng hải quốc tế đặt tên Trường Sa là *Quần đảo Bão tố* (La Tempête).

(1) Sơn Hồng Đức, *Bđđ*.

Mùa bão hoạt động mạnh ở Hoàng Sa, Trường Sa thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 9. Cường độ các cơn bão này rất mạnh. Còn bão nhiệt đới (bão mùa khô) kéo dài từ tháng Giêng đến tháng 6, tương tự như trong đất liền, từ khu vực Khánh Hòa - Phú Yên đến Bình Trị Thiên.

– **Thảo mộc**

Thảo mộc chính ở Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa tương tự như ở các tỉnh ven biển miền Trung. Loại cây thường thấy nhiều nhất trên các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là cây dừa và phi lao (duong). Hai loại cây này ở đất liền được nhân dân địa phương đem ra trồng từ mấy thế kỉ trước khi Quần đảo này được người Việt Nam chiếm cứ, khai thác, từ thế kỉ XV đến XVI.

Dừa được trồng thành hàng dài rất hợp với môi trường lộng gió và nước mặn nên phát triển rất mạnh. Còn cây dương được trồng sâu hơn trong đảo cũng nảy nở, thân cây cao lớn. Lá dừa, lá dương có gió biển thổi vào tạo nên âm thanh rì rào dễ chịu.

Bên cạnh các loại cây thường thấy trong đất liền vừa nói, ở đây còn có một số cây khác như:

– **Bàng bẻ**, tên Latin là *Terminalia Catappa*. Cây cao trung bình từ 5-7m, thân cây u nần, lá to. Trái có nhân cứng, chín màu vàng, hột có dầu, thịt và hột có thể ăn được vì có chất béo.

– **Mù u**, tên Latin là *Calophyllum Inophyllum*. Thân mù u u nần, sù sì, vỏ có thể nứt ra từng mảnh nhỏ, lá xanh dày. Hoa trắng, nhụy vàng, có 4 cánh, ong bướm rất thích hương vị nhụy mù u. Mù u lớn tuổi có quả, trái tròn, khi chín chim ăn thịt, còn hột rơi xuống đất, người ta lượm đem về đập vỏ,

lấy hạt chẻ ra phơi khô, ép lấy dầu để đốt đèn. Dầu mù u có thể biến chế chữa bệnh ghê (ghê ngứa, ghê phỏng) rất công hiệu. Gỗ mù u thuộc loại danh mộc.

Hoa mù u thoát nhìn tương tự hoa mai, nên trước đây nhà thơ và cũng là đại thần Phan Thanh Giản quê tại Gành Mù U (Ba Tri - Bến Tre) đã đặt hiệu của mình là *Mai Khê*.

Ngoài các cây thường thấy, trên Quần đảo còn có các loại cây khác:

- *Cây nhào* và *cây sim* (*Quercus Myrsinifolia* Blum).
- *Bìm bìm* (*Convolvulaceae*).
- *Hòa bản* (*Spiniflex Litterens*).
- *Cỏ còng còng* (*Zoysia matrella*).
- *Cỏ xạ tử* (*Sporobolus Virginicus*).
- *Nam sâm* (*Boerheavia Repeus*).

và một số cây khác chưa được định danh.

Đây là những công trình nghiên cứu về địa chất, thảo mộc của các nhà khoa học làm việc, giảng dạy tại các Đại học ở Sài Gòn trước năm 1975.

Theo các nhà nghiên cứu, các loại thảo mộc hiện có trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đều có gốc từ đất liền. Ở các đảo này có rất nhiều loại cây nguyên gốc thuộc các tỉnh ven biển Việt Nam như cây dừa, dương (phi lao), mù u, cây kiếng và một số cây thực phẩm (như bí, đậu...).

- Về động vật

Động vật sinh sống nhiều trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là chim biển (hải âu) với số lượng hàng trăm ngàn con. Vì đảo ít người sinh sống nên chim khi gặp người chúng

vẫn đậu chung quanh không hề lẫn trốn. Chim đẻ trứng ngay trên đất chớ không cần làm tổ.

Các loại chim được nghiên cứu tại Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa chia thành ba họ: Laridés, Stéganopodés và Zosterops. Theo Jean De Lacour và Jabouille, trong ba loại chim trên chỉ có loại Zosterops là đáng chú ý nhất, vì loại này có số lượng rất nhiều so với hai loại trên. Loại này người Việt Nam gọi là *Chim sâu nghệ*⁽¹⁾. Chính các loại chim này đã thải ra một lượng phân chim dày đặc, đáng kể, phủ kín cả một vùng đất trên các đảo. Tại các đảo này, trước đây các công ti phân bón Nhật Bản đã khai thác được một số lớn phân chim.

Bên cạnh các loài chim trên, còn có con vịt. Vịt ban đêm bò lên đụn cát đẻ trứng. Trứng vịt có thể cung cấp một lượng thực phẩm tươi cho cư dân trên hải đảo và các vùng lân cận.

Theo các nhà địa chất, lớp phân chim cùng với vỏ sò, ốc, cát của Hoàng Sa, Trường Sa có thể chế biến thành một lượng phân bón rất cần thiết cho việc trồng trọt của nhà nông Việt Nam.

Gần đây (năm 1957), công trình nghiên cứu của Giáo sư Henri Fontaine⁽²⁾ và Lê Văn Hội đã khẳng định:

-
- (1) Xem Jean De Lacour et Jabouille, *Oiseau des Le Paracels* 1930, Sài Gòn. Tham khảo Edmond Saurin về các bài nghiên cứu hải sinh vật trên Quần đảo Hoàng Sa, in trong *Khảo cứu niên san Đại học đường Sài Gòn*, 1960-1962.
- (2) *Henri Fontaine* là linh mục, giáo sư, tiến sĩ khoa học, quốc tịch Pháp. Giáo sư giảng dạy ban tiến sĩ chuyên khoa tại Đại học Văn khoa Sài Gòn từ năm 1953-1975. Ông là tác giả nhiều (74) công trình nghiên cứu khoa học về địa chất, thổ nhưỡng, thảo mộc... Việt Nam. Năm 1957, ông cùng Lê Văn Hội hoàn tất một công trình nghiên cứu khoa

“Không có loại thảo mộc nào là tại chỗ cả, tất cả từ vùng đất liền du nhập đến bằng nhiều cách”. Và “Mọi thảo mộc hiện có ở Hoàng Sa đều tìm thấy ở Việt Nam, nhất là miền Trung Việt Nam”⁽³⁾.

Kết quả công trình nghiên cứu khoa học tự nhiên trên đã trùng hợp với các sự kiện từ thế kỉ XVII, các Chúa Nguyễn và sau này vua Gia Long, Minh Mạng đã từng ra lệnh cho các binh sĩ, viên chức đem cây giống, hạt giống ra trồng trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nhằm giúp các tàu biển có thể nhận ra đảo để tránh tai nạn tại Quần đảo này (xem phần sử liệu).

Từ các căn cứ vừa nêu, các nhà khoa học tự nhiên đều nhất trí cho rằng Hoàng Sa, Trường Sa là một môi trường thiên nhiên cho thảo mộc, động vật... có mặt tại Việt Nam - nhất là các tỉnh miền Trung - có thể sinh sôi nảy nở ở Hoàng Sa, Trường Sa nhiều thế kỉ nay.

Đây là một trong những minh chứng hùng hồn nhất về chủ quyền của Việt Nam và các hải đảo lân cận.

học giá trị nhan đề: *Góp thêm vào sự tìm hiểu tộc đoàn thảo mộc trên Quần đảo Hoàng Sa* (Contribution à la Connaissance de la flore des Iles Paracels) in trong *Khảo cứu niên san Khoa học Đại học đường Sài Gòn*, 1957. Sau năm 1975, ông về Pháp.

(3) Xem: *Góp thêm vào sự tìm hiểu tộc đoàn thảo mộc Quần đảo Hoàng Sa* (Sdd).

CHƯƠNG II

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA QUA CÁC BẢN ĐỒ CỔ VIỆT NAM

Các sách địa lí cổ Việt Nam, cũng như bản đồ và “lộ đồ” từ triều Lê đến triều Nguyễn đều có vẽ bản đồ địa lí Việt Nam, tuy không nhiều, nhưng cũng miêu tả khá chính xác về hình thể địa giới, sông ngòi, hải đảo, biển cả... nước ta.

Các bản đồ ấy vẽ về đất nước Việt Nam, tuy sơ sài, nhưng cũng ghi lại khá cụ thể về cương giới, hình thể từ rừng núi, sông ngòi, biển cả, đường đất và hải đảo...

Sau đây, chúng tôi lần lượt giới thiệu các bản đồ cổ nước ta, để xác lập chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo lân cận trên vùng biển Việt Nam.

1) Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư

Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư là một bộ sách gồm bốn quyển viết về hình thể, sông núi, đường lộ, hải đảo... nước ta, do nho sinh Đỗ Bá⁽¹⁾ biên soạn.

(1) Nho sinh họ Đỗ Bá... (khuyết tên) tự là Đạo Phú, quê làng Bích Triều, huyện Thanh Giang tỉnh Nghệ An. Theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, huyện Thanh Giang có từ đời Lê, sau đổi thành huyện Thanh Xuyên. Vào đời nhà Nguyễn, nó được đổi thành huyện Thanh Chương như hiện nay.

Nội dung sách và “lộ đồ” tóm lược như sau:

Quyển I: gồm một số bản đồ vẽ sông núi, đường sá, hải đảo từ Thăng Long (bây giờ là Hà Nội) đến nước Chiêm Thành cũ (từ khu vực Phú Yên, Khánh Hòa ngày nay).

Quyển II: gồm một số bản đồ vẽ sông núi, đường sá từ Thăng Long đến hai châu: Khâm, Niệm thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

Quyển III: gồm những bản đồ vẽ sông núi và lộ trình đi từ phủ Phụng Thiên đến Quảng Tây, Vân Nam (Trung Quốc).

Quyển IV: gồm một số bản đồ vẽ sông núi, đường đất đi từ Thăng Long đến Bắc Giang (Lạng Sơn).

Trong bốn quyển trên, quyển I có vẽ và viết rõ khu vực hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam vào đời Lê. Các chi tiết này được tác giả thu thập các tài liệu có từ thế kỉ XV khi Lê Thánh Tông (năm 1460-1497) thân chinh đi đánh Chiêm Thành năm 1470.

Sử liệu Việt Nam vào thời Hồng Đức có ghi rõ, vào khoảng năm 1471 là năm Lê Thánh Tông bình định được Chiêm Thành. Biên thùy Đại Việt đời nhà Hồ (năm 1400-1407) được kéo dài đến Thuận Hóa và sau đó (đời Lê) đến tận Phú Yên, Khánh Hòa tức khu vực Đèo Cả.

Với chiến thắng năm Tân Mão 1471 vua Lê Thánh Tông chiếm thành Trà Bàn (Đồ Bàn) bắt sống vua Chiêm là Trà Toàn. Từ đó khu vực *Đạo Thừa Tuyên Quảng Nam* (chương I) đều thống thuộc lãnh thổ Đại Việt. Để ghi dấu biên giới mới đó, một cây cột đá khổng lồ được dựng lên trên núi ở vùng này, nên được người đương thời gọi là *núi Thạch Bi*

(Thạch Bi sơn). Về chiến công này của vua Lê Thánh Tông, sách *Dur địa chí* đời Hồng Đức có chép:

“Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành mở đất đến Thạch Bi sơn. Bốn phủ ở Phan Định trở về Nam vẫn là địa giới của Chiêm” ⁽¹⁾.

Sau này, sách *Đại Nam nhất thống chí* tỉnh Khánh Hòa cũng xác nhận những sử liệu và các sự kiện vừa nêu.

Vậy, từ thế kỉ XV (năm 1470) biên thùy Đại Việt đã kéo dài đến chân Đèo Cả và tất cả đất đai từ Bình Định đến Mũi Nại (tiếng Pháp gọi là Varella) thuộc nam Phú Yên ngày nay⁽²⁾. Do đó, tất cả phần lãnh thổ từ Quảng Nam đến Khánh Hòa vào cuối thế kỉ XV đều thống thuộc vào lãnh thổ Đại Việt. Lãnh thổ đó bao gồm từ rừng núi, đồng bằng, duyên hải cho đến các hải đảo xa xôi nằm ngoài khơi Nam Hải (tức Biển Đông).

Nhân dân Việt Nam gọi Nam Hải là *Biển Đông*, vì đây là biển ở phía đông đều thuộc lãnh thổ nước Việt. Và chính trên Biển Đông này từ lâu đời, đã có Quần đảo Hoàng Sa,

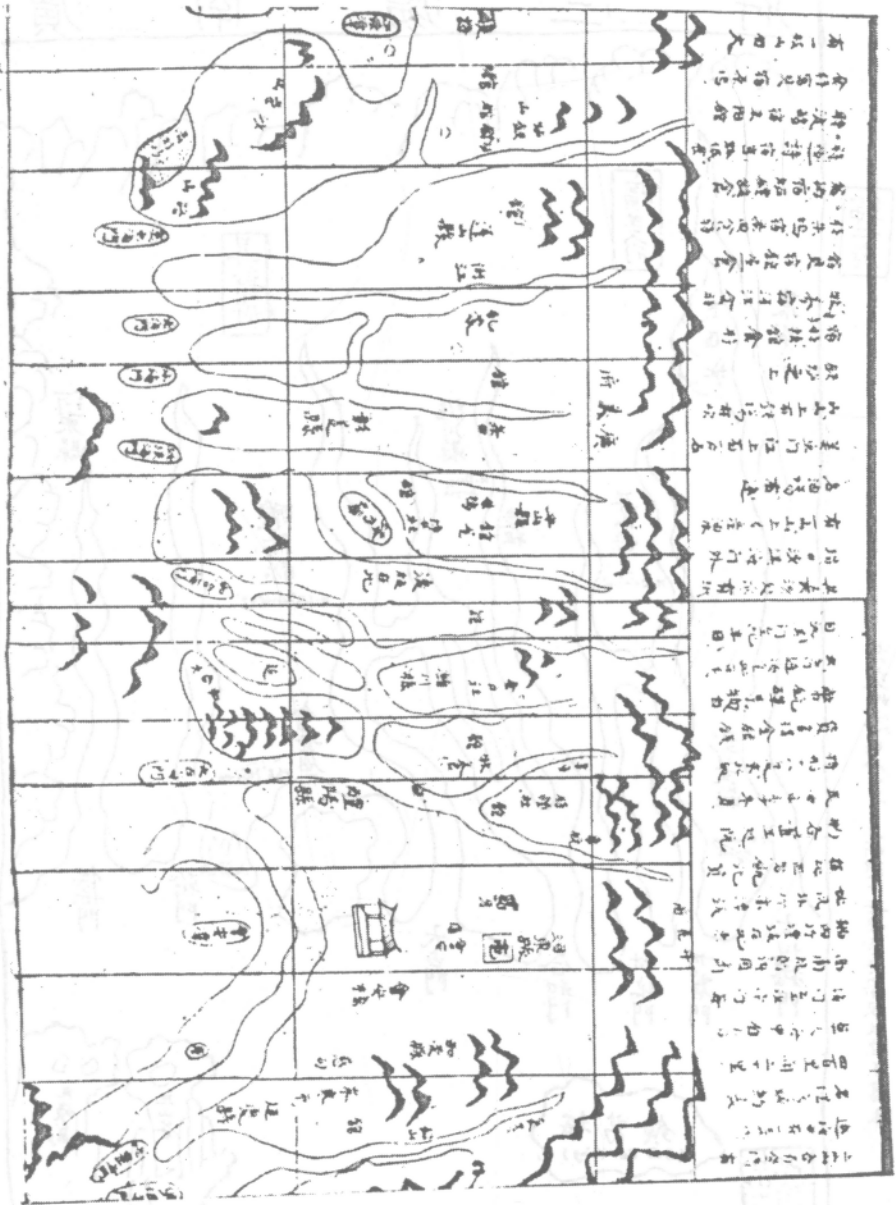
(1) Nguyễn Trãi *Ức Trai Xương Công di tập*, phần *Dur địa chí*, Á Nam Trần Tuấn Khải dịch. Nha Văn Hóa xuất bản, 1966, Sài Gòn. Cần lưu ý là sau khi Nguyễn Trãi bị thảm sát, sách vở của ông bị thiêu hủy, sau này Dương Bá Cung... sưu tập lại và có thêm vào.

(2) Trước đây, trong một đền thờ Vua Lê Thánh Tông ở thôn Long Uyên, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên có câu đối thờ của Bồ chánh Phú Yên, tức Đinh Nho Quang, đề năm Tự Đức thứ 34 (Tân Tị - 1881) như sau: “Giang sơn khai thác hà niên, phụ lão tương truyền Hồng Đức sự; Trờ dậu hình hương thử địa, thanh linh trường đối Thạch Bi cao”.

Nghĩa:

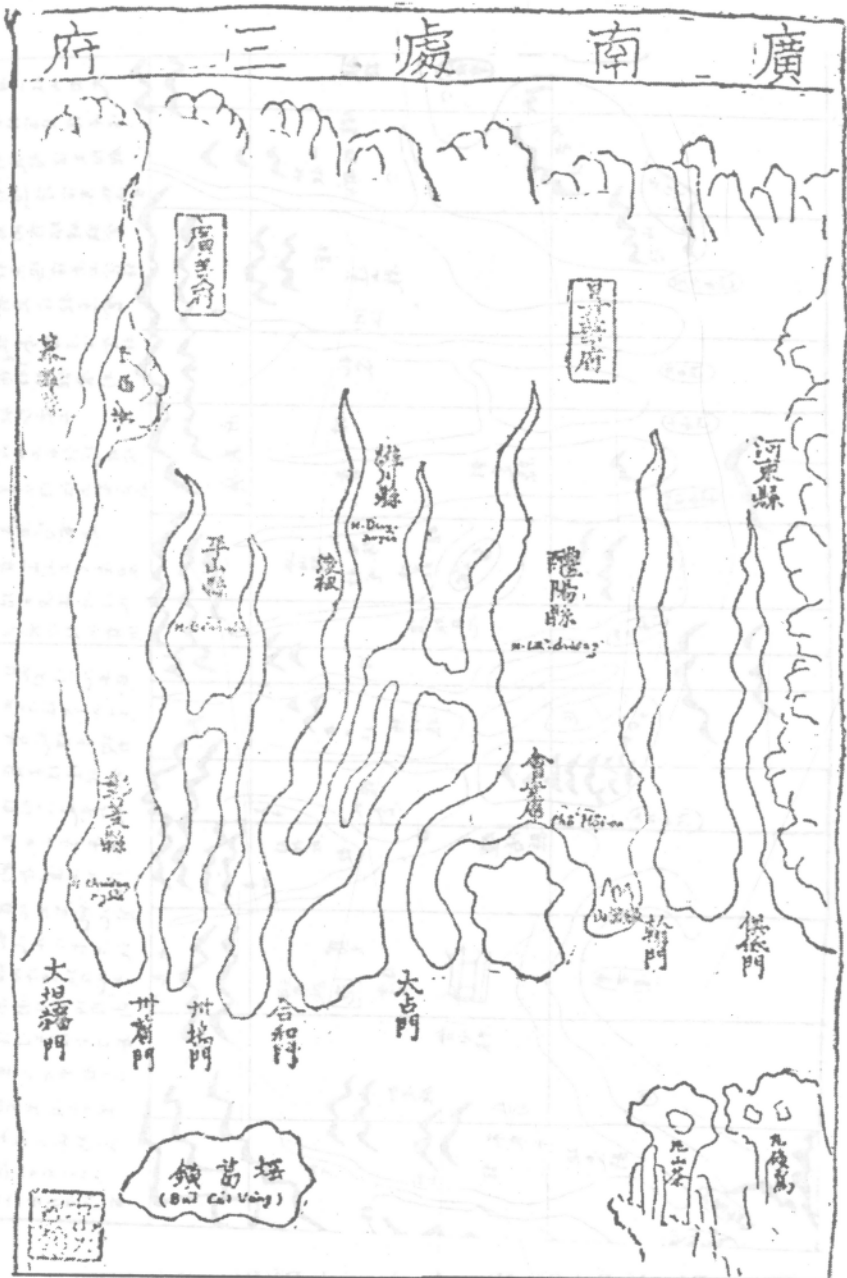
*Giang sơn khai thác năm nào, phụ lão còn truyền, công Hồng Đức;
Lê kính hương thom đất ấy, danh thom muôn thuở ngọn Đá Bia.*

Như vậy, khoảng thời gian này (thế kỉ XV) biên giới nước ta đã chính thức ở khu vực Phú Yên.



Bản đồ Bãi Cát Vàng do nho sinh Đỗ Bá... vẽ in trong
Toàn tập Thiên Nam chí lộ đồ thư

Bản đồ số 1



Bản đồ ba phủ xứ Quảng Nam (Giao Châu Chí)
theo bản vẽ lại của Nguyễn Tông đời Minh Mạng (1820-1840)

Bản đồ số 2

Trường Sa và các hải đảo khác nằm trên các tọa độ đã nêu. Danh xưng Hoàng Sa, Trường Sa này chẳng có gì xa lạ đối với nhân dân vùng ven biển Việt Nam; nhất là đối với các ngư dân ở các tỉnh Trung Kỳ từ Quảng Nam đến Bình Thuận (nay vẫn thuộc tỉnh Bình Thuận). Truyền thống ngư nghiệp này giúp các dân chài duyên hải miền Trung vượt biển bằng ghe bầu tới các hải đảo xa xôi để đánh cá, tìm bắt hải sản ngọc trai, tổ chim yến, rau câu... mà nhân dân miền Nam đương thời gọi nôm na họ là “dân ghe bầu” (chỉ dân các tỉnh Nam Ngãi, Bình, Phú).

Do đó, các nhà địa học, họa đồ học đã miêu tả lại một phần nào trung thành như Đỗ Bá và các học giả khác đã làm.

Tư liệu này, khi miêu tả về Hoàng Sa, tác giả đã không dùng từ thuần Hán: Hoàng Sa, Trường Sa... mà dùng một thuật ngữ hoàn toàn thuần túy Việt Nam bằng danh xưng Nôm: “Bãi cát vàng” thay vì Hoàng Sa.

Như đã nói *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* trong *Hồng Đức bản đồ* ⁽¹⁾ được khắc in từ đời Hồng Đức. Sách này, sau đó được tàng trữ tại Tokyo Bunko (*Đông Dương văn khố* - Nhật Bản), năm 1962 sách được các giáo sư Trương Bửu Lâm, Bửu Cầm và một nhóm dịch giả cùng nghiên cứu, dịch thuật.

Ông Trương Bửu Lâm cho rằng vào năm 1653, theo *Đại Nam nhất thống chí* thì biên giới nước ta vào lúc đó đã kéo

(1) *Hồng Đức bản đồ*: Trương Bửu Lâm, Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Phan Huy Thủy, Tạ Quang Phát - Viện khảo Cổ Sài Gòn, 1962. Trích dịch theo bản vi ảnh (micro - film), nguyên bản số 100, 891 tàng trữ tại Tokyo Bunko (*Đông Dương Văn khố*). *Phản Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, từ trang 61-137.

dài đến Phan Lang tức Phan Rang (nay thuộc tỉnh Ninh Thuận). Như vậy, sách này khó soạn sau năm 1653. Thêm vào đó, còn có các chứng tích và tư liệu khác, như sách có nhắc đến Hội An, Trà Nhiêu (nay thuộc thị xã Hội An, tỉnh Quảng Nam) là các địa điểm “có thể chứa các thuyền buôn đi biển của các nước đậu lại đó”. Ngay vào thế kỉ XVII, Hội An là một địa điểm các thương thuyền nước ngoài ra vào thường xuyên.

Hội An lúc ấy là một cửa khẩu quan trọng của Đàng Trong⁽¹⁾ vì đây là nơi gần Thuận Hóa, lỵ sở của chúa Nguyễn. Các di tích ấy ngày nay vẫn còn tại Hội An. Do đó, Giáo sư Trương Bửu Lâm cho rằng *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* chắc hẳn phải soạn vào khoảng năm 1630 đến 1653, chứ không thể sau khoảng thời gian đã nêu.

(1) Để thấy rõ tầm quan trọng của cảng Hội An (trước gọi là cửa Đại Chiêm) vào thế kỉ XVI, Thích Đại Sán có viết: “Hội An là một mã đầu lớn, nơi tập hợp của khách hàng các nước; thẳng bờ sông, một con đường dài ba, bốn dặm, gọi là đại đường cái, hai bên đường hàng phố ở liền nhau khít rịt, chủ phố thầy đều người Phúc Kiến, vân ăn mặc theo lối tiền triều (nhà Minh). Phần đông phụ nữ coi việc mua bán. Những khách trú ở đây hay cưới vợ bản xứ cho tiện việc thương mại. Cuối đường là cầu Nhật Bản tức Cẩm Phố. Cách bờ bên kia là Trà Nhiêu, nơi đình bạc của các tàu mua bán suốt ngày. Thuốc Bắc hay các món hàng khác, tìm mua ở Thuận Hóa không có thì người ta vào mua ở đây.

Đại ước Hội An, Đông Nam Bắc ba mặt gần biển, chỉ có phía Tây đường cái liên tiếp, thông Tây Việt và Đông Kinh. Vì thế cách phía Tây chừng 10 dặm có đặt một nhà trần thổ như Vương phủ để phòng ngự lân bang. Khách trú đông đảo, sống thì làm ăn, đến lúc lâm chung, vợ lẽ thân, năm xương đành gửi quê người. Ta nghe nói rất lấy làm động lòng, bảo Quốc sư nói với khách Phúc Kiến, thủ xướng mộ quyền, lập một nơi nghĩa địa để qui tụ di hài của những người quá vãng”. (*Hải ngoại ký sự*).

Ý kiến trên của ông Trương Bửu Lâm trùng hợp với luận cứ của G.Dumoutier trong *Etude sur un Portulan Annamite du XV siècle* ⁽¹⁾ vì ông Dumoutier đã vẽ lại bản đồ của Tiến sĩ Nguyễn Tông đời Lê⁽²⁾ theo bản đồ Quảng Nam xưa thời ấy (xem bản đồ số 2).

Các bản đồ trên cho ta thấy rằng các nhà vẽ bản đồ và “lộ đồ” xưa ghi nhóm đảo ngoài Biển Đông đối diện với xứ Quảng Nam viết là *Đại Trường Sa, Bãi Cát Vàng*, hoặc *Vạn Lí Trường Sa*. Và sau này Giám mục Taberd gọi là *Cát Vàng* hoặc *Cồn Vàng* đều chỉ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Các nhà hàng hải và địa lí học phương Tây gọi là *Paracel* hoặc *Pracel* và *Spratley*. Các danh xưng này hầu hết mọi người Việt Nam đều nhất trí gọi là *Hoàng Sa, Trường Sa*.

Gần đây (năm 1971) theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* có thể vẽ từ năm Cảnh Hưng thứ hai (năm 1741). Trong sách này, bãi cát ngoài khơi tỉnh Quảng Nam có tên là *Trường Sa* và trên hình có thêm ba chữ “*quá nhất nhật*” (nghĩa là đi đến đó phải mất hơn 1 ngày). Đảo nằm xa ngoài khơi Biển Đông, cách đất liền một quãng đường biển khoảng 170 hải lí.

Cũng theo bản đồ này, giữa khoảng từ cửa biển Sa Kỳ đến bãi Trường Sa có vẽ một đảo có tên là *Du Trường Sơn* mà G.Dumoutier đã vẽ lại trong sách của ông như đã nêu, một bản đồ cùng gốc với sách trên với các chi tiết như *Bãi Cát Vàng, đảo Du Trường* (tức Cù lao Ré) thuộc huyện Mộ

(1) Tham khảo G. Dumoutier, *Etude sur un Portulan Annamite du XV siècle*, Bulletin de Géographie Histoire et Descriptive, 1896.

(2) Theo tư liệu của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đăng trên *Tập san Sử Địa*, 1975, Sài Gòn. (Xem chú thích số (1) về Nguyễn Tông ở trang sau).

Hoa (nay là huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi). Còn trong sách *Giao Châu chí* của H. Maspéro để lại (bản này do tiến sĩ Nguyễn Tông⁽¹⁾ sống vào đời nhà Lê có vẽ bản đồ *Quảng Nam xứ* với hình *Bãi Cát vàng* ở ngoài khơi đối diện với phủ Tư Nghĩa và phủ Hà Đông (xem bản đồ số 3).

Xét các bản đồ vừa nêu, ta thấy các nhà vẽ bản đồ xưa gọi *Đại Trường Sa*, *Bãi Cát Vàng* đều chỉ Quần đảo Hoàng Sa (còn Vạn Lý Trường Sa tức là Quần đảo Trường Sa nằm về phía Nam). Nghĩa là mọi người đều nhận rằng danh xưng Quần đảo này là một bãi cát vàng dài, chắn ngang hải phận thuộc khu vực từ Quảng Ngãi đến Đà Nẵng.

Phần miêu tả và giới hạn khu vực này được nho sinh Đỗ Bá trình bày khá chi tiết:

Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư trong *Hồng Đức bản đồ ghi Bãi Cát vàng* (trang 70 - 167 gồm 4 quyển có kí hiệu T.V.Đ.B.C VF 157 (A 73) VF 501 (A 588). Kí hiệu Thư viện Khoa học Xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh HN. v 101 - 130).

Bản đồ vẽ và viết như sau:

纂集天南四至路圖書之一

青江碧潮儒生中式杜伯氏公道甫撰

金戶社地分江兩邊有二山山各有金場有巡海中有一
長沙〔？〕名罷葛黃約長四百里二十里卓立海中自

(1) Nguyễn Tông (năm 1643-?) *Danh thần* đời vua Lê Hi tông, quê làng Nguyệt Viên, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, năm Canh Thân 1680 thi Hội đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ, làm quan đến chức Hiến sứ, nhiều lần đi kinh lí các châu Ô, Rí, Thăng, Hoa... Tại đây, ông có vẽ bản đồ *Quảng Nam xứ*.

大占海門至沙榮門每西南風則諸國商船內行漂跋在此東北風外行亦漂跋在此並皆飢死貨物各置其處阮氏每年季冬月持船十八隻來此取貨多得金銀錢幣銃礮等物自大占門越至此一日半自沙淇門至此半日其長沙處亦有玳瑁

Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, quyển chi nhất
Thanh Giang Bích Triều nho sinh trúng thức Đỗ Bá thị Công Đạo Phủ soạn:

Kim Hộ xã địa phận, giang lương biên hữu nhị sơn, sơn các hữu kim trường hữu tuần. Hải trung hữu nhất Trường Sa (-?) danh “Bãi Cát Vàng”, ước trường tứ bách lí, nhị thập lí, trác lập hải trung, tự Đại Chiêm hải môn chí Sa Vinh môn. Mỗi tây nam phong tác chư quốc thương thuyền nội hành phiêu bạt tại thử, đông bắc phong ngoại hành diệc phiêu bạt tại thử, tịnh giai cơ tử. Hóa vật các trí kì xứ.

Nguyễn thị mỗi niên quý đông nguyệt trì thuyền thập bát chích, lai thử thử hóa, đa đắc kim ngân tiền tệ sủng đạn đẳng vật. Tự Đại Chiêm môn Việt hải chí thử nhất nhật bán, tự Sa kì môn chí thử bán nhật kì Trường Sa xứ diệc hữu đại môi.

Dịch:

Địa phận làng Kim Hộ, hai bên có hai ngọn núi, các núi này có đặt người tuần tra...

Giữa biển có một dải cát dài, tên gọi là Bãi Cát Vàng dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm đứng dựng giữa biển. Từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh⁽¹⁾ mỗi khi có gió Tây Nam thì

(1) Sa Vinh: tức cửa biển Sa Kì, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc tỉnh Quảng Ngãi).

thuyền buôn các nước chạy ở phía trong trôi dạt ở đây; gió Đông Bắc thì thương thuyền chạy ở phía ngoài cùng trôi dạt luôn vào làm cho mọi người đều chết đói ở đây cả. Hàng hóa, vật liệu đều phải để lại nơi đó.

Hằng năm vào cuối mùa Đông, Chúa Nguyễn đưa 18 chiếc thuyền đến đây để lấy hàng hóa, vật sản, được nhiều vàng bạc, tiền tệ, súng đạn và các vật liệu khác. Từ cửa Đại Chiêm vượt biển đến đây phải mất một ngày rưỡi, từ cửa Sa Kỳ đến đây thì phải mất nửa ngày. Chỗ bãi cát dài ấy còn có nhiều đổi mới.

(Giáo sư Bửu Cầm dịch)

Đoạn văn và bản đồ trên cho ta thấy từ thế kỉ XVII một nho sĩ Việt Nam khi viết về Hoàng Sa đã phải trung thành với truyền thống đại chúng nên đã dùng một thuật ngữ thuần Việt “*Bãi Cát Vàng*” để xác lập chủ quyền Việt Nam của Quần đảo này, dù cho ông là một người sử dụng chữ Hán thành thạo trong việc học tập, viết lách (nghiên cứu) của mình.

Đây là một trong các chứng cứ hùng hồn và chính xác nhất về chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ngay từ thế kỉ XVII (xem bản đồ số 1).

2) Đại Nam nhất thống toàn đồ

Bên cạnh bản đồ trong *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* vừa dẫn, chúng ta còn một bản khác mệnh danh là *Đại Nam nhất thống toàn đồ*. Đây là bản đồ nước ta được vẽ tương đối kĩ lưỡng và khá chính xác.

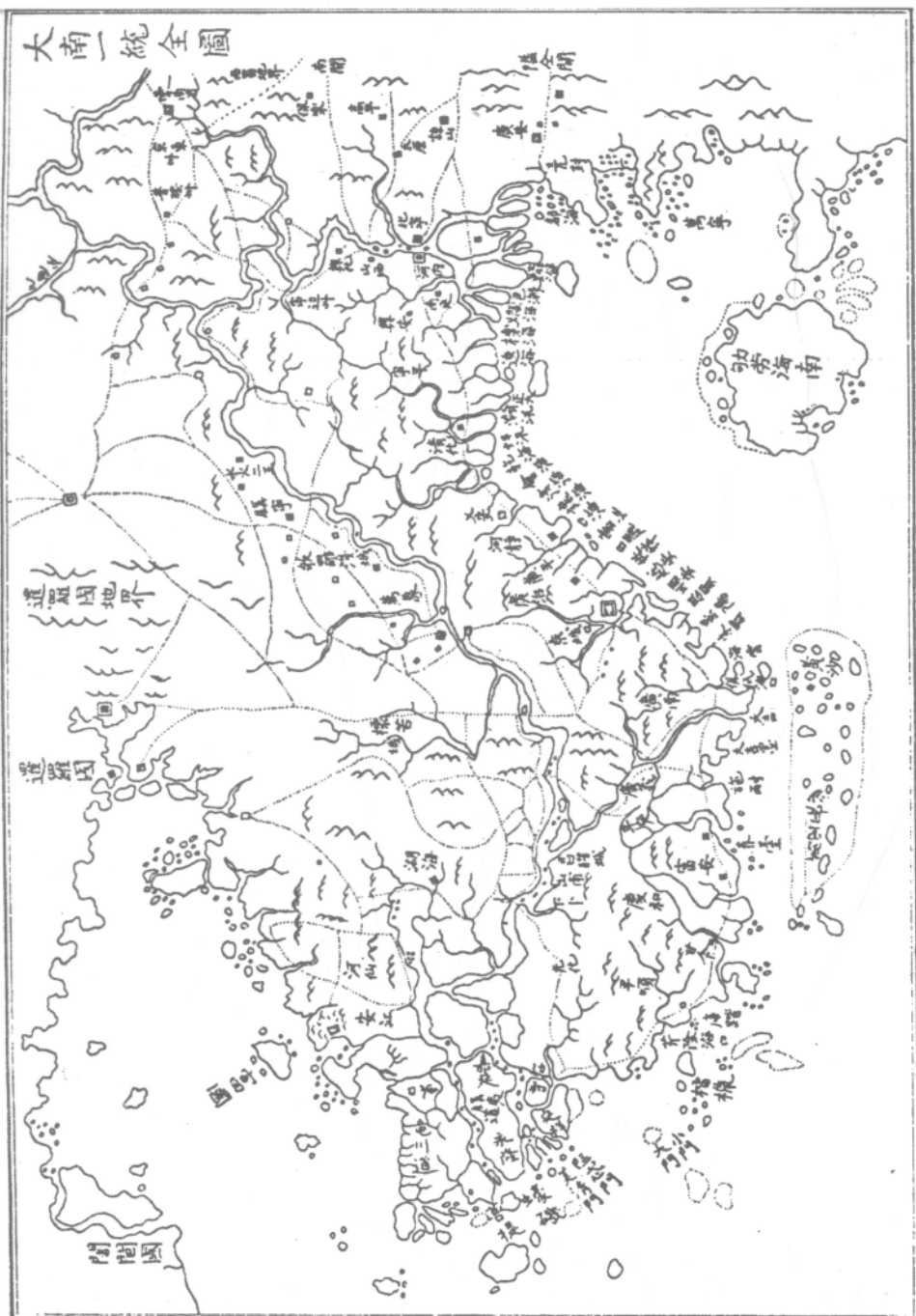
Bản đồ được vẽ vào thế kỉ XVIII hoặc đầu thế kỉ XIX.

Với bản đồ này, người vẽ đã ghi rõ ranh giới Việt Nam tiếp với các nước láng giềng từ Trung Quốc đến Tiêm La quốc (Thái Lan), Lào, Miên với Đô Bà quốc (Malaysia). Trong bản đồ có ghi rõ tên từng cửa khẩu từ Quảng Yên đến Hà Tiên. Ngoài Biển Đông có vẽ và ghi tên các đảo: Phú Quốc, Thổ Châu, Côn Lôn, Phú Quý, nhất là *Vạn Lí Trường Sa* và *Hoàng Sa*.

Khu vực Vạn Lí Trường Sa nằm đối diện với các tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và một số đảo rải rác, kéo dài vào phía Nam, thẳng góc đến Vũng Tàu.

Hoàng Sa cũng là một nhóm đảo gồm nhiều đảo nhỏ nằm từ cửa *Đại Cát Mặc* (Đại Chiêm) kéo dài và đối diện với *Cu Đê hải khẩu* (Đà Nẵng), núi Hải Vân (thuộc thành phố Đà Nẵng ngày nay).

Đây là một bản đồ xuất hiện vào đời nhà Nguyễn, được vẽ rất công phu, khá chính xác, chưa chữ Hán về các địa danh, sông ngòi, biển cả và các hải đảo.



Đại Nam nhất thống toàn đồ
(Quốc sử quán triều Nguyễn vẽ trong thế kỉ XIX - 1838)

Bản đồ này, hiện nay các nhà nghiên cứu chưa xác định chính xác được niên đại in ấn của nó. Bản đồ chúng tôi giới thiệu, trình bày ở đây do ông Võ Long Tê trích đăng trong sách *Les archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie* (Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo những tác phẩm Sử, Địa cổ Việt Nam) ⁽¹⁾ của chính tác giả. Theo tác giả sách trên, *Dại Nam nhất thống toàn đồ* là một bản sao do ông Châu Ngọc Thôi (cựu Đồng lý văn phòng Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa chính phủ Sài Gòn trước đây) cho mượn, và chính ông Thôi cũng không rõ xuất xứ của nó.

Năm 1929, P.A. Lopicque, một nhà hàng hải Pháp đã công bố bản đồ trên trong sách *A propos de Iles Paracels* (Câu chuyện về Quần đảo Hoàng Sa) có ghi chú rõ đó là bản đồ trích từ sách *Hoàng Việt địa dư chí*, in năm Minh Mạng thứ XIV (năm 1831) ⁽²⁾ (xem bản đồ số 4).

Sau này, nhiều sách văn, sử, địa khác, không nhiều thì ít, đã lặp lại ý kiến trên của Lopicque, như Hoàng Trọng Miên trong sách *Việt Nam văn học toàn thư II: cổ tích* ⁽³⁾ hay trong một sách tiếng Anh chưa tìm ra nhan đề, có lời chú giải "*The Hoang Viet Dia du Geography of the Annamite - Empire show that. The Paracels and Spratley Island have for a long been Vietnamese possession*" ⁽⁴⁾ hoặc trong Tập

(1) Võ Long Tê, *Sách đã dẫn*, Ủy ban Dịch thuật ngoại ngữ. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản, 1974, Sài Gòn.

(2) P.A. Lopicque, *Sách đã dẫn*, *Extrême Asie Revue Indochinoise Illustrée* 1929, Sài Gòn.

(3) Hoàng Trọng Miên, *Sách đã dẫn*, Nhà xuất bản Văn Hưu, 1959, Sài Gòn.

(4) Theo Võ Long Tê, *Sách đã dẫn*.

san Sử Địa cũng có in kèm và chú thích là bản đồ này in vào đầu thế kỉ XIX do Quốc Sử quán triều Nguyễn vẽ.

Theo chúng tôi, *Đại Nam nhất thống toàn đồ* không thuộc *Hoàng Việt Địa dư chí*, vì *Hoàng Việt Địa dư chí* in lần đầu vào năm 1833 (không phải năm 1834); và lại năm ấy quốc hiệu nước ta chưa phải là *Đại Nam* mà còn là *Việt Nam*. Như đã biết, sau khi lên ngôi vua, Nguyễn Ánh đã nhiều lần (3 lần) phái sứ bộ qua Trung Quốc xin nhà Thanh phong vương và lấy tên nước là *Việt Nam*, nhưng Vua Thanh vẫn chưa chịu. Quốc thư của Gia Long đại ý nói rằng:

“Đời trước chúng tôi mở cõi đất ở *Viêm Giao*, mỗi ngày mỗi rộng, gồm cả nước *Việt Thường* và *Chân Lạp* đặt tên là *Nam Việt*, truyền nối đã hơn 200 năm, nay vừa quét sạch cõi *Nam*, lại có cả toàn *Việt*, nên dùng lại quốc hiệu cũ, để tên tốt được chánh đáng...”⁽¹⁾. Với Quốc thư đó nhà Thanh vẫn không chịu chấp nhận danh xưng *Việt Nam*. Lần chót trong quốc thư khác vua Gia Long viết: “Nếu không cho đổi tên nước thì không thụ phong”⁽²⁾.

Vì thế, Vua nhà Thanh mới thuận dùng danh xưng *Việt Nam* đặt tên cho nước ta như vua Gia Long đã yêu cầu. Rồi

(1) Theo Bửu Cầm, *Quốc hiệu Việt Nam và Đại Nam*, *Tập san Sử Địa*, số 17-18-1970.

Tham khảo *Đại Nam hội điển sự lệ*, *Đại Nam thực lục chính biên*, *Hoàng Việt Giáp tí niên biểu*, *Hậu Lê dã sử*, *Đại Thanh nhân tông Duệ hoàng đế thực lục*.

Giáo sư Bửu Cầm dịch và dẫn trong *Quốc hiệu nước ta*, Phủ Quốc vụ Khanh Đặc trách Văn hóa Xuất bản, 1974, Sài Gòn.

Trong Dụ phong vương cho Nguyễn Ánh, Thanh Nhân Tông (Gia Khánh năm thứ 8) viết: “Trẫm sai án sát sứ Quảng Tây là Tể Bố Sâm đem sắc phong cho ông (Nguyễn Ánh) làm Quốc vương Việt Nam”.

(2) Theo Bửu Cầm, *Sách đã dẫn*.

nhà Thanh sai Tể Bối Sâm mang cáo, sắc, quốc ấn sang phong cho vua Gia Long. Kể từ đó, nước ta có quốc hiệu chính thức là *Việt Nam*.

Đến đời Minh Mạng (năm 1820-1840), quốc hiệu nước ta lại một lần nữa đổi thành *Đại Nam* (hay là *Đại Việt Nam*), nhưng phần lớn các nhà nghiên cứu sử Việt Nam cũng như nước ngoài, cũng chỉ viết một cách mơ hồ rằng quốc hiệu nước ta là *Đại Nam* có từ thời Minh Mạng.

Gần đây, chúng tôi tìm thấy một tư liệu quý, đó là sách *Định tập Quốc sử di biên* của Phan Thúc Trục, một sử gia⁽¹⁾ sống vào đời Thiệu Trị. *Định tập Quốc sử di biên* này viết về các việc vào đời nhà Nguyễn, từ năm 1802 đến 1847. Về việc đổi quốc hiệu nước Việt vào đời Minh Mạng, tác giả viết:

“Mậu Tuất thập cửu niên, tam nguyệt nhị nhật sơ cải

(1) Phan Thúc Trục (năm 1804-1852) nguyên tên là Dương Hạo, quê xã Văn Tự, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, (nay vẫn thuộc tỉnh Nghệ An). Năm 43 tuổi ông đỗ Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ tam danh (Thám hoa). Sau khi đỗ đầu trong kì thi Đình, ông được bổ Hàn Lâm viện trước tác, năm sau làm việc tại nội các, rồi sung chức Thị giảng tại viện Tập hiền.

Năm 1851, ông vâng lệnh Vua Tự Đức ra Bắc hà sưu tầm sách cổ, năm sau trên đường về, đến Thanh Hóa bị bệnh mất (năm 1852).

Sau khi ông qua đời, triều đình truy tặng Thị giảng Học sĩ. Ngoài bộ *Định tập quốc sử di biên*, ông còn là tác giả các sách:

- *Diễn Châu phủ chí*
- *Cấm Đình hiệu tán thi tập*
- *Bắc hành nhật lan phổ thi tập*
- *Cấm Đình văn tập*

Sách *Định tập quốc sử di biên* hiện còn bản vi ảnh, trước đây lưu trữ tại Phủ Quốc vụ Khanh Đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, số A, 1045. Hiện nay, sách được lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu Vv 1484.

quốc hiệu Đại Nam chiếu lược viết: Triệu tổ Triệu cơ Nam phục kí Thế tổ yểm hữu Việt Thường đài phát hàm xỉ, cộng nhập bản đồ. Hải phệ sơn tuu giai qui suất thổ kì cải quốc hiệu viết Đại Nam dĩ nhị thập niên vi thủy. Hoặc xưng Đại Việt Nam quốc diệc nghi”.

Có nghĩa là:

Năm Mậu Tuất (năm Minh Mạng thứ 19 - 1838) ngày mừng 2 tháng 3 đổi tên nước là Đại Nam. Lời chiếu đại ý viết rằng: Đức Triệu tổ dựng nên cơ nghiệp ở phía Nam, kíp đến đức Thế tổ lấy được cả đất Việt Thường, nhân dân ngày càng đông, lãnh thổ thêm rộng, nhập lại thành bản đồ.

*Nay đổi tên nước là **Đại Nam** kể từ năm Minh Mạng thứ 20, hoặc gọi là nước **Đại Việt Nam** cũng được.*

Như vậy, bắt đầu từ năm 1838, danh xưng *Đại Nam* xuất hiện ở nước ta, nhưng thật sự đến đầu năm 1839, quốc hiệu *Đại Nam* mới chính thức được dùng trong công văn, quốc sử của nhà nước Việt Nam thời đó.

Sau đó, sách *Minh Mạng chính yếu* (quyển I, tờ 44a - 44b) có in đạo dụ ban hành quốc hiệu *Đại Nam* vào năm Minh Mạng thứ 19 (năm 1838)⁽¹⁾.

Tìm hiểu và đối chiếu các địa danh của bản đồ này, chúng ta thấy có những địa danh trong ấy phải xuất hiện sau năm 1839, tức là năm nước ta đã đổi quốc hiệu là *Đại Nam* (*Đại Việt Nam*) cho đến khi thực dân Pháp chiếm trọn Nam Kỳ.

(1) Tham khảo *Minh Mạng chính yếu*, tập 1, quyển 2, bản dịch của Hoàng Du Đồng, Hà Ngọc Xuyên, 1972, Sài Gòn.

Do đó, có thể nói bản đồ này là một công trình tập thể - hay một cá nhân nào đó - trong Quốc Sử quán triều Nguyễn, chuyên lo về các công tác Sử Địa chính thức của nhà nước về, và có lẽ in sau năm 1839.

Với bản đồ này, chúng ta thấy biệt danh tổng quát *Vạn Lí Trường Sa* tức là Quần đảo Trường Sa ngày nay. Còn biệt danh *Hoàng Sa, Cát Vàng, Cồn Vàng...* là tên sau của Bãi Cát Vàng để gọi Quần đảo *Hoàng Sa* ngày nay (vào triều Nguyễn (năm 1802 - 1945), Quần đảo Hoàng Sa, trước thuộc tỉnh Thừa Thiên rồi tỉnh Quảng Nam, nay thuộc thành phố Đà Nẵng! (xem bản đồ số 05) Quần đảo Trường Sa vào năm 1933 thuộc tỉnh Bà Rịa, và nay thuộc tỉnh Khánh Hòa⁽¹⁾).

Vì vậy, chúng ta có thể khẳng định: chậm nhất là phải từ năm 1839 Quần đảo Hoàng Sa đã chính thức là một phần lãnh thổ bất khả phân chia của Việt Nam vào đời nhà Nguyễn về phương diện pháp lý nước Việt Nam và Công pháp quốc tế.

3) An Nam đại quốc họa đồ

Tư liệu thứ ba là một bản đồ cũng được in cùng với thời điểm ra đời của *Đại Nam nhất thống toàn đồ*.

Đây là bản đồ do Giám mục Louis Taberd giới thiệu, bản đồ này Taberd gọi là *An Nam đại quốc họa đồ*.

Danh xưng *An Nam* này hầu hết các người phương Tây (kể cả giáo sĩ, học giả, nhà buôn), mỗi khi viết về Việt Nam thời đó, đều gọi là *An Nam*, chứ không phân biệt Tonkin (Bắc

(1) Có lúc (năm 1986) thuộc tỉnh Phú Khánh (Phú Yên, Khánh Hòa) năm 1956 (thời chính quyền Sài Gòn) thuộc tỉnh Phước Tuy (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Kì), Cochinchine (Nam Kỳ), An Nam (Trung Kỳ) như sau khi Pháp thành lập *Liên bang Đông Dương* (ngày 17-10-1887)⁽¹⁾.

Bản đồ này được in đính kèm sau bộ *Tự điển Việt-Latin* có nhan đề là *Latino - Anamiticum* của Giám mục Taberd, sách xuất bản vào năm 1838. Bộ tự điển này hiện còn lưu giữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản đồ chúng tôi sử dụng có chiều dài 90cm, ngang 51cm, (theo *Tập san Sử Địa*) in trên giấy trắng, mực xanh. Các địa danh, núi rừng, sông ngòi, cửa khẩu, hải đảo... được ghi bằng ba thứ chữ: *Latin*, *Hán* và *Quốc ngữ*. Nhan đề của bản đồ in trên phần trống của biển Đông với hàng chữ Hán viết thảo:

AN NAM ĐẠI QUỐC HỌA ĐỒ
SEU

TABULA GÉOGRAPHICA IMPÉRII ANAMITICI AB
AUCTORE DICTIONARII LATINO - ANAMITICI DISPOSITA 1838

Đọc theo duyên hải và ngoài khơi khu vực Đàng Trong

(1) Đây là một trong hai quyển của bộ *Tự điển* do Giám mục J.Louis Taberd biên soạn.

1) *Tự điển Annam - Latin* (Dictionarium Anamitico - Latinum), sách in năm 1838, ex typis J. C. Marshman (*Nam Việt Dương tự vị*), in trên giấy khổ 20 x 26cm gồm 719 trang và 128 trang phụ trương.

2) *Tự điển La tinh - Annam* (Dictionarium Latino - Anamiticum), trên giấy khổ 21 x 27cm, gồm 84 trang *Tựa và dẫn*, 708 trang sách và 133 trang phụ trương.

Quyển sau có in kèm bản đồ *An Nam Đại quốc Họa đồ* như đã nói.

Theo Vương Hồng Sển, tác giả *Thú chơi sách* (Tự Do, Sài Gòn, 1960), bộ *Tự điển* trên, Taberd biên soạn theo một công trình còn dở dang của Giám mục Pierre Pigneau de Pierre Evêque d'Adrian (Bá Đa Lộc, tục gọi là Cha Cà), Pierre Pigneau mất ngày 9-10-1799. Vì vậy, ta có thể xem bản đồ này chắc phải được vẽ trước năm 1799.

Nay (năm 2004) sách này đã được in lại và có trên thị trường sách Việt Nam.

có ghi rõ tên các cửa khẩu, cù lao, đảo như: *Cù lao Phú Quốc, Cù lao Thổ Chu, Hòn Cổ Công, Cổ Lôn, Hòn Khoai, Đảo Côn Nôn, Cù Lao Thù, Hòn Tranh, Cù Lao Cau, Hòn Nổi, Hòn Tre* ... và khu vực Đàng Ngoài ra sát biên giới Trung Quốc cũng được ghi đầy đủ.

Riêng tại khoảng vĩ tuyến 17 độ và kinh tuyến 110 độ, bản đồ có ghi chú một số đảo nhỏ có in chữ:

PARACEL
Seu
CÁT VÀNG

Phía dưới - trong duyên hải - từ *Quảng Đức* (Huế phủ) đến *Quảng Nghĩa trấn* (tức tỉnh Quảng Ngãi) có ghi rõ các cửa khẩu:

- *Cửa Thuận An*
- *Cửa Tư Dung* (tức cửa Tư Dung)
- *Cửa Hàn Seu Tourn Portus* (tức cảng Đà Nẵng)
- *Cửa Đại Chấm* (tức cửa Đại Chiêm hay cửa Đại ở Hội An)
- *Cù lao Chấm* (tức Cù lao Chàm)
- *Hòn Bàn Thang* (một bán đảo nhỏ bên cạnh cửa Đại Áp - nay thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam)
- *Cửa Áp Hoa* (tức cửa Đại Áp, còn gọi là Tân Áp, hay Hiệp Hòa, nay thuộc xã Tam Thanh, Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam)
- Phía ngoài cửa Sa Kỳ, cù lao Ré seu *Pulo Canton* (thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi)

– Cửa Đại Quảng Ngãi ... (Phần trong ngoặc đơn do N.Q.T. chú).

Đây là một bản đồ Việt Nam vẽ rất chi tiết và một phần lãnh thổ hai nước láng giềng Lào, Campuchia. Có lẽ vì Taberd là một giáo sĩ, nên những vùng có cơ sở của các giáo dân thì được ghi rất rõ. Tuy vậy, các vùng khác cũng được vẽ và ghi chú rất tỉ mỉ và chi tiết.

Với các chi tiết của bản đồ này, mọi người có thể xác quyết là vào năm 1838, khi in *An Nam đại quốc họa đồ*, các nhà truyền giáo, cũng như sử gia của nước phương Tây và Việt Nam đã mặc nhận Hoàng Sa, Trường Sa là một bộ phận bất khả phân chia của nước Việt Nam thống nhất (vào thời điểm năm 1838). Đây còn là một bằng chứng hùng hồn phù hợp với bản đồ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* cùng in và có lẽ cùng vẽ vào thời điểm năm 1838, như đã nêu ở trên (một do người Việt vẽ, một do người nước ngoài vẽ).

Một điều cần chú ý, bản đồ này có thể Giám mục Taberd đã dựa vào một số bản đồ nào trước đó của các nhà truyền giáo nên trong có ghi khu vực Đàng Trong, Đàng Ngoài thời hai họ Trịnh, Nguyễn còn hùng cứ mỗi họ một phương. Chẳng hạn từ sông Gianh đến cửa Hàn (Đà Nẵng) người vẽ đã nhấn mạnh bằng cách tô đậm ranh giới để phân biệt rõ lý sở trấn nhiệm của các Chúa Nguyễn khi mới vào trấn đóng Thuận Hóa. Phía trong (Nam) sông Gianh, bản đồ có vẽ rõ *Lũy Sầy seu Murus Magnu separand olimutrumque regue* (tức *Lũy Thầy* hay *lũy Đồng Hới* do Đào Duy Từ đắp vào thời Chúa Sãi (năm 1613-1635). Ngay khu vực *Lũy Sầy và Gianh giang* bản đồ cũng ghi rõ *Cosincina - Exterior Đàng Ngoài seu Turquinum*) và phía trong sông Gianh cũng ghi rõ *Cosincina Interior seu Annam Đàng Trong* (xem bản đồ số 5).

Cả ba bản đồ vừa nêu đều dùng bản khắc in của C.Roussel, J.Besson 1868. Các bản đồ này hiện còn lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Paris (Pháp) - (Tham khảo Tạp chí Văn hóa Á châu, số 8 năm 1961, Sài Gòn).

– Bản đồ Đông Ấn và các nước chung quanh Ấn Độ (East Indies and Further India) trong Philips' Pocket of the world xuất bản tại London năm 1969 cũng xác định rõ Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam.

Tóm lại, các nhà họa đồ Việt Nam cũng như nước ngoài (phương Tây) khi nghiên cứu hoặc vẽ các bản đồ Việt Nam từ thế kỉ XVI, XVII đến nay đều mô tả một cách trung thực về lãnh thổ Việt Nam. Trong đó có hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều thuộc dư đồ từ Đại Việt qua các tên nước: Việt Nam, Đại Việt Nam (Đại Nam) đến Việt Nam ngày nay.



– Bản đồ Vương quốc Xiêm và các xứ lân cận của P. du Val cũng vẽ Quần đảo Paracel (Hoàng Sa) tương tự như trên, in năm 1686 (xem bản đồ số 10).



Bản đồ của anh em Van Langren vẽ năm 1595

D'après Fournerey, Le Siam ancien

2. Carte de la péninsule indochinoise, par les frères Van Langren, 1595.

CHƯƠNG III

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA DƯỚI MẮT CÁC SỬ GIA VIỆT NAM

Qua chương II, chúng ta thấy một số bản đồ, *lộ đồ* cổ Việt Nam do người Việt và người nước ngoài vẽ, đã mặc nhiên xác nhận chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, từ thế kỉ XVI, hoặc đầu thế kỉ XVII.

Sau đây chúng ta tìm hiểu thêm một số sử liệu qua các công trình nghiên cứu, biên khảo của các sử gia Việt Nam.

Bút tích xưa nhất và cũng đầy đủ nhất được thấy qua một số cổ thư nước ta vào thế kỉ XVIII với các sử gia hai triều Lê, Nguyễn.

1) Lê Quý Đôn với *Phủ biên tạp lục*

Phủ biên tạp lục là tên một bộ sách do Lê Quý Đôn⁽¹⁾ viết vào thời gian ông trấn nhậm tại hai đạo Thuận Hóa và Quảng Nam (bây giờ thuộc tỉnh Quảng Bình và các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình

(1) Lê Quý Đôn (năm 1726-1784): nhà văn, nhà nghiên cứu, sử gia Việt Nam. Hối còn nhỏ có tên là Lê Danh Phương, tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường; Quê làng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, trấn Sơn Nam, tỉnh Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Thái Bình).

Định). Đây là ranh giới Việt Nam và Chiêm Thành vào thế kỉ XVI. Bộ sách này có giá trị lớn về văn học, lịch sử, địa lí, hay nói một cách rộng hơn, đây là một tác phẩm văn hóa sử Việt Nam.

Sách viết về các việc phức tạp, chi tiết trong công cuộc phủ dụ, trấn an các khu vực biên thùy vào cuối đời nhà Lê.

Trong thời gian làm việc tại đây, tác giả đã sưu tầm, nghiên cứu về các sinh hoạt văn hóa vật chất, tinh thần của nhân dân tại vùng phía Bắc xứ Đàng Trong. Đây là địa điểm Chúa Nguyễn đặt căn cứ để nhìn về miền Nam trong công cuộc mở mang bờ cõi vào phương Nam trên bước đường mở nước và giữ nước của tiền nhân ta.

Tác giả cho biết ông đã nghiên cứu bằng cách trực tiếp gặp gỡ các thân hào, bô lão, nhân sĩ... ở mỗi địa phương ông đã kinh qua. Sách được viết vào năm 1776, khi ông đang làm việc tại đây.

Phủ biên tạp lục có nghĩa là ghi những việc đang xảy ra

Thuở nhỏ thông minh, hiếu học. Năm 17 tuổi, ông thi đỗ Giải nguyên, 23 tuổi đỗ Hội nguyên và vào thi Đình đỗ Bảng nhãn.

Sau khi thi đỗ, ông được bổ làm việc ở viện Thi thư, năm 1760, đi sứ Trung Quốc. Năm 1775 ông làm Tổng tài Quốc sử quán, sau đó vào trấn nhậm hai xứ Thuận, Quảng. Tại đây, ông viết *Phủ biên tạp lục*.

Năm 1778 ông được bổ làm Hành Tham tụng tại triều, rồi Thượng thư bộ Công. Ông mất ngày 14-4 năm Giáp Thìn (năm 1784), hưởng thọ 59 tuổi.

Ngoài một quan lại cao cấp, Lê Quý Đôn còn là một nhà bác học, một nhà thơ nổi tiếng của Việt Nam vào thế kỉ XVIII. Ngoài *Phủ biên tạp lục*, ông còn là tác giả hàng chục bộ sách rất có giá trị về văn học, văn hóa Việt Nam như: *Kiến văn tiểu lục*, *Văn đại loại ngữ*, *Quần thư khảo biên*, *Dịch kinh phụ thuyết*, *Thư kinh diễn nghĩa*, *Thánh hiền mô phạm lục*, *Toàn Việt thi lục*, *Hoàng Việt văn hải*...

và cách giải quyết các vấn đề phủ dụ, trấn an ở vùng biên thùy phía Nam này.

Nội dung và chủ đề bao quát như tên gọi của nó, nên sách gồm tất cả sáu quyển, mỗi quyển viết từng vấn đề.

– *Quyển I*: Viết về sự tích khai khẩn, khôi phục lại hai xứ Thuận Hóa. Quảng Nam gồm các phủ, huyện tổng, xã.

– *Quyển II*: Viết về hình thế, sông núi, thành lũy, đường sá, trạm dịch của hai xứ Thuận Quảng.

– *Quyển III*: Viết về ruộng nương, vườn tược công, tư, lệ thu mua sản vật nông nghiệp, luật lệ quân sự, quan chức của hai xứ Thuận, Quảng.

– *Quyển IV*: Viết về nhân tài và thơ văn của các tỉnh phía Nam.

– *Quyển VI*: Viết về sản vật và phong tục.

Riêng quyển II, có hai đoạn chi tiết đề cập vấn đề Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Như đã nói, *Phủ biên tạp lục* là một sử liệu đầy đủ và chính xác nhất được tác giả trình bày khá tỉ mỉ về Hoàng Sa, Trường Sa vào lúc chưa có nhà nghiên cứu nào trong nước, cũng như nước ngoài viết tường tận như Lê Quý Đôn.

Sách này các năm 1964, đã được dịch sang tiếng Việt⁽¹⁾ và tàng trữ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn với kí hiệu (VD, 9) hiện nay có kí hiệu HNv 177, 178, 201, lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội, Thành phố Hồ Chí Minh.

(1) Tham khảo bản dịch *Phủ biên tạp lục* của Hoàng Lộc, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1964, hoặc bản dịch của Lê Xuân Giáo, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1972, Sài Gòn. Bản sau có in kèm nguyên bản chữ Hán.

Sau đây là đoạn tác giả viết về Hoàng Sa và Trường Sa:

撫邊雜錄卷之二

率差順化廣南等道參視參贊軍機順化鎮協鎮撫右
勝奇八侍陪從戶部左侍郎穎城侯黎貴惇撰

廣義府平山縣安永社大海門外有山名劬勞雍廣可
三十餘里舊有四政坊居民豆田出海四更可到其外
大長沙島舊多海物舶貨立黃沙隊以採之行三日夜
始到乃近於北海之處。

廣義府平山縣安永社居近海海外之東北有島嶼焉
群山零星一百十餘嶺山間出海相隔或一日或數更
山上間有甘泉島之中有黃沙渚長約三十餘里平坦
廣大水清徹底島傍燕窩無數衆鳥以萬千計見人環
集不避渚邊奇物甚多其文螺有名沃覬爲大如扁腹
有粒如指大色濁不及蚌珠其殼可割成碑又可作灰
還有名沃彈礮可飭器用有名沃香諸螺肉皆可醃煮
玳瑁甚大有名海巴俗曰壯瓦亦似玳瑁而小甲薄可
飭器皿卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳
渚旁採取以石灰擦過去腸洒乾食時田蟹水浸之刮
淨同蝦豬肉亦好諸蕃舶多遭風依於此島前阮氏置
黃沙隊七十率以安永人充之輪番年歲以正月受示
行差屬六月糧駕私小釣船五隻出洋三月三夜始至
此島居駐恣情採取捕魚鳥爲食所得糧物馬劍銀花
銀錢銀環銅器錫塊烏鉛銃口象牙黃蠟氈具磁器與

採玳瑁甲海參文螺粒頗多以八月期回入腰門就富春城投納秤驗定項訖始許私賣文螺海巴海參諸物領憑返回其所得多少不定亦有空行者曾查舊該隊全德侯編簿壬午年採得銀三十笏甲申年得錫五千一百斤乙酉年得銀一百二十六笏自己丑至癸巳五年間歲只得玳瑁海參幾斤間有錫塊石碗與銅銃二

阮氏又置北海隊無定數或平順省府四政村人或景陽社人有情願者付示差行免其搜錢與各巡渡錢使駕私小釣船往北海崑崙峒嶗河河仙群寺等處採取玳瑁海巴及豚魚力貴魚海參等項亦令該黃沙隊井管不過採諸海物金銀重貨罕有所得

黃沙渚正近海南廉州府船人辰遇北國漁舟洋中相問常見瓊州文昌縣正堂官查順化公文內稱乾隆十八年安南廣義府彰義縣割鑷隊安平社軍人名於七月往萬里長沙採拾各物八名登岸尋覓各物只存二名守船狂風斷捉漂入膏瀾港伊官查寔押送回籍阮福潤令順化該簿試量侯爲書以復

Âm:

Phủ biên tạp lục, quyển chi nhị,

Phụng sai Thuận Hóa Quảng Nam đẳng đạo.

Tham thị tham tán quân cơ, Thuận Hóa trấn Hiệp trấn phủ hữu thống cơ, nhập thị Bồi tụng, Hộ bộ Tả, Thị Lang, Đình Thành hầu Lê Quý Đôn soạn.

Quảng Nghĩa phủ, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã, Đại Hải môn ngoại hữu sơn danh Cù lao Ré, quảng khả tam thập dư lý, cự hữu Tứ chính phường cư dân đậu điền, xuất hải tứ canh khả đảo, kì ngoại Đại Trường Sa đảo cự đa hải vật bạc hóa, tập Hoàng Sa đội dĩ thái chi. Hành tam nhật dạ thi đảo, nãi cận ư Bắc hải chi xứ (tờ 78b - 79a).

... Quang Nghĩa phủ, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã cư cận hải. Hải ngoại chi đông bắc hữu đảo dự yên, quần sơn linh tinh nhất bách thập dư đỉnh. Sơn gian xuất hải tương cách hoặc nhất nhật hoặc sổ canh. Sơn thượng gian hữu cam tuyến. Đảo chi trung hữu Hoàng Sa chữ, trường ước tam thập dư lý, bình thân, quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến oa vô số, chúng điệp dĩ vạn, thiên kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chữ biên kì vật thậm đa kì, văn loa hữu danh “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lập như chỉ đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bì, hữu khả tác khôi nê đồ, hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí dụng, hữu danh “ốc hương”, chư loa nhục giai khả yêm chữ. Đại mọi thậm đại, hữu danh “hải ba” tục viết “tráng bông” điệp tự đại mọi nhi tiểu giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn tự cự chỉ đầu, khả yêm thực, hữu danh “hải sâm”, tục viết “đột đột”, du vịnh chữ bàng, thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khứ trường sái càn, thực thời điệp giải thủy tắm chi, quất tịnh đồng hà trư nhục điệp hảo. Chư phồn bạc đa tao phong y cư thử đảo.

Tiền Nguyễn thị trí Hoàng Sa đội thất thập suất, dĩ An Vĩnh nhân sung chi, luân phiên mỗi tuế dĩ chính nguyệt thụ thị hành sai, tề lục nguyệt lương, giá tư tiểu điệp thuyền ngũ chích xuất dương tam dạ thi chí thử đảo cư trú, tứ tinh thái thủ, bổ ngư điệp vi thực. Sở đắc lỗ vật mã kiếm, ngân hoa, ngân tiền, ngân hoàn, đồng khí, tích khối, ô diên, súng khẩu,

tượng nha, hoàng lap, chiến cụ, từ khí dữ thái đại mọi giáp, hải sâm, văn loa lap phả đa. Dĩ bát nguyệt kỳ hồi nhập Yêu môn, tựu Phú Xuân thành đầu nạp. Xứng nghiệm định hạng ngật thi hứa tư mại văn loa, hải ba, hải sâm chư vật lãnh bằng phản hồi. Kỳ sở đắc đa thiếu bất định, diệc hữu không hành giả. Tăng tra cụ cai đội Thuyền Đức hầu biên bộ: Nhâm Ngọ niên thái đắc ngân tam thập hốt: Giáp Thân niên đắc tích ngũ thiên nhất bách cân: Ất Dậu niên đắc ngân nhất bách nhị thập lục hốt. Tự Kỷ Sửu chí Quý Tị ngũ niên gian tuế chỉ đắc đại mọi, hải sâm kỉ cân, gian hữu tích khối thạch uyển dữ đồng súng nhị khẩu nhi dĩ.

Nguyễn thị hựu trí Bắc hải đội vô định số, hoặc Bình Thuận phủ Từ Chánh thôn nhân, hoặc Cảnh Dương xã nhân hữu tình nguyện giả, phó thị sai hành, miếu kì sưu tiền dữ các tuần độ tiền, sử giá tư tiểu điều thuyền vãng Bắc hải, Côn Lôn, Cù Lao, Hà Tiên, Côn tự đẳng xứ thái thủ đại mọi, hải ba cập đồn ngư, lục quý ngư, hải sâm đẳng hạng, diệc lĩnh cai Hoàng Sa đội tinh quân, bất quá thái chư hải vật, kim ngân trọng hóa hân hữu sở đắc.

Hoàng Sa chủ chính cận Hải Nam Liêm Châu phủ. Thuyền nhân thời ngộ Bắc quốc ngư châu, dương trung tương vấn, thường kiến Quỳnh Châu Văn Xương huyện Chính đường quan tra Thuận Hóa công văn nội xưng Càn Long thập bát niên, An Nam Quảng Nghĩa phủ Chương Nghĩa huyện Cát Liêm đội An Bình xã quân nhân thập danh, ư thất nguyệt vãng Vạn Lí Trường Sa thái thập các vật. Bát danh đẳng ngân, tám mịch các vật, chỉ tồn nhị danh thủ thuyền. Cuồng phong đoạn tróc phiêu nhập Thanh Lan cảng, y quan tra thực áp tống hồi tịch. Nguyễn Phúc Chu lệnh Thuận Hóa cai ba Thức lượng hầu vi thư dĩ phục (tờ 82b - 85a).

Dịch nghĩa:

Phủ biên tạp lục quyển thứ II

Soạn giả là Lê Quý Đôn, người vâng mệnh Hoàng đế làm chức Tham thị Tham tán quân cơ hai đạo Thuận Hóa, Quảng Nam, lãnh chức Hiệp trấn phủ trấn Thuận Hóa, kiêm quản Hữu Thắng cơ, đồng thời lãnh chức Nhập thị Bồi tụng hộ Bộ Tả Thị lang, được phong tước Đình thành hầu.

Ở ngoài cửa biển lớn thuộc về địa phận xã An Vinh⁽¹⁾ huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa⁽²⁾ có một hòn núi mang tên là Cù lao Ré, chiều rộng núi này khoảng hơn 30 dặm. Ngày trước có dân cư phường Tư Chánh trồng các thứ cây đậu tại ruộng (nuong) nơi đó. Người ta ra biển rồi chèo thuyền đi bốn trống canh nữa là có thể đến Cù lao Ré.

Ở ngoài Cù lao Ré có đảo Đại Trường Sa, ngày trước nơi đây thường sản xuất nhiều hải vật chở đi bán các nơi nên nhà nước có thiết lập đội Hoàng Sa để thu nhặt các hải vật. Người ta phải đi ba ngày đêm mới đến được đảo Đại Trường Sa ấy. Như thế là đảo Đại Trường Sa đã đến gần xứ Bắc Hải (từ 78b - 79a). (...)

Xã An Vinh thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa ở gần biển, về hướng Đông Bắc, ngoài biển có nhiều đảo và có nhiều núi linh tinh, có hơn 130 ngọn.

(1) An Vinh một trong hai xã (An Vinh, An Hải) thuộc Cù lao Ré tức đảo Li Sơn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

(2) Phủ Quang Nghĩa: đời nhà Nguyễn đổi làm tỉnh Quảng Nghĩa, nay gọi là tỉnh Quảng Ngãi.

Giữa các núi là biển, cách nhau có chỗ hoặc một ngày đường biển, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi (đảo) thỉnh thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo có bãi cát vàng, dài khoảng hơn 30 dặm bằng phẳng và rộng lớn, nước trong nhìn tận đáy. Ở bên các hòn đảo có vô số tổ yến (yến sào) còn các thứ chim thì kể có hàng ngàn, hàng vạn con: hễ thấy người chúng vẫn cứ đậu chung quanh mà không hề tránh né gì cả. Trên bãi có rất nhiều hải vật lạ như ốc hoa, có thứ mang tên “ốc tai voi”, lớn như chiếc chiếu, dưới bụng có từng hạt như ngón tay trỏ lớn, sắc đục không bằng sắc con trai châu. Vỏ ốc ấy có thể tách ra thành phiến, vỏ ốc cũng có thể làm vôi (để quét nhà, xây nhà). Lại có thứ ốc gọi là “ốc xa cừ”, người ta có thể dùng vỏ thứ ốc này để trang sức các đồ dùng. Lại có thứ ốc khác được gọi là “ốc hương”. Thịt các thứ ốc đều có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

Có thứ “đại mao” (hay đại môi) là con đôi môi rất lớn, có con hải ba (ba ba biển), mà tục gọi là “con trắng bông”, cũng giống như con đôi môi, nhưng nhỏ hơn. Mai của chúng mỏng, người ta có thể dùng trang sức các đồ dùng, trướng giống như đầu ngón tay cái, có thể ướp muối dùng làm đồ ăn được.

Lại có con hải sâm, tục gọi là con “đột đột”. Người ta lặn xuống bãi, bắt được hải sâm, rồi lấy vôi xát, bỏ ruột đi, phơi khô. Đến khi ăn dùng nước cua ngâm rồi nạo cho sạch sẽ, trộn với thịt heo và tôm ăn ngon hơn.

Những thuyền lớn đi biển của người Phiên thường khi gặp gió, đều nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, họ Nguyễn⁽¹⁾ thiết lập một đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người ở xã An Vĩnh bổ sung vào. Mỗi năm họ luân phiên nhau đi biển, lấy tháng Giêng, ra đi nhận lãnh chỉ thị làm sai dịch. Đội Hoàng Sa nay được cấp phát mỗi người 6 tháng lương. Họ chèo 5 chiếc thuyền câu nhỏ ra ngoài biển cả ba ngày ba đêm mới đến đảo (tức đảo Hoàng Sa). Họ tha hồ lượm nhặt, tự ý bắt chim, bắt cá làm đồ ăn. Họ lượm được những đồ hải vật như gươm, ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ dùng, thiết khối, chì đen, súng ống, ngà voi, sáp ong vàng, đồ chiên dạn, đồ sứ... Họ còn lượm nhặt những vỏ đồi mồi, những con hải ba, những hạt con ốc hoa thật là nhiều.

Đến kì tháng 3, đội Hoàng Sa ấy mới về cửa Eo⁽²⁾ rồi họ tới thành Phú Xuân trình nạp các vật hạng đã lượm được, người ta cân, khám nghiệm và định xong đẳng hạng các sản vật, rồi mới cho đội này bán riêng những con ốc hoa, hải ba, hải sâm. Bây giờ đội ấy được nhận lãnh bằng cấp trở về nhà. Những vật hạng lượm nhặt được ngoài biển có khi nhiều, khi ít không nhất định, cũng có lần họ ra đi rồi trở về không.

Tôi (Lê Quý Đôn) từng tra khảo sổ biên của cai đội Thuyền Đức hầu ngày trước như sau:

Năm Nhâm Ngọ (tức năm 1702), đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi.

(1) Họ Nguyễn: chỉ các Chúa Nguyễn, việc này xảy ra vào đời các chúa Nguyễn Phúc Trăn (năm 1687-1691) Nguyễn Phú Trú (năm 1725-1738) Nguyễn Phúc Khoát (năm 1738-1765).

(2) Cửa Eo : tức Yếu môn. Cửa này đến năm Gia Long 13 đổi là Thuận An.

Năm Giáp Thân (tức năm 1704), thu được thiếc 5.100 cân.

Năm Ất Dậu (tức năm 1705), thu được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quý Tị (1713) tức trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy cân đồng mồi và hải sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

Họ Nguyễn còn thiết lập thêm đội Bắc Hải. Đội này không định trước bao nhiêu suất. Hoặc chọn lấy người thôn Tư Chánh (ở gần bờ biển) thuộc phủ Bình Thuận, hoặc chọn lấy người Cảnh Dương (sát cửa biển Ròn?), lấy những người lính tình nguyện bổ sung vào đội Bắc Hải. Quan địa phương cấp phát giấy chứng nhận (tức văn bằng) và chỉ thị sai phái ấy đi làm công tác.

Những người được bổ sung vào đội Bắc Hải đều được miễn nộp tiền sưu cùng các thứ tiền lặt vặt như tiền đi qua đồn tuần, qua đò...

Quan trên khiến những người trong đội chèo thuyền tư và thuyền nhỏ câu cá ra Cù lao Côn Lôn ở giữa Bắc Hải, hoặc đi đến xứ Côn Tự thuộc vùng Hà Tiên để tìm kiếm, lượm nhặt những hạng đại mồi, hải ba, đồn ngư (cá heo lớn như con heo), lục quí ngư, hải sâm (con đĩa biển).

Nhà nước sai chức cai đội Hoàng Sa kiêm lãnh đội Bắc Hải này, vì chẳng qua họ chỉ lấy được những hải vật kể trên mà thôi. Còn như vàng bạc và các của cải quý báu khác thì ít khi họ tìm kiếm được.

(...) Những người nước ta đi thuyền, đôi khi gặp những thuyền đánh cá của người Bắc quốc (tức Trung Quốc) ở ngoài biển. Giữa biển cả, người hai nước hỏi nhau, người ta thường lấy công văn của chính viên Đường quan huyện Văn Xương thuộc Quỳnh Châu⁽¹⁾ gọi cho xứ Thuận Hóa. Trong công văn, viên quan ấy đề: “Năm thứ 18, niên hiệu Càn Long (năm 1753) mười tên quân nhân ở xã An Vĩnh trong đội kiếm vàng thuộc huyện Chương Nghĩa, phủ Quảng Nghĩa, nước An Nam, ngày tháng 7 đi ra Vạn Lí Trường Sa lượm nhặt các hải vật. Tám người trong bọn họ lên bờ biển tìm nhặt các hải vật, còn hai người ở lại giữ thuyền. Vì một trận cuồng phong mạnh làm đứt neo thuyền nên hai người ấy bị trôi dạt vào cảng Thanh Lan (Trung Quốc). Viên quan địa phương tra xét đích thực, nên cho đưa hai người này trở về nguyên quán.

Chúa Nguyễn Phúc Chu truyền lệnh cho chức quan cai bạ ở Thuận Hóa là Thực Lượng hầu viết văn thư phúc đáp viên Đường quan huyện Văn Xương.

(Đông Tùng dịch)

Như đã nói, đây là một sử liệu đầy đủ, chính xác nhất về lịch sử cũng như cơ sở pháp lý về chủ quyền của người Việt Nam trên hai phần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ thế kỉ XVIII.

2) Phan Huy Chú với *Lịch triều hiến chương loại chí* và *Hoàng Việt địa dư chí*

Lịch triều hiến chương loại chí và *Hoàng Việt địa dư chí* là hai bộ sách bách khoa Việt Nam của Phan Huy Chú⁽¹⁾, tác

(1) Thuộc đảo Hải Nam, Trung Quốc.

giả biên soạn từ năm 1821 đến năm 1833. Sau đó nó được khắc in ở Huế và Chợ Lớn.

Lịch triều hiến chương loại chí là một tác phẩm bách khoa lớn, gồm 49 quyển chia làm 10 phần (hay 10 chí).

1) *Địa dư chí* (quyển 1 - 5) viết về bờ cõi phong thổ các xứ trong nước.

2) *Nhân vật chí* (quyển 6 - 12) chép tiểu truyện các vị vua, danh nhân, danh tướng, văn sĩ, công thần, liệt nữ...

3) *Quan chức chí* (quyển 13 - 19) danh hiệu, chức tước, phẩm hàm, cách đề cử các quan lại.

4) *Lễ nghi chí* (quyển 20 - 25) chép về các điển lệ thuộc về lễ nghi, sắc phong, tôn miếu... các triều đại.

5) *Khoa mục chí* (quyển 26 - 28) viết về phép tắc và chương trình học tập và các khoa thi (thi Hương, thi Hội, thi Đình) cùng số người đậu đầu các khoa tiến sĩ.

(1) Phan Huy Chú (năm 1782 - 1840): nhà văn, học giả; Nguyên tên là Hạo, sau đổi là Chú, tự là Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, con trai danh sĩ Phan Huy Ích, nguyên quán là Thụ Hoạch, huyện Thiện Lộc, tỉnh Nghệ An; sau đi di cư ra sống ở phủ Quốc Oai, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông xuất thân trong gia đình khoa bảng lâu đời, bản chất lại thông minh, hay chữ, nhưng sau hai lần đi thi chỉ đậu tú tài. Năm 1821, ông được Vua Minh Mạng triệu vào Huế giữ chức Biên tu ở Quốc Tử giám. Năm 1828, ông giữ chức Phủ thừa phủ Thừa Thiên, rồi thăng Hiệp trấn Quảng Nam, Thị độc viện Hàn Lâm, Phó sứ Trung Quốc và Nam Dương (Indonesia)... Cuối năm 1832, ông từ quan về làng dạy học và viết sách.

Ngoài việc là một quan lại, một nhà giáo, Phan Huy Chú còn là một nhà bác học có tầm lực của nước ta vào thế kỷ XIX. Bên cạnh tác phẩm này, ông còn các quyển: *Hoàng Việt Địa dư chí* (hai quyển), *Hoa thiếu ngâm lục*, *Hoa trình tục ngâm*, *Hải trình chí lược*...

6) *Quốc dụng chí* (quyển 29 - 32) viết về phép khai khẩn ruộng nương, các ngạch thuế, tiền bạc, kinh phí...

7) *Hình luật chí* (quyển 33 - 38) viết về luật lệ, hình phạt.

8) *Binh chế chí* (quyển 39 - 41) viết về cách tuyển lính, cách tổ chức quân đội cùng cách huấn luyện đào tạo quân lính.

9) *Văn tịch chí* (quyển 42 - 45) viết về các sách vở do người Việt soạn. Phần này chia làm bốn loại:

- *Hiển chương* (phép tắc)
- *Kinh sử* (kinh truyện và lịch sử)
- *Thi văn* (thơ và văn xuôi)
- *Truyện kí* (văn kí sự).

Mỗi loại đều có liệt kê tên sách và tiểu truyện tác giả, đôi khi có trích dẫn thơ văn và lời nhận xét của tác giả...

10) *Bang giao chí* (quyển 46 - 49) viết về điều lệ các quan lại đến việc ngoại giao giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Với 49 quyển của toàn bộ tác phẩm, tác giả đã có một phương pháp làm việc tương đối chính xác và được cân nhắc kĩ lưỡng mỗi tài liệu sử dụng để hoàn thành sách.

Riêng phần *Địa dư chí*, tác giả đã chép đủ các địa danh đầu các địa danh ấy đương thời vẫn còn duy trì hay đã thay đổi.

Cảnh trí, sông núi đều chép rành rẽ, từ rừng núi, đồng bằng, duyên hải đến hải đảo xa xôi đều được viết kĩ lưỡng. Phần này từ quyển 1 đến quyển 5.

– *Quyển 1*: chép về việc phân biệt bờ cõi của nước ta qua các triều đại từ Hùng Vương đến triều Nguyễn.

– *Quyển 2*: chép về việc phân biệt phong thổ của các đạo Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam.

– *Quyển 3*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, An Quảng.

– *Quyển 4*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo; Hưng Hóa, Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn.

– *Quyển 5*: chép về việc phân biệt ranh giới, phong thổ các đạo: Thuận Hóa, Quảng Nam, Diên Khánh, Định Viễn, Phú Yên, Gia Định, Bình Khang, Bình Thuận và Hà Tiên⁽¹⁾.

Trong quyển 5 này, phần nghiên cứu về Đạo Quảng Nam có viết về phủ Tư Nghĩa, phần lớn đều nói về Hoàng Sa, Trường Sa vì đây là miền đất quan trọng nhất, án ngự phía Đông của phủ Tư Nghĩa hồi bấy giờ.

Đây là sử liệu thứ nhì sau *Phủ biên tạp lục* viết về Hoàng Sa, Trường Sa đầy đủ và chính xác, tuy nó chỉ là công trình của một cá nhân.

Sách này là một bản chép tay của Trương Viên Đông Bác cổ (Hà Nội) có kí hiệu A.50, và sau này tàng trữ tại Thư khố Quốc gia, có kí hiệu 3064.MC (chi nhánh Đà Lạt), hiện nay lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 144-150.

Sau đây là đoạn viết về Hoàng Sa, Trường Sa:

(1) Tham khảo bản dịch của Viện Sử học, 1960, Hà Nội hoặc bản dịch của Tổ Nguyễn Nguyễn Thọ Dực, 1971, Sài Gòn, bản sau có in kèm chữ Hán rất rõ.

歷朝憲章類誌卷之五

潘輝注著

輿地誌

思義府三縣

義江縣〔九十三社〕平陽縣〔七十社〕慕華縣〔五十三〕社思義縣府在廣南之中上游連山橫乖下臨大海其中地勢寬曠太王專制時改爲廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數金銀材木珠貝沉速皆極美好象馬之畜六爲至多又有海外島嶼景物麗奇珍異物多在於此處云

〔平陽縣安永社村居海近海外之東

北有島焉詳山零星一百三十餘嶺山間出海約滿一日或數更山上間有甘泉島之中有黃沙渚約長三十里平坦廣大水清徹底島旁燕巢無數衆鳥以千萬計見人環集不避渚邊異物甚多其文螺有名沃認爲大如席腹有粒如指六色濁不及蚌珠其殼可削成碑又有可作灰泥塗有名沃碑礪可飭器用有名沃香渚蚌肉皆可醃渚玳瑁甚大有名海巴甲薄可飭器皿卵似巨指頭可醃食有名海參俗曰突突游泳渚旁採取以石灰擦過去腸酒乾食時田蟹水浸之同蝦豬肉亦好泊商舶多遭風依於此島

前王歷朝置黃沙隊七十率以安永人充之輪番採取歲以三月受示行差廣六月糧駕小船五隻出洋三日三夜始至此島居恣情採取捕魚爲食所得禮物器寶甚衆與採取海物頗多以八月回八腰門就富春城〕

Phiên âm:

Lịch triều hiến chương loại chí, quyển chi ngũ Dư địa chí Phan Huy Chú trứ.

Tư Nghĩa phủ tam huyện: Nghĩa Giang huyện (cửu thập tam xã), Bình Dương huyện (thập thất xã), Mộ Hoa huyện (ngũ thập tam xã).

Tư Nghĩa phủ tại Quảng Nam chi trung, thượng du liên sơn hoành quai, hạ lâm đại hải, kì trung địa thế khoáng khoáng. Thái vương chuyên chế thời, cải vi Quảng Nghĩa tam huyện, vật lực phong diễn, cốc túc bất tri kì số, kim ngân tài mộc, châu bối trăm tốc giai cực mĩ hảo, tượng mã chi súc, lục vi chí đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dự, cảnh vật tú lệ, kì trân dị vật tại ư thử xứ vân.

Bình Dương huyện, An Vinh xã, thôn cư hải cận. Hải ngoại chi đông bắc hữu đảo yên, quần sơn linh tinh nhất bách tam thập dư đỉnh. Sơn gian xuất hải, ước mãn nhất nhật hoặc số canh. Sơn thượng gian hữu cam tuyến, đảo chi trung hữu *Hoàng Sa chủ*, ước trường tam thập lí, bình thảo quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng yến sào vô số, chúng diều dĩ thiên vạn kế, kiến nhân hoàn tập bất tị. Chủ biên dị vật thậm đa. Kì văn loa hữu danh “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lập như chi đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bì, hựu hữu khả tác hôi nê đồ hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí vật hựu danh “ốc hương”, chủ bạng nhục giai khả yêm chủ. Đại mọi thậm đại, hữu danh hải ba, giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn tự cự chỉ, hữu danh hải sâm, tục viết “đột đột” du vịnh chủ bàng. Thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khứ trường sai cận. Thực thời diễn giải thủy tẩm chi, đồng hà trư nhục diệc hảo. Bạc thương thuyền đa tao phong y ư thử đảo.

Tiền vương lịch triều trí *Hoàng Sa đội* thất thập suất, dĩ

An Vĩnh nhân luân phiên thái thủ. Tuế dĩ tam nguyệt thụ thị hành sai, tề lục nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật tam dạ thi chí đảo cư tứ tình thái thủ bổ ngư vì thực, sở đắc tào vật khí bửu thậm chúng dữ thái thủ hải (vật) phủ đa, dĩ bát nguyệt hồi nhập Yếu môn tự Phú Xuân thành (tờ 11a, 12a).

Dịch nghĩa:

Phủ Tư Nghĩa có ba huyện, huyện Nghĩa Giang có 93 xã, huyện Bình Dương có 70 xã, huyện Mộ Hoa có 53 xã.

Phủ Tư Nghĩa ở giữa đạo Quảng Nam, miền thượng du có núi liên tiếp giăng ngang, phía dưới đến tận biển cả, ở giữa địa thế rộng rãi, từ thời Thái vương⁽¹⁾ chuyên chế đổi làm phủ Tư Nghĩa, phủ này gồm ba huyện. Nơi đây vật lực dồi dào, lúa gạo nhiều không kể xiết, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm hương, tốc hương vô số. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ở ngoài biển, cảnh vật tươi tốt, của quý vật lạ phần lớn ở tại nơi này.

Thôn An Vĩnh thuộc huyện Bình Dương⁽²⁾ ở ngoài biển, gần phía Đông Bắc, ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển, ước đầy một ngày đường, hoặc một vài trống canh. Trên núi có suối nước ngọt, giữa hòn đảo có bãi Hoàng Sa, dài độ 30 dặm, bằng phẳng rộng lớn, nước trong suốt đáy. Trên đảo có vô số yến sào (tổ chim yến), bầy chim kể hàng ngàn, hàng vạn, thấy người tới đậu chung quanh

(1) *Thái vương*: tức Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (năm 1558-1613).

(2) *Bình Dương*: đời nhà Hồ gọi là huyện Trị Bình, đời nhà Lê đổi là Bình Dương, triều Nguyễn đổi là Bình Sơn (nay là huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

không hề tránh đi. Bên bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc hoa (rắn) có thứ gọi là “ốc tai voi”, lớn bằng tấm chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể đeo thành bìa, lại có thể hãm voi để tô trét nhà cửa. Có thứ gọi là “ốc xa cừ”, có thể trang sức đồ vật, lại gọi là ốc hương. Có thứ “đôi môi” rất lớn, gọi là hải ba, vỏ mỏng, có thể trang sức đồ dùng, trúng như ngón tay cái. Có thứ gọi là hải sâm, tục gọi là con “đột đột”, bò chơi trên bãi cát, người ta bắt lấy, dùng voi chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô, khi ăn lấy nước cua ngâm, nấu chung với tôm, thịt heo ăn rất ngon.

Nhiều thuyền buôn đi ngang gặp gió đều nương đậu ở đảo này.

Ngày trước, các Chúa Nguyễn có đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người lấy người thôn An Vĩnh thay phiên, bổ sung vào. Hàng năm cứ đến tháng ba nhận lệnh đi làm việc, đem theo đồ ăn sáu tháng, dùng năm chiếc thuyền nhỏ, đi ba ngày đêm mới đến đảo này. Đến nơi đó, họ tự bắt cá mà ăn, tìm lấy được rất nhiều đồ vật quý báu của các thuyền bị đắm, họ cùng nhặt lượm khá nhiều hải vật. Họ ở đó qua tháng 8 mới trở về cửa Eo (Yêu môn), rồi tới thành Phú Xuân. (Văn Vĩ dịch, Tập san Sử Địa, có tham khảo bản dịch của Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dục, sách Lịch triều hiến chương loại chí, 1971, Sài Gòn).

– Hoàng Việt địa dư chí (năm 1833)

Phản Địa dư chí trong bộ Lịch triều hiến chương loại chí, sau được khắc in thành một bộ sách riêng có nhan đề là Hoàng Việt địa dư chí.

Đây là một bộ sách quen thuộc được giới nghiên cứu chú ý nhiều. Bản khắc in năm Nhâm Thân (năm 1872) tại Đê

Ngạn (Chợ Lớn) có lời giới thiệu của Duy Minh Thị⁽¹⁾. Trước năm 1975, sách tàng trữ tại Viện Khảo cổ Sài Gòn, có kí hiệu VD.7, đã được Hoàng Văn Hòe, dịch sang tiếng Việt. Sách hiện nay lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 192-193.

Nội dung đoạn văn của sách này không có gì khác với *Lịch triều hiến chương loại chí*, nhưng chúng tôi cũng phiên âm, dịch nghĩa trích theo để thuyết minh cho vấn đề:

威在壬申年新鑄一在堤岸和源盛發客

思義府三縣今爲廣義鎮（三屬九總二百十六社下三縣皆屬焉）

彰義縣（舊義江三總九十三社）平山縣（舊平陽三總七十社慕華縣三總五十三社）慕華縣（三總五十三社）

府在廣南之中上渠連山橫乖下臨大海其地勢寬曠太王專制時改爲廣義三縣物力豐衍穀粟不知其數金銀財物珠貝沈速皆極美好象馬之畜亦爲至多九又有海外島嶼景物幽麗

平山縣安永社村居近海海外東北有島嶼焉群山重疊一百三十餘嶺山間出海約隔一日或數更山下間

(1) Duy Minh Thị: Nhà văn, nguyên quán huyện Duy Minh (nên lấy hiệu là Duy Minh Thị) tỉnh Bến Tre, thuở nhỏ lên Sài Gòn đi học ngụ tại Xóm Dầu (An Bình) Chợ Lớn nên khi viết văn lấy bút danh là Phụng Du Li (người xóm Dầu Phụng). Ông là tác giả một số sách Văn, Sử, Địa, như *Lục Vân Tiên* (đỉnh chính bản chữ Nôm), *Đại Nam thực lục* (sách rút gọn bộ Thực lục), *Nam Kỳ dư địa chí*...

有甘泉島之中有黃沙渚長約三十里平坦廣大水清徹底島傍有燕無數衆鳥以千萬計見人旋集不避渚邊異物甚多其文螺有名惡〔作沃〕聽爲大如席腹有粒如指大色濁不及蚌珠其殼可削成碑又有可作灰泥塗有名沃碑礪可飭器甚爲好麗又名沃香諸蚌肉皆可醃煮玳瑁甚大有名海巴甲薄可飭諸器皿卵如巨指頭又名海參俗曰突突游泳渚旁採取以石灰擦過去腸晒乾食時田蟹水浸之同蝦豬肉亦好諸商舶多遵依於此島

前王歷朝置黃沙隊七十率以安永人充之輪番採取歲以三月受示行差贖六月糧駕小船五隻出洋三日三夜始至島居肆情採取捕魚爲食得贖物器寶甚多與採取海物頗衆以八月回八腰門遞就富慧城。

Âm:

Tuế tại Nhâm thân niên tân thuyền

Nhất tại Đề Ngạn Hòa nguyên thịnh phát khách.

Tư Nghĩa phủ tam huyện, kim vi Quảng Nghĩa trấn, (tam thuộc cửu tổng nhị bách thập lục xã, hạ tam huyện giai thuộc yên): Chương Nghĩa huyện (cựu Nghĩa Giang tam tổng cửu thập tam xã), Bình Sơn huyện (cựu Bình Dương tam tổng thất thập xã). Mộ Hoa huyện (tam tổng ngũ thập tam xã).

Phủ tại Quảng Nam chi trung, thượng du liên sơn hoành tháp, hạ lâm đại hải, kì địa thế khoáng khoáng. Thái vương chuyên chế thời cải vi Quảng Nghĩa tam huyện, vật lực phong viễn, cốc túc bất tri kì số, kim ngân tài vật, châu cụ trăm tốc

giai cực mỹ hảo, tượng mã chi súc, diệp chí đa. Hựu hữu hải ngoại đảo dự cảnh vật u lệ.

Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã thôn cư cận hải, hải ngoại đông bắc hữu đảo dự yên, quần sơn trùng điệp, nhất bách tam thập dư lãnh. Sơn gian xuất hải ước cách nhất nhật hoặc số canh. Sơn hạ gian hữu cam tuyến. Đảo chi trung hữu Hoàng Sa chữ, trường ước tam thập lí, bình thản quảng đại, thủy thanh triệt để. Đảo bàng hữu yến vô số, chúng điều dĩ thiên vạn kế, kiến nhân truyền tập bất tị. Chữ biên dị vật thậm đa. Kì văn loa hữu danh (tác ốc) “ốc tai voi” đại như tịch, phúc hữu lập như chỉ đại, sắc trọc bất cập bạng châu, kì xác khả tước thành bì, hựu hữu khả tác khôi nê đồ, hữu danh “ốc xa cừ” khả sức khí vật, thậm vi hảo lệ; Hựu danh “ốc hương”, chư bạng nhục giai khả yêm chữ. Đại mọi thậm đại, hữu danh “hải ba” giáp bạc khả sức khí mãnh, noãn như cự chỉ đầu. Hựu danh “hải sâm” tục viết “đột đột”, du vịnh chữ bàng, thái thủ dĩ thạch khôi sát quá khứ trường sải càn, thực thời diễn giải thủy tẩm chi, đồng hà trư nhục diệp hảo. Chư thương bạc đa cấu y ư thử đảo.

Tiền vương lịch triều trí Hoàng Sa đội thất thập suất dĩ An Vĩnh nhân sung chi luân phiên thái thủ, tuế dĩ tam nguyệt thụ thị hành sai, tề lục nguyệt lương, giá tiểu thuyền ngũ chích, xuất dương tam nhật tam dạ thi chí đảo cư tứ tình thái thủ, bổ ngư vi thực, đắc tào vật khí bửu thậm đa, dư thái thủ hải vật phả chúng, dĩ bát nguyệt hồi nhập Yêu môn đệ tự Phú Xuân thành (tờ 10a - 11b).

Dịch nghĩa :

Phủ Từ Nghĩa nay là trấn Quảng Nghĩa có 3 huyện (gồm 9 tổng, 216 xã); huyện Chương Nghĩa (vốn là huyện Nghĩa Giang cũ, gồm 3 tổng, 93 xã), huyện Bình Sơn

(vốn huyện Bình Dương cũ, gồm 3 tổng, 70 xã), huyện Mộ Hoa gồm 3 tổng, 53 xã.

Phủ Tư Nghĩa ở giữa đạo Quảng Nam, ở thượng du núi liên tiếp giăng ngang, phía dưới biển lớn, ở giữa địa thế rộng rãi. Vào thời Thái vương chuyên chế đổi làm phủ Tư Nghĩa. Phủ này gồm có ba huyện. Ở đây vật lực phong phú, lúa gạo nhiều không kể xiết, vàng bạc, cây gỗ, châu báu, trầm hương, tốc hương đều rất tốt, voi ngựa chăn nuôi rất nhiều. Lại có đảo lớn, đảo nhỏ ngoài biển, cảnh vật xinh tốt, báu kì, vật lạ phần nhiều ở nơi này cả. Thôn An Vĩnh thuộc huyện Bình Dương ở gần biển, về phía đông bắc ngoài biển có hòn đảo lớn, nhiều núi linh tinh, hơn 130 ngọn, từ trong núi ra biển ước đầy một ngày đường biển hoặc vài trống canh. Khoảng dưới núi có suối nước ngọt, trong hòn đảo có bãi Hoàng Sa dài độ 30 dặm, bằng phẳng, rộng lớn, nước trong suốt đáy. Ở ven đảo có vô số yến sào (tổ chim yến). Bầy chim kể hàng ngàn hàng vạn con, thấy người thì bay tới đậu chung quanh không hề trốn tránh. Ở ven bãi có rất nhiều vật lạ, về ốc hoa có thứ gọi là “ốc tai voi”, lớn bằng chiếc chiếu, trong bụng có hạt châu lớn bằng ngón tay, vỏ nó có thể gọt thành bìa, lại có thể hãm vôi để tô trét nhà cửa. Có thứ ốc gọi là “ốc xa cừ”, có thể trang sức đồ vật, lại có loài tên là ốc hương. Thịt các loài trai đều có thể ướp muối hay nấu chín để ăn. Có thứ “đôi môi” rất lớn gọi là hải ba, vỏ mỏng, có thể dùng trang sức các đồ vật như chén bát. Trứng lớn như đầu ngón tay cái. Có thể gọi là hải sâm, tục kêu là con “đột đột”, bơi lặn ở ven bãi cát, người ta bắt lấy, dùng muối chà xát qua, bỏ ruột, phơi khô. Đến lúc ăn, lấy nước cua đồng rưới vào, trộn chung

với tôm và thịt heo, ăn rất ngon... Nhiều thuyền buôn gặp gió thường nương đậu ở đảo này.

Các Chúa Nguyễn đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, đều lấy người thôn An Vĩnh luân phiên bổ sung vào, bơi ra mặt biển thu lượm các hải vật. Hàng năm, cứ đến tháng 3 nhận lệnh đi làm việc, đem theo lương thực trong sáu tháng, đi năm chiếc thuyền nhỏ, ra khơi ba ngày, ba đêm mới đến đảo này. Ở đó, mặc tình tìm lấy cá mà ăn, lấy được nhiều đồ vật quý báu của thuyền đắm, cùng lượm lấy khá nhiều hải vật. Qua tháng 8 mới trở về, vào cửa Eo, tới thành Phú Xuân (Lê Xuân Giảo dịch, có tham khảo bản dịch Hoàng Việt Địa dư chí của Hoàng Văn Hoè, 1972, Sài Gòn).

Với sử liệu vừa dẫn càng làm mọi người thấy rõ chủ quyền trên nhóm hải đảo này thuộc Việt Nam từ lâu.

Lãnh thổ này đã được các triều đại phong kiến Việt Nam hành sử theo luật pháp nhà nước, mà không có sự dị nghị hoặc tranh chấp nào của các nhà nước khác.

3) Quốc Sử quán với các sách Sử Địa

Quốc Sử quán triều Nguyễn là một cơ quan chuyên trách về việc biên soạn các sách lịch sử, địa lí... của Việt Nam. Đây là một cơ quan pháp lí công quyền có tính cách nhà nước. Thế cho nên những sách vở do Quốc Sử quán soạn và được khắc in đều có tính cách pháp lí, không những trong nước mà còn có giá trị tuyệt đối với nước ngoài.

Vào đời nhà Nguyễn, việc biên soạn lịch sử thật sự có qui mô bắt đầu từ đời Minh Mạng. Công việc được triều đình giao cho một cơ quan chuyên môn phụ trách, đứng đầu bởi

những đại thần xuất thân đại khoa. Các vị này đã kinh qua một quá trình học tập, tu dưỡng và làm việc lâu dài tại các cơ quan công quyền trọng đại. Phần lớn trước đó đều là những giáo sư tại Trường Quốc Tử giám (tương đương như các giáo sư Đại học thực thụ tại các Đại học Quốc gia ngày nay) hoặc các quan lớn có thực học và tư cách.

Quốc Sử quán triều Nguyễn từ khi hình thành đến đời Đồng Khánh (năm 1885-1889) đã soạn xong và khắc in một số tác phẩm về Sử, Địa. Số tác phẩm quan trọng này có liên hệ mật thiết đến lịch sử Việt Nam, Trung Quốc từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.

Sau đây là một số sách đề cập đến Hoàng Sa, Trường Sa được các nhà viết sử Việt Nam biên soạn:

- 1) *Đại Nam thực lục tiền biên*;
- 2) *Đại Nam thực lục chính biên*;
- 3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*;
- 4) *Quốc triều chính biên toát yếu*;
- 5) *Đại Nam nhất thống chí* ...

Bên cạnh những tác phẩm của tập thể do nhà nước trực tiếp trông nom, biên soạn. Ngoài ra, các tư nhân vẫn âm thầm nghiên cứu về lịch sử, địa lí nước nhà như Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Nguyễn Thông, Cao Xuân Dục, Phan Thúc Trục...

Chúng tôi lần lượt giới thiệu các tác phẩm có đề cập về Hoàng Sa, Trường Sa trong lịch sử và địa lí Việt Nam.

1. *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Đại Nam thực lục chính biên*

Đại Nam thực lục tiền biên và *Đại Nam thực lục chính*

biên trước đây tàng trữ tại Viện Văn hóa Trung Việt (Huế), sau dời vào Viện Khảo cổ Sài Gòn. Hiện nay, lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, với kí hiệu HNv 55.

Đại Nam thực lục là một bộ sử chép theo thể biên niên với từng đời vua triều Nguyễn (năm 1802-1945). Mỗi đời vua triều Nguyễn đều có một kỉ:

- *Kỉ thứ I chép việc đời Gia Long (năm 1778-1819)*
- *Kỉ thứ II chép việc đời Minh Mạng (năm 1820-1840)*
- *Kỉ thứ III chép việc đời Thiệu Trị (năm 1841-1847)*
- *Kỉ thứ IV chép việc đời Tự Đức (năm 1848-1883)*
- *Kỉ thứ V chép việc đời Kiến Phúc (năm 1884)*
- *Kỉ thứ VI chép việc đời Đồng Khánh (năm 1885-1889)*

Và các đời vua sau chưa viết xong.

Công việc về các đời vua và công quyền trên do các sứ quán thuộc Quốc sử quán nhà Nguyễn bắt đầu viết từ năm 1821 (đời Minh Mạng thứ hai).

Đại Nam thực lục gồm có hai phần:

– Phần đầu gọi là *Đại Nam thực lục tiền biên* viết về các đời Chúa Nguyễn (năm 1558-1778); Giai đoạn này viết xong, được khắc in vào năm 1884 (đời Thiệu Trị thứ tư).

– Phần sau gọi là *Đại Nam thực lục chính biên* viết về các việc từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua (Gia Long) đến đời Đồng Khánh (năm 1885-1889); Giai đoạn này cũng đã viết xong và khắc in vào năm 1848 (Tự Đức năm đầu).

Phần Chính biên này mới viết được đến cuối đời Thiệu

Trị (năm 1841-1847), cả hai phần đều đã viết xong và khắc in⁽¹⁾.

Đại Nam thực lục là một chính sử của các vua triều Nguyễn do các Sử thần trong Quốc Sử quán thừa lệnh triều đình viết. Sách vì vậy có tính cách pháp lí nhà nước. Những biến cố về chính trị, quân sự, lịch sử, địa lí... này đã mặc nhiên được triều đình công nhận. Vì vậy, nó là tiếng nói chính thức của nước Việt Nam vào thời phong kiến cận đại.

Trong bộ sử này, các sử gia Việt Nam đã viết khá rõ về tất cả các sự kiện có liên quan về nhiều vấn đề trọng đại, trong đó có Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Lịch sử địa lí Hoàng Sa, Trường Sa khởi đi từ thời các chúa Nguyễn đến đời các vua Gia Long, Minh Mạng... trong việc bảo vệ lãnh thổ nước nhà.

Sau đây là những đoạn nói về Hoàng Sa và Trường Sa:

a) *Đại Nam thực lục tiền biên*

Phiên âm :

Đại Nam thực lục tiền biên, quyển chi thập

Thu thất nguyệt, Quảng Nghĩa Hoàng Sa đội thừa thuyền vãng Hoàng Sa đảo, tảo phong bạc nhập thang Quỳnh Châu dương phận, thang tổng đốc hậu cấp tổng hồi. Thượng lĩnh vi thư vi chi.

Quảng Nghĩa, Bình Sơn huyện, An Vĩnh xã hải ngoại hữu sa châu nhất bách tam thập dư sở, tương khứ hoặc nhất bách tam thập dư sở, tương khứ hoặc nhất nhật trình hoặc sở

(1) Bộ sách này đã được tổ phiên dịch Viện Sử học dịch (trọn bộ 38 tập). Trong tập 38 có bản *Sự kiện và tư liệu* giúp người đọc tìm hiểu từng sự kiện của bộ sử này, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1978, Hà Nội.

canh húa, diên mậu bất tri kì kì thiên lí, tục xưng Vạn Lí Hoàng Sa châu thượng hữu tỉnh, cam tuyến xuất yêu. Sở sản hữu hải sâm, đại mội, văn loa, ngoạn miết đẳng vật.

Quốc sơ trí Hoàng Sa đột thất thập nhân dĩ An Vĩnh xã dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt thừa thuyền vãng, tam nhật dạ để kì xứ, thái thủ hóa vật, dĩ bát nguyệt hồi nạp, hựu hữu Bắc hải đội, mộ Bình Cố, Tư Chính thôn hoặc Cảnh Dương xã nhân sung chi. Lệnh giá tiểu thuyền vãng Bắc Hải, Côn Lôn đẳng xứ thái thủ hóa vật, diệc do Hoàng Sa đội tinh quân.

Dịch nghĩa :

Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 10

“... Tháng 7 mùa thu, năm Giáp Tuất (năm 1754)

(1) dân đội Hoàng Sa gặp gió to, dạt vào hải phận Quỳnh Châu, thuộc nhà Thanh. Quan tổng đốc nhà Thanh chu cấp cho đầy đủ rồi sai đưa về. Chúa sai viết thư gởi qua cảm ơn.

Ngoài biển xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Nghĩa có hơn 130 cồn cát, cách xa hoặc một ngày đường, hoặc vài trống canh, chiều dài kéo dài không biết tới mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lí Hoàng Sa Châu, trên có giếng nước ngọt, sản vật có hải sâm, đồi mồi, ốc hoa, giải, ba ba.

Hồi quốc sơ đầu triều Nguyễn - đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người - lấy xã An Vĩnh sung vào. Hàng năm cứ đến tháng 3 chèo thuyền ra đảo, ba ngày đêm thì tới nơi, thu lượm hóa vật, đến tháng 8 trở về nộp.

(1) Việc này xảy ra vào cuối đời Chúa Thế tông Nguyễn Phúc Khoát (năm 1738-1765), trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn chép năm 1753.

Nguyễn Q. Thắng

Lại có đội Bắc Hải mộ dân thôn Tư Chính, Bình Cổ, hoặc xã Cảnh Dương sung vào, được lệnh chèo thuyền nhỏ ra các đảo Côn Lôn ở Bắc Hải thu lượm hóa vật cũng do đội Hoàng Sa cai quản luôn...

(Trần Quang Huy dịch)

b) Đại Nam thực lục chính biên

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỉ, quyển chi ngũ thập.

Thế tổ Cao Hoàng đế thực lục.

... Ất Hợi chính nguyệt.

Khiến Hoàng Sa đội Phạm Quang Ảnh đẳng vãng Hoàng Sa thám độ thủy trình.

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ nhất. quyển 50

Thực lục Thế tổ Cao hoàng đế.

... Tháng Giêng năm Ất Hợi (năm 1815).

Sai Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa ra đảo Hoàng Sa để xem xét và đo đạc thủy trình.

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỉ, quyển chi ngũ thập nhị.

Thế tổ Cao Hoàng đế thực lục.

... Bính Tí Gia Long thập ngũ niên.

Mệnh thủy quân cập Hoàng Sa đội thừa thuyền vãng
Hoàng Sa khám đạc thủy trình (Xem phụ trương số 06).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ nhất, quyển 52.

Thực lục Thế tổ Cao Hoàng đế.

... Năm Bính Tí, niên hiệu Gia Long 15 (năm 1816).

Vua ra lệnh cho thủy quân và đội Hoàng Sa đi
thuyền ra đảo Hoàng Sa để khám xét và đo đạc đường
thủy.

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỉ, quyển chi nhất
bách tứ.

Thánh tổ Nhân Hoàng đế thực lục.

Quý Tị Minh Mạng thập tứ niên.

... Để vị công bộ viết: Quảng Nghĩa dương phận nhất
đái Hoàng Sa chi xứ, viễn vọng chi tắc thủy thiên nhất sắc bất
biện thiên thâm, nhĩ lai thương thuyền bị kì hại, kim nghị dự
bị thuyền tao, chí lai niên phái vãng kiến miếu lập bi vu thữ,
hựu đa thực thụ mộc, tha nhật trượng đại uất mậu tắc nhân
dị thức nhận, thứ miễn trước thiên chi ngộ. Thử diệc vạn thế
chi lợi dã (tờ 16b - 17a).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 104.

... Vua bảo bộ Công rằng: Dải Hoàng Sa trong địa phận
Quảng Nghĩa, xa trông trời nước một màu không phân biệt
được cạn hay sâu.

Nguyễn Q. Thắng

Gần đây thuyền buôn thường ít bị đắm. Nay nếu dự bị thuyền bè, đến sang năm sẽ phải người tới dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn, xanh tốt, người dễ nhận biết. Việc này có thể tránh được nhiều nạn mắc cạn. Đó cũng là việc muôn đời vậy.

大南寔錄正編第二紀卷之一百二十二

聖祖仁皇帝寔錄甲午明命十五年

遣監城隊長張福仕與水軍二十餘人乘船往廣義黃沙描取圖本及退

帝問以所產物類仕奏言此處海中沙渚廣漠無涯惟有清人往來攻魚捕鳥而已因以所採禽魚鰲螺蛤上進多是奇物人所罕見者

帝召侍臣觀之賞在行人等銀錢有差

Phiên âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách nhị thập nhị.

Thánh tổ Nhân Hoàng đế thực lục.

Giáp Ngọ Minh Mạng thập ngũ niên...

Khiển Giám Thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ dữ thủy quân nhị thập dư nhân, thừa thuyền vãng Quảng Nghĩa Hoàng Sa xứ, miêu thủ đồ bản, cập thoái.

Để vắn dĩ sở sản vật loại. Sĩ tấu ngôn: thử xứ hải trung sa chủ quảng mạc vô nhai, duy hữu Thanh nhân vãng lai công

ngư bố điều nhi dĩ, nhân dĩ sở thái cảm điều ngư, miết loa cáp thượng tiến, đa thị kì vật, nhân sở hân kiến giả.

Đế triệu thị thần quan chi, thường tại hành nhân đẳng ngân tiền hữu sai (tờ 23a - 23b).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 122.

Năm Giáp Ngọ, Minh Mạng thứ 15 (1834).

Sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ cùng thủy quân hơn 20 người đi thuyền tới đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ xong rồi về.

Khi về, vua hỏi về những loại sản vật ở đấy. Trương Phúc Sĩ tâu: “Đó là cát ở giữa biển, mệnh mông không biết đâu là bờ”. Nhân đó Trương Phúc Sĩ đem dâng lên vua những thứ lượm được ở đảo như: chim, cá, ba ba, ốc, sò, ngao đã bắt được ở nơi đó. Tất cả đều là vật lạ ít khi thấy.

Vua cho vời các thị thần đến xem và khen thưởng những người đi công tác về, và tiền bạc cho những người đã tham gia công việc đó.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

Phiên âm:

大南寔錄正編第二紀卷之一百六十五

聖祖仁皇帝寔錄

乙未明命十六年

建廣義黃沙神祠黃沙在廣義海分有一處白沙堆樹木林茂堆之中有井西南有古廟牌刻萬里波平四字

(白沙堆周圍一千七十丈舊名佛寺山東西南岸皆珊瑚石斜邊水面北接珊瑚石突立一堆周圍三百四十丈高一丈三尺與沙堆齊名磐灘石)

去年帝將於此處建廟立碑適因風濤弗果至是乃遣水軍該隊范文原率監城兵匠與廣義平定二省夫船運往材料建立廟宇隔古廟七丈廟之左暨石碑前設屏障旬日工竣而還。

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách lục thập ngũ.

Thánh tổ Nhân hoàng đế thực lục.

Ất Mùi Minh Mạng thập lục niên (tờ 1a).

... Kiến Quảng Nghĩa Hoàng Sa thần từ. Hoàng Sa tại Quảng Nghĩa hải phận, hữu nhất xứ bạch sa đôi, thụ mộc sâm mậu, đôi chi trung hữu tỉnh, tây nam hữu cổ miếu bài khắc: “Vạn Lí ba bình” tứ tự.

(Bạch sa đôi chu vi nhất thiên thất thập trượng, cự danh Phật tự sơn, đông tây nam ngạn giai san hô thạch tà nhiều thủy diện, bắc tiếp san hô thạch, đột lập nhất đôi chu vi tam bách tứ thập trượng, cao nhất trượng tam xích dư sa đôi tể danh Bàn Thang thạch).

Khứ niên đế tượng ư thử xứ kiến miếu lập bi, thích nhân phong đào phát quả, chí thị nãi khiển thủy quân cai đội Phạm Văn Nguyên suất Giám thành binh tượng dữ Quảng Nghĩa, Bình Định nhị tỉnh phu thuyền vận vãng tải liệu kiến lập miếu vũ (cách cổ miếu thất trượng). Miếu chi tả thụ

thạch bi, tiền thiết bình chương, tuần nhật công thoan nhi hoàn (tờ 4a - 4b).

Dịch nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 154.

Thực lục Thánh tổ Nhân hoàng đế.

Năm Ất Mùi, Minh Mạng thứ 16 (1835).

Dựng “thần từ” ở đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa.

Đảo Hoàng Sa ở hải phận tỉnh Quảng Nghĩa, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh tươi, giữa cồn cát có giếng nước, phía Tây Nam có ngôi miếu cổ. Nơi ấy có tấm bảng khắc bốn chữ “Vạn Lí ba bình”.

(Cồn cát trắng chu vi 1.700 trượng, tên cũ là núi Phật Sơn, phía Đông Tây Nam đều có đá san hô làm thành, triển dốc thoải bao quanh mặt nước. Phía Bắc giao với một dải (cồn) toàn đá san hô dựng cao lên, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng, 3 thước giăng ngang với cồn cát gọi là Bàng Thang thạch)⁽¹⁾.

(1) *Bàng Thang thạch*: nguyên là một bán đảo nhỏ gần cửa Đại Áp, nay thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Đây là vùng biển có thể làm nơi nghỉ mát rất tốt vì cá biển ở đây nổi tiếng là “Cá Bàng Thang”.

Trong dân gian có bài về thủy trình từ Huế về Sài Gòn. Đoạn đường biển từ Đà Nẵng vào Quảng Ngãi có câu:

(...)

Cửa Hàn còn ở trong xa

Trước mũi Sơn Trà sau có HÒN NGHÊ

Vùng NÓM, bãi Bắc dựa kề,

MỈ KHÊ làng mới làm nghề lưới đăng.

Năm ngoái (năm 1834) vua định dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, vì gặp lúc sóng to gió lớn nên không làm được. Đến nay mới khiến cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Nghĩa. Bình định chuyên chở vật liệu đến dựng bia đá, phía trước miếu xây bình phong (tường chắn gió). Làm xong trong 10 ngày rồi về.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

Ngó về NON NƯỚC thẳng băng,
Có chùa thờ Phật, Phật bằng linh thiêng,
LAO XANH nay đã gần miền,
Hòn LA, hòn LỤI nằm liền hòn TAI
Năm hòn nằm đó không sai,
Hòn KHỔ, hòn DÀI láo nháo nên vui.
Ngó về cửa ĐÔI (Đại) thương ôi!
Hòn NỒM nằm dưới mỏ côi một mình.
TAM Ấp, HÀ BỬA có rạn (a) trời sinh
BÀNG THANG (b) Cửa LỖ luôn kinh AN HÒA, (b)
CHÂU LAI, CHÂU Ổ bao xa,
Trước mũi VŨNG QUÍT thiệt là THỐNG BÌNH

...

(a) Rạn: tức những hòn đá ngầm.

(b) Bàng Thang (như trên), An Hòa: tức cửa Đại Ấp: nay thuộc xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hà Bửa: nay thuộc xã Tam Thanh, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Châu Lai: tức cảng Chu Lai ngày nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành tỉnh Quảng Nam, thị trấn Châu Ổ: thuộc huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Sách Đại Nam thực lục chánh biên đệ nhị kỷ quyển chi nhất bách lục thập ngũ, viết:

大南寔錄正編第二紀卷之一百六十五

聖祖仁皇帝寔錄

丙申明命十七年

工部奏言本國海疆黃沙處最是險要前者曾派描繪圖本而形勢廣貌僅得一處亦未明晰所應年常派往遍探以熟海程請自本年以後每○正月下旬遴派水軍弁兵及監城乘烏船一艘以二月上旬抵廣義據廣義平定二省雇撥民船四艘向引駛往黃沙的處不拘何島嶼沙洲凡駛到者即照此處長橫高廣周圍及四近海水淺深有無暗沙石礮險易形勢如何詳加相度描取圖本再照起行日由何海口出洋望何方向駛到此處據所歷水程計算約得幾里又於其處望入海岸正對是何省轄何方斜對是何省轄何方向約略隔岸幾里一一貼說明白遞回呈進

帝允其奏遣水軍率隊范有日率兵船往準帶隨木牌十到處豎立爲誌(牌長五尺闊五寸厚一寸面刻明命十七年丙申水軍正隊長率隊范有日奉命往黃沙相度至此留誌等字)

Âm:

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển chi nhất bách lục thập ngũ.

Thánh tổ Nhân hoàng đế thực lục.

Bính thân Minh Mạng thập thất niên

... Công bộ tấu ngôn: Bản quốc hải cương Hoàng Sa xứ tối thị hiểm yếu, tiền giả tăng phái miêu hội đồ bản nhi hình thể quảng mạo, cận đắc nhất xứ diệc vị minh tích; sở ưng niên thường phái vãng biển thám, dĩ thực hải trình. Thỉnh tự bản niên dĩ hậu, mỗi giới chính nguyệt hạ tuần lần phái thủy quân biển binh cập giám thành thừa ô thuyền nhất tao, dĩ nhị nguyệt thượng tuần để Quảng Nghĩa, cứ Quảng Nghĩa, Bình Định nhị tỉnh cố bát dân thuyền tứ tao hướng dẫn sử vãng Hoàng Sa đích xứ; bất câu hà đảo dữ sa châu, phạm sử đảo giả tức chiếu thử xứ trường hoành cao quảng chu vi cập tứ cận hải thủy thiên thâm, hữu vô ám sa thạch thích hiểm dị, hình thể như hà, tường gia tướng độ, miêu thủ đồ bản, tái chiếm khởi hành nhật do hà hải khẩu xuất dương, vọng hà phương hướng sử đảo, thử xứ cứ sở lịch thủy trình kế toán ước đắc kỉ lí, hựu ư kì xứ vọng nhập hải ngạn chính đối thị hà tỉnh hạt, hà phương, tà đối thị hà tỉnh hạt, hà phương hướng, ước lược cách ngạn kỉ lí, nhất thiếp thuyết minh bạch đệ hồi trình tiến.

Để doãn kì tấu, khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật suất binh thuyền vãng, chuẩn đái tùy mộc bài thập, đảo xứ thụ lập vi chí.

(Bài trường ngũ xích, khoát ngũ thốn, hậu nhất thốn, diện khắc “Minh Mạng thập thất niên Bính thân thủy quân chánh đội trưởng Suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tướng độ chi thử lưu chi đẳng tự”) (tờ 24b - 25a).

Nghĩa:

Đại Nam thực lục chính biên kỉ thứ hai, quyển 165.

Thực lục Thánh tổ Nhân hoàng đế,

Năm Bính Thân, niên hiệu Minh Mạng thứ 17 (năm 1836).

Bộ Công tâu: “Đảo (xứ) Hoàng Sa thuộc vùng biển nước ta, đây là nơi rất hiểm yếu, trước đã từng sai vẽ bản đồ, nhưng vì hình thể xa rộng, nên chỉ mới vẽ được một chỗ, và lại cũng chưa biết nên làm thế nào cho rõ.

Hằng năm thường phái người đi quan sát khắp cả để biết tường tận đường biển. Kể từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng, chọn phái thủy quân đội mũ (binh biển) cùng Giám thành đáp một chiếc thuyền nhằm thượng tuần tháng Hai đến Quảng Nghĩa, giao cho hai tỉnh Quảng Nghĩa, Bình Định, thuê bốn chiếc thuyền của dân, khiến họ dẫn đường ra đảo Hoàng Sa. Không kể là đảo nào, bãi cát nào, phàm khi thuyền đến nơi, tức thì căn cứ ngay chỗ ấy có chiều dài, chiều ngang, chiều cao, bề rộng, chu vi và biển bốn phía chung quanh cạn hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không. Hình thể hiểm trở, dễ dàng thế nào, phải quan sát đo đạc cho rõ ràng rồi vẽ thành bản đồ. Lại nữa, phải căn cứ ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến nơi ấy, căn cứ vào con nước (thủy trình) đã qua, tính rõ được bao nhiêu dặm. Lại cũng từ nơi ấy trông vào bờ biển, thẳng đường là vào tỉnh nào, phương hướng nào, ước lượng cách bờ biển khoảng bao nhiêu dặm. Tất cả đều nhất thiết phải miêu tả cho rõ, lần lượt đem về dâng trình.

Vua y lời tâu. Sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi.

Chuẩn bị mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi dựng bài lên làm dấu ghi rõ (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 3 tấc, dày 1 tấc), mặt bài khắc những chữ: “Năm Minh Mạng thứ 17, Bính Thân

Nguyễn Q. Thắng

(năm 1836). Thủy quân đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc, đến đây lưu dấu để ghi nhớ”.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

2. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ là một bộ sách do các đại thần nhà Nguyễn theo lệnh Vua ghi chép những công tác của triều đình thuộc Lục bộ; về pháp luật, điển chương, chính trị, văn hóa và các công tác của mình ghi chép lại cẩn thận rồi tập trung cho một vị đại thần khác được triều đình chỉ định viết thành sách.

Nội dung bộ *Khâm định* này gần giống như loại sách tổng kết thành tích công tác của nhà nước hiện nay. Những điển sự, công tác này được trình bày dưới hình thức các *Đạo, Dụ, Chiếu, Sắc...* do Vua ban bố và các bản tấu chuẩn, nghị chuẩn do các đại thần, hay Hội đồng Đại thần dâng lên để vua xem xét, chuẩn y rồi cho ban hành thực thi. Tùy theo từng bộ phận của nội các sẽ có những điển sự riêng như điển Lại bộ, điển Binh bộ...

Đại Nam hội điển sự lệ được viết từ năm Thiệu Trị thứ 3 (năm 1843) đến năm Tự Đức thứ 4 (năm 1851) thì hoàn tất. Sách gồm 97 quyển, chép từ Gia Long năm thứ nhất (năm 1802) đến năm Tự Đức thứ tư (năm 1851). Sau đó được tiếp tục viết với tên *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* (năm 1852 - 1889) và (năm 1889 - 1945). Sách hiện nay được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu HNV 121.

Trong bộ sách này vào triều Minh Mạng có một đoạn văn nhắc tới Quần đảo Hoàng Sa như sau:

欽定大南會典事例卷二百七

工部

十六年奏準廣義建黃沙廟一間〔石字體製〕于白沙堆之西南左立石碑〔高一尺五寸面一尺二寸〕前砌屏左右後播植各頁木

Âm:

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển nhị bách thất Công bộ.

Thập lục niên, tấu chuẩn Quảng Nghĩa kiến Hoàng Sa miếu nhất gian (thạch vũ thể chế) vu Bạch sa đồi chi tây nam, tả lập thạch bi (cao nhất xích ngũ thốn, diện nhất xích nhị thốn) tiền thể bình, tả hữu hậu bá thực các hiệt mộc (tờ 25b - 26a).

Dịch:

Năm Minh Mạng thứ 16 (năm 1835), tâu xin cho xây cất một gian miếu tại **Hoàng Sa** (theo kiểu nhà đá) nằm ở phía tây nam cồn Bạch Sa, bên trái dựng bia đá (cao 1m5, rộng 1m2). Mặt trước xếp đá che, hai bên mặt, trái, phía sau miếu có trồng các loại cây.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

3. Quốc triều chính biên toát yếu

Quốc triều chính biên toát yếu là một bộ sử, lược trích các phần quan trọng của bộ Quốc triều chính biên hay Đại Nam thực lục chính biên của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Tương tự như các bộ sử khác, bộ này cũng viết theo thể biên niên từ đời Gia Long trở về sau.

Bộ sử này được Bộ Học (Bộ Giáo dục) thực hiện, do lệnh của Vua Khải Định (Khải Định năm thứ 9 - 1924), sách được dịch ra chữ Quốc ngữ, in và phát hành cho các trường học ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Nhan đề Quốc ngữ của sách là *Sử Quốc triều chính biên toát yếu*. Sách gồm sáu quyển:

– *Quyển I*: Nguyên vương thống nhất sơn hà (1726 - 1802).

– *Quyển II*: Thế tổ Cao hoàng đế (1802 - 1820) tức đời Gia Long.

– *Quyển III*: Thánh tổ Nhân hoàng đế (1820 - 1844) tức đời vua Minh Mạng.

– *Quyển IV*: Hiến tổ Chương hoàng đế (1841 - 1847) đời vua Thiệu Trị.

– *Quyển V*: Dục tông Anh hoàng đế (1848 - 1884) tức đời vua Tự Đức.

– *Quyển VI*: Phế đế Hiệp Hòa (1884) tức đời vua Hiệp Hòa.

Giản tông Nghi hoàng đế (1884 - 1885) đời vua Kiến Phúc.

Cảnh tông Thuần hoàng đế (1884 - 1888) đời vua Đồng Khánh.

Sách này hiện được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh với kí hiệu: HNv 170.

Trong quyển III, đời vua Minh Mạng, sách có đoạn viết về Hoàng Sa như sau:

Phiên âm:

Quốc triều chính biên toát yếu.

Kiến Quảng Nghĩa Hoàng Sa thần từ. Sa tại hải ngoại hữu nhứt xứ thu mộc sâm mậu. Đôi chi trung hữu tỉnh. Tây nam hữu cổ miếu bi khắc “Vạn Lí Ba Bình” tứ tự (Bạch sa đôi tiền danh Phật Tự Sơn). Đông tây nam ngạn giai san hô. Thạch đột lập nhứt đôi chu vi tam bách tứ thập trượng, cao nhứt trượng tam xích, dữ sa đôi tề danh Bàng Thang thạch.

Mệnh ư thử xứ kiến miếu lập bi tiền thiết (tờ 97b - 98a).

Nghĩa:

Dựng Hoàng Sa thần từ Quảng Nghĩa.

Hải phận Hoàng Sa thuộc Quảng Nghĩa có một chỗ có cồn cát trắng, nơi ấy cây cối xum xuê tươi tốt. Ở trong cồn cát có một cái giếng. Phía Tây Nam có một ngôi miếu cổ, bia đá khắc bốn chữ “Vạn Lí Ba Bình” (nghĩa là muôn dặm sóng yên). Cồn cát trắng kia có tên là Phật Tự Sơn. Các bờ Đông Tây và Nam đều có san hô. Nơi đây có một đôi đá nổi lên chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với đôi cát gọi là Bàng Thang thạch. Nay ra lệnh xây miếu và dựng bia ở chốn này. Trước miếu có xây bình phong.

(Lê Xuân Giáo dịch)

Âm:

– Quốc triều chính biên toát yếu, quyển III, tờ 104a.

Khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật suất binh thuyền vãng Quảng Nghĩa, sử vãng Hoàng Sa đích xứ bắt câu hà đảo dự, hà sa châu phàm trường, hoành, cao, quảng, chu vi cập tứ cận hữu vô ám sa, thạch thích, hiểm dị hình thể như

Nguyễn Q. Thắng

hà, hải khẩu sở lịch thủy trình toán ước kì li, hải ngân thị hà xứ địa phương nhất nhất minh bạch, chuẩn đãi tùy mộc bài đảo xứ thu lập vì chỉ miêu hội đồ bản đệ hồi trình (xem phụ trương số 12).

Nghĩa :

Tháng Giêng năm Bính Thân thứ 17 (năm 1836)

... Khiến thủy quân suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đến Quảng Nghĩa, thẳng tới đảo Hoàng Sa, không nệ cù lao nào, cồn cát nào, phạm chiều dài, chiều ngang, chiều rộng, chiều cao, chu vi và bốn phía gần đó có cát ngầm, đá mọc hay không, hình thể hiểm trở thế nào, từ cửa biển ra đo đường thủy ước bao nhiêu dặm; bờ biển thuộc địa phương nào, nhất nhất ghi chép cho rõ ràng. Lại chuẩn bị mang theo thẻ gỗ đến nơi dựng lên làm dấu, vẽ bản đồ đem về dâng lên cho ngài xem.

(Nguyễn Q. Thắng dịch)

– Quốc triều chính biên toát yếu, quyển III, tờ 110a.

Âm :

Thập nhị nguyệt, Anh Cát Lợi thương thuyền quá Hoàng Sa trước tiểu, đầu vu Bình Định hải ngân cửu thập dư nhân. Mệnh trạch địa an trú ưu cấp tiểu mễ. Thuyền trưởng, đầu mục cảm kích kiến ư ngôn mạo. Sắc như Tây phái viên Nguyễn Tri Phương đãi vãng Hạ Châu phụ đầu tổng hoàn quốc.

Nghĩa :

Năm Bính Thân thứ 17 (năm 1836)

Tháng 12, tàu buôn nước Anh Cát Lợi qua bãi Hoàng Sa

bị mắc cạn, ghé vào bờ biển Bình Định hơn 90 người. (Vua) sai tìm nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo. Thuyền trưởng, đầu mục tỏ ra rất cảm kích. (Vua) sắc cho phái viên đi Tây là Nguyễn Tri Phương đem mấy người ấy xuống bến ở Hạ Châu đưa về nước.

(Theo Tập san Sử Địa, số đã dẫn)

4. Đại Nam nhất thống chí

Tiếp theo phần sử, chúng tôi giới thiệu một tác phẩm về địa phương chí cũng do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn. Đó là bộ *Đại Nam nhất thống chí*.

Đại Nam nhất thống chí được vua Tự Đức ra lệnh soạn vào năm 1865 (Tự Đức thứ 18) sách hoàn thành vào năm 1882, nhưng hồi Tự Đức còn sống chưa khắc in. Đến đời Thành Thái (năm 1889 - 1906) các sử thần ở Quốc Sử quán tiếp tục viết và chỉnh lí, vẫn lấy tên như cũ. Công việc kéo dài trong nhiều năm đến năm 1910 (Duy Tân năm thứ 3) mới hoàn tất được các tỉnh Trung Kỳ từ Thanh Hóa đến Bình Thuận (gồm 17 tỉnh).

Người trực tiếp chỉ đạo biên soạn là Tổng tài Quốc Sử quán Cao Xuân Dục⁽¹⁾ và Lưu Đức Xứng, Trần Xá làm Toàn tu. Vì sách soạn xong vào đời Duy Tân, nên đương thời sách

(1) Cao Xuân Dục (năm 1842 - 1923): nhà nghiên cứu Sử, địa phương chí, tự Tử Phát, hiệu Long Cương, quê xã Thịnh Kháng (sau đổi là Thịnh Mĩ) huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An (nay thuộc tỉnh Nghệ An).

Năm 1877, đỗ cử nhân, làm quan đến Thượng thư Bộ Học, Tổng tài Quốc Sử quán. Ông là người chủ biên, tác giả nhiều bộ sử, địa chí có giá trị của nước ta: *Quốc triều hương khoa lục*, *Quốc triều đăng khoa lục*, *Đại Nam dư địa chí*...

Nguyễn Q. Thắng

được các nhà nghiên cứu người Pháp gọi là *Géographie de Duy Tân*.

Nội dung bộ sách này viết về địa lí, phong tục, nhân vật sản vật... từng tỉnh của cả nước từ năm 1906 trở về trước. Còn việc từ năm Thành Thái thứ 10 (năm 1907) về sau chưa được công bố. Các tài liệu chính để các tác giả tham khảo gồm các sách *Hoàng Việt nhất thống địa dư chí* của Lê Quang Định (năm 1759 - 1813), *Đại Nam nhất thống chí* đời Tự Đức (năm 1882), *Đồng Khánh địa dư chí lược* (năm 1886) và *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức (năm 1765 - 1825).

Đại Nam nhất thống chí là một tác phẩm viết về địa lí, phong tục, danh thần, liệt nữ... như một loại địa phương chí được biên soạn công phu, chính xác về các chủ đề như đã nêu.

Sách này trước đây tàng trữ tại Viện Văn hóa Trung Việt (Huế), sau đưa vào Viện Khảo cổ Sài Gòn... Hiện nay sách được lưu trữ tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, có kí hiệu Việt Nam 4373 (tỉnh Quảng Ngãi, quyển VI). Tác phẩm hiện đã được dịch sang tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1969, Hà Nội, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính và bản Nhà Văn hóa Bộ Giáo dục, Sài Gòn do Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, 1964, Sài Gòn.

Sau đây là đoạn viết về Hoàng Sa, Trường Sa như sau:

Ấm:

Đại Nam nhất thống chí, quyển chi lục. Quảng Nghĩa tỉnh.

Phản hình thể

Đông hoành sa đảo (Hoàng Sa đảo) liên thượng hải dĩ vi trì, Tây thống sơn man thể trường lũy dĩ vi cố, nam lân

Bình Định thạch luật cương đương kì xung, bắc tiếp Quảng Nam sa thổ than vì chí hạn.

Nghĩa:

Phía Đông có đảo Hoàng Sa nằm ngang, liên tiếp giữa biển lớn làm ao sâu (nguyên văn chữ tri dịch nghĩa là ao. Chữ tri thường hay đi với chữ thành “thành tri” là để bảo vệ nơi trung tâm hành chánh, quân sự địa phương), phía Tây phòng ngự Sơn Man quấy nhiễu, có lũy đá dài để giữ cho vững chắc; phía Nam giáp đèo Bến Đá (Bình Định) đường nhỏ yếu xung; phía Bắc tiếp giáp động cát Quảng Nam chia làm giới hạn.

(Nguyễn Tào dịch)

Phản các đảo ngoài khơi biển Đông sách viết:

大南一總誌卷之六

廣義省

黃沙島在哩島之東自沙圻海岸放洋順風三四日夜可至島上群山羅列凡一百三十餘峰相隔或一日程或數更許島之中有黃沙洲延袤不知幾千里俗名萬里長沙洲上有井甘泉出焉海鳥群集不知紀極多產海參玳瑁文螺龜鱉等物諸風難船貨物匯聚於此國初置黃沙隊七十人以安永社民充之歲以三月出洋採海物八月由思賢海口回納又置北海隊令黃沙隊兼管往北海崑崙諸島覓採海物島之東近清國海南瓊州府嘉隆初倣舊制置黃沙隊尋罷之明命初常遣官船至其處採訪海程有一處白沙堆周一千七十丈

樹木森茂堆之中有井西南有古廟不知可代所建碑
刻萬里波平四字舊名佛寺山其兩岸皆珊瑚石斜繞
水面西北突起一堆周三百四十丈二尺與沙堆齊名
盤灘石明命十六年命官船運磚石前往建寺左豎石
碑爲誌辰兵夫應役掘得銅葉鋼鐵二千餘斤

Âm:

Đại Nam nhất thống chí, quyển chi lục, Quảng Nghĩa tỉnh:

Hoàng Sa đảo tại Lí chi đông, tự Sa Kì hải ngạn phóng
dương thuận phong tam tứ nhật dạ khả chí, đảo thượng quần
sa la liệt, phàm nhất bách tam thập dư phong, tương cách hoặc
nhất nhật trình, hoặc sổ canh hứ. Đảo chi trung hữu Hoàng
Sa châu diên mâu bất tri kì thiên lí, tục danh “Vạn Lí Trường
Sa châu” thượng hữu tỉnh, cam tuyến xuất yên. Hải điều quần
tập, bất tri kì cực, đa sản hải sâm, đại mội, văn loa, ngoan miết
đẳng vật. Chư phong nạn thuyền hóa vật hồi tự ư thử.

Quốc sơ tri Hoàng Sa đội thất thập nhân dĩ An Vĩnh xã
dân sung chi, tuế dĩ tam nguyệt xuất dương thái hải vật, bát
nguyệt do Tư Hiền hải khẩu hồi nộp. Hựu tri Bắc Hải đội lệnh
Hoàng Sa kiêm quản, vãng Bắc Hải Côn Lôn chư đảo mịch
thái hải vật. Đảo chi đông cận Thanh quốc Hải Nam Quỳnh
Châu phủ.

Gia Long sơ phỏng cự chế trí Hoàng Sa đội tâm bãi chi
Minh Mạng sơ thường khiển quan thuyền chí kì xứ thám phỏng
hải trình, hữu nhất xứ Bạch Sa đôi, chu nhất thiên thất thập
trượng, thụ mộc sâm mậu, đôi tri trung hữu tỉnh, tây nam hữu
cổ miếu, bất tri hà đại sở kiến, bi khắc “Vạn Lí ba bình” tứ tự,
cự danh Phật sơn tự, kì lương ngạn giai san hô thạch tà nhiều

thủy diện, tây bắc đột khởi nhất đôi, chu tam bách tứ thập tượng nhị xích, dư sa đôi tể danh Bàng Thang thạch.

Minh Mạng thập lục niên, mệnh quan thuyền vận chuyển thạch tiền vãng kiến tự, tả thụ thạch bi vi chí. Thời binh phụ ứng dịch quật đắc đồng điệp cương thiết nhị thiên dư cân (tờ 16 - 17).

Nghĩa:

Đảo Hoàng Sa

Ở phía đông cù lao Ré, từ bờ biển Sa Kì, ghe chạy dọc ra khơi, thuận gió thì ba, bốn ngày sẽ đến nơi. Trên đảo có các núi la liệt hơn 130 ngọn, cách nhau hoặc một ngày đường hoặc trong vài trống canh. Trên đảo có đảo Hoàng Sa (Cát Vàng) kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục danh là Vạn Lí Trường Sa. Trên bãi cát có giếng nước ngọt, loài chim quần tụ ở đó không biết ngần nào mà kể. Lại có các sản vật như: Hải sâm, đại mồi (đôi mồi), vằn loa (ốc có vằn) và ngoan niết (ba ba). Những ghe thuyền chở hóa vật bị nạn gió phải vào núp ở đây.

Vào đầu triều chúa Nguyễn có đặt đội Hoàng Sa gồm 70 người, lấy dân xã An Vĩnh sung vào. Thường năm vào độ tháng ba cho ghe ra biển tìm lấy hải vật nơi ấy, qua tháng 8 chạy vào cửa biển Tư Hiền cung nạp. Lại đặt đội Bắc Hải do đội Hoàng Sa kiêm quản đến đảo Bắc Hải và đảo Côn Lôn tìm bắt hải vật. Phía đông đảo này gần phủ Quỳnh Châu thuộc tỉnh Hải Nam, nước Trung Hoa.

Lúc đầu niên hiệu Gia Long cũng phỏng theo chế độ cũ đặt đội Hoàng Sa, sau đó triệt bỏ. Vào đầu niên hiệu Minh Mạng thường sai binh thuyền đến nơi đó để dò xét hải trình, thấy có một gò cát trắng, chu vi khoảng

1.070 trượng, cây cối xanh tươi rậm rạp, trong gò ấy có giếng nước, phía tây có ngôi miếu cổ không biết dựng từ lúc nào hồi ấy có tấm bia chạm bốn chữ “Vạn Lí ba bình” (sóng lặng muôn dặm), nguyên tên xưa gọi là Phật tự sơn, hai bên đều trải đá san hô, quanh ra đến mặt nước: Phía tây bắc đột khởi một cái gò chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 2 thước, bằng gò nói trên tên gọi là Bàng Thang thạch.

Niên hiệu Minh Mạng thứ 16 (năm 1835) sai đội quan thuyền chở gạch đá ra đây dựng chùa; phía bên tả có dựng bia đá làm dấu tích.

Thuở ấy binh phu ứng dịch tại đây, đào được đồng lá và gang sắt trên 2.000 cân.

(Tu Trai Nguyễn Tạo dịch)

5. *Việt sử cương giám khảo lược*

Tác phẩm này do Nguyễn Thông (năm 1827 - 1894)⁽¹⁾ biên soạn. Sách có nhiều tên gọi khác nhau: *Việt sử giám khảo lược*, *Việt sử khảo yếu* hay *Việt sử khảo lược*.

Bộ sách này được Nguyễn Thông viết xong năm 1877 sau khi tác giả tham gia vào việc khảo duyệt bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* của Quốc Sử quán triều Nguyễn vào năm 1867. Đây là một bộ lịch sử Việt Nam giản lược gồm

(1) *Nguyễn Thông* (năm 1827 - 1894): Danh sĩ, sử gia Việt Nam, nguyên tên cũ là Nguyễn Thái Thông, sau lấy tên là Nguyễn Thông, tự là Hi Phần, hiệu Kì Xuyên, biệt hiệu là Độn Am. Người làng Bình Thạnh, tổng Thạnh Hội Hạ, huyện Tân Thạnh, phủ Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc xã Phú Ngãi, huyện Vàm Cỏ, tỉnh Long An).

bảy quyển. Khi viết bộ sử này, Nguyễn Thông có tham khảo nhiều nguồn tư liệu cũ và một số sách khác của Trung Quốc nhằm đính chánh một vài sai lầm của các sách in trước đó.

Trong quyển IV có đoạn nói về Hoàng Sa, Trường Sa như sau:

Dịch nghĩa :

Vạn Lí Trường Sa

Vạn Lí Trường Sa thuộc đảo Lí Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (tục gọi ngoài Lao, người Trung Quốc thì nói ngoài La). Đi thuyền theo hướng Đông chạy ra, chỉ 3 ngày đêm đến nơi. Nước Việt Nam ta xưa kia thường chọn

Thuở nhỏ thông minh, hiếu học, năm 1894 ông đỗ Cử nhân tại Trường thi Gia Định, năm 1851 thi Hội, phạm trường qui nên hỏng, vì nhà nghèo phải đi làm quan tại An Giang, năm 1856 về làm việc tại Quốc Sử quán. Năm 1859 Pháp chiếm Nam Kỳ, ông đầu quân, sau Hòa ước Nhâm Tuất (năm 1862) ông làm Đốc học Vĩnh Long, năm 1867 Nam Kỳ bị mất trọn, ông ra tị địa tại Phan Thiết rồi được cử làm Án sát Khánh Hòa rồi Án Sát Quảng Ngãi, năm 1874 làm việc ở bộ Lễ, năm 1876 giữ chức Tư nghiệp tại Quốc tử giám. Trong thời gian này ông viết *Việt sử thông giám cương mục khảo lược* để đính chính một số sai lầm trong các sách cũ. Năm 1877, ông giữ chức Doanh điền sứ Bình Thuận, rồi Bố chánh Bình Thuận, Đốc học Bình Thuận.

Ông mất ngày 27-8-1884 tại phủ Hàm Thuận cùng tỉnh, an táng tại đó.

Ngoài một nhà thơ, sử gia lớn của Việt Nam Nguyễn Thông còn là một học giả.

Bên cạnh *Việt Sử thông giám cương mục khảo lược*, Nguyễn Thông còn để lại mấy tác phẩm giá trị:

- *Độn Am thi văn tập*
- *Kì Xuyên thi văn tập*
- *Kì Xuyên công độc*.

Ông là thân sinh Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh - những người chủ trì phong trào Duy tân ở Bình Thuận năm 1905 - 1908.

người định tráng ở hai đội An Hải và An Vinh đặt làm đội Hoàng Sa để thu lượm hải sản, mỗi năm cứ tháng 2 ra đi, tháng 8 trở về.

Bãi cát từ Đông qua Nam, nổi lên chìm xuống, kể hàng nghìn trăm dặm, trong đó có những vũng sâu, thuyền tàu có thể đậu được. Trên bãi có sản xuất nước ngọt, chim biển phần nhiều không biết gọi tên gì. Có ngôi miếu cổ lợp ngói, có tấm biển khắc bốn chữ: "Vạn Lý Ba Bình" (muôn dặm sóng yên), không rõ xây dựng từ đời nào. Quân lính ra đó thường mang các thứ cây quả phương Nam tới gieo trồng xung quanh miếu để ghi dấu vết. Từ ngày đội Hoàng Sa triệt bỏ cho đến nay không còn ai qua lại chốn ấy nữa. Trong những truyện kí người đời xưa để lại, thường nói đến những thắng cảnh của mười châu, ba đảo ở ngoài bể. Ngày nay xem ra, không thể bảo rằng không có những đất như thế, nhưng cho đó là hang thần động tiên thì thật là sai lầm⁽¹⁾.

Với hàng chục sử liệu cũ của Quốc Sử quán triều Nguyễn và tư nhân đề cập đến Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa vừa nêu. Những sử liệu ấy đã chứng minh cho chủ quyền Việt Nam trên các hải đảo này, chậm nhất là vào thế kỉ XVII.

Như đã dẫn, sử liệu xưa nhất viết về Hoàng Sa, Trường Sa ngày nay còn tìm thấy đầy đủ và rõ ràng, đó là các tư liệu sau:

Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư được soạn vào cuối

(1) Xem Nguyễn Thông, *Việt sử cương giám khảo lược*, trong Nguyễn Thông *Con người và tác phẩm*. Ca Văn Thỉnh, Bảo Định Giang, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 1984.

thế kỉ XVII (đã viết ở trên). Đây là một tư liệu chính xác về hình thể, vị trí cũng như đặc tính của danh xưng *Bãi Cát Vàng* thay vì Trường Sa, Hoàng Sa như các tư liệu sau đó. Việc một nho sĩ - rất quý trọng và quen dùng từ Hán - đã trung thành với truyền thống dân tộc, là đã dùng thuật ngữ thuần Nôm *Bãi Cát Vàng* để chỉ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, một phần lãnh thổ Việt Nam, là một chứng cứ hùng hồn và xác thực nhất. Điều ấy nói lên tinh cách đại chúng của vấn đề mà sau này các nhà nghiên cứu kế tiếp đều phải tham khảo.

Chính nhờ vào cơ sở căn bản của tư liệu này mà một vài nhà nghiên cứu phương Tây đã vẽ lại thành các lộ đồ, bản đồ, như: *Bản đồ đường qua Quảng Nam*, *Bản đồ xứ Quảng Nam* (trong *Giao Châu chí* của Henri Maspéro). Với bản đồ này có hình *Bãi Cát Vàng* ở ngoài khơi, đối diện với khu vực từ phủ Tư Nghĩa đến phủ Hà Đông (tức từ cửa Sa Kỳ - Bắc Quảng Ngãi - đến thị xã Hội An).

Còn *Bản đồ đường qua Quảng Nam* của H.Dumoutier có vẽ một bãi cát ghi tên là *Bãi Cát Vàng* và *đảo Du Trường* (tức Cù lao Ré ở Quảng Ngãi). Sau này, Giám mục Taberd khi ghi trên bản đồ là *Cát Vàng* (còn trong bài viết thì ghi là *Cồn Vàng*). Điều đó cho mọi người an tường sử, địa thấy các bản đồ sau này đều sử dụng tư liệu trong *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* như một văn kiện gốc. Sau này trên các bản đồ ấy, các nhà nghiên cứu trong nước và nước ngoài đã chỉnh lí, bổ sung; do đó các bản đồ sau có nhiều chi tiết và được miêu tả tỉ mỉ hơn.

Vậy, với các bản đồ và tư liệu gốc của Đỗ Bá vừa dẫn, cho phép mọi người tin rằng Hoàng Sa, Trường Sa đã là một phần lãnh thổ Đại Việt, do người Việt hành sử, chạm nhất là vào thế kỉ XVII (năm 1630 - 1653).

Cùng với *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* vừa nêu, sử liệu của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và của Quốc Sử quán triều Nguyễn càng chứng minh thêm cho tính cách pháp lý về chủ quyền Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam một cách khoa học và xác tín nhất.

Điều quan trọng là các sử liệu này đều là tiếng nói chính thức của nhà nước phong kiến Việt Nam đương thời. Chính vì vậy, nó có tính cách pháp lý nhà nước và Công pháp quốc tế.

Công việc hành sử chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ đó vẫn được tiếp tục duy trì đến đời các chúa Nguyễn (năm 1558 - 1776). Điều đó, được thấy rõ qua việc lập các đội hải quân: *Bắc Hải đội*, *Hoàng Sa đội* do Thuyền Đức hầu, một nhà quân sự chuyên nghiệp hải quân phụ trách. Phạm vi hoạt động của các đội hải quân Hoàng Sa, Bắc Hải rất rộng, từ Hà Tiên (Việt Nam) đến phía Nam đảo Hải Nam (Trung Quốc). Nhiệm vụ của các hải đảo này không những đến Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác thu nhặt hải vật, súng đạn, tiền bạc... do các tàu nước ngoài bị bão đánh đắm trôi dạt vào, mà nhiệm vụ chính của họ là tuần tra, do thám và đo đạc thủy trình trên Biển Đông, nhất là bảo vệ mặt biển Tổ quốc. Các hải đội này được thành lập từ đời Nguyễn Phúc Trấn (năm 1687 - 1691) - và có thể từ trước nữa - mà sau này chúng ta được biết qua *Hải ngoại kỉ sự* của Thích Đại Sán (năm 1633 - 1704) cùng các tư liệu của các giáo sĩ và thương gia phương Tây (xem sau).

Việc hành sử chủ quyền này được kéo dài mãi đến cuối đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (năm 1738 - 1765), Nguyễn Phúc Thuần (năm 1765 - 1766). Tình hình trong nước lúc bấy giờ đã thối nát; và lại, nghĩa quân Tây Sơn hồi ấy trở

thành một lực lượng quyết định cho vận mạng dân tộc. Chủ quyền Việt Nam trên các hải đảo cũng bị bỏ ngỏ và do đó các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải cũng tạm thời ngưng hoạt động trên lãnh hải này chỉ trong một thời gian ngắn.

Suốt trong thời gian có cuộc chiến tranh giữa lực lượng Tây Sơn và Nguyễn Ánh, việc hành sử chủ quyền trên Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác bị đứt quãng từ năm 1776 đến 1802. Nhưng từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, vấn đề chủ quyền trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác lại được tiếp tục duy trì và phát triển mạnh hơn bao giờ hết.

Vào giai đoạn này (năm 1802 - 1848) dưới hai triều Gia Long, Minh Mạng, việc bảo vệ lãnh thổ được triều đình nhà Nguyễn quan tâm cao độ. Công việc giữ nước này được Quốc Sử quán triều Nguyễn ghi lại rất đầy đủ qua các chi tiết trong các sử liệu đã dẫn ở trên. Đó là việc tái lập *đội Hoàng Sa*, *đội Bắc Hải* do các nhà quân sự chỉ huy như Phạm Hữu Nhật, Phạm Quang Ảnh, Trương Phúc Sĩ... đảm trách. Và tên của các vị này được nhân dân Việt Nam đặt tên cho các đảo đã trở thành một sự thật không ai có thể chối bỏ, dị nghị được.

Các nhà chỉ huy hải quân này đến Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác đều do lệnh của Vua để dựng bia chủ quyền, lập miếu thờ, vẽ bản đồ hải đảo và đo đạc hải trình. Điều đáng chú ý là lực lượng các đội hải quân từ Chúa Nguyễn (năm 1558 - 1776) đến triều Nguyễn (năm 1802 - 1945) đều rất mạnh. Các đội này không những mạnh về số lượng (đội Hoàng Sa gồm 70 suất, đội này kiêm lãnh luôn đội Bắc Hải) mà chất lượng của nó đã quyết định cho nhiệm vụ của họ trên đại dương. Binh sĩ trong các đội hải quân này được kén chọn kĩ lưỡng trong dân chúng ở các xã An Vĩnh, An Hải tỉnh

Quảng Ngãi, hoặc người ở làng Tư Chánh thuộc tỉnh Bình Thuận hoặc người Cảnh Dương thuộc tỉnh Quảng Bình. Nghĩa là dân sống ven biển và xuất thân từ các gia đình ngư nghiệp, nên họ rất thích nghi với sinh hoạt biển cả.

Hoạt động của các hải đội trong triều Nguyễn trên vùng biển Việt Nam kéo dài từ Hà Tiên, Côn Lôn đến sát đảo Hải Nam (Trung Quốc), đến khi Nam Kỳ bị thực dân Pháp thôn tính mới bị đình trệ. Như vậy, công tác của các đội hải quân này đã liên tục trong một thời gian dài gần ba thế kỉ (năm 1613 - 1883) tức là thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (năm 1613 - 1635) đến đời Tự Đức (năm 1818 - 1883) trên các khu vực thuộc vùng biển Việt Nam bao gồm Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác.

Điều cần biết là phạm vi hoạt động của các hải đội này không gặp một sự va chạm nào giữa lực lượng hải quân Việt Nam và các lực lượng hải quân Trung Quốc và các nước khác. Nếu vì công vụ, các hải đảo đội Việt Nam bị nạn thì chính quyền Trung Quốc thời đó đã nhiệt tình cứu giúp. Chẳng hạn vào năm 1753 (Cảng Long thứ 18) một chiến thuyền thuộc *đội Hoàng Sa* bị bão trôi dạt vào cảng Quỳnh Châu (Trung Quốc), liền được người Trung Quốc xem xét và tận tình giúp đỡ lương thực, phương tiện để trở về Việt Nam mà không có lời phản kháng đối với triều đình Việt Nam. Thế cho nên, Chúa Nguyễn đã có văn thư phúc đáp, cảm ơn sự giúp đỡ trên của nhà cầm quyền huyện Văn Xương thuộc Hải Nam (Trung Quốc) (xem *Phủ biên tạp lục*).

Công việc hành sử chủ quyền trên còn được thấy qua các di tích trên Hoàng Sa như Bia chủ quyền, Miếu Bà ... (xem phần miêu tả các đảo), chùa Phật Sơn, miếu thờ thần,

bia đá, thẻ gỗ ghi mực nước, nhất là công tác trồng cây (xem tư liệu).

Bên cạnh đó, ta còn thấy một chứng cứ khoa học chính xác nhất, mà các nhà khoa học tự nhiên đã nhiều năm nghiên cứu. Đó là các tộc đoàn thảo mộc và các sinh vật ngày nay có mặt trên Hoàng Sa đều có gốc từ đất liền các tỉnh Trung Kỳ⁽¹⁾ chứ không phải từ Trung Quốc hay các nước nào khác.

Với các sử liệu cổ, từ Đỗ Bá (thiếu tên) đến Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú và các sử thần trong Quốc Sử quán triều Nguyễn là những bằng cứ không thể nào phủ nhận được.

Do vậy, chúng ta có quyền - và đã từng - khẳng định: Quần đảo Hoàng Sa ngày nay là *huyện đảo Hoàng Sa* thuộc thành phố Đà Nẵng và Quần đảo Trường Sa là *huyện đảo Trường Sa* thuộc tỉnh Khánh Hòa của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền khẳng định này không có một sử liệu nào của Trung Quốc hoặc của một nước nào khác có thể đặt ngược vấn đề.

(1) Thảo khảo: H.Fontaine, Lê Văn Hội, *Contribution à la connaissance de la flore des Îles Paracels*, in trong *Khảo cứu niên san Khoa học Đại học đường Sài Gòn*, 1957.

CHƯƠNG IV

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA VỚI CÁC TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI

1- Trần Luân Quýnh với *Hải quốc kiến văn lục*

Các sử liệu và đồ thư (sách bản đồ) của Việt Nam từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII đã nói rõ về việc hành sử chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Đồng thời với các sử liệu cổ Việt Nam như đã nêu, chúng ta còn thấy một vài sách cổ Trung Quốc cũng có đề cập Hoàng Sa, Trường Sa, nhưng rất mập mờ, như sách *Vũ bị chí* của Mao Nguyên Nghi, Triệu Nhữ Quát viết một cách rất mơ hồ: ở phía Đông đảo Hải Nam có *Thiên Lí Trường Sa* (Cát dài ngàn dặm), *Vạn Lí thạch sàng* (Giường đá muôn dặm) mà sau này một số người Trung Quốc cho đó là Quần đảo Hoàng Sa (họ gọi là Tây Sa Quần đảo), Trường Sa (họ gọi là Nam Sa Quần đảo).

Sách *Vũ bị chí* của Mao Nguyên Nghi cho rằng năm thứ ba niên hiệu Vĩnh Lạc đến năm thứ 5 niên hiệu Tuyên Đức (1405 - 1433) Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây dương đã từng qua Vạn Lí thạch sàng. Do đó, các nhà cầm quyền hiện

nay ở Bắc Kinh cho rằng Vạn Lý thạch sàng tức Quần đảo Hoàng Sa.

Sự thật, từ đầu thế kỉ XV, Trịnh Hòa một đại thần nhà Minh, bảy lần đi xuống các nước Đông Nam Á và lân cận để bành trướng thế lực, lãnh thổ. Đi đến đâu đội quân của Trịnh Hòa, sau khi bức bách vua chúa và nhân dân bản xứ, đều dựng bia ghi dấu hành động thám sát của mình. Các bằng chứng ấy tìm thấy ở Indonesia, Malaysia, Java... Gần đây ở Tích Lan (Srilanka) người ta còn thấy một tấm bia của đạo quân xâm lược này khắc bằng ba thứ chữ: Hán, Tamil và Ba Tư (tiếng Tamil và Ba Tư thuộc ngữ tộc Ấn Âu)⁽¹⁾.

Mục đích chính của đạo quân do Trịnh Hòa thống lãnh là xâm lược, đồng thời họ còn có ý đồ khống chế việc giao thông bằng đường biển quan trọng này đối với khu vực Đông Nam châu Á và cửa ngõ đến miền Nam Ấn Độ⁽²⁾.

Những hành động trên của đạo quân nhà Minh được thấy rõ qua các sử liệu của các nhà hàng hải, quan chức Trung Quốc đương thời và sau đó. Các tư liệu này gồm có các sách: *Trù hải đồ biên* (năm 1562), của Mao Khôn, *Vũ bị chí* (năm 1621) của Mao Nguyên Nghi, *Vũ bị bí thư* (năm 1800), *Hải vận yếu lược* (năm 1840) của Thi Vĩnh Đồ... Hầu hết các tư

(1) Theo Lăng Hồ (Nguyễn Khắc Kham). *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam. Tập san Sử Địa*, 1975, Sài Gòn.

(2) Theo sử Trung Quốc và một sử gia Pháp còn cho rằng các chuyến đi của Trịnh Hòa còn để do thám việc Vua Huệ đế, cháu nội Thái tổ Chu Nguyên Chương) giành ngôi. Sau đó, Huệ đế trốn biệt tích, nên sau này Lê Vương (1403 - 1424) sai Trịnh Hòa đi sứ (bảy lần) mà còn để tìm tông tích Huệ đế để ám sát ông ta nữa. (Tham khảo: Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung Quốc*, Nhà xuất bản Văn hóa, 1997, hoặc *La Chine ancienne* của J. Gernet, 1964, hoặc *La Chine antique* của Henri Maspero, 1965.

liệu trên không có sách nào nói về việc đạo quân của Trịnh Hòa ghé hoặc chiếm cứ Hoàng Sa (Đại Hoàng Sa), Vạn Lí Trường Sa (Hoàng Sa châu), lập bia ghi dấu vết chiếm hữu của mình như nhiều lần họ đến các nước khác.

Sách *Doanh nhai thắng lãm* của Mã Hoan (viết đời nhà Minh - Mã Hoan từng làm thông ngôn cho Trịnh Hòa đi chinh phục các nước) cũng có nhắc việc Trịnh Hòa đi Nam Dương có ghé Chiêm Thành (địa hạt Qui Nhơn ngày nay). Chuyến trở về có ghé Côn Lôn dương (tức vùng biển đảo Côn Lôn ngày nay), rồi ghé Ngoại La Sơn (tức đảo Lí Sơn - Cù lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi) mà không thấy nói đến việc ghi dấu kỉ niệm nào ở Hoàng Sa và Trường Sa này cả.

Theo sử gia Groeneveldt thì *Vạn Lí thạch đường* (còn gọi là *Thạch tinh thạch đường* tức là một biệt xưng của *Bãi Cồn Macclesfiel* (Macclesfieldt Bank) không thể xem là Nam bộ của Quần đảo Tây Sa ngày nay⁽¹⁾. Cuối cùng, họ cho rằng các đảo Hoàng Sa, Trường Sa (Vạn Lí thạch sàng) ngày nay thuộc nước nào thì không thể chứng minh dứt khoát được. Nguyên văn như sau:

“Vạn Lí thạch đường: tự An Nam, Tân Châu cảng ngoại hiệu bội dư bắc thất canh, hoặc tòng Ngoại La tham đông, câu khả chi Vạn Lí thạch đường, tức tại kim Việt Nam Bình Định Đông Bắc. Phả nghi tức kim Tây Sa Quần đảo chi Nam Bộ.”

(1) Theo *Lương chủng hải đạo chiêm kinh*. Trung Hoa thư cục, 1961, Bắc Kinh, Lăng Hồ, dẫn trong *Tập san Sử Địa*, số 29, 1975.

Nghĩa là:

Từ hải cảng Tân Châu của An Nam ra ngoài khơi cách hiệu 7 canh về phía Bắc, hoặc từ Ngoại La đi về phía Đông Bắc Bình Định Việt Nam ngày nay. Rất ngờ đó là Nam bộ Tây Sa Quần đảo ngày nay⁽¹⁾.

Ở đây chúng ta cần chú ý cụm từ “Phả nghi” trong câu “Phả nghi tức kim Tây Sa Quần đảo chi Nam Bộ”. Nghĩa là *Rất ngờ đó là Nam bộ Tây Sa Quần đảo ngày nay.*

Hoặc: “Ngoại La, tại Việt Nam Tân Châu cảng ngoại, nhập Tân Châu cảng dĩ thử vị vọng sơn; kim địa vô khảo.”

Nghĩa là:

Ở phía ngoài cảng Tân Châu Việt Nam, vào cảng Tân Châu lấy đó làm vọng sơn, ngày nay thuộc nơi nào thì không khảo cứu được.

Từ đó cho ta thấy các sách sử địa của Trung Quốc từ trước đến nay đã không nêu được bằng cứ nào xác thật để minh chứng cho chủ quyền của họ trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Đã vậy, bên cạnh các tư liệu mơ hồ trên, ngày nay chúng ta tìm thấy một số tư liệu đáng tin như sách *Hải quốc kiến văn lục. Hải quốc kiến Văn lục* của Trần Luân Quýnh soạn vào đời nhà Thanh (năm 1744), khi mô tả đường biển từ Hải Nam đến các nước Đông Nam châu Á có nhấn mạnh: “*phía Nam ngắn sát nối tiếp đến Việt hải là Vạn Li Trường Sa*”.

(1) theo *Lương chủng hải đạo chiêm kinh*. Trung Hoa thư cục - Bắc Kinh 1961. Trích lại của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham. *Tập san Sử Địa*, số 29, 1975, Sài Gòn.

Xem đó, ta thấy rằng ngay đầu thế kỉ XVIII một người Trung Quốc đã dùng danh xưng Việt hải để chỉ Biển Đông hay biển Việt Nam, mà trong biển này có Vạn Lí Trường Sa. Với tư liệu này, dù muốn hay không muốn, sử gia Trung Quốc này đã mặc nhận Vạn Lí Trường Sa là đất của Việt Nam, chậm nhất vào đầu thế kỉ XVIII (năm 1744).

Sau đây là đoạn văn dịch của sách *Hải quốc kiến văn lục* của Trần Luân Quýnh đề cập Hoàng Sa, Trường Sa.

*“Nam Áo khi ở phía Đông Nam châu Nam Áo, đảo ấy nhỏ mà bằng, bốn mặt treo chân đều là đá rạn, dưới đáy mọc cỏ rong dài đến hơn trượng, vũng có bãi cát, thu hút dòng nước ở bốn mặt, thuyền không thể đến được vào đậu thì bị hút vào, không thể quay ra được. Cách Nam Áo 7 canh đường, xưa gọi là Lạc Tế Bắc, chỗ nổi, chỗ chìm, đều là ngấn cát cả, dài ước 200 dặm, tính đường biển phải hơn 3 canh. Hết xứ Bắc thì có hai quả núi tên là Đông Sư, Đông Tượng đối lập với Sa Mã Kỳ ở Đài Loan cách ngoài biển 4 canh gọi là Sa Mã Kỳ đầu môn khi mọc giữa biển. **Phía Nam ngấn cát nối tiếp đến Việt Hải là Vạn Lí Trường Sa.** Phía Nam cách một biển gọi là Trường Sa môn. Lại từ đầu phía Nam cũng sinh ngấn cát đến Vạn Châu ở Quỳnh Hải gọi là Vạn Lí Trường Sa. Phía Nam bãi cát ấy lại mọc đá rạn đến bãi Thất Châu, gọi là Thiên lí thạch đường. Trường Sa môn ấy với Nam Á ở phía Tây Bắc và với đảo Đại Tinh ở Bình Hải đứng đối nhau như ba chân vạc. Trường Sa môn từ Nam đến Bắc rộng ước 5 canh đường. Những thuyền Phiên, tàu Tây qua lại với các nước Nam Dương, Lữ Tống, Văn Lai, Tô Lộc, đều do Trường Sa môn mà ra. Gió bắc thì lấy Nam Á làm chuẩn,*

gió nồm thì lấy Đại Tĩnh làm chuẩn. Duy từ các tỉnh Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến đi sang Đông Nam Dương thì đi qua Sa Mã Ki đầu môn ở Đài Loan mà đến các nước Lữ Tống. Thuyền Tây Dương đi phía Đông biển Côn Lôn Thất Châu ở ngoài Vạn Lí Trường Sa, qua Sa Mã Ki đầu môn mà đến Phúc Kiến và Chiết Giang. Thuyền Nhật Bản thì lấy thẳng đường dây cung mà đến Trung Quốc, đến Nam Dương thì đi phía ngoài Vạn Lí Trường Sa, mệnh mông không lấy gì làm chuẩn được, đều từ Việt dương trong khoảng các đảo ấy mà đến Thất Châu”.⁽¹⁾

Với sử liệu này, chính người Trung Quốc (Trần Luân Quynh) viết vào thời nhà Thanh (năm 1744) đã chính thức sử dụng biệt danh Việt hải, Việt dương (biển Việt Nam) để chỉ biển Đông, nơi đây có hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa - mà Trần Luân Quynh gọi là Vạn Lí Trường Sa, là hai Quần đảo đã thống thuộc Việt Nam chậm nhất là vào thế kỉ XVIII.

Bên cạnh *Hải quốc văn kiến lục* vừa dẫn, chúng ta còn thấy Thích Đại Sán trong *Hải ngoại kỉ sự* cũng có đề cập Hoàng Sa, Trường Sa khá chi tiết.

(1) *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1970, Hà Nội. Bản dịch của Đào Duy Anh, phần Phụ lục *Quần đảo Hoàng Sa*.

2) Thích Đại Sán với *Hải ngoại ký sự*

Hải ngoại ký sự do Thích Đại Sán biên soạn⁽¹⁾ sách hiện nay còn tàng trữ tại Đông Dương văn khố Nhật Bản và Quốc Lập Trung ương đồ thư quán Trung Hoa (Đài Loan).

Sách nguyên là một “tàng thư” của Đàng Diên Phong Bát, một bác sĩ người Nhật. Sau khi chủ nhân sách qua đời, sách trở thành tài sản của Đông Dương Văn khố Nhật Bản. Sách có ba bài tựa, một của *Dũng Giang Cừu Triệu Ngao* (Thương Trự), *Ngô Giang Từ Hoàn* (Thiên Đình), *Tấn Lăng*

-
- (1) *Thích Đại Sán*: (năm 1633 - 1704) Hòa thượng Phật giáo, còn gọi là Thạch Liêm Hòa Thượng, hiệu là Đại Sán Hán Ông, tục gọi là Thạch Đầu Đà, quê ở Giang Hữu, tỉnh Chiết Giang. Bình sinh đời ông ít thấy sách Trung Quốc viết một cách khách quan, phần lớn các sách đều du mị nhà cầm quyền đương thời nên có ác cảm với ông.

Sách *Đại Nam liệt truyện* đời nhà Nguyễn nước ta viết:

“Cuối đời nhà Minh, người Mãn Thanh làm chủ Trung Quốc, Thạch Liêm giữ nghĩa chẳng chịu làm tôi, bèn từ già mẹ già, xuất gia đầu Phật, chống gậy vân du, phạm những nơi danh thắng sơn xuyên, dấu chân hầu khắp.”

Sách *Hoa di biến thái* của Trung Quốc viết:

“Nói tóm tắt, Thạch Liêm tuy sinh quán tại Nam Kinh, nhưng cư trú ở Quảng Đông hơn 20 năm, trong khoảng ấy đức hạnh ông rất thịnh sáng, bởi thế quần dân gần xa qui y rất đông. Trong bọn thương khách thuyền chèo tôi cũng có người đã từng đến Trường Thọ am lay Phật.”

Thích Đại Sán là một tu sĩ Phật giáo nhưng tính người phóng khoáng, đa tài, sách vở cổ Trung Quốc cho ông là “bạc bạc nhà khôi ki”. Cuối đời, ông bị Tuần vũ Giang Tây Lí Cơ Hòa trục xuất, áp giải về nguyên quán, nửa đường ông chết ở Thường Sơn.

Hồi năm 1694, nhận lời mời của Chùa Nguyễn Phước Chu ông đến Hội An, Huế giảng kinh Phật. Sau khi về nước ông viết sách *hải ngoại ký sự*. Ngoài việc là một tu sĩ, Thích Đại Sán còn là một nhà thơ, một họa sĩ đa tài.

mao Đoan Sĩ (Hành Cửu) và bài “Bản Sư” Hải ngoại kỉ sự của Minh vương Nguyễn Phúc Chu (năm 1691 - 1725).

Tác phẩm này năm 1962 được giáo sư Trần Kinh Hòa giới thiệu và nhà Hán học Nguyễn Duy Bật dịch sang tiếng Việt⁽¹⁾.

Nội dung sách viết về việc tác giả được chúa Nguyễn Phúc Chu cung thỉnh đến Đàng Trong hoàng dương đạo pháp ở phương Nam vào giai đoạn Chúa Minh Vương cai trị xứ Đàng Trong.

Sách ghi chép từ tháng 8 năm Giáp Tuất (năm 1694) lúc Thích Đại Sán tiếp sứ giả Đại Việt tại am Trường Thọ ở Quảng Đông, cho đến tháng 11 năm Ất Hợi (năm 1695).

Những điều tai nghe mắt thấy, được Đại Sán ghi lại đầy đủ trong hơn một năm sống tại hai xứ Thuận Quảng. Với chuyến du hành này đã giúp cho ông nhiều điều kiện để hoàn thành sách với nhận xét chính xác, tinh tế của mình. Nội dung và chủ đề của sách được ông qui kết:

“Thăm thoát hơn một năm, hằng ngày trò chuyện với Quốc vương, quần thần, tiếp xúc với tứ phương đại chúng, những điều tai nghe mắt thấy, như chính trị đặc thất, phong tục tà chánh, hay sơn xuyên nhân vật, thảo mộc trùng ngư... Tuy còn nhiều chỗ chưa trải qua, nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu rõ được đại khái. Bởi thế việc bất câu lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hễ gặp việc quan yếu là chép, hoặc gặp vật kì dị là ghi, dám đâu tự

(1) *Hải ngoại kỉ sự*, Nguyễn Duy Bật dịch, Viện Đại học Huế xuất bản, 1963, Huế.

cho mình là bậc quân tử muốn hành đạo Nam bang, chỉ muốn sao cho phong tục viễn phương, được phổ biến kiến văn về Trung Quốc mà thôi vậy.” (Hải ngoại kỉ sự, quyển 5)

Nội dung và chủ đề của sách được tác giả trình bày bao quát như trên, nhưng thật ra, tác giả còn ghi lại một số sự kiện về lịch sử, địa lí, chính trị, phong tục... ở xứ Đàng Trong tương đối chi tiết. Sau đây là đoạn nói về cảnh tàu thuyền nước ngoài vào cảng Đại Việt lúc đó:

“Nước Đại Việt kiến thiết đô ấp trên hình vòng cầu. Ăn cơm sớm xong ta hỏi: Nay gió vào Hội An thuận, hoặc vào Thuận Hóa thuận chăng? Nếu trả lời vào Thuận Hóa thuận, ta cười bảo nếu vậy cứ vào Thuận Hóa. Người coi lái biết không thể cãi, nhìn nhau rồi quyết định. Buông gió một chập vào đến vòng núi, ấy là đảo Tiêm Bích La (Cù lao Chàm) dần dần thấy gò cao rừng rậm, dần dần thấy nội phẳng đồng bằng, kia so le mấy nóc nhà tranh, nọ phát phơ mấy cây cổ thụ; bãi cát trắng xóa, bãi nước biển dội sạch, xa trông một vòng bạc sáng ngời, giống như bờ đề khước nguyệt. Nổ mấy phát pháo lớn, ra hiệu cho trên bờ biết có tàu đến nơi. Cửa biển vẫn chưa trông thấy, chỉ thấy trên mặt biển có một làn sóng dợn xa xa. Bỗng chốc, một lá buồm hình lưới riu, từ phía mặt trời lặn chạy lại, lúc đến nơi, trời đã nhá nhem tối, nhìn thấy một người trần trọc mang khố, đầu bới tóc có giắt lông nhím, răng đen, nói líu lo; người ấy vì không phải phụng mạng mà lại, nên không dám lên tàu. Trên tàu có người xuống thuyền xem chơi, người ấy cũng không chịu. Hai Phiên tăng, nguyên người nhà vua sai sang Quảng Đông ra

hỏi chuyện, người ấy bèn thi lễ. Lấy dây giống Phiên tẳng xuống thuyền để chạy đi thông báo với Quốc vương. Kế có một chiếc thuyền lại, có một viên quan cũng bới tóc đi chân không, chong đèn ngồi canh giữ không đi (...)

Rạng sáng thuyền từ phía chèo đến đông như kiến cỏ (...) Qua giờ Thìn, có hai chiến hạm của nhà vua, sai Quốc Cậu đem ra đó, hai Phiên tẳng cũng trở lại, thi lễ xong, lập tức giục xuống thuyền nói có Quốc Cậu đang kính chờ bên thuyền. Vài mươi thủy quân vòng ta xuống, nổi trống đồng, họ hát chèo đi”. (Hải ngoại kỉ sự, quyển 1)

Đoạn văn trên cho chúng ta thấy duyên hải dọc theo Đàng Trong và các cửa biển Đại Việt thời ấy được canh phòng rất cẩn mật, cùng cách tổ chức đi biển của ngư dân Việt Nam khá chu đáo, qui củ. Điều này chứng tỏ được việc duy trì quyền lực trên biển cả của Chúa Nguyễn.

Lại một đoạn nữa, tác giả kể rõ lộ trình nguy hiểm của đường biển quan trọng ngoài khơi Biển Đông. Bên đó cũng còn xác định rõ khu vực lãnh hải Đại Việt vì nơi đây có một số đảo lớn nhỏ nằm ngoài khơi vùng biển của xứ Đàng Trong. Các hải đảo này đã được người Việt cai quản dưới nhiều hình thức. Sách viết:

“Khách có người bảo, mùa gió xuôi trở về Quảng Đông vào độ nửa tháng trước, sau tiết lập thu. Chùng ấy, gió Tây Nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chùng bốn năm ngày đêm có thể đến Hồ Môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió Bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng Đông, sức gió Nam yếu, không chống

nổi dòng nước chảy mạnh về Đông⁽¹⁾, lúc ấy sẽ khó giữ được ổn tiện vậy. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ Đông Bắc qua Tây Nam; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển; mặt cát khô rắn như sắt, rủi thuyền chạm, ắt phải tan tành; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể gọi là Vạn Lý Trường Sa, mù mịt chẳng thấy cỏ cây, nhà cửa; nếu thuyền bị trái gió, trái nước tấp vào, dù không tan nát, cũng không gạo, không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quảng ấy cách Đại Việt 7 ngày đường, chừng 700 dặm. Thời Quốc vương trước, hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc, khí cụ của các thuyền hư tấp vào. Mùa thu nước dòng cạn, chảy rút về hướng Đông, bị một sóng đưa đi, thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm. Sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa Trường Sa.” (Hải ngoại kỉ sự, quyển 3)

Hoặc đoạn dưới đây chứng tỏ Hoàng Sa, Trường Sa là một hải điểm nguy hiểm cho tàu biển và cũng cho chúng ta biết được khả năng của thuyền đánh cá Việt Nam lợi hại như thế nào trong việc ra khơi của họ.

“Qua ngày 30, đánh thanh la nhổ neo. Mấy mươi chiếc điếm cô (thuyền đánh cá), cột dây thuyền ra cửa (...) Gió Nam thổi dịu dần, thuyền chạy vát tới vát lui, chẳng tiến được bao nhiêu. Bỗng chốc mưa lớn, gió bắc

(1) Về Đông: tức áp Đông, đây là thuật ngữ chỉ định lưu qua năm sau tại nước khác của tàu biển. Trong *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức cho biết các tàu biển Trung Quốc khi gặp gió áp đông phải đợi đến mùa sau có gió Nam mới về được.

thối mạnh, thế không chạy tới được, cả thuyền đều lo ngại vì quãng đường Trường Sa (Bãi Cát Dài). Hồi lâu, phía Đông Nam một trận gió bão nổi lên, đêm tối mây mù, ngửa bàn tay chẳng thấy. Mọi người đều sáng hớn, mừng tượng trông thấy rồng bay múa hai bên thuyền, ước chừng một canh, rồng bay đi. Khoảng đường gió bắc thổi đến giờ, trong giây phút đã thấy thuyền trở lại chỗ cũ (...)

Sáng ngày, mây tạnh trời quang, xa xa trông thấy ngấn nước, cách chừng vài mươi dặm, vẫn thấy đảo Tiêm Bích La. Theo gió xuôi vào sơn cảng, người trong thuyền đánh trống tạ thần, đều giơ tay lên trán mà nói rằng “thực là sống sót.” (Hải ngoại kỉ sự, quyển 4)

Thật vậy, “sống sót” chẳng phải nhờ “thần” mà thực sự là do tài lái thuyền lão luyện và lòng can đảm của những ngư dân Đại Việt đó thôi.

Các đoạn văn vừa dẫn, minh định được chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa một cách hùng hồn và đanh thép nhất với “Cồn cái chạy dài từ Đông Bắc qua Tây Nam; động cao dựng đứng như vách tường, mặt cát thì khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm ắt phải tan tành, bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm... gọi là Vạn Lý Trường Sa. Thời Quốc vương trước hàng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bờ biển lượm vàng bạc, khí cụ của các thuyền hư tấp vào; nhất là tàu biển đi ngang vùng này đều “sợ có hiểm họa Trường Sa”, “Ai cũng đều lo ngại về quãng đường Trường Sa”. Và khi nào vượt khỏi đoạn đường này mới dám nói rằng thực là sống sót”⁽¹⁾.

(1) Thích Đại Sán, *Hải ngoại kỉ sự* (Sdd), Đại học Huế xuất bản, 1963, Huế.

Các sự kiện trên càng chứng minh rõ về việc hành sử chủ quyền của người Việt trên các hải đảo này, chậm nhất là vào thế kỉ XVII, như Thích Đại Sán đã viết.

Việc một lão tăng Trung Quốc chỉ đi ngang qua Hoàng Sa, Trường Sa một lần, mà đã thấy được “chân, diện, mục” của Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa trên bản đồ Đại Việt thì quả là một bằng chứng hùng hồn và hiển nhiên nhất.

Như đã nói, sách *Hải ngoại kỉ sự* gồm sáu quyển, viết về nhiều vấn đề của hai xứ Thuận Quảng từ địa lí, phong tục, thổ nghi, văn chương, chính trị, ngoại giao, hàng hải... mà hầu như không có quyển nào là không nhắc đến các hải đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên lãnh hải Việt Nam.

3) Các tư liệu của các nhân chứng phương Tây

Ngoài các tư liệu của Quốc sử quán Việt Nam và một vài người Trung Quốc đề cập chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa như đã thấy, sau đây, chúng ta còn thấy khá nhiều bằng chứng khác của các nhân chứng người phương Tây viết về Hoàng Sa, Trường Sa.

a) Tư liệu của người Hà Lan ⁽¹⁾

Dựa theo *Kỉ sự Batavia* (Journal de Batavia) của Công ti Đông Ấn - Hà Lan (Compagnie Hollandaise des Indes Orientales) xuất bản vào các năm 1631 - 1636 có viết về những sự kiện các tàu biển thuộc Công ti Đông Ấn bị nạn tại Quần đảo Hoàng Sa thuộc xứ Đàng Trong như sau:

(1) Tham khảo *Tập san Sử Địa* số 29 *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà sách Khai Trí bảo trợ xuất bản, Sài Gòn, 1975.

Ngày 20-7-1634 vào thời Chúa Sãi (năm 1613 - 1635) ba chiếc tàu biển đăng kí tại Hà Lan *Veenhuizen*, *Schagen* và *Grootebroek* từ Batavia (Nam Dương) đến Tourane (Đà Nẵng), cùng nhổ neo đi Đài Loan, ngày 21 trên đường biển tại tọa độ khoảng 15 vĩ độ và 115 độ kinh tuyến thì gặp bão ngoài khơi nên lạc hướng. Riêng chiếc *Grootebroek* bị đắm gần tọa độ trên, nơi có Quần đảo Hoàng Sa. Tất cả hàng hóa và 9 thủy thủ mất tích. Số hàng hóa còn lại sau đó được các thủy thủ cất giấu tại đảo Hoàng Sa. Thuyền trưởng Huijch Jansen và thủy thủ đi thuyền nhỏ vào duyên hải xứ Đàng Trong hi vọng gặp đất liền để mong được giúp đỡ hơn 50 thủy thủ đang nướng nấu trên đảo. Thuyền trưởng mang theo một số bạc, nhưng khi đến đất liền số tiền trên bị viên chức phụ trách an ninh hải khẩu (thuộc Hội An) tịch thu mà người Hà Lan gọi là *Ongangmij*.

Đoàn thủy thủ và thuyền trưởng ở lại Hội An một thời gian và sau đó họ được phép trở lại Hoàng Sa trên một chiếc tàu Nhật Bản tên là *Kiko* mà họ đã mua ở cảng để đi đón 50 thủy thủ, cùng số bạc còn giấu ở Hoàng Sa. Đến Hoàng Sa, thuyền trưởng, đoàn thủy thủ được ba chiếc tàu *Bommel Goa*, *Zeeburg* (đang núp bão tại duyên hải Đàng Trong) đến để đưa về Batavia. Tại đây thuyền trưởng Huijch Jansen trình tất cả các sự việc xảy ra ở tại Hoàng Sa cùng việc nhà cầm quyền xứ Đàng Trong tịch thu số tiền trên của họ.

Hai năm sau, vào thời Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (năm 1635 - 1648) vào ngày 6-9-1636, hai chiếc tàu Hà Lan khác tới Tourane (trên tàu có thương gia Abraham Duijcker) rồi tiến về hướng Faifoo (Hội An) để xin gặp nhà cầm quyền Việt Nam sở tại. Từ Hội An ông được phép đi Thuận Hóa yết

kiến chúa Thượng để xin giao thương và đòi bồi hoàn số tiền bị tịch thu năm trước.

Chúa Thượng đón tiếp Abraham Duijeker rất niềm nở và chấp thuận cho người Hà Lan mở một thương điểm tại Hội An (Comptoir commercial). Còn việc bồi hoàn số tiền trên Chúa Nguyễn khước từ vì việc đó là do viên quan địa phương gây ra và nay y đã bị tử hình. Từ đó, (năm 1636) người Hà Lan đã chính thức có một cơ sở thương mại tại Đàng Trong (ở Hội An) do Abraham Duijeker làm trưởng điểm⁽¹⁾.

Vậy, kể từ năm 1634, người Hà Lan đã tường thuật khá rõ về Quần đảo Hoàng Sa trên lãnh hải Việt Nam do Chúa Nguyễn hành sử để kiểm soát các tàu biển qua lại khu vực này. Tuy rằng lúc đó chưa có văn bản pháp lí quốc tế nào để nói rõ chủ quyền của người Việt trên hải đảo này.

Nhưng địa danh *Hoàng Sa* (Paracel), *Trường Sa* (Spratley) không phải tới năm 1636 mới được người Hà Lan chính thức nói đến như các văn kiện vừa dẫn. Ngay từ đầu thế kỉ XVI, một bản đồ hàng hải phương Tây đã được anh em Van Langren người Hà Lan vẽ và cho ấn hành năm 1595 đã nhắc đến⁽²⁾ hoặc của Plancius in năm 1604, Mercator năm 1613...⁽³⁾ đã được ghi vào bản đồ hàng hải quốc tế. Rồi sau này địa danh *Paracel*, *Spratley* thường xuyên được thấy trong

(1) Xem J.M.Buch, *La Compagnie des Indes Néerlandaises et l'Indochine* trong *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient*, 1936, Thái Văn Kiểm dẫn trong *Tập san Sử Địa* 1975, Sài Gòn.

(2) Xem lại phần *Hoàng Sa qua các bản đồ cổ*.

(3) Xem bản đồ Mercator, in trong *Indochine, tome I* của Georges Maspéro.

các bản đồ kế tiếp và một số bản đồ hàng hải quốc tế khác ghi lại rất tường tận, chính xác.

b) Các tư liệu tại Văn khố Hội truyền giáo Paris

Như phần trên đã viết, *Hoàng Sa (Paracel)*, *Trường Sa (Spratley)* là các địa điểm quen thuộc đối với các nhà hàng hải, truyền giáo phương Tây từ thế kỉ XVI, XVII. Vì nó nằm trên đường biển từ Indonesia qua Philippines, Đài Loan, Hồng Kông, Thượng Hải và ngược lại.

Trong các thế kỉ XVI, XVIII, phần lớn các tàu biển thuộc công ti Hà Lan - Đông Ấn thường xuyên qua lại hải lộ này như đã đề cập ở trên. Từ đó về sau, các giáo sĩ châu Âu đã tháp tùng các chuyến tàu buôn này đến Việt Nam truyền giáo tại các xứ Đàng Ngoài, Đàng Trong. Do đó, họ có mặt và chứng kiến tại chỗ khi các tàu biển bị mắc cạn hoặc bị bão tố đánh đắm tại Hoàng Sa, Trường Sa trên hải trình họ đang đi. Các vụ đắm tàu này đã cho họ một kinh nghiệm lớn mỗi khi gặp bão trong các chuyến hải hành dài ngày trên đại dương từ Tây sang Đông. Các vụ đắm tàu của người Hà Lan năm 1634 như đã thuật ở trên và các vụ kế tiếp đã được các nhà hàng hải và giáo sĩ ghi lại cẩn thận, các tư liệu ấy được lưu trữ tại Văn khố của Hội Truyền giáo Paris. Các tư liệu này được viết bằng tiếng Pháp và gần đây được nữ giáo sĩ Đặng Phương Nghi⁽¹⁾ chép tay và công bố trên *Tập san Sử Địa* ấn hành năm 1975 tại Sài Gòn.

(1) *Đặng Phương Nghi*: Giáo sư Sử học tại Đại học Văn khoa Sài Gòn trước năm 1975. Bà tốt nghiệp Trường cổ học Charles, Paris, Tiến sĩ Quốc gia Pháp.

Sau đây là một số đoạn của các văn kiện có liên hệ đến Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Lá thư gửi ngày 31-5-1714 của Giám mục Marin⁽¹⁾ gửi cho những giám mục chủng viện. Thư viết:

“Vào tháng 10 -1714, có ba chiếc tàu buồm của người Hà Lan khác nhau, khởi hành từ Nhật, chứa chất nhiều hàng hóa quý giá. Lúc tiến ngang Hoàng Sa (Paracels), những chiếc tàu buồm bị cơn bão lớn đánh lâm nạn. Trận bão này xuất hiện đột ngột, đến nỗi các thủy thủ không kịp cuốn buồm, ba tàu bị gãy bởi những cơn gió thổi dữ dội. Họ đã không điều khiển nổi, sóng và gió đã cuốn chiếc tàu này xô dạt vào bãi cát, húc vào tảng đá và đã vỡ tan tại đó. 17 người đã tử nạn, 87 người thoát nạn bơi vào bờ, phần thì bám vào những tấm ván, áp vào Hoàng Sa leo lên những cồn cao cũng chỉ bao phủ bằng cát khô.

Bọn họ đã sống nơi đó trong một tháng trời bằng thịt của một loài chim cư ngụ trên đảo Hoàng Sa này. Vì loài chim đó chưa bao giờ thấy người nên chúng bị thủy thủ bắt bằng tay không và những người Hà Lan đã bắt khá nhiều để nuôi sống họ trong một tháng trên cồn cát này. Trong thời gian đó, họ bắt gặp được vài tấm ván đóng bè nhỏ, nhờ phương tiện này họ đã đáp vào Nam Hà và tiến tới cửa biển Nha Trang...”

(1) *Giám mục Marin*: tức Giám mục Charles Marin Lablé (năm 1648 - 1723), năm 1678, ông sang Viễn Đông, Thái Lan, rồi Việt Nam (Nam Hà) để truyền giáo. Tại Nam Hà, ông sống ở Thừa Thiên, Quảng Bình. Năm 1697, ông trở về Pháp, rồi La Mã, sau đó trở lại Macao, rồi lại xứ Đà Nẵng.

Hoặc thư ngày 14-7-1715 của ông Godefroy⁽¹⁾ gửi cho ông Tessier.

“(....) Tái bút: Có chiếc tàu buôn Hà Lan đi từ Nhật Bản tới đã bị một trận bão lớn gần Hoàng Sa. Hai chiếc thoát nạn, chiếc thứ ba đắm vô bờ, bị vỡ tan ở đây, nhưng đoàn thủy thủ đã leo được lên cồn cát và sau đó đã gom góp được vài tấm ván, bọn họ cập tới bờ biển Nam Hà. “Thập tử nhất sinh” vì lương thực đã thiếu từ lâu. Ông Heutte⁽²⁾ có mặt tại nơi đó, đã làm thông ngôn cho bọn họ. Ông ta đã vào triều đình với bọn họ để bệ kiến nhà vua. Nhà vua muốn gọi bọn họ qua một chiếc tàu Trung Hoa đi Batavia”.

Thư từ Huế ngày 19-7-1715 của ông Heutte gửi Giám mục Hilopolis⁽³⁾.

“(....) Nhà vua đã ban cho những người Hà Lan 50 quan tiền, 10 bao gạo, 20 chĩnh nước mắm. Người ta phải đưa người Hà Lan trở vào Hội An để kiểm ở đây một chiếc tàu. Một vị thuyền trưởng người Trung Hoa đã đề nghị chở họ đi tới Batavia, nhưng phải đợi tới gió mùa tháng Giêng.”

(1) *Godefroy*: tức Françoise Godefroy là một giáo sĩ, năm 1701, sang Thái Lan truyền đạo ở đó, năm 1712 đến truyền giáo ở các tỉnh xứ Đàng Trong.

(2) *Heutte*: tức Pierre Heutte giáo sĩ đạo Thiên chúa, năm 1701, sang Thái Lan truyền đạo, năm 1707 đến xứ Đàng Trong Việt Nam. Có thời gian ông làm thông ngôn cho các người Hà Lan bị nạn tại đảo Hoàng Sa, khi họ vào Thuận Hóa yết kiến Chúa Sãi.

(3) *Hilopolis*: tức giáo sĩ Françoise Palu, người sáng lập Hội truyền giáo nước ngoài Paris, năm 1679 đến truyền đạo ở Việt Nam.

Hoặc trong thư ngày 16-10-1718 của Giám mục Lable (tức Giám mục Marin) gửi cho các giám đốc chủng viện có đoạn như sau:

“Một chiếc tàu Hà Lan từ Nhật Bản trở về Batavia chất nhiều hàng hóa đã bị đắm vào cuối tháng 11-1711 trên những bãi ngầm của Hoàng Sa (Paracel), chỉ cách xa bờ biển Nam Hà khoảng 15 hay 20 dặm. Trừ 17 tù nhân dưới tàu bị chết chìm, tất cả thủy thủ đoàn đã thoát nạn vào những điểm cao nhất ở những bãi cát này và bọn họ đã làm một chiếc xuồng lớn bằng những mảnh vỡ của chiếc tàu bị đắm của họ, trên chiếc xuồng này, 84 người đã qua Nam Hà, bằng cách theo sau từ đằng xa những dân chài Nam Hà đang trở về hải cảng sau chuyến đánh cá từ ban sáng”.(...)

Ba bốn hôm sau, khi người Hà Lan bệ kiến nhà vua, một viên võ quan trong cung điện đã ra lệnh cho ông Heutte dẫn người Hà Lan đến dự buổi yết triều mà nhà vua đã ngự vào buổi sáng tại một sân lớn ở trước cung điện vua. Viên võ quan này cũng cho ông Heutte bản tấu mà ông phải nhân danh người Hà Lan tâu lên nhà vua. Bản tấu này được giải bày trong vài lời: “Chúng tôi, những người Hà Lan, thành khẩn mong nhà vua ban tự do cho chúng tôi và chấp thuận cho chúng tôi một chiếc tàu và lương thực để đưa chúng tôi trở về xứ sở của chúng tôi”. Những người Hà Lan đã đến nơi yết triều và phủ phục xuống đất theo tục lệ của bản xứ. Ông Heutte, trước mặt tất cả triều đình và một số đông người hiếu kì, đã đọc những lời lẽ khá xa bản tấu trình mà người ta đã đưa cho ông ta. Nhà vua chắc không nghe được bản tấu, nhưng bởi ngài đã biết rõ những gì ông

Heutte phải nói, nên ngài đã đáp lại một cách thuận lợi theo điều ông Heutte đã cầu xin, và nhà vua cùng lúc ấy đã cho một võ quan đến để nói với những người Hà Lan rằng ngài đã chuẩn bị y ban đặc ân mà bọn họ đã cầu xin và bọn họ có thể đi Hội An cho tới lúc lên tàu.

Những người Hà Lan còn lưu lại vài ngày ở triều, bị giữ lại vì sự tò mò của các viên đại thần rất muốn học bọn họ vài cách thức mới để làm chiến cụ, nhưng những người Hà Lan đã ngắt tất cả những câu hỏi người ta đặt ra bằng câu trả lời duy nhất: “Chúng tôi không biết gì về chiến tranh, chúng tôi chỉ là những nhà buôn chuyên nghiệp và chúng tôi chỉ lo việc buôn bán”. Sau đó, bọn họ đã đi Hội An và ông Heutte đã trở lại Kinh như chúng tôi đã nói rõ (Bản dịch trong Tập san Sử Địa)⁽¹⁾.

c) Tư liệu của giám mục J.L.Taberd, J.B. Chaigneau

Bên cạnh các văn kiện còn lưu trữ tại Văn khố của Hội Truyền giáo Paris vừa trình bày, chúng ta còn thấy một số tư liệu của các nhân chứng khác. Đó là hồi kí của một người Pháp tên J.B.Chaigneau⁽²⁾, (có tên Việt là Nguyễn Văn Thắng) và Giám mục Taberd...

(1) Còn nhiều thư khác, nhưng không thể trích nhiều, e rườm.

(2) Jean Baptiste Chaigneau (năm 1769 - 1825) người Pháp, có tên Việt là Nguyễn Văn Thắng, ông là một trong các nhân vật tích cực vận động chính phủ Pháp ủng hộ Nguyễn Ánh chống quân Tây Sơn. Sau khi Nguyễn Ánh làm Vua, ông trở thành một đại thần của Gia Long. Chaigneau có vợ người Việt tên là Hồ Thị Huệ, sinh một con trai tên là Michel Đức Chaigneau. Đức Chaigneau sinh ở Huế ngày 25-6-1803. Đức là tên Việt. Sau này Đức Chaigneau có lần giữ chức lãnh sự Pháp tại Huế. Đức Chaigneau là tác giả sách *Souvenir de Hué*. Sách viết về sinh hoạt phong tục, nhất là các thắng cảnh ở Huế. Tác phẩm trên của J.B.Chaigneau in trong *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, số 2, 4, 6 - 1923.

– Chaigneau là một người Pháp từng theo Nguyễn Ánh chống nhau với quân Tây Sơn nhiều năm ở miền Nam. Sau khi Nguyễn Ánh lên ngôi vua, Chaigneau giữ một chức quan lớn tại triều đình Huế. Khi ở Huế, ông có viết một quyển hồi kí nhan đề là *Mémoire sur la Cochinchine* (Hồi kí về Nam Kỳ). Trong sách này, Chaigneau⁽¹⁾ có viết về Hoàng Sa và các hải đảo lân cận như sau:

Địa thế: Xứ Cochinchine mà Quốc vương ngày nay đã xưng đế hiệu gồm có xứ Đàng Trong thật sự, xứ Bắc Hà (Tonquin), một phần xứ Cao Miên, vài đảo gần bờ biển có dân cư và Quần đảo Hoàng Sa (Paracel), gồm có nhiều tiểu đảo và mỏm đá thiếu dân cư ngụ. Vào năm 1816, vị Hoàng đế bấy giờ đã tiếp nhận chủ quyền trên Quần đảo này.”

Nguyên văn:

Topographie: Division Physique. La Cochinchine dont le souverain porte aujourd'hui le titre d'Empereur, comprend la Cochinchine proprement dite, le Tonquin..., quelques îles habitées peu éloignées de la côte et l'archipel de Paracels, composé d'îlots d'écueils et de rochers inhabités. C'est seulement en 1816, que l'Empereur actuel a pris possession de cet archipel”. (Sđđ)

– Jean Louis Taberd là một vị giám mục Thiên Chúa giáo, ông khá am tường về địa lí, phong tục, ngôn ngữ xứ Đàng Trong và là tác giả nhiều sách về ngôn ngữ, phong tục, địa lí Việt Nam. Trong sách *Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, mœurs et coutumes* xuất bản năm 1833 có đoạn viết về Hoàng Sa như sau:

“Chúng tôi không đi vào việc kê khai những hòn đảo chính yếu của xứ Cochinchine. Chúng tôi chỉ lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, Quần đảo Paracel, mà người Việt gọi là Cát Vàng (Hoàng Sa) gồm rất nhiều hoang đảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát, làm cho những kẻ đi biển rất e ngại. Những hoang đảo này đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong.

Chúng tôi không rõ họ có thiết lập một cơ sở nào tại đó không? Nhưng có điều chúng tôi biết chắc chắn là Hoàng đế Gia Long đã chủ tâm thêm cái đóa hoa ki lạ đó vào vương miện của ông. Vì vậy mà ông xét thấy đang lúc phải thân chinh vượt biển để tiếp thu Quần đảo Hoàng Sa, và chính vào năm 1816 mà ông đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong”.⁽¹⁾

(Thái Văn Kiểm dịch)

“Nous n’entrerons pas dans l’énumération des principales îles dépendantes de la Cochinchine; nous ferons seulement observer que depuis plus de 34 ans l’archipel des Paracels nommé par les Annamites Cát Vàng ou Hoàng Sa (sable jaune) véritable labyrinthe de petits ilots de rocs et de bancs de sable justement redoutés des navigateurs a été occupé par les Cochinchinois.

Nous ignorons s’ils y ont fondé un établissement, mais il est certain que l’empereur Gia Long a tenu à ajouter ce singulier fleuron à sa couronne, car il jugea

(1) Dẫn theo Thái Văn Kiểm, Bdd, Tập san Sử Địa, 1875, Sài Gòn

à propos d'en aller prendre possession en personne, et ce fût en l'année 1816 qu'il y arbore solennellement le drapeau Cochinchinois”.

Sau đó (năm 1849), Giám mục Taberd còn viết một bài khảo luận dài về Việt Nam bằng tiếng Anh đăng trong báo *Á Châu Hội* (The Journal of the Asialic Society of Bengal) của người Anh tại Bengal. Trong bài này Giám mục Taberd cũng nhắc lại Quần đảo Hoàng Sa:

Dịch:

“*Pracel hoặc Paracel (Cồn Vàng)*. Tuy rằng cái thứ Quần đảo này không có gì ngoài đá tảng và những cồn lớn, nó hứa hẹn nhiều bất tiện hơn lợi, vua Gia Long đã nghĩ tăng lãnh thổ bằng cách chiếm thêm cái đất buồn bã này. Năm 1816, ông đã tới long trọng cắm cờ quốc gia ông và chính thức giữ chủ quyền các hòn đảo này, mà hình như không một ai tranh giành với ông. (Hoàng Xuân Hãn, dẫn và dịch)⁽¹⁾.

Hoặc trong bài *Geography of the Cochinchinese Empire*, đăng trong tập san *Journal of the Royal Geographical Society of London*, một tác giả khác, ông Gutzlaff cũng có viết về Hoàng Sa. Bài bằng tiếng Anh, dịch nghĩa như sau:

“Đây chúng tôi đáng lẽ không kể đến Quần đảo Cát Vàng, nó ở gần bờ biển An Nam 15 đến 20 dặm và lan giữa các vĩ tuyến 15 và 17 độ Bắc, và các kinh tuyến 111 và 113 độ Đông. Nếu vua xứ Cochinchina đã không đòi Quần

(1) Xem chú thích trang sau.

đảo ấy là của mình, với nhiều đảo và ghềnh rất nguy hiểm đối với giới hàng hải. Không biết vì san hô hay vì lẽ khác mà ghềnh đá ấy lớn dần; nhưng rõ ràng nhận thấy rằng các đảo nhỏ ấy càng năm càng cao; và một vài cái bây giờ đã có người ở vĩnh viễn, thế mà chỉ mấy năm trước sóng đã vỗ mạnh đập qua. Những đảo ấy đáng lẽ không giá trị nếu nghề chài cá ở đó không phổ biến và không bù hết mọi nguy nan cho kẻ phiêu lưu. Từ lâu đời, những thuyền, phần lớn từ Hải Nam, hàng năm đến thăm các bãi nổi này và tiến hành cuộc viễn du xa xa đến tận bờ đảo Bornéo. Tuy rằng hàng năm hơn mười phần bị đắm, nhưng đánh cá được rất nhiều, đến nỗi không những bù hết mọi thiệt thòi mà còn để lại món lợi rất to. Chính phủ An Nam thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đặt ra, bèn lập ra những trung thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người ngoài tới đều phải trả, và để bảo trợ những người đánh cá bản quốc. Vậy nên một giao dịch lớn được dần dà gây nên và có cơ bành trướng nhờ có rất nhiều cá tới trên bãi này để trứng. Một vài đảo có cây cối cần cối, nhưng thiếu nước ngọt và những thủy thủ nào quên mang theo nước dự trữ đầy đủ, thường bị lâm vào cơn khốn đốn lớn”.⁽¹⁾

Bên cạnh các tư liệu trên, tác giả sách *Les Archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les anciens ouvrages Vietnamiens d'Histoire et de Géographie*⁽²⁾ cũng có dẫn một số sử liệu của Choisy, Gentil de la Barbinais, Bá tước Đô đốc hải quân Pháp d'Estaing, Alexandre de Rhodes, Louis Malleret,

(1) Xem *Tập san Á Châu hội*, Xuất bản tại Luân Đôn, 1849, GS Hoàng Xuân Hân dẫn và dịch, *Tập san Sử Địa*, 1975. Sài Gòn.

(2) Tham khảo Võ Long Tê, Sdd.

John Barow... viết về lực lượng hải quân đời Chúa Nguyễn. Các sự kiện này được thấy rõ vào thời các Chúa từ Nguyễn Phước Trấn (năm 1687 - 1691) đến đời Chúa Nguyễn Phước Khoát (năm 1738 - 1765) đã phái những hải thuyền ra Hoàng Sa, Trường Sa thu nhặt các hải vật do tàu buôn nước ngoài đắm ở đó. Có chuyến họ đã lấy được nhiều khẩu đại bác đem về, các súng này được trưng bày ở cung điện Huế.

Các hoạt động của *Hoàng Sa đội*, *Bắc Hải đội* đã thường xuyên tuần tra trên khu vực Biển Đông chung quanh Hoàng Sa, Trường Sa một thời gian liên tục được các nhân chứng khác người phương Tây chứng kiến và ghi lại.

Năm 1634, chiếc tàu Hà Lan bị bão đánh đắm tại Hoàng Sa, hai chiếc thất lạc và một chiếc bị đắm, số hàng hóa được các thủy thủ cất giấu tại đảo, rồi họ theo thuyền nhỏ vào Hội An (nay thuộc tỉnh Quảng Nam) cầu cứu.

Năm 1714, một số tàu khác cũng bị bão nhận chìm tại Hoàng Sa, lần này các thủy thủ phải sống một tháng trên đảo. Rồi họ đóng bè lênh đênh trên mặt biển tấp vào cửa biển Nha Trang (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) tị nạn. Đoàn người tị nạn này được quan quân địa phương giúp phương tiện đưa họ ra Huế yết kiến chúa Sãi, sau đó họ được trở về Batavia an toàn.

Năm 1718, một tàu khác của Hà Lan từ Nhật Bản trở về Batavia cũng bị đắm tại Hoàng Sa (tháng 11), một số chết, đoàn thủy thủ sống sót, dùng ván gỗ của tàu làm bè theo ghe các ngư dân Nam Hà vào được đất liền. Tại đây, họ cũng được quan địa phương giúp đỡ đưa ra Thuận Hóa, yết kiến chúa Sãi và cũng đã được cấp phát tiền bạc, phương tiện trở về Batavia như các lần trước.

Từ những tư liệu vừa nêu, cho phép chúng ta qui kết một số nhận xét như sau:

– Quần đảo Hoàng Sa (Paracels), Trường Sa (Spratleys) là những hải đảo quen thuộc đối với các nhà hàng hải, giáo sĩ phương Tây từ thế kỉ XVI trở về sau. Khi nói đến đường biển quốc tế Indonésia, Nhật Bản - Trung Quốc, các nhà hàng hải quốc tế đều nghĩ đến Hoàng Sa, Trường Sa. Mỗi khi bị nạn tại đây, họ đều tìm cách đến duyên hải Đàng Trong của Việt Nam mong được cứu giúp. Vì Hoàng Sa, Trường Sa từ thế kỉ XVI đã thuộc quyền sở hữu của Chúa Nguyễn (năm 1558 - 1778).

– Các tàu biển, mỗi lần bị nạn gần Hoàng Sa, Trường Sa, các tàu này liền được các dân chài Nam Hà giúp đỡ, dẫn đường vào đất liền, vì đây chính là địa bàn hoạt động của ngư dân xứ Đàng Trong.

– Thêm nữa, việc một Đô đốc hải quân nước Pháp (d'Estaing) chứng kiến lực lượng hải quân Đại Việt tuần tra nghiêm nhặt hải phận của mình, khiến ông phải kiêng dè sức mạnh hải quân của Chúa Nguyễn. Chính sức mạnh này đã làm cho Đô đốc d'Estaing lo sợ không dám vào cướp phá kinh thành Phú Xuân hồi thế kỉ XVIII như dự ước của ông ta.

Những sử liệu và các sự kiện trên chứng minh một cách chính xác và hùng hồn cho chủ quyền Việt Nam trên vùng biển này.

Với các sử liệu và các nhân chứng vừa kể cho phép mọi người khẳng định rằng: chậm nhất là vào thế kỉ XVI hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một phần lãnh thổ của Đại Việt và người Việt Nam đã chính thức hành sử chủ quyền trên các đảo ấy. Đây là sự thật hiển nhiên không một sử gia chân chính nào có thể dị nghị.

CHƯƠNG V

DIỄN BIẾN VỤ TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA, TRƯỜNG SA

Các sự việc trong hồ sơ tranh chấp hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã xoay quanh hai sự kiện lịch sử quan trọng:

- Việc Pháp chiếm Việt Nam và đặt bộ máy cai trị thuộc địa.
- Trận Đại chiến thế giới lần thứ hai và Cách mạng tháng 8.

1. Thời kì tiền thuộc địa

Trong thời kì này có hai loại sự kiện mà chúng ta cần phải biết rõ:

- Sự phát hiện các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nhưng không kèm theo sự việc chiếm hữu để xác lập chủ quyền.
- Sự phát hiện các Quần đảo và chiếm hữu để xác lập chủ quyền.

Từ xa xưa người ta đã biết là trong Biển Đông có hai nhóm Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Bằng chứng là trong

các sách cổ đã có đề cập nhiều. Trước thế kỉ thứ XVIII các nhà hàng hải quốc tế đã nhắc đến Hoàng Sa và Trường Sa trong các tập du kí của mình. Họ đã vẽ bản đồ nhưng không kèm thêm một hành động nào gọi là chiếm hữu hoặc xác lập chủ quyền của quốc gia họ cả.

Cả hàng trăm năm trước các ngư phủ thuộc nhiều quốc tịch khác nhau đã ghé vào Hoàng Sa và Trường Sa. Các nhà hàng hải Ấn Độ, I Ran, Ả Rập, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Tây Ban Nha, Pháp... từ lâu cũng đã nghe nói đến hai Quần đảo này. Trong số đó một toán các nhà hàng hải người Pháp, ngày 7-3-1568 đã đáp tàu từ hải cảng La Rochelle để sang Viễn Đông. Họ đã đến Quần đảo Hoàng Sa và trong nhóm họ có nhiều giáo sĩ Dòng Tên.

Năm 1698, Quần đảo Hoàng Sa trở thành một đề tài thời sự đối với các giới hàng hải thế giới nhân vụ tàu l'Amphitrite do Vua Louis XIV sai đi từ Pháp sang Trung Hoa và đã va phải đá ngầm trong hải phận Hoàng Sa. Nhưng cho đến thế kỉ XVIII vẫn chưa thấy xảy ra một sự kiện quan trọng nào có thể dẫn đến sự tranh giành chủ quyền trên hai Quần đảo này.

Dưới thời các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong (cuối thế kỉ XVIII), *Đội Hoàng Sa* đã được thành lập để khai thác các hải vật và canh phòng suốt hải phận Xứ Đàng Trong.

Năm 1816, Vua Gia Long đã long trọng tuyên cáo chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Khi vua Minh Mạng nối ngôi vua Gia Long (năm 1820), ông đã tiếp tục theo đuổi các công việc của tiên triều.

Trong các năm 1833, 1834 vua Minh Mạng cho dựng bia chủ quyền trên các đảo và ra lệnh các quan thiết lập bản đồ trên Quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1835 - 1836, các công việc trên đảo tiếp tục tiến hành.

Năm 1847 - 1848, vua Thiệu Trị cho đặt quan cai trị và trông coi đảo, một phái đoàn khảo sát địa lí được phái ra các đảo để thăm dò thủy trình và thu thuế các ngư dân Việt Nam làm ăn trên đảo.

2. Thời kì Pháp chiếm Việt Nam đến cuối Thế chiến thứ II

Sự cai trị của Pháp ở Việt Nam bằng hiệp ước bảo hộ sơ bộ kí tại Sài Gòn ngày 15-3-1874, và sau đó bằng một hiệp ước chính thức kí tại Huế (thường được gọi là Hòa ước Patenôtre) ngày 6-6-1884, theo đó triều đình Huế đã có những nhượng bộ đáng kể (gần như đầu hàng) trong nhiều lãnh vực. Nhượng bộ về lãnh thổ: để cho Pháp được quyền kiểm soát toàn vùng Bắc Kì và Trung Kì. Quân đội Pháp có quyền đi đến bất kì nơi nào trên toàn cõi Việt Nam.

- **Ngày 17-10-1887** Pháp thành lập Liên bang Đông Dương và sau đó Toàn quyền Paul Doumer đã thúc đẩy và biến thành một bộ máy cai trị hoàn toàn có tính cách thuộc địa. Quyền hạn của triều đình Huế được chuyển sang tay viên Khâm sứ Trung Kì tại Huế.

Những sự việc có liên quan đến Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong thời kì này là những sự việc sau đây:

Năm 1881 - 1884, một phái đoàn khoa học của Đức đã thực hiện một cuộc khảo sát về thủy đạo tại Quần đảo Hoàng Sa (trong khuôn khổ một cuộc khảo sát tổng quát trong toàn vùng Biển Đông) và công việc này có mục đích hoàn toàn khoa học.

Năm 1887 (ngày 26-6) nước Pháp và Trung Hoa đã kí một thỏa ước phân định ranh giới giữa Bắc Kỳ và Trung Hoa. Trong thỏa ước có đoạn: “Ở Quảng Đông những vùng ở phía Đông và Đông Bắc Mông Cáy (Monkai) ở bên kia biên giới như đã qui định theo bản Thỏa ước thì nay thuộc về Trung Hoa. Những hải đảo ở phía Đông kinh tuyến Paris ở kinh độ 105 độ 43’ Đông, nghĩa là trên đường chạy dài từ bắc xuống nam đi qua mũi phía Đông đảo Trà Cổ (Tch’a Kou, còn gọi là Duan Chan) thì cũng giao về cho nước Trung Hoa. Những đảo Cô Tô (Go Tho) và các đảo khác nằm ở phía Tây kinh tuyến Paris thì thuộc về nước An Nam.” (Điều 3 Hiệp ước Thiên Tân).

Năm 1895 - 1896 đã xảy ra hai vụ đắm tàu trong hải phận Hoàng Sa khiến gây nên nhiều vụ tranh cãi. Đó là vụ đắm tàu Bellona của Đức và vụ đắm tàu Imezi Maru của Nhật. Hai tàu này chở đồng và mua bảo hiểm ở các công ti bảo hiểm Anh. Trong hai tai nạn trên, toàn bộ số đồng chở trên tàu bị mất vì phải bỏ lại tại chỗ. Các ngư phủ người Trung Quốc đã đánh cắp số đồng này và dùng tàu buồm chở đi tiêu thụ ở Hải Nam. Các công ti bảo hiểm tìm cách cáo buộc những kẻ lấy trộm đồng, họ nhờ viên Đại diện nước Anh tại Bắc Kinh và viên lãnh sự Anh ở Hải Nam phản kháng với chính phủ Trung Hoa. Nhà chức trách Hải Nam (Tổng đốc Hải Nam là Liang Guang) lên tiếng phản đối, không nhận trách nhiệm và viện lẽ rằng các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa là những đảo hoang không thuộc chủ quyền của Trung Hoa. Hơn nữa trên phương diện hành chánh, Hải Nam không dính dáng gì với các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa cả và không một nhà chức trách nào được đặt biệt coi là có nhiệm vụ “làm cảnh sát gìn giữ trật tự an ninh ở đó”⁽¹⁾.

(1) Theo Monique Chemillier - Gendreau: *La souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, Nhà xuất bản L'Harmattan, Paris, 1996.

Năm 1899 Toàn quyền Paul Doumer ra lệnh xây một hải đăng trên Quần đảo Hoàng Sa. Sở Kỹ thuật thuộc địa nghiên cứu dự án nhưng không thực hiện được vì thiếu ngân khoản.

Năm 1909 (ngày 6-6), Tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) sai Thủy sư Đề đốc Li Chuẩn (Li Zhun) đưa hai tàu có gắn đại bác đến mấy đảo trong nhóm Hoàng Sa với ý định cho binh sĩ đổ bộ lên đó trong một thời gian ngắn (24 giờ), nhưng sau đó tự động rút quân.

Năm 1920, một công ti Nhật, công ti Mitsui-Bussan Kaisha xin nước Pháp cho khai thác phốt-phát có trên một một vài đảo. Kể từ năm 1920 trở đi nước Pháp kiểm soát các tàu bè và đặt trạm thuế quan ở Quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1921 (ngày 30-3), viên Tổng đốc Quảng Đông công bố là chính quyền quân nhân ở phía Nam (thời Quân phiệt Tàu cát cứ từng khu vực) đã quyết định sáp nhập Quần đảo Hoàng Sa vào huyện Yai Hiên (thuộc đảo Hải Nam). Nước Pháp không phản kháng vì thấy không cần phản kháng (chính quyền quân phiệt ở phía Nam vốn không được chính phủ trung ương Trung Quốc và các cường quốc trên thế giới nhìn nhận).

Năm 1925, một phái đoàn khoa học do Tiến sĩ A Krempf, Giám đốc Sở Hải dương Đông Pháp cầm đầu đã dùng tàu De Lanessan ra Quần đảo Hoàng Sa khảo sát. Tháng 7-1927 cũng phái đoàn này đã khảo sát riêng ở Quần đảo Trường Sa. Sau hai cuộc khảo sát, ông có trình một tập tài liệu khoa học về hai Quần đảo này lên nhà cầm quyền Đông Dương. Tài liệu in 1927 tại Sài Gòn.

Năm 1925 (ngày 3-3), Thượng thư Bộ binh Nam triều là Thân Trọng Huề (năm 1869 - 1925) nhân danh triều đình

Huế khẳng định Quần đảo Hoàng Sa từ khởi thủy đến hiện đại (năm 1925) là lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1925 (ngày 8-3), Toàn quyền Đông Dương tuyên bố là Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Pháp ở Đông Dương.

Năm 1927, Tổng lãnh sự Nhật Kurosawa thăm dò nhà chức trách Pháp ở Đông Dương để biết về thể chế chủ quyền lãnh thổ của Quần đảo Trường Sa.

Năm 1927 (tháng 7), tàu De Lanessan chính thức ra thăm Quần đảo Trường Sa.

Năm 1929 (ngày 15-6), Thống đốc Nam Kỳ gửi văn thư cho viên Đại tá hải quân chỉ huy lực lượng hải quân Đông Dương thông báo là Toàn quyền Đông Dương ngỏ ý muốn ông ta cho tàu hải quân thăm đảo Trường Sa (*Spratly*) hoặc đảo Bão Tố (*La Tempête*) (đảo này về mặt hành chính đã được sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa thuộc Nam Kỳ).

Năm 1930 (ngày 30-3), Vua Bảo Đại ra Dụ số 10 ngày 29-2 năm Bảo Đại thứ 13 sáp nhập Quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên (trước đó Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi).

Năm 1930 (ngày 13-4), Toàn quyền Đông Dương phái tàu *La Malicieuse* ra Quần đảo Trường Sa. Các thành viên trong nhóm ra thăm đảo đã cắm cờ Pháp trên một mỏm đá cao. Ngày 23-9-1930 Phủ Toàn quyền Đông Dương thông báo cho tất cả các cường quốc trên thế giới biết là nước Pháp đã chiếm hữu Quần đảo Trường Sa.

Năm 1931, nước Trung Hoa tự cho mình có quyền khai thác phân chim trên Quần đảo Hoàng Sa. Chính phủ Pháp

đòi hỏi là chủ quyền Quần đảo Trường Sa phải thuộc về nước Pháp bằng một công hàm trao cho tòa Đại biện Trung Hoa ở Paris ngày 04-12-1931.

Năm 1932 (ngày 29-4) chính phủ Pháp cực lực phản kháng viện các lí do lịch sử và đưa ra chứng cứ chủ quyền của nước Việt Nam và nước Pháp đối với các Quần đảo này. Cùng năm đó Pháp đề nghị đưa sự việc ra trước Tòa án Quốc tế nhưng Trung Hoa phản đối.

Năm 1933 (ngày 13-4), một hải đội của lực lượng Hải quân Pháp ở Viễn Đông dưới quyền chỉ huy của Trung tá hải quân Delattre rời cảng Sài Gòn để ra Trường Sa (Hải đội gồm hai tàu chiến *La Malicieuse*, *l'Alerte* và hai tàu khảo sát hải dương *l' Astrobale* và *De Lanessan*) làm lễ chủ quyền theo nghi thức cổ. Biên bản xác nhận chủ quyền do các hạm trưởng kí làm 11 bản. Mỗi hòn đảo có riêng một bản đựng trong một cái chai và gắn chặt vào một cây trụ xi măng ở một điểm cố định trên đảo. Sau đó cờ Tam tài (Quốc kì Pháp) được kéo lên và đội lính kèn đồng thổi kèn trên mỗi đảo.

Năm 1933, với sắc lệnh kí ngày 26-7, chính phủ Pháp tuyên cáo sự chiếm hữu Quần đảo Trường Sa (mỗi đảo trong nhóm đều lần lượt được nêu tên ra). Và với sắc lệnh ngày 21-12 cùng năm, Thống đốc Nam Kỳ J.Krautheimer chính thức sáp nhập Quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa.

Năm 1937, kĩ sư công chánh trưởng Gauthier, nhân danh chính quyền Thuộc địa Pháp đưa một đoàn khảo sát ra Quần đảo Hoàng Sa để nghiên cứu khả năng thiết lập các bến cảng, phi trường và xây một hải đăng trên đảo Hoàng Sa (Pattle).

Năm 1938-1939, công việc khảo sát và xây cất của phái

đoàn Gauthier tiếp tục triển khai bằng cách đưa lính vệ binh ra các đảo. Với Nghị định kí ngày 15-6-1938, Toàn quyền Đông Dương lúc đó là Jules Brévié thành lập một đơn vị hành chánh cho Quần đảo Hoàng Sa (sau khi vua Bảo Đại kí một Đạo Dụ tách Quần đảo Hoàng Sa ra khỏi tỉnh Quảng Ngãi để sáp nhập vào tỉnh Thừa Thiên).

Ngày 5-5-1939, Toàn quyền J. Brévié sửa đổi nghị định nói trên và lập ra hai đơn vị hành chánh cho Quần đảo Hoàng Sa. (Nghị định số 3282 thay Nghị định số 156.SC năm 1932) và Trường Sa.

Năm 1938, một tấm bia đá được dựng lên ở đảo Hoàng Sa (Pattle) thuộc Quần đảo Hoàng Sa với dòng chữ ghi như sau:

“République Française-Royaume d’Annam-Archipel des Paracels 1816-Ile de Pattle 1938 ” (Cộng hòa Pháp - Vương quốc An Nam, Quần đảo Hoàng Sa - 1816 - Đảo Pattle). Trên đảo Pattle (của nhóm Hoàng Sa) có dựng một trạm khí tượng, một trạm vô tuyến điện và một ngọn hải đăng. Trên đảo Itu Aba (của nhóm Trường Sa) cũng có ba công trình xây cất tương tự.

Năm 1939 (ngày 31-3), chính phủ Nhật (Bộ Ngoại giao) loan báo họ kiểm soát Quần đảo Trường Sa. Lúc đó Đại sứ Pháp ở Nhật được thông báo bằng một công hàm rằng nước Nhật là nước đầu tiên đã thăm dò Trường Sa từ năm 1917. Nhật nhận thấy ở Quần đảo Trường Sa không có một chánh quyền hành chánh và xem đó là một dịp tốt cho mình; ngày 4-4 cùng năm, Pháp đưa ra lời phản kháng.

Năm 1943 (ngày 1-12) Thông báo của Hội nghị Tam cường Anh, Mĩ, Trung Quốc họp ở Le Caire bày tỏ ý muốn

của ba nước là tước quyền cai trị của Nhật trên ba vùng: Mãn Châu, Đài Loan và Quần đảo Bành Hồ (Pescadores) để giao cho chính phủ Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch.

Năm 1945 (ngày 9-3), toán lính Pháp đóng ở Hoàng Sa bị hải quân Nhật bắt làm tù binh. Nhật chiếm Quần đảo Hoàng Sa đến năm 1946. Tháng 5-1946, lính Pháp từ tàu Savorgnan de Brazza đổ bộ lên Quần đảo Hoàng Sa thay thế toán lính Nhật.

Năm 1946, lính Tưởng Giới Thạch đổ bộ lên hai Quần đảo lấy cớ là tước khí giới lính Nhật vào tháng 11 cùng năm.

Năm 1945 (ngày 2-8), Tuyên ngôn của Hội nghị Postdam.

3. Thời kì hậu Thế chiến II

Năm 1945 (ngày 15-8), Nhật đầu hàng Đồng minh. Ngày 19-8, Việt Minh cướp chính quyền ở Hà Nội, chính phủ Lâm thời Việt Nam được thành lập vào ngày 20-8. Ngày 15-8, Vua Bảo Đại thoái vị; ngày 2-9, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt Nam độc lập với chính thể Dân chủ Cộng hòa.

Nước Pháp lúc đó đã có âm mưu tái chiếm Đông Dương.

Năm 1946 (ngày 28-2), một bản thỏa ước Trung Pháp được kí ở Trùng Khánh. Theo đó, lính Pháp sẽ thế chân lính Quốc Dân đảng Trung Hoa chiếm đóng Bắc Kỳ.

Mặt khác, chính phủ Việt Nam kí với các đại diện Pháp Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946. Nước Pháp nhìn nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nước thành viên của khối Liên Hiệp Pháp.

Việc thi hành Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 gặp nhiều khó

khẩn. Kể từ tháng 12-1946, tình hình căng thẳng rồi đưa đến cuộc kháng chiến toàn quốc (ngày 19-12-1946). Pháp nghĩ ra việc sử dụng lá bài một nước “Quốc gia Việt Nam” và kí hiệp ước ngày 8-3-1949 với Bảo Đại. Chiến tranh Việt Pháp kết thúc bằng Hiệp ước Genève (ngày 20-7-1954) với sự rút quân Pháp ra khỏi Đông Dương. Nhưng chiến tranh Việt Mĩ lại bắt đầu với sự hiện diện của Mĩ tại Việt Nam và mãi đến năm 1975 mới kết thúc, nước Việt Nam được thống nhất.

Năm 1947 (ngày 7-1) có tài liệu ghi ngày 13-1) thừa lúc lực lượng Pháp bỏ trống Hoàng Sa lính Tưởng Giới Thạch đổ bộ lên lên đảo Phú Lâm (Woody Island). Chính phủ Pháp liền chính thức lên tiếng phản đối và đưa một đội quân hỗn hợp gồm lính Pháp và lính Việt ra đồn trú trên đảo Hoàng Sa (Pattle).

Đến lượt chính phủ Tưởng Giới Thạch phản đối và hai bên mở cuộc thương thuyết ở Paris từ ngày 25-2 đến ngày 4-7-1947. Chính phủ Tưởng Giới Thạch bác bỏ đề nghị nhờ một nước thứ ba làm trung gian hòa giải do chính phủ Pháp đưa ra. Ngày 1-12-1947, Tưởng Giới Thạch kí một sắc lệnh đặt tên Trung Quốc cho các đảo của hai nhóm Hoàng Sa và Trường Sa và tuyên bố sáp nhập hai Quần đảo này vào lãnh thổ Trung Hoa.

Năm 1948, ở Trung Hoa xảy ra những biến động liên tiếp khiến dư luận quốc tế không chú ý đến vụ Hoàng Sa và Trường Sa nữa.

Năm 1949, (tháng 4) Hoàng thân Bửu Lộc, Đồng lí văn phòng của Quốc trưởng - năm 1953 - đã tái khẳng định một cách công khai chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo trong một buổi diễn thuyết ở Sài Gòn.

Năm 1950 (tháng 4), toàn lính Tường Giới Thạch đồn trú trên đảo Phú Lâm rút đi. Pháp vẫn tiếp tục cho đóng quân trên đảo Hoàng Sa (Pattle).

Năm 1950 (ngày 14-10), chính phủ Pháp chính thức trao trả chủ quyền hai Quần đảo này cho chính phủ Bảo Đại. Thủ hiến Trung phần Việt Nam lúc đó là Phan Văn Giáo (năm 1904 - ...) đã ra tận Hoàng Sa tiếp nhận quyền chuyển giao chủ quyền Hoàng Sa. Lúc đó ở Quần đảo Trường Sa không có một lực lượng quân sự nào đồn trú cả.

Năm 1951 Quần đảo Trường Sa là đối tượng của nhiều vụ tranh chấp diễn ra bằng đường lối ngoại giao. Tổng thống Philippines là Quirino (ngày 17-5-1951) lên tiếng đòi chủ quyền Quần đảo Trường Sa lấy cơ là Trường Sa ở sát cạnh Quần đảo Philippines. Ngày 24-8, hãng Thông tấn Tân Hoa Xã bác bỏ chủ quyền của Pháp và lời đòi hỏi của Philippines, họ khẳng định cho rằng chủ quyền của hai Quần đảo phải thuộc về Trung Quốc.

Mùa hè năm 1951, dự án về bản hòa ước với Nhật được thành hình. Hòa ước này được kí kết vào ngày 8-9-1951. Điều 2, đoạn 7 của bản hòa ước ghi rõ:

“Nước Nhật từ bỏ mọi quyền, mọi đòi hỏi đối với các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.”

Năm 1951 (tháng 9), Hội nghị San Francisco (Hoa Kỳ) khai mạc, nhưng cả Trung Quốc lẫn Đài Loan đều không tham dự. Trong phiên họp khoáng đại ngày 5-9 của hội nghị, Ngoại trưởng Gromyko của Liên Xô (cũ) đề nghị 13 khoản tu chính. Khoản tu chính đầu tiên liên quan đến việc Nhật nhìn nhận chủ quyền của cộng hòa nhân dân Trung Hoa đối với “các

đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa ở phía Nam”. Khoản tu chính này bị Hội nghị bác bỏ với 48 phiếu chống và 3 phiếu thuận.

Năm 1951 (ngày 7-9), Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu của Chính phủ Bảo Đại long trọng tuyên bố rằng hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam. Không một đại biểu nào trong hội nghị bình luận gì về lời tuyên bố này. Khi hội nghị bế mạc vấn đề chủ quyền của hai Quần đảo vẫn còn bị bỏ lửng. (xem bản *Tuyên bố* in ở phần Tư liệu).

Năm 1955 (tháng 10), Tổ chức Hàng không Dân dụng quốc tế mở một hội nghị ở Manila đưa ra nghị quyết số 24 yêu cầu chính phủ Đài Loan củng cố hệ thống quan sát khí tượng trên Quần đảo Nansha (Nam Sa tức Trường Sa) nhưng không có sự phản đối hoặc lời phát biểu dè dặt nào.

Năm 1956 (tháng 4) quân đội Pháp rút khỏi Đông Dương. Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đưa quân của mình đến trú đóng ở đảo Hoàng Sa thay thế cho số lính Pháp. Nhưng Trung Quốc liền âm thầm đưa ngay lính đến chiếm đóng đảo Phú Lâm thuộc Quần đảo Hoàng Sa.

Kể từ năm 1956 trở đi lực lượng Trung Quốc đóng ở phía Đông Hoàng Sa (đảo Phú Lâm). Lực lượng Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) trấn đóng các đảo phía Tây (Hoàng Sa, Quang Ảnh, Tri Tôn, Cam Tuyền, Duy Mộng...). Tại đây chính quyền Sài Gòn tổ chức nghiên cứu về thủy đạo, khai thác phốt-phát và dựng bia **chủ quyền Việt Nam Cộng hòa**.

Ngày 15-3 cùng năm này (1956) một công dân Philip-pines tên là Thomas Cloma cùng mấy người nữa ra chiếm

đóng vài đảo trong nhóm Quần đảo Trường Sa viện lẽ đó là những đảo hoang vô chủ và đặt tên cho những vùng đã chiếm là “Đất tự do” (Freedomland). Sau đó, ông ta thông báo cho Ngoại trưởng Philippines biết các sự việc. Ông ta liền tổ chức một cuộc họp báo tại Manila vào ngày 19-5-1956 và tuyên bố Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Philippines. Thomas Cloma xin chính phủ Philippines cho vùng đất mà ông ta chiếm đóng được hưởng qui chế đất bảo hộ. Viên Đại diện Philippines tuyên bố là ngoài 7 (bảy) hòn đảo được quốc tế biết dưới cái tên là Trường Sa, tất cả các đảo nhỏ linh tinh khác trong Quần đảo này đều là vô chủ (res nullius)⁽¹⁾.

Năm 1956 (ngày 31-5), Bắc Kinh đưa ra một thông báo cho biết rằng mọi vi phạm đến chủ quyền của Trung Quốc trên các đảo Trường Sa sẽ không được dung thứ. Cùng lúc, Đại sứ của chính phủ Đài Loan ở Manila cũng đưa ra lời tuyên bố khẳng định chủ quyền của Trung Hoa có từ thế kỉ XV. Tiếp theo lời tuyên bố, một đơn vị của quân đội Đài Loan được phái đến đồn trú trên đảo Itu Aba.

Năm 1956 (ngày 1-6) ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày hôm sau Pháp cũng nhắc lại cho Philippines biết

(1) *Thomas Cloma*: là chủ một đội thuyền đánh cá, một đội thương thuyền, giám đốc một trường hàng hải tư. Năm 1956, ông cùng với em trai là Filemon Cloma đến vài đảo nhỏ. Đúng ra là họ đến các đảo từ các năm 1949-1950

những quyền hạn mà Pháp đã có đối với hai Quần đảo từ năm 1933.

Ngày 22-8-1956, lực lượng hải quân của Chính phủ Việt Nam cộng hòa (Nam Việt Nam) đổ bộ lên các hòn đảo chính của nhóm Trường Sa, dựng một cột đá và trưng Quốc kì. Tháng 10 cùng năm đó, hải quân Đài Loan đến khu vực Trường Sa can thiệp, trục xuất Thomas Cloma.

Ngày 22-10-1956, Chính phủ Sài Gòn kí Sắc lệnh sáp nhập Quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy (nay thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Năm 1958 (tháng 2) nhiều ngư dân Trung Quốc tìm cách xâm nhập phía Tây Quần đảo Hoàng Sa, nhưng bị lực lượng hải quân Việt Nam đẩy lui và trục xuất khỏi đảo.

Ngày 4-9-1958 Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đưa ra một thông cáo cho biết rằng chiều rộng của vùng lãnh hải Trung Quốc là 12 hải lí (12 milles marins). Bản tuyên cáo nói rõ là chiều rộng này áp dụng cho cả hai Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Tin tức về bản Tuyên cáo này được báo Nhân dân cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Lao động Việt Nam đăng tải và không ra lời bình luận.

Ngày 14-9 cùng năm, Thủ tướng nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa (Phạm Văn Đồng) trong một văn kiện gửi cho Chính phủ (Thủ tướng) Trung Quốc, khẳng định: “*Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhìn nhận và tán đồng lời tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa liên quan đến quyết định về vùng lãnh hải của*

Nguyễn Q. Thắng

Trung Quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định đó⁽¹⁾.

Năm 1965 (ngày 9-5), Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi phản ứng lại sự phân định ranh giới “vùng oanh kích tự do” do chính phủ Mĩ đưa ra đã tuyên bố (theo tài liệu Trung Quốc) “Tổng thống Lyndon Johnson của Mĩ đã chỉ định cho các lực lượng Mĩ tham chiến ở Việt Nam một vùng oanh kích tự do trải dài đến 100 hải lí trong lãnh hải Việt Nam và một phần trong lãnh hải Trung Quốc tiếp cận với Quần đảo Xisha (Tây Sa) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa⁽²⁾”.

Năm 1971 (ngày 11-7), Tổng thống Philippines cho biết binh sĩ Đài Loan đã chiếm đóng và củng cố đồn trại ở đảo

(1) Theo Monique Chemillier - Gendreau, *sdd*.

(1) Lưu Văn Lợi, *Cuộc tranh chấp Việt - Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà xuất bản Công an, Hà Nội, 1995. Trong sách này tác giả Lưu Văn Lợi có trích đăng nguyên văn bức công hàm của thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi Thủ tướng (Tổng lí) Chu Ân Lai, chúng tôi (NQT) trích lại như sau:

Thưa đồng chí Tổng lí

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng lí rõ:

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lí của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin gửi đồng chí Tổng lí lời chào trân trọng”.

(Theo Lưu Văn Lợi, Sđd trang 105).

(2) Theo Monique Chemillier - Gendreau, *La souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, Nhà xuất bản L'Harmattan, Paris, 1996.

Itu Aba (trong nhóm Trường Sa) nhưng không nói gì về chủ quyền của Philippines, mặc dầu quân đội nước này đã đưa mấy đơn vị quân đội chiếm đóng ở một vài đảo rồi. Cùng ngày, Ngoại trưởng của Chính phủ Sài Gòn (Trần Văn Lắm) có mặt tại Manila cũng nhắc lại lập trường chủ quyền của Việt Nam đối với các đảo thuộc Quần đảo Trường Sa. Ngày 16-7 cùng năm, Tân Hoa Xã lên án sự chiếm đóng của Philippines ở các đảo Trường Sa và tái khẳng định chủ quyền của Trung Quốc.

Năm 1973, trong lúc hội nghị Paris về Việt Nam đang diễn ra (tháng 3) Bộ trưởng Nội vụ chính phủ Sài Gòn Lê Công Chất kí Nghị định sáp nhập Quần đảo Trường Sa vào tỉnh Phước Tuy⁽²⁾.

Năm 1974 (ngày 11-1), Bắc Kinh tuyên bố rằng sự sáp nhập là một việc xâm phạm lãnh thổ Trung Quốc và tái khẳng định là cả hai Quần đảo trên đều thuộc chủ quyền Trung Quốc.

Ngày 15-1 Trung Quốc cho quân đổ bộ lên phần phía Tây của Quần đảo Hoàng Sa (nhóm đảo phía Tây gồm các đảo Hoàng Sa, Cam Tuyền, Duy Mộng, Quang Ảnh...) vốn vẫn do quân lực Việt Nam Cộng hòa chiếm giữ từ trước. Mấy ngày sau, Trung Quốc đưa thêm tàu chiến đến để yểm trợ cuộc đổ bộ của họ.

Ngày 18-01, viên Đại sứ Đài Loan ở Sài Gòn đưa công hàm tái khẳng định của quyền của Trung Hoa (Đài Loan).

Ngày 19 và 20, quân đội Trung Quốc pháo kích vào các đảo và mở những trận tấn công dữ dội vào quân đội Sài Gòn,

(1) Xem phần tư liệu.

đổ bộ chiếm đóng các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa. Lúc đó Quan sát viên của Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) tại Liên Hiệp Quốc yêu cầu Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc xem xét vấn đề.

Cùng thời điểm, Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam công bố quan điểm của mình. Theo đó, trước sự phức tạp của vấn đề, các bên cần phải xem xét trên cơ sở bình đẳng, hữu nghị và tôn trọng lẫn nhau và nên tìm cách giải quyết tình hình bằng cách ngồi lại để thương thuyết.

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) yêu cầu Ngũ giác đài (Bộ Quốc phòng Mĩ) can thiệp, nhưng Mĩ quyết định đứng ngoài, không nhúng tay vào vụ tranh chấp.

Chính phủ Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) gửi một văn kiện ngoại giao đến tất cả các nước có kí tên trong Hiệp ước đình chiến Paris, ngày 2-3-1973 nhắc lại lời hứa bảo đảm sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam và yêu cầu Hội đồng Bảo an mở một phiên họp đặc biệt⁽¹⁾.

Năm 1974 (ngày 2-7), Đại diện Nam Việt Nam (Việt Nam Cộng hòa) trong một phiên họp của Liên Hiệp Quốc đã tuyên bố về quyền lãnh hải để tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam cộng hòa đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1975 (ngày 5 và 6-5), hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam thay chân của toán lính Sài Gòn để kiểm soát các đảo ở Trường Sa.

(1) Xem nguyên văn Hiệp ước đình chiến Paris giữa bốn bên (Mĩ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Việt Nam Cộng hòa, chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam, bằng tiếng Việt và tiếng Anh), bản in Hội Việt Mĩ Sài Gòn, 1973.

Ngày 10-9-1975, Trung Quốc gửi cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một bức công hàm nhắc lại là chủ quyền của Trung Quốc trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Ngày 29-9-1975, nhân chuyến viếng thăm Trung Quốc của một phái đoàn Việt Nam, Đặng Tiểu Bình lúc đó là Phó Thủ tướng Trung Quốc tuyên bố: “*Vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa sẽ là đề tài cho những cuộc tranh cãi trong tương lai.*”

Năm 1977 (ngày 12-5), Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố quan điểm của mình về vấn đề lãnh hải (vùng lãnh hải, vùng tiếp cận, đặc khu kinh tế và thềm lục địa).

Năm 1978 (ngày 2-3), quân đội Philippines chiếm thêm một đảo nữa trong nhóm Trường Sa; đó là đảo Lankian Cay (*Cồn San hô*).

Năm 1979 (tháng 2), Tổng thống Philippines ra sắc lệnh tuyên bố hầu hết các đảo trong nhóm Trường Sa đều thuộc chủ quyền Philippines (trừ chính đảo Trường Sa).

Năm 1982 (tháng 6), Tân Hoa Xã loan tin là một hải cảng lớn được xây dựng tại Hoàng Sa.

Ngày 12-11-1982, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố những đường căn bản sử dụng trong công việc đo đạc chiều rộng lãnh hải của mình. Các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được gom trong các đường cơ sở đó.

Năm 1983 (ngày 23-2), Malaysia đưa ra vấn đề chủ quyền của họ đối với ba hòn đảo trong nhóm Trường Sa.

Ngày 25-3, Bộ Ngoại giao Việt Nam bác bỏ mọi đòi hỏi của Malaysia đối với các đảo nói trên. Và cũng trong tháng

6 cùng năm, Malaysia đưa binh lính ra chiếm đóng đảo *Hoa Lau* và bắt đầu những công trình xây dựng, chính phủ Việt Nam phản đối quyết liệt.

Năm 1984 (ngày 2-6), Quốc hội Trung Quốc quyết định thành lập một đặc khu hành chánh bao gồm đảo Hải Nam và hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, chính phủ Việt Nam ra tuyên bố phản đối sự việc này.

Năm 1988 (tháng 2), lần đầu tiên Trung Quốc đưa quân đến Trường Sa biểu dương lực lượng quân sự của mình.

Ngày 14-3-1988, hải quân Trung Quốc và hải quân Việt Nam chạm trán nhau trong vùng *Johnson South Reef* (Đá Gạc ma), *Collins Reef* (Đá Côlin) và *London Reef* (đảo Đá Tây). Nhiều tàu chiến Việt Nam bị hư hại. Hải quân Trung Quốc đã dùng đến đại bác cỡ lớn, có 74 thủy binh Việt Nam bị ghi nhận mất tích. Tàu chiến Trung Quốc ngăn cản không cho các tàu cứu thương có mang cờ chữ thập đỏ của Việt Nam cứu vớt những binh sĩ bị thương.

Sau đó theo lời phát ngôn Việt Nam, hải quân Trung Quốc còn tiếp tục ngăn chặn các cuộc tiếp tế của tàu Việt Nam. Cả Trung Quốc lẫn Việt Nam bên nào cũng lên tiếng phản đối, nhưng kể từ đó các sự việc cứ được để lửng lơ như vậy cho đến những năm gần đây.

Cũng trong năm 1988 (tháng 4), chính phủ Philippines cho bầu một thị trưởng để trông coi một đơn vị hành chánh được họ thành lập trên các đảo nhỏ trong nhóm Trường Sa (đảo Thị Tứ), củng cố thêm sự đòi hỏi chủ quyền của họ bằng một cơ sở hành chánh có tổ chức.

Năm 1989 (tháng 5), Trung Quốc chiếm thêm một đảo nhỏ ở Trường Sa.

Tháng 8 năm 1989, Việt Nam bắt đầu xây dựng một **đặc khu Kinh tế - Khoa học** trên Quần đảo Trường Sa.

Năm 1990 (tháng 8), Thủ tướng Trung Quốc Lí Bằng đề nghị một cuộc khảo sát chung giữa Trung Quốc và Việt Nam trong khu vực Trường Sa.

Năm 1991 (ngày 15 và 18-7), do sáng kiến của Indonesia một hội nghị quốc tế được tổ chức ở Bandung giữa các nước trong vùng để bàn về vấn đề Trường Sa. Cuộc hội nghị các bên đưa ra một bản *Thông cáo chung* kêu gọi đối thoại và thương thảo.

Năm 1992 (ngày 2-2), Trung Quốc đưa ra một đạo luật mới qui định lại vùng lãnh hải của họ, mở rộng thêm bằng cách bao gồm cả hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào lãnh thổ Trung Quốc.

Năm 1992 (tháng 5), Trung Quốc cho phép Công ti Crestone-Energy của Mỹ vào thăm dò tìm dầu lửa ở phía Nam biển Đông cách bờ biển Việt Nam 300 cây số trong một vùng mà chính phủ Việt Nam xem là đặc khu kinh tế của mình. Ngày 8-7 cùng năm, Trung Quốc chiếm thêm mấy đảo nhỏ nữa thuộc nhóm Trường Sa.

Năm 1994, Trung Quốc nhiều lần nhắc lại đề nghị nên tạm hoãn không nhắc đến các vụ tranh chấp đất đai mà nên hướng về công việc chung sức dò tìm và khai thác các tài nguyên thiên nhiên.

Năm 1994 (tháng 4), báo chí thế giới loan tin (tạp chí *Far Eastern Economic Review* số ra ngày 13-10) loan tin một vụ chạm trán giữa một tàu Trung Quốc đang thực hiện một cuộc thăm dò địa chất cho công ti Crestone và các tàu chiến Việt Nam. Các tàu Việt Nam buộc các tàu Trung Quốc phải

rút đi nơi khác không được xâm phạm một vùng biển được xem là của Việt Nam. Tàu Trung Quốc đã nhượng bộ và rút lui.

Ngày 23-6-1994, Quốc hội Việt Nam đã phê chuẩn Công Ước về luật biển của Liên Hiệp Quốc 1982.

Năm 1995 (ngày 9-2), Philippines phản đối Trung Quốc về việc Trung Quốc đã chiếm một đảo nhỏ mà Philippines cho là thuộc chủ quyền của mình (đảo *Vành Khăn*) và đã xây dựng tại đó một bến đậu cho tàu biển.

Hiện nay ⁽¹⁾ có 5 nước (Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và đảo quốc Đài Loan) đang tranh chấp nhau về hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Riêng Quần đảo Hoàng Sa thì đã bị Trung Quốc độc chiếm sau các trận đụng độ quân sự với quân lực Sài Gòn (Nam Việt Nam) hồi năm 1974, nhưng không có nước nào đủ các bằng cứ xác thực như của Việt Nam, khi chính phủ Việt Nam đưa hồ sơ ra thương thuyết cũng như dư luận chung.

(1) *Hiện nay* là thời điểm chúng tôi viết thiên khảo luận này vào năm 1995 nên gọi là *hiện nay*. Từ đó (năm 1995-2007) Trung Quốc đã làm nhiều việc sai trái với sự thật lịch sử và luật pháp Quốc tế, như trong tháng 12-2007 họ đã thành lập tại Hoàng Sa, Trường Sa một thành phố mà họ gọi là *Thành phố Tam Sa* thuộc tỉnh Hải Nam như đã thấy (2007).

CHƯƠNG VI

CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VÀ VẤN ĐỀ CHỦ QUYỀN HAI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA⁽¹⁾

1. Khái quát vấn đề

Từ nhiều chục năm nay hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là đầu mối của những vụ tranh chấp chủ quyền giữa nhiều nước trong vùng Đông Nam Á, mà đặc biệt hơn hết là vụ tranh chấp giữa Trung Quốc và Việt Nam, bởi vì nó có thể khiến cho thế quân bình trong khu vực lung lay và toàn châu Á trở thành một điểm nóng.

Đã có mấy cuộc đàm phán được mở ra, nhưng cho đến nay người ta vẫn chưa thấy một kết quả hoặc một hướng giải quyết nào; vì vô tư mà nói, những cuộc đàm phán đó không mang tính cách đàm phán đúng nghĩa. Mà thật sự chỉ là những

(1) Chương này có thể tham khảo thêm ý kiến của Giáo sư Gendreau
Giáo sư Công pháp quốc tế tại Đại học Paris VII bà Monique Chemillier
- Gendreau - và GS cũng là tác giả sách *La souveraineté sur les Archipels
Paracels et Spratleys* (Chủ quyền đối với các Quần đảo Hoàng Sa,
Trường Sa), Nhà xuất bản L'harmattan, Paris 1996.

lối so kè thế lực và cái vơ tâm thường. Chưa bên nào chịu nghĩ đến một giải pháp đúng đắn và hợp lý hơn; vì mỗi bên, nhất là Trung Quốc luôn có những lý do riêng tư của họ để mưu đồ cường chiếm toàn bộ lãnh thổ hai Quần đảo này.

Trong chương này chúng tôi chỉ xét vấn đề theo khía cạnh Công pháp quốc tế; nghĩa là theo cách mà từ trước đến nay nhiều nước trên thế giới đã dùng để giải quyết thỏa đáng mọi vấn đề tranh chấp.

Trước hết, chúng ta cần chú ý ba việc đầu tiên: *mô tả vị trí địa lý của vùng tranh chấp, nêu rõ các yếu tố của tiền bản pháp lý giả định* (la problématique juridique) được đặt ra và nhắc lại *những điểm mấu chốt của lịch trình diễn tiến của những sự kiện theo thứ tự thời gian*.

a. Vị trí địa lý (Ở đây chỉ tóm tắt - xem lại tiết 3 - Vị trí và Địa thế các đảo chính).

Hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hai trong số bốn nhóm đảo san hô nằm rải rác trong vùng Biển Đông.

Hai nhóm kia Quần đảo Đông Sa (Pratas) và Thạch Tinh Thạch Đường tức Quần đảo Mac Clesfield không có tầm quan trọng gì đặc biệt nên không là đối tượng của các vụ tranh chấp chủ quyền. Bao quanh hai nhóm đảo Hoàng Sa và Trường Sa là các nước: Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Brunei và Philippines. Các đảo không nằm trên thềm lục địa của các nước trên mà lại ở giữa một vùng biển có độ sâu hơn 1.000m (ở gần Hoàng Sa) và khoảng 3.000m ở hướng Đông Bắc Trường Sa. Đây là một dữ kiện quan trọng về mặt pháp lý vì như vậy có nghĩa là không một nước nào trong các nước vừa kể ở trên có thể vịn vào lý do thềm lục địa để đòi được công nhận chủ quyền: một điểm quan trọng nên nhớ nữa là các

đảo Hoàng Sa, nhất là Trường Sa đều là những hòn đảo không có dân cư vì diện tích quá nhỏ. Chúng chỉ là những nơi núp gió của những ngư dân đi đánh bắt cá theo mùa, hoặc là nơi đồn trú xưa kia của một số binh sĩ thời Chúa Nguyễn (năm 1558 - 1778) thuộc Xứ Đàng Trong của Việt Nam.

Quần Đảo Hoàng Sa (Xem lại phần *Mô tả các đảo chính* - *Nhóm Bắc, Nhóm Tây*, các trang 22 - 29).

Theo kết quả khảo sát địa chất của toán chuyên viên trên tàu De Lanessan của Pháp trước đây thì lớp địa tầng trầm thủy của các đảo thuộc nhóm Hoàng Sa nằm ở độ sâu từ 40 đến 100m và phía trên được cấu tạo bằng nhiều lớp san hô. Khí hậu nóng và ẩm ướt (so với các nước ở đại dương) mưa nhiều, sương mù cũng nhiều. Gió mạnh thổi quanh năm và nhiều khi tạo thành cơn bão lớn. Trên các đảo có một số cây nhỏ, các bụi rậm và các đám cỏ cao. Chim chóc thì vô số và rùa biển rất nhiều.

Tài nguyên trên Quần đảo gồm ba loại: *tài nguyên dự kiến trong tương lai là các mỏ dầu khai thác xa bờ (off shore)*. *Tài nguyên hiện có và hiện đang khai thác là phốt-phát*. Lớp phốt-phát do phân chim tạo thành thường dày hàng mét (trữ lượng phốt-phát nguyên chất là 23 đến 25%, có chỗ lên đến 42%).

Các công ti Nhật Bản đã đấu thầu khai thác phốt-phát từ những năm 1924, 1926. Năm 1956, chính quyền Sài Gòn có cho phép các kĩ nghệ gia Việt Nam, các ông Bùi Kiến Thành, Đào Nhật Tiến và Lê Văn Cang khai thác phân phốt-phát ở Quần đảo Hoàng Sa. Công ti Phân bón Việt Nam đã khai thác phốt-phát cho đến những năm 1960, 1963. Nhưng số lượng phốt-phát ở Hoàng Sa cũng còn rất nhiều mặc dù từ năm 1956

trở đi nhóm đảo Crescent ở phía Đông đã bị Trung Quốc lấn chiếm từ năm 1950 rồi tiếp đến năm 1974.

Loại tài nguyên thứ ba của Quần đảo Hoàng Sa là *hải sản*. Từ khi Trung Quốc hoàn tất cuộc cưỡng chiếm Hoàng Sa của họ hồi 1974 bằng cách cho đóng quân nổi trên khu vực phía Tây của nhóm *Nguyệt Thiêm* (Crescent) họ đã ngày đêm thực hiện nhiều công trình xây cất với chủ ý đặt dư luận thế giới trước một sự đã rồi. Họ xây một sân bay và một bến cảng lớn được cất trên đảo Phú Lâm (Woody Island). Năm 1982, Trung Quốc lại cho xây cất một bến cảng quân sự ở đảo Triton mới chiếm từ tay quân đội Sài Gòn hồi năm 1956 và tiếp đến năm 1974.

Quần đảo Trường Sa (Xem lại *Nhóm Cục Nam - Quần đảo Trường Sa*, các trang 30 - 32).

Cũng như Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa rất giàu về trữ lượng phân chim. Số phốt-phát ở đây được ước lượng có khoảng 370.000 tấn.

Báo chí trên thế giới cho rằng Trường Sa có nhiều mỏ dầu. Theo nguồn tin Trung Quốc thì trữ lượng dầu của Trường Sa hàng trăm tỉ thùng và trữ lượng khí đốt là hơn 25 tỉ mét khối.

Trên đảo có nhiều phân chim và nhiều rùa biển. *Đảo An Bang* (Amboyna Cay) cũng có cây cối và phân chim. *Bãi Đá ngầm* (Rifleman Bank) là một bãi cát quan trọng vì dài đến 56 cây số và rộng đến 24 cây số nhưng lại thường bị ngập dưới mực nước biển. Về tí phía Nam gần bờ biển Malaysia là một nhóm bãi cát và đá ngầm có tên là *James Shoal* đã bị Malaysia chiếm đóng vì ở đó có một trữ lượng dầu và khí đốt khổng lồ.

Ở đảo *Itu Aba* hải quân đảo quốc Đài Loan đã thiết lập một trại đồn trú với gần 1000 binh sĩ. Quân đội Nhân dân Việt Nam thì trấn giữ đảo *Trường Sa* (Spratley). Philippines có mặt trên hai đảo *Thị Tứ* và *Loại Ta*. Trung Quốc là kẻ đến sau cùng (mãi đến khoảng 1988 và 1989) tháng 3-1988 họ mới xuống đến Trường Sa lấn chiếm khu vực nhóm bãi *Đá Ngắm Chữ Thập* (Fiery Cross Reef) - một nơi mà mỗi lần thủy triều lên là bị chìm sâu dưới nước.

2. Nền tảng pháp lý giả định của vấn đề (La problématique juridique du problème)

Muốn tìm một giải pháp cho vấn đề chủ quyền Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chúng ta cần nêu lên một số vấn đề có liên quan đến *tính chất địa dư* của các đảo và *tính chất pháp lý* của các vụ tranh chấp. Sau đó, chúng ta sẽ thử tìm *một nền tảng pháp lý* áp dụng được để cố giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng.

- Tính chất địa dư của vùng đất đang tranh chấp

Theo Giáo sư Monique Chemillier-Gendreau (Giáo sư Đại học Paris VII) muốn xét vấn đề này phải nêu ra hai câu hỏi quan trọng sau mới giải quyết được tính chất pháp lý trong việc tranh chấp chủ quyền hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

a) *Vùng đất tranh chấp có phải là loại đất đai có thể sở hữu hóa hay không?*

Theo nhiều nhà nghiên cứu, nhất là các nhà địa chất học, thì hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thật ra chỉ là một đám bụi nhỏ gồm những bãi cát chìm, những mỏm đá vụn và trong số đó chỉ có một vài hòn đảo thực sự đáng gọi là đảo. Vấn đề chúng ta nêu ra ở đây là thích đáng vì tất cả

những đám bụi nhỏ ấy một sớm một chiều có thể bị những chuyển động của đại dương và của lòng quả đất xóa mất không còn dấu vết.

Trước đây khái niệm về loại đất đai, có thể sở hữu hóa đã từng được đặt ra trước Tòa án quốc tế nhân vụ tranh chấp các đảo Minquiers và Ecréhous. Theo khái niệm đó một vùng đất đảo, nếu muốn được xem là có thể sở hữu hóa, phải có *một diện tích đủ rộng để làm đất ở cho một số dân cư*. Nhiều luật gia chuyên về quốc tế công pháp còn muốn phải có thêm điều kiện là vùng đất đảo đó phải được thừa nhận trên các bản đồ lưu hành. Mới đây vụ tranh cãi ở Hội nghị Liên Hiệp Quốc về luật biển đã cho thấy rõ tất cả những sự phức tạp của vấn đề.

Điều khoản số 121 của Thỏa ước Montego Bay ngày 10-12-1982 lại còn đòi phải có thêm một *"tiêu chuẩn địa chất"* (un critère géologique). Những hòn đảo nhân tạo kiểu đã thấy ở Hoàng Sa và ở Bãi Đá ngầm chữ thập (thuộc Quần đảo Trường Sa) do Trung Quốc dựng lên đều phải được loại trừ. Ngoài ra, còn có thêm một *"tiêu chuẩn về thủy hình học"* nữa (un critère hydrographique): một hòn đảo đúng với định nghĩa phải là một hòn đảo không chìm dưới mực nước biển khi thủy triều lên.

Tiếp sau vấn đề về tính chất địa lí của vùng đất tranh chấp còn có một câu hỏi thứ hai:

b. Các vùng đất ấy có phải là những vùng đem lại sự qui thuộc các vùng biển rộng lớn cho quốc gia nắm chủ quyền hay không? (Cũng theo GS Gundreau).

Nêu ra câu hỏi này có nghĩa là muốn biết xem điều khoản số 121, đoạn 2 của Thỏa ước Liên Hiệp Quốc về luật biển có

thể áp dụng cho trường hợp của hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hay không? Sự sở hữu hóa của những vùng đất đảo có đưa đến các đặc quyền đối với các tài nguyên sinh học cũng như đối với các tài nguyên trong lòng đất dưới đáy biển trong giới hạn 200 hải lý hay không?

Đoạn 3 của điều khoản 121 của Thỏa ước Liên Hiệp Quốc về luật biển có ghi rõ: *“Những mỏm đá không thích hợp cho con người đến ở, hoặc cho một đời sống kinh tế riêng thì không có vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa.”*

Chính để né tránh điều khoản này mà hầu hết những nước có can dự vào vụ tranh chấp chủ quyền ở hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đều đi đến chuyện “uốn sừng sửa xoáy” trên các hòn đảo mà họ đang chiếm giữ, như trường hợp Trung Quốc đã làm ở Quần đảo Hoàng Sa. Từ khi Trung Quốc dùng sức mạnh quân sự để chiếm đoạt xong Quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc đã thực hiện nhiều công trình sửa đổi, chỉnh trang ngoạn mục. Ở những nơi mà hồi nửa đầu thế kỉ XX các nhà hàng hải chỉ thấy có cát vàng, đá ngầm và sóng biển thì bây giờ là cả một hệ thống đường sá, bến cảng, sân bay, đồn lũy kiên cố...

Những nước đang chiếm giữ các hòn đảo khác trong Quần đảo Trường Sa cũng làm tương tự. Và chính chỗ này đã làm phức tạp thêm cái vốn dĩ đã rất phức tạp của vấn đề.

3- Tính chất pháp lí của vụ tranh chấp

Trong vụ tranh chấp, mỗi nước đều đưa ra những lí lẽ và những bằng cứ chủ quyền khác nhau và chúng ta tự hỏi đâu là căn bản pháp lí của sự đòi hỏi của mỗi nước? *Bằng cứ về quyền sở hữu của nước A có điểm gì trội hơn bằng cứ về quyền sở hữu của nước B?*

Trong trường hợp Quần đảo Hoàng Sa, Trung Quốc đã chống lại những đòi hỏi chủ quyền của Việt Nam. Từ năm 1956 họ đã dùng sức mạnh quân sự chiếm đóng một phần Quần đảo và đến năm 1974 chiếm đóng nốt phần còn lại như nhiều nước trên thế giới đã biết.

Công pháp quốc tế (Hiến chương Liên Hiệp Quốc, điều 2, đoạn 4) cấm sự sử dụng sức mạnh quân sự để xâm phạm quyền toàn vẹn lãnh thổ của một nước khác. Do đó, *sự hiện diện bằng sức mạnh quân sự của Trung Quốc trên Quần đảo Hoàng Sa không thể được xem là một bằng chứng chủ quyền của Trung Quốc đối với Quần đảo Hoàng Sa*. Bằng chứng chủ quyền loại đó không có giá trị và không bao giờ được ai thừa nhận.

Riêng trên Quần đảo Trường Sa thì sự việc lại hoàn toàn khác. Sự đòi hỏi chủ quyền của Việt Nam ở đây đã bị sự đòi hỏi chủ quyền và sự chiếm đóng của các nước Philippines, Đài Loan, và mới đây Malaysia và Brunei, chống lại. Năm 1988 lại có thêm Trung Quốc nhảy vào. Tất cả những sự đòi hỏi đều được kèm theo bằng một hành động chiếm đóng quân sự.

Tình trạng này bắt buộc chúng ta nhìn lại tính chất pháp lý của vụ tranh chấp. Đây là vụ tranh chấp về quyền sở hữu của một *vùng đất chưa hề thuộc về ai* (terra nullius) hay là vụ tranh chấp về một vùng đất mà mỗi bên đều khẳng định là mình đã có chủ quyền?

Trường hợp của Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa giống trường hợp của các đảo Minquiers và Ecréhous trước đây. Vụ tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa là một vụ tranh chấp giữa các nước đã từng chiếm giữ và có những danh nghĩa chủ quyền trong những thời kì lịch sử khác nhau.

a. Các tiêu chuẩn Công pháp quốc tế áp dụng cho giải pháp xử lý vụ tranh chấp

Trước đây, nhiều nước đã đòi dựa vào tiêu chuẩn “*tiếp giáp về mặt địa lý*” (la contiguïté géographique) để xác định giá trị chủ quyền như trường hợp tranh chấp chủ quyền Quần đảo Falkland giữa hai nước Argentina và Anh, đã cho thấy là tiêu chuẩn này đã bị gạt bỏ, mà không những chỉ có trường hợp đảo Falkland. Trong vụ tranh chấp đảo Palmas, một đại diện của Tòa án quốc tế là Max Huber cũng cho là “*nguyên tắc tiếp giáp về mặt địa lý không thể dùng như một giải pháp pháp lý được; vì nó thiếu chính xác và nếu được áp dụng có thể sẽ đưa đến những kết quả có tính cách độc đoán và áp đặt*” (ce principe de la contiguïté géographique n’est pas non plus admissible comme méthode judiciaire, car il manque seulement de précision et conduirait, dans son application, à des résultats arbitraires” - trích trong *Max Huber Sentence relative à l’île de Palmas 4 avril 1928*).

Và lại nếu áp dụng tiêu chuẩn “*tiếp giáp về mặt địa lý*” thì sẽ bất lợi cho Việt Nam trong trường hợp Quần đảo Trường Sa, vì có nhiều hòn đảo trong nhóm này lại rất gần Philippines và Malaysia hơn.

b. Các bằng chứng chủ quyền qua các tài liệu lịch sử

* Phía Trung Quốc, khi đòi chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, đã đưa ra mấy tài liệu lịch sử sau đây:

– Quyển *Nam Châu Dị Vật Chí* (Nam Zhou Yi Wu Zhi), tiếng Pháp dịch là (*Choses exotiques des régions du sud*) của Vạn Chấn (Wan Zhen) viết dưới thời vua Vũ Đế nhà Hán (năm 220 - 265) thuật lại một chuyến đi biển về phía Nam.

Trong sách *Ngoại Trân* (Wau Zhen) bảo là đã đến một chỗ nước cạn có rất nhiều đá nam châm (Pháp dịch là pierre d'aimant).

– Quyển *Phu Nam Truyện* (Fu Nan Zhuan) của Khang Đài (Kang Tai) cũng viết vào đời Hán Vũ Đế.

– Quyển *Dị Vật Chí* (Yi Wu Zhi) của Dương Phu (Wang Fu) viết vào đời Đông Hán 25 - 220 sau Công nguyên).

– Quyển *Lĩnh Ngoại Đại Đáp* (Ling Wai Dai Da) của Châu Khứ Phi (Zhou Chu Fei) đời Tống năm 1178 viết về các nước vùng Đông Nam châu Á trong đó có đoạn nói về *Vạn Lý Trường Sa* ở Giao Chỉ dương (biển Giao Chỉ - tên cũ Việt Nam).

– Quyển *Chư Phiên Chí* (Zhu Fan Zhi) của Triệu Như Quát (Zhao Ju Guo) đời Tống năm 1225), có nhắc đến danh xưng *Thiên Lý Trường Sa*...

– Quyển *Đảo Di Chí Lược* (Dao Ji Zhi Lu) nói về các đảo đã gặp trong một chuyến đi biển của Vương Đại Uyên (Wang Da Yuan) (đời Nguyên, năm 1349) có mô tả địa thế các nước Đông Nam Á.

– Quyển *Đông Tây Dương Khảo*, (Dong Xi Yang Kao), khảo về các biển phía Đông và phía Tây của Trương Nhiếp (Zhang Xie) viết năm 1618.

– Quyển *Vũ Bị Chí* (Wu Bei Zhi) của Mao Nguyên Nghi (Mao Yuan Ji) thuật lại bảy chuyến đi của Đô đốc Zheng He (tức Đô đốc Trịnh Hòa, năm 1405 - 1433) nhằm chinh phục các nước Đông Nam Á như Indonésia, Malaysia, Singapore, Ceylanca...

Vào đời Thanh, Trần Luân Quýnh với cuốn *Hải Quốc Văn*

Kiến Lục (Haiguo Wenjihian Lu) viết về chuyện nghe thấy ở các nước hải ngoại là láng giềng của Trung Quốc (năm 1744).

– Quyển *Hải Lục* (Hai Lu) của Dương Bình Nam (Yang Briguan) biên chép về các chuyến đi biển của Dương (Yang Brignam) cũng viết vào đời Thanh, năm 1820 (Gia Khánh năm thứ 25).

– Quyển *Hải Quốc Đồ Kí* (Haigue Tu Zhi) biên chép về các nước hải ngoại và về thuật hải hành của Ngụy Nguyên (Wee Yuan) năm 1848.

– Quyển *Dinh Hoàn Chí Lược* (Ying Huan Zhi Lu) (*Địa lí sơ lược toàn cầu*) của Phương Huệ Chương (Feng Wen Zhang)⁽¹⁾.

Tất cả các tài liệu Trung Quốc vừa kể đều nói đến các đảo đã gặp trong các chuyến hải hành. Trung Quốc bảo đó là các đảo của nhóm Hoàng Sa, nhưng nhiều luật gia lại cho là không phải, vì nếu căn cứ theo các khoảng cách đối với bờ biển Trung Quốc như đã ghi trong sách thì đó không phải là khoảng cách từ Trung Quốc đến Hoàng Sa, nói chi đến Trường Sa, vì Trường Sa đối với Trung Quốc lại còn xa hơn nữa.

Chẳng hạn trong quyển *Đông Tây Dương Khảo* (Dong Xi Yang Kao) có đoạn nói đến các đảo chỉ cách Vĩ Xương (Wen chang) (ở Trung Quốc) có 100 lí (50 cây số). Khoảng cách này không thể là khoảng cách đối với các đảo Hoàng Sa vì Hoàng Sa nằm cách đảo Hải Nam của Trung Quốc đến những hơn 200 cây số về phía Nam. Các tên mà sách Trung Quốc gọi cũng rất lộn xộn không có gì là thống nhất cả. Khi

(1) Tham khảo: Lăng Hồ Nguyễn Khắc Kham - *Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*, in ở Phụ lục.

thì gọi là *Jinrulozhou*, khi thì là *Vạn Lí Thạch Đường* (Wanlizhitang) lúc thì gọi là *Thạch Tinh Thạch đường*, khi thì là *Vạn Lí Trường Sa* (Wanlichengsa), lúc thì là *Vạn Lí Thạch sàng* (Qianlishatang), và có khi cũng lại là *Thất Châu dương* (Gizhouyang) hoặc *Thất Châu Sàng* (Gizousan)⁽¹⁾.

Theo Giáo sư Gendreau thì “mới đây một tác giả Trung Quốc thuộc hạng trí thức khoa bảng trong một luận án trình tại trường Đại học Paris (năm 1991) đã không phân biệt được Hoàng Sa với Trường Sa.”

Bà Monique Chemillier - Gendreau trích nguyên văn: “En 1878, Guo songtao, premier ambassadeur de la Chine envoyé à l'Occident, dans ses notes de voyage, a fait mention aussi des îles Namsha (Spratley) comme appartenant à la Chine”.

Tạm dịch:

“Năm 1878 vị đại sứ đầu tiên của Trung Quốc tên là Quí Tông Đào (Guo Songtao) đi công cán ở một nước Tây phương cũng nói trong quyển du kí của mình là các đảo Nansha (Nam Sa tức Spratley) thuộc về nước Trung Hoa”.

Liên đó Giáo sư Gendreau phê phán thái độ thiếu liêm

(1) Tham khảo thêm Lăng Hồ Nguyễn Khắc Kham - *Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*, in ở Phụ lục.

Gần đây (năm 1988) ở Bắc Kinh, một nhóm tác giả do Hàn Chấn Hoa chủ biên một cuốn sách có nhan đề *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hội biên*, (năm 1988, Bắc Kinh) cho rằng Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam là *Tây Sa*, *Nam Sa* Quần đảo của Trung Quốc. Lần này các tác giả trên cũng chỉ lặp lại các ý kiến và các sử liệu mơ hồ hồi năm 1956, 1974. Các luận cứ của sách trên cũng nhắc lại các sử liệu mơ hồ mà Trung Quốc đã đưa ra năm 1956, 1974. Các luận cứ này của Hàn Chấn Hoa và đồng tác giả khác đã bị tác giả Lăng Hồ bỏ gậy từ năm 1974 trên *Tập san Sử Địa*.

khuyết trí thức (probité intellectuelle) của ông tân Tiến sĩ này. “Và ông ta (Dương Châu Kiện- Jian Zhou) cẩn thận hơn chú thích ngay ở phía dưới (chú thích số 18) ⁽¹⁾ rằng “Nansha là các đảo Paracels (Hoàng Sa) và lại còn ghi rõ vĩ độ 17°10 Bắc. Thật là lộn xộn và mâu thuẫn. Việc này phần nào cho chúng ta thấy rõ tính cách ngụy tạo và dưng đứng của các tài liệu về chủ quyền của Trung Quốc”⁽²⁾.

Trong các minh chứng do phía Trung Quốc đưa ra để chứng tỏ rằng họ đã có mặt (thật sự họ không có mặt mà chỉ đi ngang qua và mắt trần thấy thôi) ở Hoàng Sa và Trường Sa từ hàng bao nhiêu thế kỉ trước cùng đều như thế cả. Theo họ thì vào đời Bắc Tống (thế kỉ thứ X và XII) các tàu chiến Trung Quốc khởi hành từ Quảng Đông (Quangdong) đi đến đảo Hoàng Sa. Nhưng nếu đọc kĩ tập *Vũ Kinh Tông Yếu* (Wujing Zong Yao) của Tăng Công Lương (tập kỉ yếu về các hoạt động quân sự đời Tống) do chính Vua Tống Nhân Tông đề tựa thì chuyến đi đó không phải là một chuyến đi tuần tra, thám hiểm các vùng đất thuộc về Trung Hoa mà lại là một chuyến đi thăm dò và thám thính. Một việc khác nữa là vào những năm từ 1710 đến 1712 dưới đời Thanh, Đô đốc Ngô Thăng (Wu Sheng) chỉ huy đội chiến thuyền Quảng Đông đã đích thân đưa đội thuyền của mình đi tuần tra trên biển và Ngô Thăng (Wu Sheng) cho rằng đội thuyền đã đi đến *Thất Châu Dương* (Mer des Sept îles) tức Quần đảo Hoàng Sa. Tuy nhiên, nếu chúng ta dò đoạn hải trình của Ngô Thăng (Wu Sheng) trên bản đồ thì sẽ thấy rằng đội thuyền chỉ đi vòng quanh đảo Hải

(1)(2) Jian Zhou “*Les frontières maritimes de la Chine*” (Các biên giới ngoài biển của Trung Quốc) Thèse Université Paris X, 1991 - Theo Monique Chemillier - Gendreau, *Sđd*, trang 61.

Nam chứ không đi đâu xa cả. Bản văn của Ngô Thắng (Wu Sheng) viết:

*“Khởi hành từ Quỳnh Nhai(Qiongya), đội thuyền ghé qua Đông Cổ (Tong Gu) rồi băng qua Thất Châu Dương (Qizhouyang), Tứ Canh Sa (Sigengsha) và đi được 3.000 lí”. Theo bản đồ thì Hoàng Đô (Qiongzo) là tỉnh lỵ của vùng Bắc đảo Hải Nam (Haihow), Tong Gu (Đông Cổ) là tên một trái núi ở mồm Đông Bắc của Hải Nam. Quảng Đông (Qizhouyang) là nhóm đảo Taya và Tứ Canh Sa (Sigengsha) là một dải cát dài ở phía Tây đảo Hải Nam. So sánh hải trình của các chuyến đi biển do Trung Quốc thực hiện hồi thế kỉ thứ XIII, một tác giả Tây phương - ông Marwyn S. Samuels - trong cuốn *Contest for the South China Sea (Vụ tranh chấp trong vùng Nam Hải)*, Nhà xuất bản Methuen London, 1982, ở trang 20 cũng kết luận: “Mặc dầu có rất nhiều chuyến đi biển được thực hiện suốt thế kỉ thứ XIV và mặc dầu nhà Nguyên có một đội hải thuyền hùng mạnh, nhưng các đảo nằm trong khu vực Nam Hải vẫn không bị chiếm đóng và sáp nhập vào Trung Quốc” (“Despite greatly increased contact with the seas during the fourteenth century, and despite the power of the Yuan navy, the islands of the South China Sea were apparently not absorbed into the empire or colonized”).*

Theo Giáo sư Gendreau thì các tư liệu và các chuyến đi đó chỉ là để thăm dò, thám thính và công pháp quốc tế của thời kì đó (thế kỉ XVI và XVII) đã phân biệt rõ ràng sự khác nhau giữa *phát hiện thăm dò* (to discover) và *phát hiện chiếm hữu* (to find). Bằng cơ là vào năm 1867 người Anh tưởng đã phát hiện ra Quần đảo mà họ đặt tên là *Spratley* (Trường Sa) thuộc hải phận Việt Nam. Nhưng sau đó người Anh không hề lên tiếng đòi chủ quyền cho họ. Điều này còn thấy rõ hơn

nữa là hồi năm 1523 (ngày 18-12) Vua Charles V của Tây Ban Nha đã nêu rõ sự phân biệt này trong một huấn lệnh gởi cho Đại sứ Juan de Zunigo nhắc kĩ rằng việc đội thuyền Bồ Đào Nha đã gặp thấy một vài vùng đất trong cuộc hải hành của họ không thể được coi là một lí do chứng minh chủ quyền của Bồ Đào Nha đối với những vùng đất đó⁽¹⁾.

Sự đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa còn bị chính các tài liệu khác của Trung Quốc vô hình trung bác bỏ. Có nhiều tài liệu địa lí cổ của Trung Quốc đã tả rõ và định rõ ranh giới của Trung Hoa, ghi rõ rằng *lãnh thổ Trung Quốc về phía Nam chỉ đến đảo Hải Nam là hết*. Đó là những tài liệu cổ thuộc thế kỉ thứ XII - XVII và XVIII của Trung Quốc; trong đó có một bản đồ của tỉnh Quảng Châu (Quangjhou) và một tập địa dư chí về tỉnh Quảng Đông soạn năm 1731. Tập địa dư chí này đã được trình lên cho vua nhà Thanh duyệt phê vào năm thứ 9 niên hiệu Thanh Thế Tông, Ung Chính (năm 1731). Bản đồ tỉnh Quảng Đông không có ghi hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Xem xét kĩ các tài liệu do Trung Quốc đưa ra chúng ta thấy rằng người Trung Hoa cách đây khá lâu, đã biết trong biển Nam Hải (tức Biển Đông) có nhiều hòn đảo mọc rải rác, nhưng các tài liệu ấy không cho phép Trung Quốc đi xa hơn vì không có đủ yếu tố để hỗ trợ sự đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc về mặt pháp lí; mặc dù Trung Quốc vẫn khẳng định bảo họ là những người đầu tiên đã tìm thấy, đã khai thác, và đã cai trị các đảo này (thật ra, họ ngồi trên tàu biển

(1) Friedrich A.F. Vou des Heyde "Discovery, symbolic annexation and virtual effectiveness in international law" trong *the American journal of international law*, năm 1935, trang 449 và các trang kế tiếp.

chỉ thấy đảo mà thôi chứ không có *chiếm cứ* lần nào). Thật là vu vơ và mâu thuẫn do các tài liệu mà Trung Quốc đưa ra để bảo vệ ý kiến sai trái của mình.

Các tài liệu về chủ quyền của phía Việt Nam (Xem lại các chương II, III).

Các sử liệu của Việt Nam đã chứng tỏ là từ lâu người Việt Nam đã biết đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa và kể từ trước thế kỉ XVIII đã tiến đến sự thiết lập chủ quyền của mình trên các đảo.

Tài liệu xưa nhất để chứng minh chủ quyền của nước Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa là *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* trong *Hồng Đức bản đồ* có từ thế kỉ XV dưới thời vua Lê Thánh tông. Có thể là có nhiều tài liệu khác cổ hơn, nhưng trải qua nhiều thời kì binh lửa trong lịch sử, các tài liệu ấy đã bị hoạc cướp phá, hoạc bị thiêu hủy nên không còn dấu tích.

Chứng cứ kế tiếp xác lập chủ quyền Việt Nam được tìm thấy trong bộ sách *Phủ Biên tạp lục* do Lê Quý Đôn soạn năm 1776 (xem lại chương II). Trong sách Lê Quý Đôn đã tả rõ các Quần đảo (từ đất liền ra đảo phải đi thuyền mất ba ngày ba đêm) và cho thấy là thời đó triều đình Việt Nam đã tổ chức công việc khai thác và quản trị các đảo rất chu đáo:

“Tôi (Lê Quý Đôn) từng tra khảo sổ biên của cai đội *Thuyền Đức* hầu ngày trước như sau:

- Năm Nhâm Ngọ (năm 1702) đội Hoàng Sa đã nhật được 30 thoi bạc.
- Năm Giáp Thân (năm 1704) nhật được 5.100 cân thiếc.
- Năm Ất Dậu (năm 1705) 126 nén bạc.

– Từ năm *Kỷ Sửu* (năm 1709) đến năm *Quý Tị* (năm 1713) trong vòng 5 năm đội Hoàng Sa đã nhật được nhiều cân đối mới và hải sản. Có năm chỉ nhật được vài cái chén sành và hai khẩu súng đồng.” (Lê Quý Đôn - *Phủ biên tạp lục*)

Ngoài ra, Lê Quý Đôn còn ghi lại những sự kiện lịch sử xảy ra trước đó nữa, tỉ như vụ chiến thuyền của các Chúa Nguyễn Phúc Lan (năm 1643 - 1644) đánh nhau với các chiến thuyền Hòa Lan. Điều này cho thấy là thời ấy nước ta đã có một đội hải quân tinh nhuệ và đã có ý thức về việc chống giữ bờ cõi trên mặt biển. Từ đó có thể suy đoán là công việc khai thác và chiếm giữ các đảo Hoàng Sa đã được tổ chức vào một thời kì xưa hơn thời kì Lê Quý Đôn chép trong *Phủ biên tạp lục*?

Với *Phủ biên tạp lục*, ngay từ đầu thế kỉ XVIII chúng ta đã có bằng chứng về việc Việt Nam đã chiếm giữ và tổ chức quản lí các đảo Hoàng Sa. Trung Quốc không thể đưa ra một tài liệu nào có giá trị lịch sử bằng *Phủ biên tạp lục* và như vậy thấy rõ là Trung Quốc không có một lí do chủ quyền nào đối với các đảo này cả.

Về phần các đảo Trường Sa cũng theo luận cứ của Giáo sư Gendreau thì vào thời Lê Quý Đôn, người Việt cũng đã biết đến rồi; tuy rằng không phân biệt rõ ràng và cho rằng Hoàng Sa và Trường Sa chỉ là một⁽¹⁾. Giả thuyết cho rằng Trường Sa cũng đã được các triều vua Việt Nam chiếm giữ và quản lí cùng lúc với các đảo Hoàng Sa là một giả thuyết có nhiều khả năng đúng sự thật. Không có một tài liệu nào chứng tỏ là Trung Quốc đã từng chiếm giữ Trường Sa trong thời kì ấy.

(1) Xem chương VII về địa danh.

Về phía các nước Indonésia, Malaysia hoặc Philippines cũng thế. Vào thời kì đó họ không ngó ngang đến mà cũng không biết đến Trường Sa là như thế nào và ở đâu!

Ngoài *Hồng Đức bản đồ* và *Phủ biên tạp lục* chúng ta còn có thể thêm vào hồ sơ chủ quyền của Việt Nam nhiều tài liệu khác của các thế kỉ XVIII và XIX. Các tài liệu ấy rất nhiều, (xem chương III) gồm các chi tiết, sự việc phù hợp nhau và phù hợp cả với các sổ tay du kí của nhiều người ngoại quốc. Tất cả đều đi đến kết luận xác nhận chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Có nhiều bản đồ cổ, sách địa dư ghi rõ các Quần đảo ấy thuộc về bờ cõi Việt Nam, chúng ta có thể kể:

– *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* (Bản đồ Hồng Đức) do Nho sinh Đỗ Bá vẽ khoảng năm 1630 - 1653.

– *Giáp Ngọ Bình Nam đồ* năm 1774⁽¹⁾.

– *Đại Nam Nhất thống toàn đồ* năm 1838.

– *Sách Đại Nam nhất thống chí* năm 1882 (xem các bản đồ).

Công việc cai trị các đảo cũng được ghi rõ trong các sách:

– *Đại Nam Thực lục tiền biên* (chép các việc vào thời các Chúa Nguyễn trong thời kỳ năm 1600 đến 1775).

– *Đại Nam Thực lục chánh biên* (chép các việc trong triều Nguyễn (năm 1802 - 1882).

– *Đại Nam nhất thống chí* (soạn từ năm 1865 đến 1882)

– *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ* (năm 1843 - 1851).

(1) Theo Hoàng Xuân Hãn, *Quần đảo Hoàng Sa, Tập san Sử Địa*, 1975, Sài Gòn.

– Và nhiều bản báo cáo, Châu bản⁽¹⁾ khác hiện lưu trữ tại Văn khố Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) (xem chương III từ trang 74 - 129).

Nhiều tài liệu nói trên đều có ấn son của nhà vua tức những dòng châu phê bằng mực đỏ chứng tỏ đó là bút tích của vua và cho thấy một cách chính xác rằng các triều vua Việt Nam đã tiếp tục công việc tổ chức, khai thác, quản trị Hoàng Sa và Trường Sa một cách liên tục và có hệ thống. Các công việc đó nằm trong khuôn khổ một quốc sách chú trọng đến các quyền lợi trên toàn lãnh hải Việt Nam.

Như đã nói, các đảo Hoàng Sa và Trường Sa vì khí hậu khắc nghiệt, nên không phải là nơi phát triển được nghề trồng trọt. Nhiều đảo chỉ có phân chim nhưng việc dùng phân chim làm phân bón chỉ mới được phổ biến hồi đầu thế kỉ XX chứ trước đó thì không ai biết dùng để làm gì. Các nhà biên niên sử của thế kỉ XIX chép rằng nguồn lợi trên các đảo gồm có *vỏ đồi mồi, ốc xa cừ, hải sâm, rùa biển* và những tài vật nhật được trong các xác tàu đắm trôi dạt vào bờ (*Đại Nam nhất thống chí, Phủ biên tạp lục*).

Ngay từ đầu thế kỉ XVIII các Chúa Nguyễn đã lập ra các hải đội có tầm vóc quốc gia. Cách tổ chức và hoạt động của các hải đội này đã được Lê Quý Đôn nói rõ trong *Phủ biên tạp lục* (năm 1776). Có những hải đội chuyên việc thu lượm hải sản ở các đảo gần bờ, có những hải đội khác chuyên gom nhặt những tài vật và hàng hóa trong các tàu biển đắm ở các đảo xa ngoài khơi. (Xem lại chương III)

Lê Quý Đôn tả các tài vật ấy đại loại như sau: “*Tài vật nhật được gồm có sừng hỏa mai, kiếm, sừng đồng, vàng, bạc,*

(1) Nay (năm 1998) đã chuyển ra lưu trữ tại Hà Nội.

chì, kềm, ngà voi, đồ sứ, vải vóc, sáp ong v.v... Các hải đội còn có nhiệm vụ đo đạc các hải trình và vẽ bản đồ. Mỗi hải đội có 70 người được tuyển trong số dân đình huyện Bình Sơn. Những người tình nguyện sung vào hải đội đều được miễn thuế đình và sưu dịch, nhưng nếu làm lỗi trong khi công tác thì sẽ bị phạt nặng. Mỗi khi mãn hạn phục vụ, mỗi người trong hải đội sẽ được cấp “bằng” và được thưởng bằng tiền mặt hoặc bằng tài vật. Hàng năm cứ đến tháng hai thì bắt đầu ra đảo và đến tháng tám thì quay về đất liền. Mỗi hải đội có năm thuyền và mang theo lương thực để ăn trong sáu tháng.”

Từ năm 1771 đến năm 1802, lịch sử Việt Nam phải trải qua một cuộc tranh giành quyền lực giữa nhà Nguyễn Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Khi nhà Nguyễn Tây Sơn sụp đổ, vua Gia Long đã cho chinh đồn và soát lại toàn bộ bờ cõi đất nước. Việc kiểm tra và vẽ bản đồ các hải đảo đã được giao cho các đội hải thuyền. Năm 1815, Vua Gia Long bổ nhiệm Phạm Quang Ảnh làm trưởng đội thuyền có nhiệm vụ ra các hải đảo Hoàng Sa và Trường Sa để thiết lập bản đồ thủy đạo.

Sau khi vua Gia Long mất, Vua Minh Mạng nối ngôi và đến năm 1833 nhà vua ra sắc chỉ truyền cho Bộ Công phải dựng ở Hoàng Sa một tấm bia, xây một ngôi miếu và trồng thật nhiều cây.

“Cây sẽ lớn lên và trở thành rậm rạp. Người đi biển có thể nhìn theo các tàng cây để định hướng và tránh được sự chạm phải đá ngầm”.

Năm 1835, Vua Minh Mạng lại ra sắc chỉ một lần nữa vì dự án hồi 1833 chưa thực hiện được do có sóng lớn và bão to. Từ năm 1833, Vua Minh Mạng đã cải tổ nền hành chính trên phạm vi toàn quốc, tiếp tục công việc của Vua Gia Long. Từ đó, vua Minh Mạng cho thành lập *Tỉnh*, giải thể các *Trấn*, *Thành*,

sai đo đạc và thiết lập bản đồ cho cả nước. Trong sắc chỉ về Hoàng Sa và Trường Sa có đoạn: “*Phải ghi chép mọi việc, mọi chi tiết và tường trình cho trẫm rõ. Khi thuyền đến một nơi nào, một hòn đảo hay một bãi cát, thuyền trưởng phải đo kĩ chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều sâu, chiều rộng, và cả chu vi của hòn đảo hoặc của bãi cát, độ sâu của nước vùng ở xung quanh, dò tìm các bãi đá ngầm, xem đó có nguy hiểm cho tàu bè hay không, khảo sát đất đai, đo đạc và vẽ bản đồ.*”

Các năm sau, nhất là năm 1836 vua Minh Mạng ra lệnh cho Đô đốc Thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa một đội thuyền ra các đảo cắm các cọc lớn để đánh dấu những nơi đã kiểm tra. Trên mỗi cọc có ghi dòng chữ “*năm Minh Mạng thập thất, thừa hành Hoàng thượng, Thủy quân đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật*”⁽¹⁾ đã ra đây, tại đảo Hoàng Sa để đo đạc địa hình và cắm cọc này để làm dấu tích.”

Năm 1837, Thượng thư Bộ Lại đã làm sớ tấu trình cho vua biết về các khoản chi tiêu của đội Hoàng Sa. Năm 1838, Bộ chánh tỉnh Quảng Ngãi tấu xin vua miễn thuế cho đội thuyền Hoàng Sa; Vua chuẩn tấu. Cùng năm đó, Thượng thư Bộ Công tấu trình lên Vua về các hoạt động của đội thuyền, trong bản tấu trình có mô tả Quần đảo Hoàng Sa khá chi tiết.

(1) *Phạm Hữu Nhật, Đội trưởng Đội Hoàng Sa* của lực lượng hải quân Hoàng gia triều Nguyễn, quê làng An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngay từ thời trai trẻ ông cùng ngư dân làng An Vĩnh tỉnh Quảng Ngãi gia nhập đội Hoàng Sa. Một thời gian ông được thăng chức *Đội trưởng Hải quân Hoàng gia triều Nguyễn*, đời vua Minh Mạng.

Ông chỉ huy đội Hoàng Sa cùng *Đội trưởng Phạm Quang Ảnh* lãnh nhiệm vụ đo đạc thủy trình và tuần tra dọc hải phận từ Côn Sơn (Côn Đảo) đến vịnh Hạ Long vào đời Minh Mạng (1820-1840). Tại đây ông cùng các chiến binh lo công tác đo đạc thủy trình, cắm mốc lãnh hải quốc gia trong năm 1836.

Phận mộ ông nằm trong khuôn viên tộc họ Phạm tại thôn Đông, xã An Vĩnh, huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Theo *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, 2005)

Năm 1847, dưới thời vua Thiệu Trị, Thượng thư bộ Binh tâu xin Vua tạm hoãn các chuyến ra đảo của đội Hoàng Sa vì thiếu hụt ngân sách.

Năm 1867, tức năm Tự Đức thứ 20, nhiều binh sĩ bị chết trong chuyến đi ra hải đảo và Vua đã phong tước vị anh hùng cho các binh sĩ này.

Các sự việc vừa kể đều rút trong các bộ Quốc sử do Quốc Sử quán triều Nguyễn biên soạn và được các tác giả ngoại quốc xác nhận là có thật và chính xác. Như Chaigneau với cuốn *Hồi ký về xứ Nam Kỳ* (*Mémoire sur la Cochinchine*) và de Gutzlaff (năm 1849) trong cuốn *Nói về Vương quốc Nam Kỳ* trong tờ báo của Hội Địa lý Hoàng Gia (năm 1849) *Journal of the Royal geographical society of London* nhan đề là *Geography of the Cochinchinese Empire*). Do vậy, chúng ta có thể nói rằng trước đây vào thời kì tiền thuộc địa, nước Việt Nam đã quan tâm một cách rõ rệt đến hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và đã tổ chức ở đấy một bộ máy hành chính. Trong khi đó thì ở xung quanh không có một nước nào chú ý đến và nghĩ đến việc thiết lập chủ quyền ở các đảo này cả⁽¹⁾.

4- Sự hình thành quyền sở hữu của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và tầm mức pháp lý của nó

Các tài liệu vừa kể ra trong các đoạn trên cho thấy là từ xưa nhà nước phong kiến Việt Nam đã có những hoạt động có tính cách chính phủ (*une activité gouvernementale*) đối với

(1) Dieter Heinzig, *Disputed islands in the South China Sea (các hải đảo đang tranh chấp trong Nam Hải)*, Institute of Asian Affairs in Hamburg, Wiesbaden, 1976. M.C. Gendreau dẫn trong *La Souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, 1996, Paris.

Hoàng Sa và Trường Sa về mặt lịch sử, việc này đã được chứng thực rõ ràng. Bây giờ chúng ta chỉ cần xác định rõ khung cảnh địa dư, thời điểm, mức độ của những hoạt động ấy.

Tài liệu đầu tiên có thẩm quyền và đáng tin cậy là bộ *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn (năm 1775) như đã dẫn. Ông mô tả tỉ mỉ các công việc khai thác, mở mang các Quần đảo khởi sự từ năm 1702. Qua việc này chủ quyền của Việt Nam đã được xác lập một cách rõ ràng và chắc chắn ngay từ đầu thế kỉ XVIII. Hiện nay chính phủ Việt Nam đã khẳng định là các hải đội Hoàng Sa đã hoạt động một cách liên tục kể từ các Chúa Nguyễn đầu tiên (năm 1558 - 1765) nhất là từ đời chúa Phước Lan (năm 1635 - 1648), Phước Tần (năm 1648 - 1687) Phước Trấn (năm 1687 - 1691), Phước Chu (năm 1691 - 1725) Phước Trú (năm 1725 - 1738), Phước Khoát (năm 1738 - 1765). Có thể là các hải đội Hoàng Sa đã có trước hơn nữa, trước năm 1702. Nhưng để không bị mang tiếng là khẳng định mà không dựa trên một chứng cứ lịch sử nào thì chúng ta có thể lấy khoảng thời gian những năm đầu thế kỉ XVIII để làm thời điểm thành lập và hoạt động của các hải đội Hoàng Sa.

Ngoài ra còn có nhiều hoạt động khác mang tính cách chính phủ: *tuyển lính để lập một đội hải thuyền chuyên biệt, bỏ tiền trong ngân sách để tài trợ đội thuyền, khai thác đội thuyền, quản lí đội thuyền, khen thưởng các thành viên trong đội thuyền khi họ có công, quyết định xây cất, cắm bia trên các đảo để làm dấu hiệu chủ quyền*. Đó là những hoạt động rõ ràng là những hoạt động của một chính phủ để xác lập chủ quyền đối với một vùng đất. Đó là chưa kể đến các tài liệu nói đến việc vua Gia Long đã đích thân ngự giá ra các đảo để chứng tỏ chủ quyền và nhận thêm “*một phần đất nữa vào bờ cõi sẵn có*” (*ajouter ce sigulier fleuron à sa couronne*). Đó là

do lời kể của Đức giám mục Taberd trong tập *Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutmes* xuất bản năm 1883, hoặc trong *The Journal of Asiatic Society of Bengal* (tháng 9-1837) và của Jean Baptiste Chaigneau, một trọng thần cố vấn người Pháp của vua Gia Long (tên Việt Nam là Nguyễn Văn Thắng) trong tập hồi kí *Mémoire sur la Cochinchine en 1820*⁽¹⁾.

Tất cả các sự việc và tài liệu ấy đều rất hợp lí và phù hợp nhau nên không còn ngờ gì nữa. Chính quyền Việt Nam thời Chúa Nguyễn ở Đàng Trong từ đầu thế kỉ XVIII cho đến khi người Pháp chiếm đoạt nước Việt Nam năm 1867 ở Nam Kỳ rồi Bắc Kỳ và Trung Kỳ (Hòa ước Giáp Thân - 1884). Đó là nước Việt Nam đã nắm quyền sở hữu và hành sử chủ quyền hợp pháp đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa đúng theo các qui tắc của công pháp quốc tế thời bấy giờ.

Nói “đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa” là muốn nói đến “*cái portée géographique*”⁽²⁾ của chủ quyền Việt Nam. Ngày trước, các chính quyền Việt Nam không phân biệt Hoàng Sa và Trường Sa, danh xưng Hoàng Sa là gồm cả Trường Sa trong đó⁽³⁾. Lịch triều Hiến chương loại chí của Phan Huy Chú và Đại Nam nhất thống toàn đồ đã nói đến con số trên

(1) Xem tiết 3 (trang 140 - 152) *Các tư liệu của các nhân chứng phương Tây*.

(2) Từ của bà Gendreau, chúng tôi (tác giả) xin phép dùng tổ hợp từ tiếng Pháp này, vì thiếu nghĩ ở đây không tìm được một từ nào tương đương trong tiếng Việt để chỉ cái diện tích địa dư của vùng đất nằm trong tầm hiệu lực của chủ quyền.

(3) Như trong các sắc lệnh số 143 - NV ngày 22-10-1956 về việc thay đổi địa giới tỉnh và tỉnh lỵ tại Nam Việt Nam, Tổng thống Việt Nam cộng hòa lúc ấy là Ngô Đình Diệm cũng xác định tỉnh Phước Tuy (mới) tên cũ là Bà Rịa và Vũng Tàu, Hoàng Sa bao gồm cả Trường Sa nên chú là Hoàng Sa (*Spratley*) (xem Tư liệu).

130 hòn đảo. Con số 130 nếu chỉ dùng riêng cho Hoàng Sa hoặc riêng cho Trường Sa thì là dư, nhưng nếu dùng để chỉ tổng số các đảo của cả Hoàng Sa và Trường Sa cộng lại thì là đúng. Và lại, các sách sử Việt Nam đã nói rõ là triều đình Huế đã lập ra nhiều hải đội để phái đi công tác ở nhiều đảo có vị trí địa lý khác nhau.

Cuốn *"A propos des îles Paracels"* (Nói về Quần đảo Hoàng Sa) của P. A. Lapicque, Nhà xuất bản Les Éditions d'Extrême - Asie, Sài Gòn 1929 có trích: "Các đảo Hoàng Sa nằm về phía Đông của đảo Lý Sơn. Từ cửa Sa Cần nếu gặp gió xuôi thuyền đi ba hoặc bốn ngày là tới. Hoàng Sa gồm hơn 130 hòn đảo nằm cách xa nhau từ vài giờ đến một ngày ngồi thuyền. Ở giữa các nhóm đảo có một dải cát vàng rộng không biết mấy ngàn lí thường được gọi là Vạn Lí Trường Sa, (nghĩa là bãi cát dài 10.000 lí). Trên dải cát có một giếng nước ngọt. Các chim biển tụ tập ở đây nhiều vô số kể. Có nhiều hải sản như: hải sâm, đồi mồi, vỏ ốc xà cừ, rùa biển lớn v.v... Các xác tàu đắm trôi giạt nhiều ở đây. Vào đầu triều đại nhà Nguyễn có thành lập đội Hoàng Sa gồm có 70 người của dân làng An Vĩnh. Mỗi năm vào tháng 3 đội Hoàng Sa dong thuyền ra đảo để nhặt hải sản và đến tháng 8 thì quay về cửa Tư Hiền⁽¹⁾. Ngoài ra, còn có thành lập một hải đội nữa gọi là Đội Bắc Hải cũng đặt dưới quyền chỉ huy của đội trưởng đội Hoàng Sa và có nhiệm vụ đi thu lượm các hải vật trên các đảo Konen - Lenen ngoài biển Bắc.

Phía Đông của các đảo này ở gần huyện Quỳnh Châu (K'iong Tchéou) thuộc đảo Hải Nam của Trung Hoa"⁽²⁾.

(1) Tư Hiền: thuộc huyện Vĩnh Lộc (cũ), tỉnh Thừa Thiên.

(2) P.A Lapique, *A propos de îles Paracels*, M. Ch Gendreau dẫn trong sách đã dẫn.

Như vậy một trong các đội thuyền lập ra hồi thế kỉ XIX có tên là *Đội Bắc Hải* và Bắc Hải là cái tên mà cả Việt Nam lẫn Trung Quốc đều dùng để gọi các đảo Trường Sa.

Các chi tiết này đưa ra cốt để chứng tỏ rằng chính quyền các chúa và vua nhà Nguyễn Việt Nam thời trước đã biết lo khai thác hai nhóm đảo Hoàng Sa, Trường Sa và phương tiện để khai thác, kiểm tra các đảo sở hữu là các đội thuyền *Hoàng Sa* và *Bắc Hải* đi làm nhiệm vụ được giao phó ở hai địa điểm địa lí khác nhau rõ rệt mà chúng ta có thể thấy có ghi trên bức bản đồ vẽ vào năm Minh Mạng thứ 14 trong quyển *Hoàng Việt Địa dư chí* của Phan Huy Chú được khắc in vào năm 1872 tại Đề Ngạn (Chợ Lớn). Cuốn này là một phần của bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* (cùng tác giả).

a- Khi Việt Nam được xác lập, chủ quyền của mình trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa có bị một nước nào phản bác và chống đối hay không?

Theo nguyên tắc vận hành của luật chủ quyền liên thời gian trong công pháp quốc tế (*Le mécanisme du droit intertemporel*) thì chủ quyền trên một vùng đất sẽ phải bị xét lại nếu khi vừa xác lập đã bị một hay nhiều nước khác phản đối.

Thành thử chúng ta cần tìm hiểu thái độ của Trung Quốc và của một vài nước khác vào thời điểm mà Việt Nam bắt đầu xác lập và hành sử chủ quyền của mình đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ở đây chúng ta cũng chú ý đến trường hợp Trung Quốc trong việc họ tranh chấp một cách bất chính đáng.

Trường hợp này cần đặt mấy câu hỏi:

Trung Quốc có một quyền sở hữu tự thân nào (droit autonome) đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa không?

Trung Quốc có chia quyền đồng sở hữu các đảo Hoàng Sa và Trường Sa với Việt Nam vào thời điểm Việt Nam xác lập chủ quyền không?

Nếu viện lẽ Việt Nam là một nước mà ngày xưa các vua chúa phải triều cống Trung Quốc thì cái nguyên tắc vận hành của chế độ triều cống có làm cho Trung Quốc có một quyền hành gì đối với Việt Nam không? Và có được chia quyền sở hữu với Việt Nam không?

Về phương diện lịch sử, Trung Quốc không có một quyền gì đối với các Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cả. (Chúng tôi nhấn mạnh, in đậm)

Như chúng tôi đã trình bày trong các đoạn trước, các tài liệu do Trung Quốc đưa ra đều không chứng tỏ được là Trung Quốc đã có quyền sở hữu các đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong suốt thời kì kéo dài đến đầu thế kỉ XVIII.

Còn từ thế kỉ XVIII trở về sau thì thế nào? Có một sự kiện lịch sử nào chứng tỏ là Trung Quốc có được một quyền nào đó hay không?

Mới đây, Trung Quốc có công bố một tài liệu nói rằng: “Dưới triều Thanh, một vị quan tên là Quý Tông Đào (Guo Songtao) sứ thần nhà Thanh được bổ nhiệm làm Đại sứ bên nước Anh đã lên đường đi đến nhiệm sở vào năm 1876 và có ghi trong cuốn Tây Nghi Phương Kí (Shi Xi chang Ji) (ghi chép về chuyến đi nhậm chức ở Tây phương) như sau:

“Sau khi đi được 831 lí, ngày thứ 24 của cuộc hải trình (lịch để là vào tháng 10 của năm Thanh Đức tông, Quang Tự thứ 2) lúc đứng Ngọ, thuyền đi đến một điểm ở 17° 30’ phía Bắc Xích đạo và cách xa phía Nam Quảng Châu (Quiong Zhou) từ 200 đến 300 lí. Các thủy thủ gọi chỗ đó là China Sea (nghĩa

là biển Đại Thanh)... Không xa chỗ đó, ở phía tả là các đảo Paracels, Trung Quốc gọi là Tây Sa (Xisha) nơi sản xuất nhiều hải sâm và san hô là những thứ không lấy gì làm quý lắm. Các đảo ấy thuộc về nước Trung Hoa".⁽¹⁾

Tài liệu này không thấy đề năm tháng và không có điểm qui chiếu nào để được xem là một tài liệu đích thực. Nhưng giả dụ đó là một tài liệu đích thực đi chăng nữa thì nó cũng chỉ là một đoạn trích trong *du kí* thôi. Tác giả (sứ thần Quý Tông Đào - Guo Songtao) không có một danh nghĩa chính thức nào (dù đó là một nhà ngoại giao trên đường đi đến nhiệm sở) và đoạn ông ta bảo là "*các đảo thuộc về nước Trung Hoa*" không có cơ sở cần và đủ để xem đó là một sự đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc được. Nghĩa là ông chỉ *thấy qua* chứ không phải là một *hành động chiếm hữu* theo như luật pháp Quốc tế qui định.

Ngoài ra, chúng ta còn thấy rằng trong bất cứ tài liệu nào của Trung Quốc cũng có thuật chuyện các ngư phủ Trung Quốc đặt chân đến các đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Nhưng *đó chỉ là những hành động của tư nhân không thể coi là một hành động chiếm hữu chính thức*. Vì sự chiếm hữu do những cá nhân riêng lẻ không nhân danh chính phủ nào mà chỉ vì nguồn lợi cá nhân thì không được xem là một hành động xác lập quyền sở hữu (*l'occupation par des personnes privées qui n'agissent pas au nom de leur gouvernement mais obéissent à un intérêt personnel ne constituent pas une possession*).⁽²⁾

Bản tuyên án ngày 30-6-1865 nhân vụ tranh chấp chủ

(1) *Tây Nghi phương Kí*, Sđd

(2) Theo M. Ch. Gendreau, Sđd.

quyền đảo Aves rút trong *Recueil des arbitrages internationaux* tập II, trang 412 do hai tác giả A. de la Pradelle và N. Politis. Hơn nữa, vào cùng thời kì ấy các ngư phủ Việt Nam cũng đã đặt chân lên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa rồi. Trong thực tế, suốt thời Vua Gia Long và các vua kế tiếp, nghĩa là suốt thế kỉ XVIII và nhất là trong thế kỉ XIX khi các nhà cầm quyền Việt Nam đã xác lập chủ quyền trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa thì không có một dấu hiệu và chứng cứ nào cho thấy Trung Quốc phản đối cả.

Trong các sử liệu Trung Quốc lại còn có cả những đoạn chứng tỏ là nước Trung Hoa không hề có một đòi hỏi nào đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Chẳng hạn trong quyển *Hải Lục* (đã dẫn trên) có đoạn chép như sau:

*“Vạn Lí Trường Sa là một dải cát nổi lên ngoài biển, dài chừng vài ngàn lí và được dùng làm rào giậu che chắn mặt ngoài của bờ cõi nước An Nam”⁽¹⁾. Do đó, Mawroyn S. Samuels trong cuốn *Contest for the South China Sea* (Tranh chấp trong biển Nam Hải) đã kết luận rằng: “Ở đây không có bằng chứng nào cho thấy là nhà Thanh đã sáp nhập các đảo này vào Trung Quốc”. (... “there is no evidence here that the ch’ing State had in any sense absorbel the islands into the imperial domain”.)*

Nghĩa là nước Trung Hoa hồi ấy chẳng những đã không có hành động đòi hỏi quyền sở hữu gì cả, mà lại còn giữ im lặng dường như tán đồng việc xác lập và hành sử chủ quyền của Việt Nam.

Sự thờ ơ của Trung Quốc đối với Hoàng Sa và Trường

(1) Trích quyển 13, tờ 4, trang 2 của bộ *Hải Quốc đồ* kí soạn năm Đạo Quang thứ 28 (1848). Trích lại theo bản của Văn khố Bộ Ngoại giao Pháp số hiệu: Carton AS 1848 Chine 797.

Sa còn được thấy rõ qua hai tài liệu này nữa: bức bản đồ vẽ toàn thể nước Trung Hoa có tên là *Hoàng Thanh nhất thống dư địa tổng đồ* (*Hoang Chao Yitong, Yudi Zongtu*) ấn hành năm 1894 thì trên bản đồ xứ Trung Quốc chỉ chạy dài đến đảo Hải Nam là hết; Và một cuốn sách địa lí tên là *Trung Quốc địa lí học giáo khoa thư* (*Zhongguo Dihixue Jiao Keshu*) xuất bản năm 1906 ở trang 241 sách ghi rằng: “*điểm cực Nam của Trung Quốc là bờ biển Nhai Châu (Yashou) của đảo Quỳnh Châu (Quongzhou) ở 18°13 vĩ độ Bắc*”.

Như vậy, Trung Quốc đã mặc nhiên thừa nhận biên giới lãnh thổ Trung Hoa đến đảo Hải Nam là hết.

b- Các hệ quả không hề có của sự kiện ngày xưa các vua chúa Việt Nam phải thần phục Trung Hoa (les conséquences inexistantes de la vassalité)

Sự kiện ngày xưa các vua chúa Việt Nam phải thần phục Trung Hoa có khiến cho ngày nay Trung Quốc có một quyền gì đối với Việt Nam không?

Trong vụ tranh chấp hiện nay với Việt Nam, trước những luận điểm chúng tỏ là Việt Nam đã có chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa ngay từ đầu thế kỉ XVIII và trước nữa, Trung Quốc đã đỡ đòn bằng cách nói rằng: “*Các vua chúa Việt Nam xưa nay do thần phục Trung Hoa nên dù cho có làm gì thì cũng là với tư cách nước chư hầu làm cho Thiên triều mà thôi, các Vua Việt Nam xác lập chủ quyền là xác lập cho Trung Quốc*”.

Do vậy, chúng ta cần xác định tính chất của sự thần phục đó và xem nó có hệ quả thế nào đối với sự phán định pháp lí về chủ quyền các đảo.

Một việc quan trọng đầu tiên cần nói rõ là chế độ phong

kiến Tây phương không thể đem so sánh với chế độ phong kiến Đông phương. Việc này tất cả các luật gia Tây phương, Đông phương đều đồng ý. Sự thần phục ở Đông phương chỉ là một sự thần phục có tính cách tôn giáo có kèm theo các món đồ lễ cống theo một chu kì thời gian thay đổi. “Còn về giá trị pháp lí của sự thần phục thì rõ ràng là không thể xét theo các qui luật của cộng đồng các nước Âu châu, một là vì sự khác nhau về thời đại, và hai là vì sự khác nhau về các quan niệm xã hội của Âu châu và của Á châu”.⁽¹⁾

Ngày xưa, các triều vua Việt Nam cần có sự tấn phong của vua Trung Hoa để được coi là “danh chánh ngôn thuận”, chẳng khác gì ngày nay một nước tân tiến khi thành lập cần có sự công nhận của cộng đồng quốc tế vậy. Và lại, đối với người Trung Quốc thì chỉ có nước Trung Hoa là chính, còn các nước khác đều là *man di* và là *phiên bang* cả. Việt Nam từ xưa vốn chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, chịu ảnh hưởng Nho học của Khổng Tử, sử dụng chữ Hán, tuân theo những ràng buộc của luân lí và nghi lễ Nho giáo nên sự thần phục ngày xưa của Việt Nam đúng ra chỉ là muốn được *dự phần vào cái thế giới văn minh của Khổng giáo* mà thôi, muốn được coi là cùng thuộc về một hệ thống giá trị tinh thần chung⁽²⁾.

Cái nào trạng tự phụ của người Trung Hoa và cái ý niệm mơ hồ của họ về sự thần phục đã khiến cho họ chẳng những

(1) Huan Lai Cho (Phó lãnh sự Trung Hoa Dân quốc ở Sài Gòn), *Các nguồn gốc của sự xung đột Pháp - Trung nhân vụ Bắc Kỳ cho đến năm 1833* (Les Origines du conflit franco-chinois à propos du Tonkin jusqu'en 1833), Saigon, Nhà in Alberlt Portail, 1938, trang 82.

(2) François Joyaux, *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine* (Trung Hoa và sự giải quyết vụ tranh chấp đầu tiên ở Đông Dương), Genève, 1954, Publication de la Sorbonne, 1979, trang 44 - 45.

coi Việt Nam là chư bang mà đối với họ, như họ đã ghi trong một cuốn *Niên giám* do chính phủ Trung Hoa ấn hành - “Nhưng chư hầu còn là các nước Miến Điện, Xiêm La (nay là Thái Lan), Lào, Anh quốc, Hòa Lan, Ý Đại Lợi, Bồ Đào Nha và... cả Tòa thánh Vatican nữa”.⁽¹⁾

Trong trường hợp Việt Nam và Trung Quốc, tính cách pháp lý của các mối liên hệ không phải là loại “*nửa chủ quyền*” (tạm dịch *mi - souveraineté*). Một nước “*nửa chủ quyền*” là một nước không có khả năng quốc tế toàn vẹn (tạm dịch câu *l'Etat mi - souverain est caractérisé par le fait que sa capacité internationale n'est pas complète*).

Đối với Trung Quốc, Việt Nam không hề là một nước “*nửa chủ quyền*” vì lúc nào Việt Nam cũng tự đảm nhận các vai trò và các thẩm quyền có tính cách quốc tế một cách đầy đủ không phải qua sự trung gian của Trung Quốc và không bao giờ nhượng, *dù một phần nhỏ* chủ quyền của mình cho Trung Quốc hưởng. Sự thần phục của triều đình Huế đối với triều đình Bắc Kinh chỉ là *duy danh* và cho có hình thức chứ không phải một sự thần phục có tính cách chính trị⁽²⁾.

Lịch sử Việt Nam đã cho thấy là một thời kì bị người Trung Hoa đô hộ, người Việt Nam đã nhiều lần nổi lên đánh đuổi quân Tàu đi, nhưng sau mỗi lần chiến thắng đều sai Sứ

(1) Jean - Pierre Ferrier *Le conflit des îles Paracels et le problème de la souveraineté sur les îles inhabitées* (Vụ tranh chấp các đảo Hoàng Sa và vấn đề chủ quyền trên các đảo không người ở), *Annuaire français de Droit international*, 1975, trang 173 và xem trang kế tiếp.

(2) Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, tome II, Nhà xuất bản Adrien Maisonneuse, 1956, do Nguyễn Hữu Trữ dẫn lại trong cuốn *Quelques problèmes de succession d'États concernant le Việt Nam*, Nhà xuất bản Bruylant, Bruxelles, 1976, các trang 26 và 27.

sang xoa dịu và tỏ lòng thần phục một cách tượng trưng. Như sau trận Đống Đa năm 1789 (Kỉ Dậu) Vua Quang Trung tiêu diệt 20 vạn quân Thanh. Sau đó, nhà vua đã phái một sứ bộ do giả vương Phạm Công Trĩ dẫn đầu sang cầu hòa và xin thụ phong thì đầu có sử gia nào bảo việc đó là sự thần phục. Và *nếu có thần phục thì sự thần phục đó không bao giờ có thể coi là sự thần phục của kẻ yếu cả; hay như trường hợp Vua Gia Long sau năm 1802 cũng vậy.*

Ở Âu châu trước đây đã có sự tranh giành chủ quyền các hòn đảo Minquiers và Ecréhous trong biển Manche. Pháp cho rằng chủ quyền đó thuộc về mình vì ngày xưa các vương quốc Normandie là phiên thân của các triều vua nước Pháp. Nhưng Anh đã bác bỏ cho rằng sự thần phục đó chỉ có tính cách *duy danh, tượng trưng* và Tòa án quốc tế đã xử cho họ thắng. Thật ra thì sự thần phục đó đã chấm dứt từ năm 1204⁽¹⁾.

Chúng ta có thể đem vụ *Minquiers - Ecréhous* so sánh với vụ *Hoàng Sa và Trường Sa* vì sự thần phục của Việt Nam đối với nước Tàu (cũ) thật sự đã chấm dứt ngay vào ngày kí Hiệp ước bảo hộ của nước Pháp năm 1884. Ngày hôm đó, quả ấn vàng có hình một con lạc đà nằm phục dùng làm chỗ nắm do Vua nhà Thanh ban cho Vua Gia Long năm 1803 đã bị nấu chảy ra trước mặt viên Sứ thần toàn quyền Patenôtre trong một buổi lễ long trọng⁽²⁾.

Đó là thời kì bắt đầu cuộc bảo hộ của Pháp. Suốt thời kì sau đó không bao giờ nghe có chuyện Trung Hoa dả động gì đến chủ quyền hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nữa.

(1) Cour Internationale de Justice Recueil, 1953, trang 56.

(2) Nguyễn Hữu Trứ (*Sách đã dẫn*, trang 29) trang 28 chú thích 8.

Gần đây, Trung Quốc cho rằng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gián tiếp công nhận chủ quyền Trung Hoa trên Quần đảo Hoàng Sa với bằng chứng là bức công hàm của thủ tướng Phạm Văn Đồng (Xem chú thích trang 170) hồi năm 1958 và năm 1965. Theo Trung Quốc, như vậy là Việt Nam đã mặc nhiên thừa nhận Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Việc này chính phủ Trung Hoa không thể nào xem đây là điều kiện có và đủ để cho rằng mình (Trung Quốc) có chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được.

Chúng ta nên nhớ, theo Hiệp định Genève tháng 7-1954 (Trung Quốc có kí) Việt Nam lúc đó tạm chia ra làm hai miền do hai chính quyền quản lí. Miền Bắc (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) từ vĩ tuyến 17 (Quảng Trị - Cửa Tùng) trở ra. Từ vĩ tuyến 17 (Quảng Trị - sông Bến Hải) trở vào do miền Nam (Việt Nam Cộng Hòa) hành sử chủ quyền. Thế cho nên, lúc đó (năm 1958) dù chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có gửi công hàm cho Trung Quốc - hoặc một nước nào khác - *“ghi nhận và tán thành”* hoặc thừa nhận việc gì dưới vĩ tuyến 17 đi nữa thì ngày nay phía Bắc Kinh - hoặc ai khác - cũng không thể nào cho đó là chủ quyền của Trung Quốc được⁽¹⁾. Theo thuyết *Esthoppel* của luật pháp quốc tế là một nguyên tắc theo đó một quốc gia không có quyền nói hoặc hoạt động trước kia, nhưng thuyết này không có nghĩa là cứ tuyên bố một điều gì thì quốc gia tuyên bố phải bị ràng buộc bởi lời tuyên bố đó. Thế cho nên, về sự kiện này tác giả Monique Chemillier - Gendreau cho rằng:

“... Những lời tuyên bố hoặc lập trường nào đó của chính quyền miền Bắc Việt Nam không có hiệu lực gì đối với chủ

(1) Xem lại chú thích trang 173 ở trước.

quyền. Đây không phải là chính quyền không có thẩm quyền trên Quần đảo này. Người ta không thể chuyển nhượng những gì người ta không kiểm soát được.

Nguyên văn:

“Les déclarations ou prise de position éventuelles des autorités du Nord Vietnam sont sans conséquences sur le titre de souveraineté. Il ne s’agit pas du gouvernement territorialement compétent à l’égard des archipels. On ne peut renoncer à ce sur quoi on n’a pas d’autorité”⁽¹⁾.

Điều đó không một nước nào - hoặc bất cứ ai - thuộc cộng đồng thế giới có thể chấp nhận được. Ngoài ra, cũng nên lưu ý vào thời ấy (1-6-1956), Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu của chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã ra Tuyên bố tái khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Và đến ngày 13-7-1961 chính quyền Sài Gòn cũng đã kí nghị định số 174-NV đặt Quần đảo Hoàng Sa thuộc quản hạt hành chánh tỉnh Quảng Nam với danh xưng là *xã Định Hải, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam*.

Tiếp theo ngày 13-7-1971 Ngoại trưởng chính phủ Việt Nam Cộng hòa lúc đó là Trần Văn Lắm tuyên bố tại Manila (thủ đô Philippines) rằng: “*Quần đảo Trường Sa từ lâu đời là lãnh thổ Việt Nam*”. Lúc ấy Quần đảo Trường Sa là xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy (Nghị định số 420/BNV/HCĐP/26).

Như vậy, ngày nay Trung Quốc không thể nào viện dẫn bức công hàm ngày 14-9-1958 để cho rằng Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mặc nhiên thừa nhận Hoàng Sa,

(1) Monique Chemillier - Gendreau, *Sách đã dẫn*.

Trường Sa là lãnh thổ Trung Quốc (hải phận kéo dài 12 hải lí). Ngày nay, nếu phía Trung Quốc trưng được bằng chứng nào của chính phủ Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) công nhận bản công bố ngày 14-9-1958 của phía Trung Quốc quy định lãnh hải của mình (Trung Quốc) kéo rộng 12 hải lí thì còn có thể lí giải và trao đổi gì với nhau được! Và lại Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không thể đề cập các vấn đề lãnh thổ dưới vĩ tuyến XVII như đã nói ở trên.

Và lại, ai cũng biết lúc đó (năm 1958-1965) là cao độ của chiến tranh Việt Mĩ, nhất là khi không lực và hải quân Hoa Kì đang găm giữ không phận Việt Nam và Nam Trung Quốc. Phải chăng bức công hàm trên của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là nhằm vào chiến tranh Việt Mĩ và chiến tranh lạnh Mĩ Trung (năm 1958) hơn là vấn đề lãnh thổ Hoàng Sa, Trường Sa?⁽¹⁾

Thế cho nên, các tài liệu lịch sử mơ hồ cùng các luận cứ vu vơ do phía Trung Quốc đưa ra nhằm chứng minh cho chủ quyền của mình (Trung Quốc) trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đều không có giá trị lịch sử, pháp lí mà công pháp quốc tế có thể chấp nhận được! Và điều đáng lưu ý là các luận cứ, bằng chứng giả dối do phía Trung Quốc đưa ra đều xảy ra sau khi họ đã dùng vũ lực chiếm trọn Hoàng Sa và sau đó tiếp tục gây hấn, lấn chiếm Trường Sa như mọi người thuộc cộng đồng thế giới đều biết.

(1) Lưu Văn Lợi trong *Cuộc tranh chấp Việt Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà xuất bản Công an, Hà Nội, 1995, về phần *Biên niên* cũng viết: Việt Nam lúc đó tạm chia làm hai miền với vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quản lí miền Bắc, chính quyền miền Nam quản lí miền Nam trong khi chờ tái thống nhất đất nước” (trang 126 - 142).

c- Các nước khác trong vùng

Còn các nước khác trong vùng như Malaysia, Philippines, v.v....? Họ có đòi hỏi gì không?

Có thể trả lời một cách dứt khoát là hồi đó không một nước nào phản đối hoặc đòi hỏi gì cả. Ngày nay, nếu họ có đòi hỏi đi nữa thì họ cũng không đào đâu ra được một lí do chủ quyền, hoặc một chứng cứ gì xảy ra hồi thế kỉ XIX để hỗ trợ cho sự đòi hỏi của họ.

Vả lại chúng ta nên nhớ rằng năm 1898 trong bản Hiệp ước kí tại Paris giữa Tây Ban Nha và Mỹ để chấm dứt cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha thì Tây Ban Nha đã phải trao nhượng toàn bộ thuộc địa Philippines của họ cho Mỹ. *Toàn bộ nhưng không thấy nói gì đến Quần đảo Trường Sa.* Như vậy đủ thấy là không có một hòn đảo nào trong nhóm Trường Sa được coi là lãnh thổ của Philippines, của Malaysia, hoặc Đài Loan cả!

Như vậy, các nước khác trong vùng không có một nước nào có đủ chứng cứ, *dù là một*, để có lí do chính đáng tham gia vào việc đòi chủ quyền trên Quần đảo Trường Sa cả.

CHƯƠNG VII

SỰ THẬT LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ

Qua những tư liệu và các lý giải vừa nêu, chúng tôi từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII, Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã thống thuộc lãnh thổ Việt Nam. Kể từ đó việc hành sử và bảo vệ chủ quyền trên các hải đảo này hoàn toàn do người Việt Nam quản lí mà không có một sự tranh chấp hoặc dị nghị chính đáng nào của nước láng giềng.

1) Hoàng Sa, Trường Sa trong thời kì Pháp thuộc

Vào thế kỉ XIX, tuy chủ quyền Việt Nam bị thực dân Pháp tước đoạt, nhưng về phương diện pháp lí và Công pháp quốc tế người Pháp vẫn thừa hành trên nguyên tắc “bảo hộ”. Nghĩa là người Pháp hoàn toàn tôn trọng việc toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam bao gồm các miền từ rừng núi đồng bằng, đến các hải đảo xa xôi thuộc vùng biển Việt Nam. Việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam là một nhiệm vụ đối với nguyên tắc Công pháp quốc tế mà cũng là điều kiện sống còn của chính sách thực dân ở Đông Dương.

Từ khi thực dân Pháp thống trị toàn bộ nước ta, họ áp đặt ở đây một nền hành chánh thực dân bằng cách chia Việt

Nam ra làm *ba ki*, mỗi ki theo một nền hành chánh riêng biệt nhưng toàn quốc vẫn có một chính sách nhất quán.

Ở Trung Kỳ họ vẫn duy trì đơn vị hành chánh cũ, mỗi tỉnh do một Công sứ đứng đầu, bên cạnh có một số quan lại phong kiến của triều đình Huế giúp việc. Việc duy trì quyền lực ấy nhằm bóc lột nhân dân ta, nhưng họ vẫn đưa ra huyền thoại “bảo hộ” để ru ngủ nhân dân bản xứ bị áp bức và các nước chậm tiến khác. Do nhu cầu đó, thực dân Pháp phải chấp nhận ở Trung Kỳ một nền hành chánh bản xứ cộng với nền hành chánh thực dân khác hẳn với Nam Kỳ. Nhưng dù cho với một nền hành chánh thực dân mà họ gọi là “*bảo hộ rộng*” hay “*bảo hộ hẹp*” như thế nào chăng nữa, thực dân Pháp buộc lòng phải công khai bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam nói chung và Trung Kỳ nói riêng. Do đó, Quần đảo Hoàng Sa trước sau vẫn được người Pháp tại Đông Dương đặc biệt quan tâm. Quan tâm là vì vị thế - về nhiều mặt - của Hoàng Sa, Trường Sa trong kinh tế, giao thông, quân sự cùng chiến lược của thực dân Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

Ngày nay Hoàng Sa, Trường Sa không còn là địa danh xa lạ đối với mọi người Việt Nam. Danh xưng Hoàng Sa, Trường Sa ban đầu khởi đi từ “*Bãi Cát Vàng*”, “*Hoàng Sa Châu*”, “*Hoàng Sa Chử*”, “*Đại Trường Sa*” trong truyền thông bình dân cũng như trong giới học thuật; còn người phương Tây gọi là *Pracel* hay *Paracel*, *Spratley* hoặc *Spratly*. Như đã nói danh xưng Paracel xuất hiện lần đầu tiên trên bản đồ bán đảo Đông Dương của hai anh em người Hà Lan Van Langren ấn hành năm 1595.

Bản đồ này được phỏng theo tư liệu của các nhà thám hiểm và thương gia Bồ Đào Nha tìm đến Ấn Độ bằng đường biển cuối thế kỉ thứ XV (năm 1497). Lúc đó, có một số tàu

biển Bồ Đào Nha tới được Malaca, Thái Lan và cuối cùng (năm 1516) đến được vùng biển Nam Hà. Chính nhờ vào các tư liệu này, người Bồ Đào Nha đã vẽ được *bản đồ các nước Đông Nam châu Á*, trong đó có Quần đảo Hoàng Sa thuộc xứ Đàng Trong Việt Nam.

“*Paracel*” theo Giáo sư Pierre Yves Manguin, nguyên là danh từ *Ilhas do Parcel* (Pracel) có từ lâu đời của người Bồ Đào Nha. Trong vốn từ của họ có nghĩa là “đá ngầm” (récif), “cao tảng” (haut - fond)⁽¹⁾. Do đó, khi tàu của người Bồ Đào Nha đi ngang khu vực *Bãi Cát Vàng* thuộc vùng biển và thềm lục địa Đại Việt gặp phải “đá ngầm” nên họ đặt khu vực có đá ngầm ấy là *Paracel*.

Nhưng theo Giáo sư A. Brébion, *Paracel* do tên một chiếc tàu của công ti Hà Lan - Đông Ấn bị đắm tại khu vực này hồi thế kỉ XVII⁽²⁾. Từ đó, người phương Tây gọi nhóm đảo này là *Quần đảo Paracel, Quần đảo Bão Tố* (Tempête). Vì khu vực này là trung tâm xuất phát các trận bão, rồi sau đó người Anh gọi là *Spratley* hay “*Spratly*”.

Trong sử cũ của Việt Nam, khi miêu tả nhóm đảo này, nho sinh Đỗ Bá (thiếu tên) dùng tên Nôm “*Bãi Cát Vàng*”,

(1) Thái Văn Kiểm dẫn từ các sách:

a) *Les Portugais sur les côtes du Vietnam et du Campa* của Manguin, 1972, Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient.

b) *Dictionnaire de bio - bibliographie générale ancienne et moderne de l'Indochine Française*, 1935.

(2) Trong *Việt sử Xứ Đàng Trong*, Sdd, Giáo sư Phan Khoang dẫn nhiều tư liệu của công ti Đông Ấn - Hà Lan về việc các tàu biển của công ti này bị đắm tại Hoàng Sa được Abraham Dujker từ Faifoo (Hội An) ra Huế yết kiến cảm ơn chúa Thượng (năm 1601 - 1648) và thủy thủ tàu Grotenbrood bị đắm tại Hoàng Sa năm 1638.

sau đó Lê Quý Đôn gọi là *Hoàng Sa chữ, Đại Trường Sa đảo*, hoặc *Vạn Lí Trường Sa*, Phan Huy Chú gọi là *Hoàng Sa chữ, sách Đại Nam nhất thống chí* gọi là *Hoàng Sa châu* hoặc *Vạn Lí Trường Sa châu*. Còn trong *Đại Nam Nhất thống toàn đồ* gọi là *Hoàng Sa* và nhóm đảo phía Nam gọi là *Vạn Lí Trường Sa*.

Gần đây, (năm 1961-1969) trong các văn kiện hành chính ở Sài Gòn đều gọi chung hai Quần đảo trên là Hoàng Sa nhưng có phụ chú bằng tiếng nước ngoài là *Paracel* và *Spratley*, Hoàng Sa (Paracel) và Trường Sa (Pratley) vì người ta cho Quần đảo Hoàng Sa bao gồm cả Quần đảo Trường Sa như quan điểm của các tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí*. Cho nên, trong một sắc lệnh về việc thay đổi địa giới các tỉnh thuộc Nam Việt (Nam Bộ), khi gọi Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Bà Rịa (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) sắc lệnh trên ghi Hoàng Sa (Spratley) và Quần đảo Hoàng Sa thì không phụ chú tiếng nước ngoài (Xem tư liệu) để thấy rằng *Quần đảo Trường Sa là một phần lãnh thổ của Quần đảo Hoàng Sa*.

Ngày nay, trong hành chính và giới nghiên cứu, ai cũng đã nhất trí:

Hoàng Sa là một Quần đảo bao gồm nhiều hải đảo (Xem lại chương I) và có thể phụ chú (Paracel), *Quần đảo Trường Sa* (nằm về phía Đông nay thuộc tỉnh Khánh Hòa) với phụ chú (Spratley). Cho nên từ đầu thế kỉ đến nay, mọi người trong và ngoài nước (cả giới hàng hải) đều nhất trí xem Quần đảo Hoàng Sa (Paracel) là nhóm đảo nằm trên vĩ tuyến 15°45' - 14°45' độ Bắc và kinh tuyến 11°1' - 11°3' Đông, và Quần đảo Trường Sa (Spratley) là nhóm đảo nằm ngay vĩ tuyến 6°5' - 12°00' Bắc và kinh tuyến 11°30' - 117°20' Đông.

Đầu thế kỉ XX, chính quyền Pháp ở Đông Dương tiếp tục tăng cường quyền lực của họ tại nước ta bằng cách cho các lực lượng hải quân trấn đóng trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. P. A Lapicque, trong một quyển sách có nhan đề *A Propos des Iles Paracels* (Về Quần đảo Hoàng Sa) có nhấn mạnh về việc người Pháp từ cuối thế kỉ XIX (năm 1895-1896) đã chính thức phủ nhận việc tranh chấp chủ quyền của người Trung Quốc về lãnh hải này. Đó là việc năm 1895, nhân việc chiếc tàu biển Le Bellona (của Đức), tàu Imezi Maru (của Nhật) đắm tại Hoàng Sa bị một số dân chài người Trung Quốc đến cướp. Ngay lúc ấy Lãnh sự Anh liền phản kháng chính phủ Trung Hoa bằng một văn kiện chính thức và được Tổng đốc Lương Quảng phủ nhận trách nhiệm, vì Hoàng Sa không dính dáng vì tới Trung Hoa (đảo Hải Nam).

Từ đó về sau, người Pháp đã chính thức hành sử chủ quyền Việt Nam trên toàn bộ các hải đảo này bằng cách thiết lập tại Quần đảo Hoàng Sa một đơn vị hành chánh trực thuộc tỉnh Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên – Huế) do Nghị định số 156 - SC của Toàn quyền Đông Dương kí ngày 15-6-1932.

Lúc ấy, Hoàng Sa gồm hai đơn vị hành chánh thuộc tỉnh Thừa Thiên. Mỗi đơn vị hành chánh đứng đầu bởi một *Sở Đại lí hành chánh* (Délégation administrative) gọi là *Délégation administrative des Paracels*: gồm *sở Đại lí Crossant* và *phụ cận*, *Sở Đại lí Amphytrite* và *phụ cận*. Các phái viên hành chánh đứng đầu hai sở Đại lí này với tư cách là ủy viên công sứ Pháp tại Thừa Thiên thường trú tại đảo Hoàng Sa (Pattle) và Phú Lâm (Boisée).

Ngày 14-04-1933, tàu La Malicieuse do thuyền trưởng De Lattre điều khiển ra Quần đảo Trường Sa theo chỉ thị của

Toàn quyền Đông Dương tiến hành công việc cắm cờ và dựng bia chủ quyền Việt Nam tại Quần đảo này. (Xem chương V)

Ngày 19-7-1933, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Pháp ra thông tri về việc phái các đơn vị hải quân Pháp chiếm cứ một số hải đảo thuộc Quần đảo Trường Sa: *Trường Sa, An Bang, Ba Bình, Song Tử Đông, Song Tử Tây, Loại Ta, Thị Tử* cùng các đảo nhỏ, đá, bãi cạn phụ thuộc khác nằm trong Quần đảo Trường Sa.

Ngày 21-12-1933, Thống đốc Nam ki là M. J. Krautheimer kí Nghị định số 4762. CP sáp nhập Quần đảo Trường Sa và các tiểu đảo lân cận vào địa phận tỉnh Bà Rịa (nay là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) (Xem *Tư liệu*).

Tiếp theo, ngày 5-5-1939, Toàn quyền Đông Dương J. Brévié kí Nghị định số 3282 sửa đổi Nghị định số 156-SC ngày 15-6-1932 về việc thay đổi các đơn vị hành chánh tại Quần đảo Hoàng Sa (Xem *Tư liệu*).

Có lẽ vì thủ tục hành chánh, nên sau đó Bộ Ngoại giao Cộng hòa Pháp có ra một Thông tri để đính chính về thông tri ngày 19-7-1933 vì Thông tri ấy thật ra được thi hành và kí vào ngày 13-4-1930, chứ không phải như ngày 13-4-1933 theo như trong thông tri trên.

Như vậy kể từ năm 1899, Toàn quyền Đông dương Paul Doumer kí sắc lệnh thiết lập một hải đăng trên đảo Hoàng Sa (Pattle) và năm 1938, Sở Khí tượng Đông dương cũng thiết lập một đài Khí tượng trên đảo Ba Bình (Itu Aba) thuộc Quần đảo Trường Sa.

Về phương diện công pháp quốc tế, Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã đặt dưới quyền bảo hộ của Pháp do hiệp định Pháp, Tây Ban Nha và Việt Nam kí ngày 5-6-1862 và hiệp

định Việt Pháp kí ngày 15-8-1874 (điều 2. 3). Chính vì vậy mà chính phủ hoàng gia Anh không hề lên tiếng đòi hỏi điều gì về Quần đảo Trường Sa (Spratley) mặc dù danh xưng *Spratley* nguyên do người Anh đặt ra từ năm 1867 khi họ tưởng đâu phát hiện ra được Quần đảo đó, nhưng vốn đây là Quần đảo Trường Sa trên vùng biển Việt Nam, do người Việt Nam quản lí và hành sử từ lâu rồi (thế kỉ XVI).

Năm 1920, Nha Thương chánh (Donanes - nhà Đoan, như cơ quan Hải quan ngày nay) Đông Dương thường xuyên có các cuộc tuần tra bằng tàu biển dọc theo hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các hải đảo khác nhằm ngăn ngừa buôn lậu hoặc các hành vi phạm pháp khác. Bên cạnh đó, còn có các lực lượng hải quân đặc nhiệm của Pháp hoạt động thường trực mà không hề bị các lực lượng hải quân của nước khác ngăn cản.

Năm 1925, 1927, Viện Hải học Nha Trang và Sở Hải dương Đông dương đưa ra Hoàng Sa, Trường Sa một số đoàn thám sát gồm các nhà nghiên cứu địa chất, sinh vật, thực vật và các chuyên gia (đi trên tàu De Lanessan) để khảo sát tại chỗ về địa chất, thảo mộc, thủy học, hải học do Tiến sĩ A. Krempf, Giám đốc sở Hải dương Đông dương dẫn đầu đoàn chuyên gia (xem chương V, VII).

Từ năm 1931 - 1939, Pháp đã cho quân đội trấn đóng thường trú và thiết lập các cơ sở quân sự, khí tượng để bảo vệ an ninh, hải vận cho toàn cõi Đông dương. Các công tác trên kéo dài từ đầu thế kỉ đến những năm 40, mà không hề có sự tranh chấp của các nước khác trên phạm vi nhà nước; nếu có thì cũng chỉ trong giới hạn địa phương. Việc hành sử chủ quyền này đã được nhiều nước trên thế giới mặc nhiên xác nhận. Cho nên, từ năm 1920 các công ti Nhật Bản tới

Hoàng Sa, Trường Sa khai thác tài nguyên thiên nhiên phải được sự thỏa thuận của chính quyền Pháp tại Đông Dương thông qua Công sứ Thừa Thiên và Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa lúc đó quản lý Quần đảo Trường Sa).

Việc hành sử chủ quyền này, người Pháp nhân danh triều đình Huế chỉ tạm thời dứt quãng trong một thời gian ngắn khi quân đội Phát xít Nhật đổ bộ chiếm cứ Quần đảo Hoàng Sa: Trường Sa. Nhưng liền sau đó (ngày 24-4-1939), viên Đại sứ Pháp ở Tokyo đã gửi công hàm phản kháng chính phủ Nhật Bản. Sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, Nhật đã chính thức từ bỏ chủ quyền - bằng một văn kiện có tính cách pháp lý - mà họ đã cưỡng chiếm trong tay quân đội Pháp.

Việc quản lý hành chánh, an ninh quốc phòng... trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được xác minh bởi các văn kiện hành chánh sau:

- Năm 1899, Toàn quyền Đông dương Paul Doumer kí sắc lệnh thiết lập một hải đăng trên đảo Hoàng Sa (Pattle) trong Quần đảo Hoàng Sa.

- Năm 1930, tàu La Malicieuse tới Quần đảo Hoàng Sa dựng cờ tái chiếm và lập bia chủ quyền Việt Nam và Phủ toàn quyền Đông dương thông báo đến các nước trên thế giới biết là nước Pháp đã chiếm hữu Quần đảo Trường Sa (ngày 23-9-1930).

- Năm 1932, Toàn quyền Đông dương kí Nghị định số 156-SC ngày 15-6-1932 đặt Quần đảo Hoàng Sa thành một đơn vị hành chánh và sáp nhập vào tỉnh Thừa Thiên (trước đó, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nghĩa) mang danh là *Quận Hoàng Sa*, thể theo đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ.

- Dụ số 10 do Hoàng đế Bảo Đại kí ngày 29-9 năm Bảo

Đại thứ 13 (30-3-1938) sáp nhập Quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên⁽¹⁾.

– Nghị định số 3282 ngày 5-5-1939 của Toàn quyền Đông dương sửa đổi nghị định số 156-SC năm 1932 chia đơn vị hành chánh Hoàng Sa làm hai sở Đại lí: nhóm *Lưỡi Liềm* (Délégation du Croissant et dépendances) và nhóm *An Vĩnh* (Délégation de l'Amphitrite et dépendances) như đã viết ở các trang trên.

Năm 1933, chiến hạm hải quân chính phủ Đông dương tới Trường Sa chính thức tái chiếm cứ sáu đảo lớn (gồm nhóm Hai đảo: tức *Song Tử Đông*, *Song Tử Tây*, *Loại Ta*, *Thị Tứ*, *An Bang*, *Ba Bình*, *Trường Sa*...) và các tiểu đảo khác thuộc Quần đảo Trường Sa. Sự chiếm hữu này đã được chính thức đăng tải trong *Công báo Pháp* ngày 26-7-1933.

Ngày 21-12-1933 Thống đốc Nam Kỳ M.J. Krautheimer kí nghị định đặt Quần đảo Trường Sa thuộc quản hạt hành chánh tỉnh Bà Rịa.

Ngày 24-7-1933 chính phủ Đông dương cũng thông báo cho chính phủ Nhật về các việc trên.

Những sự kiện và các văn kiện hành chánh trên phù hợp với các diễn biến trong suốt thời gian từ cuối thế kỉ XIX (năm 1898) đến thế kỉ XX. Những chứng cứ đó được P. Pasquier - Lúc ấy là Toàn quyền Đông dương - có viết trên Tạp chí *Éveil Économique l'Indochine*, số 741 năm 1932 một bài với nhan đề "*L'Histoire Moderne des Iles Paracels*" (Lịch sử cận đại của Quần đảo Hoàng Sa). Trong bài, Pasquier có nhắc đến việc vào năm 1895, 1896, hai chiếc tàu của Đức,

(1) Xem phần tư liệu.

Nhật bị nạn tại Hoàng Sa, các hải khẩu Trung Quốc đến cướp, liền bị lãnh sự Anh phản kháng mạnh mẽ. Tổng đốc Lương Quảng lúc bấy giờ đã chính thức trả lời là chính phủ Trung Hoa không có trách nhiệm về việc này; vì Hoàng Sa không thuộc thẩm quyền của họ. Và lại, theo Hòa ước Bắc Kinh kí ngày 10-4-1898, Trung Hoa cam kết với Pháp là sẽ tôn trọng tình trạng của các hải đảo thuộc Pháp ở Thái Bình Dương để đổi lấy việc nước Pháp công nhận chính phủ Trung Hoa thời đó. Những điều đó càng chứng minh cho chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa dù rằng khi ấy nước Việt Nam bị người Pháp cai trị.

Tiếp đó là hàng loạt các công trình nghiên cứu của các nhà chuyên môn về *sử, địa, sinh vật thảo mộc...* tất cả đều xác nhận chủ quyền của hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là thuộc lãnh thổ Việt Nam về phương diện địa lí, thực vật... đúng với luật pháp quốc tế.

2) Hoàng Sa, Trường Sa sau Thế chiến thứ II (xem lại chương V)

Sau khi Phát xít Nhật đầu hàng Đồng Minh, tiếp đến Cách mạng Tháng 8 thành công, Nhật đã chính thức từ bỏ chủ quyền do họ cưỡng chiếm trên đất nước ta; nói chung – và hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng. Sự từ bỏ chủ quyền có tính cách bắt buộc này được ghi rõ trong Tuyên ngôn *Le Caire* (Thủ đô Ai Cập) giữa các nước Đồng Minh với sự có mặt của các nguyên thủ quốc gia: Mĩ, Anh, Trung Hoa (cũ) vào ngày 27-11-1943. Việc chính thức từ bỏ chủ quyền này của người Nhật, sau đó còn được minh định trong bản hòa ước kí tại San Francisco (Hoa Kì) vào ngày 8-9-1951 giữa hơn 50 nước trên thế giới.

Từ ngày 2-9-1945, chủ-quyền Việt Nam đã được xác định rõ bằng bản *Tuyên ngôn độc lập* công bố cùng ngày (2-9) tại Hà Nội. Từ ấy lãnh thổ Việt Nam từ rừng núi Cao Lạng đến Mũi Cà Mau và các hải đảo trên Biển Đông đều thu về một mối. Nhưng sau năm 1946 (ngày 19-12) chiến tranh Việt Pháp xảy ra rồi tiếp đến chiến tranh Việt Mĩ (năm 1960-1975). Tháng 7-1954 Việt Nam bị chia cắt thành hai miền và có hai chính quyền riêng và mãi đến năm 1975 mới thống nhất.

Ngày 13-1-1947, chính quyền Pháp ở Đông dương thời đó đã phái chiến đĩnh Le Tonkinois tới thám sát ở Quần đảo Hoàng Sa và đổ bộ lên đây một số lính Pháp Việt hỗn hợp để phòng thủ. Đồng thời, họ xây cất ở đó một đài khí tượng và các cơ sở quân sự, kho bãi ... nhằm khai thác tài nguyên thiên nhiên (phân chim).

Năm 1949, *Tổ chức Khí tượng thế giới* (viết tắt là OMN) chính thức thừa nhận các Trạm khí tượng do Pháp xây dựng trên Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa với ám số: 48860. *48 tức là vùng Đông Nam châu Á và 860 là sở Khí tượng Hoàng Sa* (bao gồm cả Trường Sa). Đài này được các nước biết với biệt danh *Station d'Observation 860* như đã nói ở trên.

Ngày 14-10-1950, sau nhiều cuộc thương lượng giữa Pháp Việt, chính phủ Pháp chính thức trao lại cho chính phủ Bảo Đại việc quản lí và bảo vệ Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (theo tinh thần Hiệp định Việt-Pháp ngày 8-3-1949). Tổng trấn Trung phần lúc ấy là Phan Văn Giáo trực tiếp ra Hoàng Sa tiếp nhận việc bàn giao này. Vì vậy, tại Hội nghị kí Hòa ước San Francisco như đã nói ở trên, trưởng phái đoàn Việt Nam lúc ấy là Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng thuộc chính phủ Bảo Đại là Trần Văn Hữu đã long trọng tuyên bố, khẳng định trước đại biểu của 51 nước tham dự hội nghị San Francisco rằng:

“Và cũng vì cần phải thành thực lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa”⁽¹⁾.

Nguyên văn tiếng Pháp như sau:

“Et me il faut franchement profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles Spratly, Paracels qui de tout temps, ont fait partie du Vietnam”.

Không một nước nào dự hội nghị San Francisco phản đối bản Tuyên bố trên. Cuối cùng hòa ước với Nhật Bản được kí kết ngày 8-9-1951, trong đó điều 2 ghi rõ: “*Nhật Bản từ bỏ mọi quyền lợi, danh nghĩa hay đòi hỏi với Paracels (Hoàng Sa) và Spratly (Trường Sa)*”⁽²⁾. Và tiếp theo Nhật Bản và Đài Loan ngày 28-4-1952 kí hòa ước trong đó điều 2 ghi rõ: “Hai bên nhìn nhận là theo điều 2 hòa ước với Nhật Bản kí ngày 8-9-1951 tại San Francisco ở Hòa Kỳ, Nhật Bản đã từ bỏ mọi quyền lợi, danh nghĩa hay đòi hỏi liên quan tới Đài Loan (Formose) và Bành Hồ (Pescadores) cũng như Quần đảo Spratly và Paracels”⁽³⁾.

Sau Hiệp định Genève, Việt Nam tạm thời chia cắt thành hai miền, lấy vĩ tuyến thứ 17 làm ranh giới quân sự lâm thời để hai lực lượng quân sự đồn trú một thời gian ngắn chờ thống nhất trong hòa bình. Theo vị trí địa lí các đảo thuộc Quần đảo

(1) Xin xem toàn văn in ở Phụ lục

(2)(3) Theo Lăng Hồ, *Hoàng Sa, Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*, Tập san Sử Địa, Sđd, 1975.

Lưu Văn Lợi - *Cuộc tranh chấp Việt Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Sđd.

Hoàng Sa, Trường Sa đều nằm dưới vĩ tuyến 17. Do đó: các đảo này thuộc sự quản lí hành chánh, an ninh, chủ quyền của chính quyền Việt Nam Cộng hòa lúc ấy. Điều đó còn thấy rõ hơn là trong điều 12 Bản tuyên ngôn cuối cùng của Hội nghị Genève ngày 21-7-1954 mà Trung Quốc đã chính thức tham dự, kí kết. Tuyên bố ghi rõ: *“Trong việc giao thiệp với Campuchia, Lào và Việt Nam, mỗi quốc gia hội viên dự Hội nghị Genève cam kết tôn trọng chủ quyền độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia trên và giữ không xen vào công việc nội bộ của các quốc gia đó.”*

Từ năm 1954 đến năm 1974, chính quyền Nam Việt Nam áp dụng, mọi biện pháp cần thiết để duy trì quyền lực và bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo này.

Năm 1956, một đơn vị Hải quân Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) đến Hoàng Sa, Trường Sa thay thế cho lực lượng hải quân liên hiệp Pháp trú đóng ở đây. Kể từ đó, chính quyền Nam Việt Nam đã tăng cường một lực lượng quân sự khá mạnh, đồng thời xây cất trên các đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa một số cơ sở quân sự, đài khí tượng thủy văn... Tiếp đó, các công ti phân bón trong nước và nước ngoài đến khai thác tài nguyên thiên nhiên đều phải do sự chấp nhận của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn).

Việc hành sử chủ quyền này vẫn liên tục bằng các sự kiện, như vào khoảng cuối năm 1956, chính quyền Sài Gòn cho dựng bia chủ quyền *“Việt Nam Cộng hòa”* trên các đảo từ Trường Sa đến Hoàng Sa và các lực lượng hải quân thường xuyên tuần tra trên vùng biển Việt Nam. Vì từ ngày 22-10-1956, họ đặt Quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Phước Tuy (xem tư liệu).

Năm 1959, các lực lượng Nam Việt Nam đồn trú trên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng... đã bắt giữ trên 80 người quốc tịch Trung Quốc giả dạng ngư dân đột nhập trái phép vào Hoàng Sa. Kể từ đó các lực lượng quân sự trấn đóng tại đảo và hải quân Việt Nam Cộng hòa càng tăng cường tuần tra thường trực suốt vùng duyên hải từ đảo Phú Quốc, Côn Sơn qua Trường Sa, Hoàng Sa.

Năm 1961, chính quyền Việt Nam cộng hòa kí Sắc lệnh số 174 - NV ngày 13-7-1961 đặt Quần đảo Hoàng Sa thuộc quản hạt hành chánh tỉnh Quảng Nam thay vì tỉnh Thừa Thiên. Theo Sắc lệnh này, Quần đảo Hoàng Sa thành một đơn vị hành chánh bao gồm tất cả Quần đảo này với danh xưng là *xã Định Hải, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam*.

Tiếp theo là Nghị định số 709/BNV/HCCP/26 ngày 21-10-1969 sáp nhập xã Định Hải thuộc quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam vào xã *Hòa Long* cùng quận.

Ngày 13-7-1971, Ngoại trưởng chính quyền Sài Gòn tuyên bố ở Manila (thủ đô Philippines) rằng Quần đảo Trường Sa từ lâu đời vẫn thuộc lãnh thổ Việt Nam và ngày 15-7-1971. Bộ Ngoại giao chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã ra một Thông cáo tái xác nhận chủ quyền chính đáng của Việt Nam trên hai Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa.

Ngày 6-9-1973, Tổng trưởng Nội vụ chính phủ Việt Nam Cộng hòa kí Nghị định số 420/BNV/HCĐP/26 sáp nhập một số đảo của *Quần đảo Trường Sa* vào xã *Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy* (tỉnh Phước Tuy cũ nay là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

Các sự kiện trên là căn bản pháp lí nhà nước và Công pháp quốc tế trong nhiều thế kỉ, không có nước nào có thể

tranh chấp một cách chính đáng. Vậy mà ngày 20-1-1974, bất chấp chủ quyền lâu đời của nhân dân Việt Nam và dư luận quốc tế, chính quyền Trung Quốc đã huy động một lực lượng hùng hậu gồm hải, lục, không quân ồ ạt cưỡng chiếm Hoàng Sa bất chấp công pháp quốc tế và dư luận thế giới (do chính quyền Việt Nam Cộng hòa lúc ấy quản lý). Cuộc chiến xảy ra rất ác liệt giữa Quân đội Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) và Trung Quốc, nhưng với lực lượng áp đảo về hải quân, không quân, quân đội Sài Gòn phải buông vũ khí. Mọi người trên các đảo bị quân Trung Quốc bắt làm tù binh đưa về giam giữ tại Hải Nam rồi Quảng Châu.

Cũng trong thời gian này chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ra tuyên bố nêu rõ lập trường của mình trước sự kiện Hoàng Sa như sau:

“Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là một vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc. Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại.

Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.”

Ngày 14-2-1975 Bộ Ngoại giao chính quyền Nam Việt Nam và Thủ tướng chính phủ Việt Nam Cộng hòa (Sài Gòn) ra Tuyên cáo về những hành động gây hấn của Trung Quốc trong khu vực Quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 5 và ngày 6-5-1975, Hải quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đến tiếp quản các đảo do quân đội Nam Việt Nam đóng giữ toàn bộ Quần đảo Trường Sa.

Sau khi cưỡng chiếm Quần đảo Hoàng Sa, chính quyền

Trung Quốc đã cho ấn hành một số bản đồ ngụy tạo và một vài sử liệu mơ hồ để lừa dối những người chưa am tường lịch sử địa lí Việt Nam, nhằm che đậy cho hành động bành trướng thế lực của mình⁽¹⁾. Nhưng những văn kiện ấy không thể nào chứng minh cho hành động sai trái của chính quyền Trung Quốc.

Việc hành sử chủ quyền và bảo vệ lãnh thổ Việt Nam từ khi Trung Quốc cưỡng chiếm Quần đảo Hoàng Sa còn được xác minh bởi các văn kiện hành chánh và các sự kiện lịch sử sau:

Ngày 12-5-1977, chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố về *lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa* có khẳng định rõ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 10-1978, trong chuyến viếng thăm chính thức Mã Lai (Malaysia), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Nếu có tranh chấp và hiểu lầm nào đó liên quan giữa hai nước Việt Nam - Mã Lai sẽ được giải quyết qua thương lượng⁽²⁾.

Ngày 20-9-1978, trong chuyến viếng thăm chính thức nước Cộng hòa Philippines, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với Quần đảo Trường Sa và thỏa thuận với Tổng thống Ferdinand Marcos rằng Philippines và Việt Nam sẽ giải quyết mọi bất đồng thông qua thương lượng.

Ngày 15-3-1979, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội Chủ

(1) Xem lại chương V, VI.

(2) Vấn đề Trường Sa thuộc lĩnh vực đa phương giữa Việt Nam, Trung Quốc, Đài Loan, Philippines, Malaysia, nhưng Trung Quốc là nước dùng vũ lực để tranh chấp.

ngĩa Việt Nam công bố *bị vong lục* về vấn đề biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trong đó tố cáo việc Trung Quốc cưỡng chiếm trái phép Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam vào ngày 20-1-1974.

Ngày 28-9 cùng năm, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố *Sách Trắng* (Bạch Thư) giới thiệu 19 tài liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 12-1981, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố *Sách Trắng Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam*.

Ngày 21-2-1982 người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố phản đối chính quyền Đài Loan tự ý đặt Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa dưới quyền tài phán của mình.

Ngày 9-12-1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193-HĐBT, ngày 19-12-1982 thành lập *huyện Trường Sa*, bao gồm toàn bộ Quần đảo Trường Sa trực thuộc tỉnh Đồng Nai. Cho đến thời điểm này, Quần đảo Trường Sa là một bộ phận của huyện Đất Đỏ, tỉnh Đồng Nai (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa).

Cùng thời điểm trên, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 194-HĐB, ngày 19-12-1982, thành lập *huyện Hoàng Sa* bao gồm toàn bộ Quần đảo Hoàng Sa trực thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tính đến lúc này, Quần đảo Hoàng Sa là bộ phận của huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng⁽¹⁾.

Trong phiên họp thứ tư của Quốc hội khóa 7 Quốc hội

(1) Ngày 6-11-1996, Quốc hội Việt Nam (khóa 10) ra Nghị quyết tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành *tỉnh Quảng Nam* và *thành phố Đà Nẵng*. Như vậy, *huyện đảo Hoàng Sa* nay thuộc Thành phố Đà Nẵng.

Việt Nam ra Nghị quyết (vào ngày 28-12) sáp nhập huyện đảo Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh (nay thuộc tỉnh Khánh Hòa).

Ngày 6-5-1983, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố phản đối việc ngày 25-4-1983 Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đặt tên Trung Quốc cho các đảo, đá, bãi cạn thuộc Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 2-6-1984, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra tuyên bố lên án Trung Quốc sáp nhập hai Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vào địa phận tỉnh Hải Nam, Trung Quốc.

Ngày 16-4-1987, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong tuyên bố ngày 15-4-1987 của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về chủ quyền của Trung Quốc đối với Quần đảo Nam Sa (tức Trường Sa).

Ngày 14-6-1987, Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam tuyên bố lên án Trung quốc đã liên tiếp đưa tàu biển khảo sát tiến hành các hoạt động bất hợp pháp ở Quần đảo Trường Sa, đặc biệt là Trung Quốc đã tổ chức cuộc tập trận ở Quần đảo Trường Sa từ ngày 16-5-1987.

Ngày 20-2-1988, người phát ngôn Bộ ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố tố cáo nhiều lần tàu chiến Trung Quốc vi phạm vùng biển Việt Nam ở ngoài khơi Quần đảo Trường Sa. Tuyên bố lên án các hoạt động quân sự của Trung Quốc ở Quần đảo Trường Sa là đe dọa nền an ninh của Việt Nam và của các nước láng giềng trong khu vực.

Ngày 14-3-1988, hải quân Trung Quốc và hải quân Việt Nam chạm trán nhau trong vùng *Dã Gạc Ma (Johnson South*

Reef), Dã Côlin (Collins Reel) và đảo Đá Tây (London Reef) khiến nhiều tàu chiến Việt Nam bị hư hại. Hải quân Trung Quốc đã dùng đến đại bác cỡ lớn, có 74 thủy binh Việt Nam bị ghi nhận mất tích. Lúc đó tàu chiến Trung Quốc ngăn cản không cho tàu cứu thương mang cờ hồng thập tự của Việt Nam đến cứu vớt những binh sĩ bị thương.

Sau đó, người phát ngôn Việt Nam phản đối hải quân Trung Quốc tiếp tục ngăn chặn các cuộc tiếp tế của tàu Việt Nam. Tiếp theo, đến tháng 5-1989 Trung Quốc lại chiếm thêm một đảo nhỏ ở Trường Sa.

Ngày 21-2-1992, Trung Quốc đưa ra một đạo luật mới qui định lại vùng lãnh hải của họ, mở rộng thêm bằng cách bao gồm cả hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào lãnh thổ Trung Quốc.

Tháng 5-1992, Trung Quốc còn cho phép công ti Crestone Energy của Mỹ vào thăm dò dầu khí ở phía Nam biển Đông cách bờ biển Việt Nam 300 cây số trong một vùng mà chính phủ Việt Nam xem là trên thêm lục địa Việt Nam cách đường cơ sở của Việt Nam 84 hải lý. Ngày 8-7 cùng năm, Trung Quốc chiếm thêm mấy đảo nhỏ thuộc Quần đảo Trường Sa...

Các sự kiện vào ngày 20-1-1974⁽¹⁾ khi Trung Quốc đưa hàng vạn quân ồ ạt tấn công cưỡng chiếm Hoàng Sa và ngày 1-2-1979 trên toàn thể biên giới phía Bắc để uy hiếp Việt Nam. Nhất là các biến cố vào những ngày gần đây và thời điểm kế tiếp đủ chứng tỏ cho cách làm, cách nghĩ của Trung Quốc muốn giành thế mạnh về quân sự và kinh tế.

Ngày nay, tuy quân lực Trung Quốc đã chiếm trọn Hoàng Sa và gây hấn, khiêu khích, lấn chiếm... trên các đảo thuộc Quần đảo Trường Sa, họ đã thay đổi bộ mặt các đảo này và

(1) Ấy thế phía Trung Quốc còn vu cáo Việt Nam gây hấn với Trung Quốc ở phía Bắc Việt Nam (xem Phụ lục về *Từ điển Từ Hải* ở sau).

đặt vào đó các danh xưng mới - việc đó không khó (cũng như hồi năm 1939 quân đội Nhật chiếm Hoàng Sa rồi đổi tên Hoàng Sa là *Hirala gunto* và năm 1939 họ chiếm Trường Sa cũng đổi tên Quần đảo này là *Shinnan gunto*) nhưng sự thật Hoàng Sa, Trường Sa vẫn là đất Đại Việt từ lâu đời. Và hiện nay Quần đảo Hoàng Sa vẫn là *huyện đảo Hoàng Sa* thuộc Thành phố Đà Nẵng, và Quần đảo Trường Sa là *huyện đảo Trường Sa* thuộc tỉnh Khánh Hòa trong tâm thức mọi người Việt Nam và trong cộng đồng thế giới.

Hồi ấy (1974) khi tiếng đại bác đương gầm trời Hoàng Sa, một nhà thơ (cũng là một nhà cổ học: Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực) đã xúc động về biến cố bi thương trên, ông đã có chùm thơ tứ tuyệt cảm đề sách *Les Archipels de Hoàng Sa et Trường Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de géographie* viết về một phần đất tổ quốc bị nước ngoài cưỡng chiếm, thi sĩ viết:

I

*“Phong vực thiên nhiên nước Việt ta
Đông hoành Quần đảo Đại Trường Sa.
Cát vàng một dải ngời danh tích
Sử Địa đồ thư nét chữ nhà.”*

II

*Hoàng Sa Châu vốn thuộc Giao Nam,
Nghịch lỗ tranh càn giờ thối tham!
Đất tổ bỗng dung người cướp xén,
Ai đành thủ khẩu nhịn cho cam⁽¹⁾*

Và cũng chính vì không thể “thủ khẩu” (ngậm miệng)

(1) Võ Long Tê, *Sđd*.

mãi, nên chúng tôi xin trưng dẫn một số tư liệu để độc giả đồng lòng.

Với những tư liệu lịch sử, địa lí chính xác, rõ ràng; đồng thời căn cứ vào những nguyên tắc của luật pháp quốc tế, mọi người yêu chân lí đều nhận thức đúng đắn rằng Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Trong sách *Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định:

“1- Từ lâu, nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa khi mà các Quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

2- Từ đó đến nay, suốt mấy thế kỉ, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện thật sự và liên tục chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3- Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”⁽¹⁾

Với sự thật hiển nhiên đó, không một người yêu chân lí, yêu lẽ phải có thể phủ nhận được.

Để có một cách nhìn thật sự khách quan và khoa học, chúng tôi xin mượn ý kiến của một Giáo sư Công pháp quốc tế người Pháp - bà Monique Chemillier-Gendreau - viết về chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên phương diện Quốc tế công pháp. Giáo sư nhận định:

(1) Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Sdd. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1984, Hà Nội.

“Từ khi Việt Nam và Pháp kí Hiệp ước Patenôtre năm 1884 thì Việt Nam là nước đã nắm chủ quyền không ai chối cãi được đối với các đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ hai thế kỉ rồi, một chủ quyền phù hợp với hệ thống pháp lí quốc tế của thời kì đó.

Đối với Hoàng Sa thì chủ quyền đó đã rõ ràng và hoàn toàn hợp lí không còn gì phải bàn cãi nữa. Đối với Trường Sa thì có nhiều lí lẽ và bằng chứng cho thấy là nhóm đảo này vẫn thống thuộc chủ quyền Việt Nam, nhưng không biết là chủ quyền toàn bộ hay một phần, vì nhóm Trường Sa nằm rải rác trên một diện tích biển rộng đến 160.000km². Nhưng dầu là toàn bộ hay một phần thì Việt Nam vẫn có chủ quyền trên những hòn đảo lớn và từ đó có thể dựa trên cơ sở “**inchoate title**” nghĩa là một lí do **chủ quyền manh nha** (chủ quyền phôi thai) để đi dần đến một **chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn**.

Vấn đề hiện nay của Việt Nam chỉ còn là củng cố quyền sở hữu đó theo căn bản của sự tiến triển của công pháp quốc tế ngày nay.⁽¹⁾

Nguyên văn:

Lorsqu'intervient le traité de protectorat française en 1884, le Việt Nam détient, sans concurrence et depuis près de deux siècles, un droit, conforme au système juridique de l'époque, sur archipels.

Ce droit s'exerce sans aucun doute sur les Paracels. Il resterait à préciser s'il s'exerçait bien sur la totalité de l'archipel. Il y a des raisons de penser que l'administration

(1) Monique Chemillier - Gendreau, *La souveraineté sur les archipels Paracels et Spratleys*, trang 78, Nhà xuất bản L'Harmattan, Paris 1996.

Vietnamienne s'étendait aussi sur les Spratleys. Mais rien ne dit avec précision que cela ait alors concerné l'ensemble d'un archipel qui couvre 160.000 km², ou au moins un nombre d'îles suffisant et concernant des îles assez importantes pour entraîner par extention un droit sur l'ensemble. Dans ce cas, il y a un "inchoate title", c'est-à-dire un droit naissant dont les titulaires doivent ensuite assurer la consolidation.

Se pose alors le problème de la consolidation éventuelle du titre et surtout du maintien de ce titre en rapport avec l'évolution du droit international."⁽¹⁾

Sài Gòn năm 1998

Xem lại năm 2007

(1) Monique Chemillier-Gendreau, *Sách đã dẫn*, pages 78

PHẦN THỨ HAI

TU LIỆU

Sau đây chúng tôi trích:

*Một số văn kiện hành chánh thời Pháp chiếm Việt Nam,
Bài khảo luận về **Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa...** trước
năm 1975 và một số tư liệu khác.*

I

Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam

(Lược trích bài khảo luận về *Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam* của Giáo sư Lăng Hồ Nguyễn Khắc Kham Tokyo, Nhật Bản)

Sau khi xâm chiếm đảo Phú Lâm trong nhóm An Vĩnh ngay từ năm 1950, ngày 20 tháng Giêng 1974, Trung Quốc lại huy động hải lực không quân đánh chiếm toàn bộ đảo Hoàng Sa được họ mệnh danh là Tây Sa Quần đảo.

Cũng như lần trước cách đây 21 năm⁽¹⁾, thực hiện xong mưu đồ bằng vũ lực, Trung Quốc mới bắt đầu lên tiếng thanh minh, hầu đem lại đôi chút chính nghĩa cho cái hành động xâm lược của mình. Những luận cứ đã được đưa ra hoặc một cách trực tiếp bằng lời tuyên bố văn tắt của Bộ Ngoại giao Trung Quốc, hoặc một cách gián tiếp qua những bài chi tiết hơn đăng tải trong các tờ báo mà thái độ vô tư rất đáng ngờ gồm có đủ loại từ lời vu khống vô căn cứ cho đến những chứng cứ được gọi là chứng cứ lịch sử.

(1) Bài viết này viết năm 1974

Bài tham luận này viết riêng cho độc giả *Tập san Sử Địa* sẽ không đề cập những khía cạnh khác như kinh tế, chính trị, công pháp quốc tế... mà chỉ chú trọng đặc biệt đến bối cảnh lịch sử của hai Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vốn là những lãnh thổ lâu đời của dân tộc Việt Nam mà thôi.

Những chứng cứ được mệnh danh là chứng cứ lịch sử đã từng được viện ra hòng biện minh cho chủ quyền của Trung Quốc trên hai Quần đảo nói trên của Việt Nam đã thấy đăng tải trong các tờ báo như *Nhân Dân nhật báo* (ngày 5-6-1956), *Quang Minh nhật báo* (ngày 7-6-1956), *Học Thời Sự Văn Hối báo* biên soạn và ấn hành số 2 năm 1974, *Thất thập niên đại nguyệt san* những số tháng 3 và tháng 4-1974... đại để nội dung của các bài liên quan không có khác nhau mấy nhưng chi tiết hơn cả có lẽ là bài của ông Tề Tân nhan đề “*Nam Hải chư đảo đích chủ quyền dư? Tây Sa Quần đảo chi chiến*” thấy đăng tải trong *Thất thập niên đại nguyệt san* số ra tháng 3-1974. Do lẽ đó bài này trích dẫn bài trên nhiều nhất trong khi lập luận về bối cảnh lịch sử của hai Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Theo ông Tề Tân, sớm về đời Đông Hán đã thấy chép như sau trong cuốn *Dị vật chí* của Dương Phu: “Ở vùng hiểm nguy đảo Hải Nam nước biển không sâu mà có nhiều từ thạch khiến những chiếc thuyền lớn của người ngoại quốc có đóng chốt sắt, tới nơi đó thì có chất từ thạch nên không qua được”. Theo ông Tề Tân đó là chỉ vào Quần đảo Tây Sa của Trung Quốc.

Vẫn theo ông này thì về đời Nam Bắc triều trong bài *Vu Thành phú* của Bảo Chiếu có câu: “Nam trì Thương Ngô trường hải, bắc tẩu tử tái nhận môn”. Ý nói rằng từ phía cực Nam đến phía cực Bắc nước Tàu. Lại nữa, danh từ *Trường Hải* bao quát biển Nam Hải lẫn các đảo ở đó.

Ngoài mấy chứng cứ trên, ông Tề Tân lại viện dẫn những chứng cứ sau đây lấy trong sử sách Tàu chép về những đời Đường, Tống, Nguyên, Minh và Thanh.

Trong cuốn *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhĩ Quát có chép rằng về đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ 5 (Công nguyên 789) Trung Quốc đặt Quốc Phủ ở Quỳnh Sơn và ở phía Đông Hải Nam có Thiên Lí Trường Sa và Vạn Lí Thạch Sàng (có lẽ là Thạch Đường) và khỏi đó là biển cả mênh mông, trời biển một màu, tàu bè qua lại phải dùng kim chỉ nam và ngày đêm phải giữ gìn cẩn thận nếu không lỡ ra có thể nguy hại cho tính mạng. Theo ông Tề Tân, Thiên Lí Trường Sa và Vạn Lí Thạch sàng nói đến trong câu trên là những Quần đảo trên biển Nam Hải của Trung Quốc.

Trong cuốn *Tống Sử Ký Sự Bản mật*, quyển 188, chương I nhan đề Nhị Vương chi lập, có chép như sau: “Nguyên tướng Lưu Sâm tấn công nhà vua ở Vĩnh Thiển (Thiến Loan), Trương Thế Kiệt đánh không lại, phò tá nhà vua chạy đi núi Tú (Tú Sơn) đến Vụng Tinh (Tĩnh Áo), Nguyên tướng Lưu Sâm đánh đến Vụng Tinh (Tĩnh Áo), nhà vua chạy ra eo biển Tạ Nữ (Tạ Nữ Hiệp), rồi ra biển đến Thất Lí Dương, có ý muốn qua Chiêm Thành, nhưng không xong”. Theo ông Tề Tân, Thất Lí Dương tức là Tây Sa Quần đảo.

Trong *Nguyên Sử*, quyển 162, có truyện Sử Bật trong đó có chép rằng về đời Nguyên, niên hiệu Chí Nguyên. Năm 29 (Công nguyên 1292) tháng Chạp, Sử Bật cùng với 5.000 người hợp quân xuất phát đi Tuyên Châu (lúc đó gió to sóng mạnh, thuyền bè trôi tròng trành, sĩ tốt mấy ngày không ăn uống được, qua khỏi Thất Châu Dương, Vạn Lí Thạch Đường tới địa giới của Giao Chỉ và Chiêm Thành). Thất Châu Dương, Vạn Lí Thạch Đường theo ông Tề Tân là chỉ Tây Sa và Nam Sa Quần đảo.

Về đời Minh, có Mao Nguyên Nghi soạn sách *Vũ Bị Chí* trong đó có chép rằng đời Minh từ năm thứ 3 niên hiệu Vĩnh Lạc, đến năm thứ 5 niên hiệu Tuyên Đức (Công nguyên 1405 đến 1433) Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây Dương đã từng qua Vạn Lí Thạch Đường. Vạn Lí Thạch Đường tức là Nam Sa Quần đảo, trên Quần đảo này nơi cao nhất đã đào bới được thứ tiền đồng

niên hiệu Vĩnh Lạc. Theo ông Tề Tân, điều này chứng tỏ cách đây hơn 500 năm, đã có người Trung Quốc trú cư ở đó rồi. Lại nữa, cho tới ngày nay, trong Tây Sa Quần đảo và Nam Sa Quần đảo vẫn còn giữ lại những danh xưng Tuyên Đức Quần đảo và Vĩnh Lạc Quần đảo.

Đời Thanh, niên hiệu Quang Tự năm 28 (Công nguyên 1904) tháng 4, chính phủ nhà Thanh có phái Thủy sư Đề đốc là Li Chuẩn điều khiển ba chiếc quân hạm Phục Ba tới các đảo trên biển Nam Hải điều tra tình hình và thượng cờ Hoàng Long trên đó, lại dựng cả bia đá nữa.

Những sự việc này cũng thấy có chép trong những cuốn *Hải Quốc Kiến Văn Lục* và *Li Chuẩn Tuần Hải Kí*. Đến niên hiệu Tuyên Thống năm thứ ba (năm 1911) ở tỉnh Quảng Đông có xuất bản một cuốn địa đồ trong đó có nêu rõ các đảo trên biển Nam Hải là một bộ phận tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Ông Tề Tân lại dẫn chứng đảo Y Tu A Ba mà nay là Trung Quốc đặt tên cho là Thái Bình đảo là phiên âm của thổ ngữ dân Quỳnh Nhai thuộc Hải Nam.

Sau hết, ông Tề Tân đã trích dẫn câu sau trong bản Tục hiệp nghị Trung - Pháp - Việt Nam điều tra về việc phân định địa giới như sau:

“Quảng Đông giới vụ kinh lương quốc khâm giới đại thần khâm định biên giới chi ngoại. Mang Nhai Di Đông cập Đông Bắc Nhất Đới sở hữu vị định chi xứ quân qui Trung Quốc quản hạt.”

Theo ông Tề Tân, căn cứ vào hiệp nghị đó thì các đảo trên biển Nam Hải (hay Đông Hải), gồm cả Tây Sa lẫn Nam Sa Quần đảo đều thuộc về Trung Quốc vì lẽ các Quần đảo đó đều ở xa về phía Đông giới tuyến như được qui định bên trên.

Dựa vào những dữ kiện trên, mà tác giả coi là những chứng cứ lịch sử, tác giả kết luận rằng những Quần đảo Tây Sa và Nam

Sa cổ lai vẫn thuộc về Trung Quốc như đã được ghi chép một cách không dứt từ Hán đến mãi đời Thanh.

Kể tới tác giả lại tóm lược như sau những luận cứ mà tác giả cho là của Nam Việt Nam đã đưa ra để chứng minh cho chủ quyền của Việt Nam đối với Quần đảo Tây Sa và Nam Sa:

1) Vào đầu thế kỉ thứ XIX, Vua An Nam (sic) phái hải quân tới khai phá Quần đảo Paracels (sic).

2) Sau đó, vào khoảng những năm 1920 - 1930 nước Pháp đã phái những phái đoàn khoa học tới đó, đồng thời xác nhận địa phương đó thuộc Pháp.

3) Từ năm 1932 đến nay vẫn có quân đội Nam Việt đồn trú ở đó và thiết lập những đài khí tượng.

4) Lại nữa về năm 1951, tại Hội nghị Cựu Kim Sơn, đại biểu Nam Việt (sic) đã xác nhận chủ quyền đối với các đảo dự bị tranh chấp đó mà không có sự dị nghị gì cả đối với lời xác nhận trên.

Theo tác giả những luận cứ trên không sao đứng vững được, là vì những lí do như sau:

a) Mãi tới đầu thế kỉ thứ XIX, vua An Nam (sic) mới phái hải quân đến đảo Tây Sa nhưng Trung Quốc từ trước thế kỉ thứ XIV đã từng có ngư dân đến sống ở đó.

b) Hồi trước Đế nhĩ thế chiến (năm 1939 - 1945) một số đảo dự thuộc Quần đảo Tây Sa đã từng bị Pháp xâm chiếm, sau đó lại bị Nhật Bản chiếm cứ, nhưng sau chiến tranh thế giới lần thứ II kết thúc, Quần đảo Tây sa cùng các đảo khác trên biển Nam Hải đã được chính phủ Trung Quốc đương thời tiếp thu rồi...

c) Tại Hội nghị Cựu Kim Sơn, sở dĩ Trung Quốc không đưa ra lời dị nghị nào là vì Trung Quốc không hề tham dự hội nghị đó. Tuy nhiên, ngày rằm tháng tám 1951, Chu Ân Lai lúc đó làm Ngoại trưởng của Trung Quốc đã có lên tiếng thanh minh

về bản thảo án Hòa ước của Mĩ Anh đối với Nhật Bản, và cả về Hội nghị Cựu Kim Sơn nữa, đồng thời lại nhấn mạnh rằng Quần đảo Tây Sa và đảo Nam Uy cũng như Quần đảo Nam Sa, Đông Sa đều thuộc về lãnh thổ Trung Quốc. Vậy hiển nhiên là vào thời đó, Trung Quốc đã có tiếng kháng nghị. Còn như việc Pháp đã từng xâm chiếm những đảo dư trên và việc Nhật Bản hồi thế chiến thứ hai đã chiếm cứ những đảo dư đó, đều là những hành vi phi pháp cả. Và lại, chính phủ Trung Quốc thời đó đã tức thời đưa ra lời kháng nghị Pháp. Việc nước Pháp xâm chiếm trong một thời gian ngắn, chưa đầy 10 năm, không phải là một lí do chính đáng để cho Việt Nam kế thừa Pháp, nhất là những dư đảo trên bị Nhật chiếm cứ một thời gian đã được Trung Quốc tiếp thu sau khi thế chiến thứ hai kết thúc.

Sau hết, tác giả bài chủ quyền các đảo trên biển Nam Hải và Trận giao chiến ở Quần đảo Tây Sa lại dẫn ra làm bằng chứng chủ quyền Trung Quốc đối với Quần đảo Tây Sa và Nam Sa, một số bản đồ của Anh, Mĩ, Nga và Italia đã phát hành vào những năm từ 1953 đến 1973.

Bên trên là những chứng cứ lịch sử đã được dẫn ra để biện minh cho chủ quyền của Trung Quốc trên hai Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa mà chúng tôi đã trình bày hết sức chi tiết và xác thực. Dưới đây chúng tôi cũng sẽ chỉ giới hạn trong phạm vi lịch sử để hết sức khách quan và vô tư xem xét những chứng cứ đó, mặc dầu hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đời vẫn và sẽ mãi mãi thuộc về lãnh thổ Việt Nam, bất chấp cuộc xâm lăng mới đây của Trung Quốc.

Ông Tề Tân đã trích dẫn một câu có liên quan đến Quần đảo Tây Sa của Trung Quốc, theo ông đã thấy có chép trong cuốn *Dị Vật Chí* của Dương Phu sớm về đời Đông Hán. Đánh rằng câu đó có nói tới Quần đảo người Việt Nam thường gọi là Quần đảo Hoàng Sa mà người Tàu gọi là Tây Sa Quần đảo nhưng không có ở đó chi tiết nào xác nhận là của Trung Quốc cả. Trái

lại, có vài điểm đủ chứng tỏ Quần đảo đó thuộc lãnh thổ cố hữu của Việt Nam. Trước hết, cuốn *Dị Vật Chí* của Dương Phu không phải là một tác phẩm đời Đông Hán. Theo *Đường Thư Nghệ Văn Chí*, cuốn đó có nhan đề đầy đủ là *Giao Châu Dị Vật Chí* và là một tác phẩm đời Đường. Do hai chữ Giao Châu và do ý nghĩa của nhan đề (*Dị Vật Chí*), Quần đảo được miêu tả với đặc tính là có nhiều từ thạch chính là Quần đảo Hoàng Sa của Giao Châu, tức là của Việt Nam đời Đường vậy? Những người ngoại quốc cưỡi thuyền lớn có đóng chốt sắt được nói tới trong câu trích dẫn, tất nhiên không phải là người Giao Châu, nhưng phải là những thương nhân ngoại quốc, người Ả Rập, người Ấn Độ hay người Trung Quốc.

Dù cho sách nào khác sớm chép từ đời Đông Hán về những sự việc đã dẫn trên thì Quần đảo Hoàng Sa vẫn được coi là thuộc chủ quyền cố hữu của dân tộc Việt Nam. Thật thế, ngay từ lâu, trước thời Đông Hán, vùng Quảng Đông gồm cả đảo Hải Nam đã thuộc bờ cõi Việt Nam rồi. Theo sử sách Việt Nam cũng như sử sách Trung Quốc, năm 214 trước Công nguyên, Tần Thủy Hoàng sai Tướng Đồ Thư đem quân sang đánh lấy Bách Việt, rồi chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận. Người bản xứ ở nước Bách Việt không chịu được người Tàu cai trị, đã trốn vào rừng, ở đó được ít lâu nổi lên giết được Đồ Thư. Năm 208, Triệu Đà đem quân đánh lấy Âu Lạc, sáp nhập nước này vào quận Nam Hải để thành lập nước Nam Việt; đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng Châu bây giờ. Năm 111 trước Công nguyên, Vua Vũ Đế nhà Hán sai Lộ Bác Đức sang đánh lấy nước Nam Việt, rồi cải ra là Giao Chỉ bộ trong đó có hai quận Châu Nhai và Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam bây giờ), xem vậy Quảng Đông, Quảng Tây và Hải Nam về địa lý cũng như về nhân chủng không hề thuộc Trung Quốc trước đời Tần.

Đến cả câu phú của Bảo Chiếu đời Nam Bắc triều cũng không có gì ám chỉ tới chủ quyền của Trung Quốc đối với các

hòn đảo trên biển Nam Hải, kể cả Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Danh từ Trường Hải là biệt xưng của biển Nam Hải nhưng lại cũng có nghĩa là phần biển Nam Hải ở vào 50 hải lý phía Nam Hải Phòng huyện tức là Kim huyện về thời cận đại thuộc Quảng Đông, lại nữa phần biển Nam Hải ở gần đó mà Chu Khứ Phi đời Tống cũng gọi là Giao Chỉ Dương (20 độ bắc vĩ tuyến đến 15 độ bắc vĩ tuyến).

Ông Tề Tân lại viện thêm cả chứng cứ trong cuốn *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhĩ Quát đời Tống, mà ông đã dẫn sai là *Triệu Nhĩ Thích*. Chứng cứ đó là câu sau: “Về đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ 5, nhà Đường đặt Đốc phủ ở Quỳnh Sơn”. Trước câu đó có đoạn tiền văn như sau, rất tiếc đã không được ông Tề Tân trích dẫn:

“Hải Nam tức là Chu Nhai, Đạm Nhĩ đời Hán vậy. Vua Vũ Đế bình xong Nam Việt, sai sứ xuất phát ở Từ Văn (nay là Lô Châu Từ Văn huyện), vượt biển sang chiếm cứ đất của địch quân, đặt ra hai quận Chu Nhai, Đạm Nhĩ, Chiêu Đế (năm 86 - 73 trước Công nguyên) phế bỏ Đạm Nhĩ, sáp nhập vào quận Chu Nhai. Nguyên Đế, chiếu theo lời tấu nghị của Giả Quyên Chi bãi bỏ Chu Nhai, mãi tới đời Lương (năm 502 - 527 sau Công nguyên) và đời Tùy (năm 589 - 618) mới đặt lại. Đời Đường, Trinh Quán nguyên niên, lại chia ra làm ba châu Nhai, Đạm và Chấn thuộc đạo Linh Nam. Đến năm thứ 5 (năm 631) Quỳnh Sơn ở Châu Nhai được đặt thành quân khu, và Vạn An huyện được đặt thành châu, nay là quân khu Vạn An, còn Đạm và Chấn, thời đó cũng như nay, trở thành quân khu Cát Dương và quân khu Xương Hóa. Năm thứ 5, niên hiệu Trinh Nguyên 789, Quỳnh Sơn được đặt làm Đốc phủ cho tới nay.” Theo đoạn vừa trích dẫn có những điều đáng chú ý, nhưng đã bị bỏ quên:

1) Hải Nam không phải là lãnh thổ cố hữu của Trung Quốc, nhưng của Việt Nam đã bị Trung Quốc chiếm đoạt.

2) Nhân dân Hải Nam giống người Lê luôn luôn nổi lên

chống đối ách thống trị của Hán tộc, mãi tới đời Đường trở đi, sau khi đặt ra quân khu mới tạm yên.

3) Trong *Chư Phiên Chí*, tuy có nói tới Thiên Lí Trường Sa (thuộc Quần đảo Hoàng Sa chứ không phải là Trường Sa của Việt Nam, mà người Tàu nay gọi là Nam Sa) và Vạn Lí Thạch Sàng, nhưng không thấy có chi tiết nào nói rõ những đảo dư đó thuộc quản hạt của Hải Nam. Cả đến Thất Lí Dương thấy có chép tới trong *Tổng sử ký sự bản mật*, quyển 188, chương I, do ông Tề Tân dẫn ra, tuy là một biệt xưng của đảo Hoàng Sa về đời Tống, nhưng trong sử liệu trên không có chỗ nào chép rằng Thất Lí Dương thuộc lãnh thổ Trung Quốc đời Tống.

Trong truyện *Sử Bất* đời Nguyên, có chép đến Thất Châu Dương và Vạn Lí Thạch Đường, mà ông Tề Tân đã vịn vào đó để chủ trương Thất Châu Dương và Vạn Lí Thạch Đường là Tây Sa và Nam Sa Quần đảo. Nhưng theo Groeneveldt dịch truyện *Sử Bất* ra tiếng Anh thì Thất Châu Dương là Quần đảo Paracels, tức là Quần đảo mà Trung Quốc mệnh danh là Tây Sa Quần đảo và Vạn Lí Thạch Đường tức là *Macclesfield bank*, tức là Đảo Dư được Trung Quốc mệnh danh là Trung Sa Quần đảo.

Về tích Trịnh Hòa bảy lần “hạ Tây Dương” theo ông Tề Tân lại đã từng qua Vạn Lí Thạch Đường, thiết tưởng cần thêm vài chi tiết như sau, ngõ hầu làm sáng tỏ vấn đề này:

Từ năm 1405 đến năm 1421, Vua Minh Thành Tổ đã phái Trịnh Hòa sáu lần tới Tây Dương và tận vùng Nam Dương, Ấn Độ và Ba Tư để “tuyên dương uy đức” của nhà Minh. Năm 1424, Vua Nhân Tông nhà Minh hạ lệnh ngưng cuộc thám hiểm biển Nam Hải và trao cho Trịnh Hòa sứ mạng bảo vệ Nam Kinh. Đến năm 1430, Vua Tuyên Tông nhà Minh mới lại phái họ Trịnh xuống Tây Dương lần thứ bảy, tức lần cuối cùng. Bên trên đã nói mục đích những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa là để tuyên dương uy đức nhà Minh, nhưng về thực tế *uy đã thắng đức*. Thực tế, mỗi lần xuống Tây Dương, họ Trịnh thống suốt mấy

vạn quân và hơn trăm chiếc hải thuyền, lần quan trọng nhất có đến ba trăm chiếc thuyền và ngót ba vạn quân. Vua chúa các tiểu quốc nào ở châu Á từ chối không triều cống nhà Minh tất bị đe dọa, khủng bố, và có khi lại bị giải về triều đình Trung Quốc để chịu tội, tí như một ông vua ở Tích Lan cũng đã lâm vào cảnh đó. Đi đến đâu, hải quân của họ Trịnh cũng dựng bia kỉ niệm hành động xâm lược của họ, tí như ở Tích Lan hiện còn một tấm bia của chúng khắc bằng ba chữ Hán, *Ta Mun* và *Ba Tư*; ngoài mục đích nắm quyền kiểm soát Nam Hải và Ấn Độ Dương, quân Minh lại theo đuổi mục đích nữa là để giao dịch buôn bán với các nước ở Đông Nam Á. Dĩ nhiên là “công đức” đó là của họ Trịnh đã được Hoa kiều các nước liên hệ ca tụng, ghi nhớ, bởi vậy nhiều nơi đã thấy có dựng đền thờ Trịnh Hòa, như ở Thái Lan và ở bến Samarang thuộc Java. Ở Malaca còn có cái giếng được đặt tên là *giếng Tam Bảo Công*, Tam Bảo Công tức là chức *Tam Bảo Thái giám* vua nhà Minh đã ban cho Trịnh Hòa năm 1431, và ở Đài Loan có một thứ gừng được mệnh danh là *gừng Trịnh Hòa*. Ngoài ra, ở Trung Quốc lại có những cuốn tiểu thuyết và những kịch đã được soạn ra để đề cao công đức họ Trịnh. Tuy nhiên, theo sự phân xét của nhiều sử gia, trong đó có J.V.G. Mills, dịch giả tiếng Anh cuốn *Doanh Nhai Thắng Lâm* của Mã Hoan, đã phải nhìn nhận ngay ở Trung Quốc, sau đời Trịnh Hòa không còn mấy người nhớ tới những cuộc viễn chinh nói trên nữa, và chính những cuộc viễn chinh đó, cũng không hề được dân chúng Trung Hoa coi là đóng góp đáng kể vào vinh quang thuở xưa của Trung Quốc. Điều này kể ra cũng dễ hiểu, vì bảy lần xuống Tây Dương của họ Trịnh chẳng qua chỉ là những cuộc xâm lăng trá hình của nhà Minh mà thôi. Lại cần thêm rằng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh chỉ giới hạn dưới triều Vĩnh Lạc, và hết đời vua Thành Tổ cũng chấm dứt thời kì oanh liệt của nhà Minh. Quân Minh mất dần nhuệ khí và bắt đầu thấy chớm nở trong nhân gian Trung Quốc những tư tưởng chán ghét và phản đối chính sách quân phiệt cùng chủ nghĩa bành trướng của nhà Minh. Chính do lẽ đó và do nhiều

sự thất bại liên tiếp, Vua Nhân Tông nhà Minh đã phải tạm ngưng các cuộc viễn chinh ở hải ngoại. Ngay ở Việt Nam thời đó, lực lượng quân sự của nhà Minh cũng rất bị khốn đốn trước sức phản công anh dũng của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Lê Lợi, thậm chí trong năm 1425, quân ta đã đánh cướp được 300 chiếc thuyền lương của quân Minh từ biển tới, và sau đó, với nhiều trận đại thắng của quân ta, quân nhà Minh đành phải triệt thoái khỏi nước ta vào năm 1427 là năm Bình Định Vương Lê Lợi dẹp xong giặc Minh, đem lại giang sơn cho nước nhà.

Với những trường hợp lịch sử đó, chẳng biết quân đội viễn chinh của Trịnh Hòa có đến Việt Nam đương thời không hay chỉ đến địa hạt của Chiêm Thành thôi. Riêng về vùng biển Nam Hải tương đương với vị trí địa lí của Quần đảo Hoàng Sa ngày nay, vốn nằm trên hải đảo Hương Cảng - Tân Gia Ba. Tất nhiên là đội quân viễn chinh không thể qua đó được, nhất là vì đã có tới Chiêm Thành. Tuy nhiên, vẫn còn vài nghi vấn liên quan đến những điều mà ông Tể Tân đã chép trong cuốn *Vũ Bị Chí* của Mao Nguyên Nghi.

Theo như ông Tể Tân đã cho biết, trong cuốn sách trên, có chép về việc Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây Dương và đã từng qua Vạn Lí Thạch Đường, mà ông đã cho là Nam Sa Quần đảo, tức là Quần đảo Trường Sa ngày nay của Việt Nam. Mao Nguyên Nghi quả có soạn cuốn *Vũ Bị Chí*, gồm có tất cả 64 quyển, tuy có đề tựa vào năm 1621, nhưng mãi tới năm 1628 mới được dâng lên Vua nhà Minh, và sau đó, mới được khắc in để lưu hành. Hiện nay chỉ còn giữ được một cuốn duy nhất có bản đồ Á châu hồi thế kỉ XV, hiện được tàng trữ ở Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Library of Congress) tại Hoa Thịnh Đốn, bản đồ này thấy được in trên 40 trang. Ngoài bản đồ này chỉ thấy trong cuốn *Vũ Bị Chí* ở Hoa Kỳ, nghe đâu có một bản đồ nữa, so với bản đồ trên, nội dung có khác và giá trị kém xa, nhưng chữ Hán ở đó đọc rõ hơn nhiều. Đó là bản đồ thấy trong cuốn *Vũ Bị Bí Thư* (năm 1800) của Thi Vinh Đồ cũng là tác giả của cuốn *Hải Vận Yếu Lược*

(1840), theo kiến giải của J. V.G.Mills và J.J.L. Duyvendak, tác giả cuốn *Ma Huan reexamined* (năm 1933) thì có thể Mao Nguyên Nghi đã căn cứ vào một bản đồ của ông nội mình là Mao Khôn (năm 1511 - 1601), vốn là người cùng soạn cuốn *Trù Hải Đồ Biên* (năm 1562) với Trịnh Nhựt Thăng, và lại đã để tựa cho cuốn sách đó. Bản đồ của Mao Khôn tuy vẽ được đã hơn 100 năm sau cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa, nhưng hình như đã căn cứ vào những tài liệu đã được thu thập trong cuộc viễn chinh của họ Trịnh. Trên bản đồ đó, duy chỉ thấy những danh xưng *Thạch Đường*, *Vạn Sinh Thạch Đường Dư* và *Thạch Tinh Thạch Đường*.

Theo sự giải thích đáng tin cậy của Mills thì Thạch Đường tức là ám tiêu Quần đảo Paracels (Paracels Reefs), Vạn Sinh Thạch Đường Dư tức là Quần đảo Paracels (Paracels Island) còn Thạch Tinh Thạch Đường tức là danh xưng của Macclesfield Bank trên bản đồ của Mao Khôn. Như vậy, trong bản đồ trên không thấy có danh xưng Vạn Lí Thạch Đường, mà ông Tể Tân đã cho là tương đương với Nam Sa Quần đảo.

Ngoài cuốn *Vũ Bị Chí* của Mao Nguyên Nghi còn có một tài liệu nữa liên quan tới những cuộc viễn chinh của Trịnh Hòa. Đó là cuốn *Doanh Nhai Thắng Lâm* của Mã Hoan. Mã Hoan vốn có đôi chút kiến thức về tiếng Ả Rập, Ba Tư, làm thông dịch viên cho Trịnh Hòa những lần viễn chinh thứ 4 (năm 1413 - 1415) thứ 6 (năm 1421 - 1422) và thứ 7 (năm 1431 - 1433).

Trong cuốn *Doanh Nhai Thắng Lâm*, về lần viễn chinh thứ 7 có trích rằng trong chuyến đi Hormuz (Ba Tư), quân đội viễn chinh của Trịnh Hòa đã đến Chiêm Thành (địa hạt Qui Nhơn ngày nay) vào ngày 27-11-1432, chuyến trở về Bắc Kinh ngày 28-5-1433 đã đến Côn Lôn Dương (vùng biển Nam Hải xung quanh Poulo Condor) ngày 10-6-1433 đã đến Ch'ih K'an (Kega), ngày 13-6-1433 lại đến Chiêm Thành (Qui Nhơn) nghỉ ở đó cho tới ngày 17-6-1433, lại lên đường và đến ngày 19-6-1433 thì đến Wai Lo Shan (Ngoại La Sơn tức cù lao Ré). Ngoại giả không

thấy nói tới *Vạn Lí Thạch Đường* gì cả. Vả lại, Vạn Lí Thạch Đường đâu có phải là Nam Sa Quần đảo, như ông Tề Tân đã nhận định. Như bên trên đã nói, theo Groeneveldt, Vạn Lí Thạch Đường tức là một biệt xưng của *bãi cồn Macclesfield* (Macclesfield Bank) và kiến giải này cũng được những nhà khảo cứu có uy tín như Friedrich Hirth và W. W. Rockhill đã xác nhận.

Trong bài tựa cuốn *Chỉ Nam Chính Pháp* vào cuối đời Khang Hi cũng thấy chép về Vạn Lí Thạch Đường và cả về Vạn Lí Trường Sa nữa như sau:

“Nhược quá Thất Châu, tham đông thất canh, tác kiến Vạn Lí Trường Sa... sử nhất nhật kiến Ngoại La đối khai. Đông thất canh tiện thị Vạn Lí Thạch Đường...”

Theo như được chú thích trong cuốn *Lương Chứng Hải Đạo Châm Kinh* của Trung Hoa thư cục ấn hành năm 1961 tại Bắc Kinh, trong đó được giới thiệu cuốn *Thuận Phong Tương Tổng* và cuốn *Chỉ Nam Chính Pháp* thì Vạn Lí Thạch Đường và Vạn Lí Trường Sa được coi là Nam bộ và Bắc bộ của Tây Sa Quần đảo (tức là Quần đảo Trường Sa của Việt Nam), lời chú thích nguyên văn như sau:

“Vạn Lí Thạch Đường: Tự An Nam, Tân Châu cảng ngoại hiệu bôi dư bắc thất canh hoặc tòng Ngoại La tham đông, câu khả chí Vạn Lí Thạch Đường, tức tại kim Việt Nam Bình Định đông bắc, phả nghi thử tức kim Tây Sa Quần đảo chi Nam bộ” (từ hải cảng Tân Châu của An Nam ra ngoài khơi cách hiệu bôi dư 7 canh về phía Bắc, hoặc từ Ngoại La đi về phía Đông, đều có thể đến được Vạn Lí Thạch Đường tức là ở phía Đông Bắc Bình Định Việt Nam ngày nay. Rất ngờ đó là Nam bộ Tây Sa Quần đảo ngày nay).

Vạn Lí Trường Sa: “Tại Hải Nam đảo Đông Nam Đại Châu Đầu nam chỉ thất canh thử dương thì Tây Sa Quần đảo chi bắc bộ”. (Ở đông nam đảo Hải Nam chỉ cách phía sau Đại Châu Đầu có 7 canh, đó phải là Bắc Bộ Tây Sa Quần đảo).

Ngoài ra lại thấy chú thích về Tân Châu cảng và Ngoại La như sau:

Tân Châu cảng: Chiêm Thành quốc đô cảng khẩu tức kim Việt Nam chi Qui Nhơn thuộc Bình Định tỉnh (*Cảng Tân Châu là cửa biển nước Chiêm Thành, tức Qui Nhơn Việt Nam ngày nay thuộc tỉnh Bình Định*).

Ngoại La: Tại Việt Nam Tân Châu cảng ngoại, nhập Tân Châu cảng dĩ thử vì vọng sơn; Kim địa vô khảo (*Ở phía ngoài cảng Tân Châu Việt Nam, vào cảng Tân Châu lấy đó làm vọng sơn, ngày nay thuộc nơi nào không khảo cứu được*). Xem đó, Vạn Lí Thạch Đường và Vạn Lí Trường Sa mà ông Tể Tân đã đề cập không phải là địa điểm tương đương với Quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Lại có điểm đáng lưu ý là có nhiều sự dè dặt trong những lời chú thích của soạn giả cuốn *Lương Chủng Hải đạo Châm Kinh* về những địa điểm có liên quan tới vùng Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam cũng như vùng duyên hải Việt Nam và Chiêm Thành, như đã chứng tỏ những danh từ “*phả nghĩ*” (rất ngờ), “*vô khảo*” (*không khảo cứu được*)... Vậy thiết tưởng ta có quyền nghĩ rằng đó là những lời thiếu chính xác của những ngoại nhân bàn suông tới những địa điểm không thuộc về lãnh thổ của nước họ.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận một trong những nguyên nhân chính yếu, khiến Trung Quốc đã có cái thái độ sỗ sàng như vậy đối với lãnh thổ Việt Nam, là vài điều bất hạnh lịch sử đã xảy ra cho dân tộc Việt thuở xưa. Dân tộc Việt Nam đã từng bị người Tàu đô hộ trong hơn 1.000 năm và chịu ảnh hưởng của họ rất sâu xa về nhiều phương diện. Riêng về đường văn tự chữ Hán, ngay cả sau khi dân tộc Việt Nam đã lấy lại được nền tự chủ về chính trị, vẫn được coi làm thứ chữ của chính phủ lại được dùng để biên soạn sách vở, đặc biệt là những sách về lịch sử, địa lí Việt Nam. Một kết quả là hầu hết nhân danh, địa danh Việt Nam, là những danh từ chữ Hán. Thứ tới một số sách lịch sử địa lí Việt Nam đầu tiên đã bị thất truyền.

(...) Từ đầu Công Nguyên, mọi sự giao vãng giữa Trung Quốc và hải ngoại đều lấy Giao Chỉ làm chung điểm rồi từ đó chuyển tới Giao Châu (huyện Thương Ngô, tỉnh Quảng Tây ngày nay). Sau khi Vũ Đế nhà Hán bình xong Việt Nam, đặt ra chín quận *Nam Hải, Thương Ngô, Hợp Phố, Uất Lâm, Chu Nhai, Đạm Nhĩ, Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam*, Giao Chỉ đã trở nên vô cùng trọng yếu. Nhưng đến thế kỉ thứ 7, Giao Châu bị Quảng Châu đoạt mất ưu thế, và đến thế kỉ thứ 9, người Đại Thực tức là người Ả Rập ngày nay cũng đến cập ở bến Quảng Châu. Từ năm 968 trở đi, sau khi Việt Nam giành lại được nền độc lập, Quảng Châu thay thế Giao Chỉ làm chung điểm cho sự giao vãng Trung Ấn, Hợp Phố đã làm môn hộ cho sự giao thông Trung ngoại bằng đường biển trong thời kì Hán Đường, nhưng từ Đường Tống trở đi thương nhân ngoại quốc đều lấy Quảng Phủ làm môn hộ. Riêng thương nhân Ả Rập lại tôn xưng Quảng Phủ là *Tân Khai Lan* (Sirkalan) ngụ ý đó là đất của Đại Trung Quốc.

Tiếp hai tài liệu trên của hai học giả Trung Quốc, thiết tưởng cũng nên trích dẫn ra đây mấy đoạn sau trích ở một cuốn sách khảo cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam của người nước mình, cuốn *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Giáo sư Nguyễn Lang⁽¹⁾. Ngoài hai trung tâm Phật giáo ở Trung Hoa đời Hán còn có một trung tâm Phật giáo khác rất quan trọng ở Giao Chỉ tức Việt Nam bây giờ, đó là *trung tâm Luy Lâu*; Luy Lâu là lỵ sở của Giao Chỉ thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

“Trung tâm Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những tăng sĩ Ấn Độ. Các vị tăng sĩ này tới Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng trước khi các vị tăng sĩ Ấn Độ tới Việt Nam các thương gia Ấn Độ cũng

(1) Nhà xuất bản Văn học tái bản toàn bộ 3 tập, Hà Nội, 1994, Nguyễn Lang là một biệt danh của Thiền sư Thích Nhất Hạnh (sinh năm 1926) hiện ở Pháp. (BT)

đã tới Việt Nam và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật giáo tới xứ ta. Hồi bấy giờ (đầu kỉ nguyên) Ấn Độ đã có liên hệ thương mại trực tiếp với Trung Đông và gián tiếp với các nước vùng Địa Trung Hải. Đế quốc La Mã tiêu thụ rất nhiều vàng, lụa, hương liệu, trầm, quế, tiêu, ngà voi, châu ngọc. Để có đủ hàng cung cấp cho thị trường ấy, các thương gia Ấn Độ đã dong thuyền đi mãi về biển Đông. Những thương thuyền này theo gió mùa Tây Nam đi về Đông Nam Á tới bờ biển Mã Lai, Phù Nam và Giao Chi. Thương gia Ấn Độ phải ở lại đây cho đến năm tới, chờ gió mùa Đông Bắc để trở về Ấn Độ. (...)

Trong các chuyến đi xa hàng năm, với nhiều tháng lênh đênh trên biển cả như thế, các thương gia Ấn Độ cũng thờ cúng và cầu nguyện các Đức Phật và các vị Bồ Tát hộ trì cho trời yên biển lặng và mọi sự yên lành. Các thương thuyền này thì Đức Quan Âm và Đức Nhiên Đăng (Dipankara) được nổi tiếng là những vị che chở cho thủy thủ được an lành ngoài biển khơi. Cũng trong mục đích cầu nguyện và cúng dường Tam Bảo, họ thỉnh theo thương thuyền một vị tăng sĩ. Chính những vị tăng sĩ đi theo thương thuyền này sẽ lập nên *trung tâm Phật giáo Luy Lâu tại Giao Chi*." (Nguyễn Lang - *Việt Nam Phật giáo sử luận*).

Xem đó, từ đầu Công nguyên cho tới khoảng thế kỉ XII, sự giao thông trên biển Đông hải đã do người Ả Rập, Ba Tư và Ấn Độ chia nhau thao túng. Người Trung Hoa chỉ có một mơ kiến thức mơ hồ về những xứ có thổ sản được chuyên chở bằng đường biển tới Trung Quốc để bán ở đó. Thậm chí trong sử sách của họ từ cuối thế kỉ thứ IV cho tới đầu thế kỉ thứ VII như *Tống Thư*, *Ngụy Thư* và *Tùy Thư* thường thấy có nhiều điều chép sai. Tỉ dụ những thổ sản các xứ Ấn Độ, Trung Quốc, Ả Rập, Ấn Độ và cả đông hải ngạn Phi châu lại bị chép lẫn là những thổ sản của Ba Tư.

Phần nhiều những sách địa chí và hàng hải trên đã được soạn ra theo phương pháp của soạn giả cuốn *Đông Tây Dương khảo*, nghĩa là được soạn ra với những điều hỏi những khách

viễn phương gặp được ở các bến tàu mà biết được. Bởi vậy, trong đó thấy có nhiều sai lầm, mặt khác người Trung Hoa vốn có cái sinh đặt tên Tàu cho địa điểm đối với họ. Tỉ dụ trên bản đồ của Mao Khôn, Kuala Lumpur đã được mệnh danh là Kal Lung Po (*Cát Long Phố*) nghĩa là bến Cát Long, cù lao Ré được gọi là Wai lo Shan (*Ngoại La Sơn*). *Đảo Hòn lớn* (12, 10 độ Bắc vĩ tuyến) ngoài khơi Trung bộ được đặt tên là Lo han hsu (*La Hán Dư*), tên này lại cũng được dùng để chỉ hòn đảo Lima ở cực đông eo biển Singapore.

Một thí dụ điển hình về sự lạm dụng tên Tàu để chỉ địa điểm ngoại quốc là Panrang (nay là Phan Rang) một xứ Chăm đã được người Tàu đặt cho ít nhất là 9 tên Tàu, trong số đó thông dụng nhất là *Pin tung lung* đã thấy trong cuốn *Chư Phiên Chí* của Triệu Nhữ Quát. Hai nhận xét đã đưa ra bên trên cùng mấy thí dụ vừa viện dẫn khiến người ta phải hoài nghi về cái danh xưng của đảo *Y Tu A Ba* mà ông Tể Tân cho là phiên âm ở thổ ngữ dân Quỳnh Nhai ra. Dù sao, *Y Tu A Ba* chắc chắn là một tên phiên âm ở một thứ tiếng không phải là tiếng Tàu, nên đã không được Trung Quốc giữ lại.

Mặt khác đảo danh *Y Tu A Ba* cùng mọi đảo danh khác như Thạch Đường, Vạn Lí Thạch Đường, Đoàn Sa Quần Tiêu... Người Tàu đã tự ý đặt tên cho *Bãi Cát Vàng* và *Bãi Cát Dài muôn dặm* của Việt Nam chỉ là những tên do họ đặt ra để tiện nhận định vị trí những đảo đó trên bản đồ hàng hải của họ, nhưng khi phải qua những nơi đó mà thôi chứ đâu phải là những yếu tố quyết định khả dĩ biện minh được cho chủ quyền của Trung Quốc. Về cái tộ Tàu hóa địa danh cũng như đảo danh của Việt Nam, thiết tưởng cũng nên dẫn thêm ra đây một tang chứng cụ thể như sau: CỬA BẠN cũng gọi là CỬA BẢNG là cửa một cái lạch biển ở làng Du Xuyên, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Đứng ở chỗ *Cửa Bạn* này nhìn ra thấy có nhiều hòn núi xanh xanh, vôi vôi mọc ở ngoài khơi, trong số đó có hai hòn lớn hơn cả là *Hòn Biện* và *Hòn Bảng*. Hòn Biện ở gần cửa biển hơn, còn

Hòn Bàng thì ở xa đất liền. Sở dĩ có tên như vậy là vì hình thể vuông dài như cái bàng. Chung quanh Hòn Bàng có rất nhiều núi nhỏ la liệt, tục gọi là *Hòn Dọi, Hòn Nén, Hòn Hung*... Theo trong sách chép thì những hòn núi chung quanh Hòn Bàng, hòn thì tựa như hình người, hòn thì như người cấp tráp, hòn thì như người cấp sách, hòn như hình cây đèn, người bản thổ gọi là *chỗ học trò họp lại mà học*.

Nhà Minh đã kể Hòn Bàng là một trong số 21 ngọn danh sơn của nước Nam, sau sai người vẽ đồ bản đem về. Nhà Thanh thì gọi một nhóm những hòn ấy là *Thập Bát Mã*. Mặc dầu bị đặt tên Tàu như vậy, những hòn đảo chung quanh Hòn Bàng không vì thế mà không thuộc lãnh thổ Việt Nam nữa. Trái lại, dân chúng Việt Nam không hề để ý tới tên ngoại lai *Thập Bát Mã* của nhà Thanh đã tự ý đặt ra nữa mà chỉ biết đến những danh xưng Việt Nam *Hòn Bàng, Hòn Trò* cũng như họ chỉ thường biết đến những danh xưng Nôm *Bãi Cát Vàng, Bãi Cát Dài* của hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Có lẽ vì đã nhận thấy luận cứ “Lấy tên Tàu đặt cho đất Việt” quá yếu kém nên ông Chu Kiệt tác giả bài “*Nam Sa Quần đảo hòa Đông Tây, Trung Sa Quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ*”, đăng tải trong *Quang Minh nhật báo* số ra ngày 7-6-1956 đã cố đưa ra một luận cứ khác thoát nghe có vẻ là một chứng cứ lịch sử hơn. Trước hết, kí giả này đã dẫn ra một đoạn lấy trong cuốn *Tây Dương triều cống điển lục*. Ý nói ở Nam Áo lại đi 40 canh nữa (nguyên chú 60 dặm là 1 canh) thời đến *Độc Trư Sơn*, lại đi 10 canh nữa thời thấy *Thông Thảo dư*, tới được Ngoại La Sơn, lại đi 7 canh nữa thời đến *Thu Dương dư*, đi trăm dặm về phía Đông Bắc xứ đó là một cửa biển lớn gọi là *Tân Châu Cảng*. Đi bộ 100 dặm về phía Tây Nam hải cảng này thời là đô thành của nhà vua, gọi là Chiêm Thành, đá chồng chất làm nên, bốn phương có cổng, cổng lại có phòng vệ. Kế đến, họ Chu chú thích như sau: “Nam Áo là đảo Nam Áo ở vào nơi giao giới hải ngạn hai tỉnh Phúc Kiến và Quảng Đông; đi khỏi có 2.400 dặm về phía Tây Nam thời tới

Độc Tru Sơn. Ước chừng hơn 600 dặm tất cả thời đúng là vị trí đảo Vũ Đức thuộc Tây Sa Quần đảo. Ước chừng 180 dặm tất cả, thời là một hòn đảo nhỏ ở ngoài hải ngạn Trung bộ Việt Nam ngày nay. Hòn đảo đó gọi là Ngoại La Sơn tức là Cù lao Ré của Việt Nam hiện tại. Lại đi 420 dặm về phía Tây Nam thời đến Thu Dương Dư. Ước chừng 110 dặm nữa. Theo sự khảo chứng của nhà sử địa học Trung Quốc và ngoại quốc, thời đúng là đảo Pulo Gambier của Việt Nam ngày nay. Còn nơi gọi là Tân Châu Cảng tức là Qui Nhơn của Việt Nam hồi thế kỉ XV vốn là Quốc đô của Chiêm Thành và nay là Bình Định của Việt Nam. Năm xưa, Trịnh Hòa bảy lần xuống Tây Dương, đời lãnh hai vạn bảy nghìn sĩ tốt, thuyền lớn 62 cỗ, xuất phát từ Trung Quốc đến Chiêm Thành là quốc gia được cập bến đầu tiên và trước đó, thế tất đã phải qua Tây Sa và Trung Sa Quần đảo. Xem đó, đủ biết nước ta (tức là Trung Quốc) ngay từ sơ kì thứ XV đã sớm chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa Quần đảo rồi. Còn về Nam Sa Quần đảo, thời muốn tới Tô Lặc quốc (nay là đảo Tô Lặc của Philippines) và Bọt Nê quốc (tức là Gia Lí Ma Đinh của Anh đô nê xi a), tất nhiên phải qua đó như đã ghi chép trên bản đồ hàng hải của Trịnh Hòa. Lại nữa người nước ta (tức Trung Quốc) di dân đến Nam Dương, tất nhiên đã phải lấy Nam Sa Quần đảo làm một trạm trung gian và trên thực tế đã sớm chiếm hữu và khai phát.”

Đoạn trích lục ở cuốn *Tây Dương triều cống điển lục* cùng lời chú thích, hay nói cho đúng sự thật hơn, lời giải thích chủ quan về đoạn đó, trái hẳn lại với dụng ý của ông Chu Kiệt, đã không chứng minh được chủ quyền Trung Quốc đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Thực tế, mấy câu trong sách trên do kí giả họ Chu dẫn ra đều không có đề cập gì đến những đảo dư mà ngày nay Trung Quốc đặt tên cho là Tây Sa và Nam Sa Quần đảo. Còn những chi tiết về vị trí địa lí của đảo Vũ Đức, đảo Pulo Gambier và của Nam Sa Quần đảo chẳng qua chỉ là do ông ta phỏng đoán ra mà thêm thắt vào đó mà thôi.

Và lại, cuốn *Tây Dương triều cống điển lục* của Hoàng Tĩnh Tăng phần nhiều đã phỏng theo cuốn *Doanh Nhai Thắng Lâm* của Mã Hoan mà riêng về những điều ghi chép về Chiêm Thành, Mã Hoan đã tỏ ra không được chính xác bằng Phi Tín soạn giả cuốn *Tĩnh Sài Thắng Lâm*. Mặt khác, có lẽ vì quá tôn sùng uy tín của Mã Hoan với tư cách của họ Mã là một người đã ba lần được theo Trịnh Hòa xuống Tây Dương nên ông ta quên phứt mình là kẻ giả một nước vẫn tự xưng là Xã hội chủ nghĩa, ông Chu Kiệt đã hăng say nhắc nhở tới thủ đoạn xâm lược của Thái giám họ Trịnh đời nhà Minh đối với Chiêm Thành, lại quả quyết cho là nhờ cái thủ đoạn đó mà Trung Quốc đã sớm chiếm lãnh được Tây Sa và Trung Sa Quần đảo ngay từ sơ kì thế kỉ XV rồi.

Chẳng biết ông ta đã căn cứ vào sử tịch nào mà dám dựng đứng lên câu chuyện như vậy. Theo như ông cho biết, thời Trịnh Hòa nhân 7 lần xuống Tây Dương đã chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa Quần đảo của Chiêm Thành, nhưng *ông không nói rõ là lần nào trong bảy lần đó* ⁽¹⁾. Cũng may là ông đã cho vài chi tiết khá dĩ giúp ta suy luận ra điểm đó được.

Những chi tiết ấy là số sĩ tốt và số tàu bè do Trịnh Hòa đời lãnh lần nào đó, gồm có 2 vạn 7 nghìn sĩ tốt và 62 chiếc tàu lớn. Nhờ về chương trình khảo cứu của các sử gia có uy tín như Rockhill, Duyvendak và Pelliet, ngày nay ta có thể biết được số sĩ tốt và số tàu bè được Trịnh Hòa huy động mỗi lần trong bảy lần xuống Tây Dương như sau:

Lần thứ nhất (tháng 7-1405) có 27.870 người, 311 chiếc tàu và 62 bảo thuyền tức là thuyền dùng riêng để chở châu báu.

(1) Gần đây (1983) học giả Nguyễn Hiến Lê (năm 1912-1984) khi viết *Sử Trung Quốc*, Nhà xuất bản Văn Hóa Thông tin, 2000, ghi rằng Trịnh Hòa bảy lần đi chinh phục các nước Đông Nam Á, Phi châu nhưng còn có một sử mạng bí mật là dò xét xem vua Huệ Đế (cháu nội Minh Thái tổ) đã chết hay còn sống vì vua Minh Thành Tổ (năm 1403-1424) sợ Huệ Đế còn sống sẽ về phục nghiệp của mình, *Sđđ*, trang 426. (NQT)

Lần thứ hai (tháng 9-1407) có 240 chiếc tàu nhưng không rõ có bao nhiêu sĩ tốt.

Lần thứ ba (tháng 11-1409) có 3000 sĩ tốt và 18 chiếc tàu.

Lần thứ tư (tháng 5-1413) có 28.560 sĩ tốt, và 63 chiếc tàu.

Lần thứ năm (tháng 9-1417) không rõ có bao nhiêu sĩ tốt và tàu.

Lần thứ sáu (tháng 2-1421) có 41 chiếc tàu nhưng không rõ có bao nhiêu sĩ tốt.

Lần thứ bảy (tháng 3-1431) có 27.550 sĩ tốt và hơn 100 chiếc tàu.

Nay nếu so sánh số sĩ tốt và số tàu của ông Chu Kiệt đã dẫn ra với số sĩ tốt và số tàu của mỗi lần Trịnh Hòa xuống Tây Dương như vừa kể ra thời có thể phỏng đoán ra được rằng ông Chu Kiệt đã muốn nói tới lần thứ tư Trịnh Hòa xuống Tây Dương. Vì những con số ông đã cho biết gần bằng với số sĩ tốt và số tàu lần này. Đồng thời lại có thể phỏng đoán ra được rằng sự chiếm lãnh Tây Sa và Trung Sa Quần đảo, nếu quả có sự chiếm lãnh đó, đã xảy ra vào năm 1413. Nhưng đọc lại sử ta và sử Chăm, không hề thấy có sự kiện nào như thế vào năm đó cả.

(...)

Trong lịch sử Chiêm Thành cũng như trong lịch sử Việt Nam vào cuối thế kỉ XIV và đầu thế kỉ XV không hề thấy ở đâu có chép đến việc nhà Minh chiếm cứ Tây Sa, Nam Sa Quần đảo. Dù có sự chiếm lãnh đó vào sơ kì thế kỉ XV như ông Chu Kiệt đã xác nhận bên trên, thời cũng không thể phủ nhận được sự kiện lịch sử đã xảy ra vào năm 1470 là năm Lê Thánh Tông đã bình định được Chiêm Thành (...)

Vậy, trễ nhất vào đầu phần tư thế kỉ XV, Hoàng Sa và Trường Sa Quần đảo đã thuộc về lãnh hải của Đại Việt tức là Việt Nam đương thời.

Có một điểm đáng được chú ý trong lối lập luận của kí giả *Quang Minh nhật báo* là kí giả này đã sử dụng hai danh xưng hiện đại *Tây Sa* và *Nam Sa* để nói về hai Quần đảo trên của Chiêm Thành vào thế kỉ XV. Thực là chuyện lấy “râu ông nọ cắm cằm bà kia”.

(...)

Về bản hiệp ước Trung Pháp ngày 26-6-1887 có mấy điểm sau cần được đặc biệt chú ý:

1) Bản hiệp ước này không hề đề cập việc phân định địa giới theo nghĩa rộng giữa Trung Quốc và Việt Nam, nhưng chỉ có liên quan tới việc *phân định biên giới giữa tỉnh Quảng Đông và Bắc Việt, cùng những hòn đảo nằm trong vịnh Bắc Việt ở vào khoảng giữa đảo Hải Nam và duyên hải Bắc Việt và Quảng Đông*.

2) Do đó không thể được viện dẫn để áp dụng cho trường hợp Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vốn không thuộc lãnh hải Bắc Việt nhưng thuộc lãnh hải Trung và Nam Việt.

Vậy, một là ông Tề Tân đã hiểu lầm ý nghĩa và đối tượng của Hiệp ước Bắc Kinh ngày 26-6-1887, hai là ông đã cố tình bóp méo sự thật riêng của ông. Dù *hiểu lầm* hay *bóp méo sự thật*, thái độ của ông cũng rất dễ hiểu vì luận cứ này đâu phải là do ông đã sáng kiến ra mà chỉ là một luận điệu đã được lặp lại của ông Chu Kiệt, tác giả bài “*Nam Sa Quần đảo hòa Đông Tây Trung Sa Quần đảo nhất hướng thị Trung Quốc đích lãnh thổ*” như đã được đăng tải trong *Quang Minh nhật báo* từ năm 1956.

Chính với thái độ chủ quan về lối lập luận có dụng tâm trước ấy mà ông đã bỏ sót không hề đếm xỉa tới chủ quyền vẫn được hành sử dưới thời các chúa Nguyễn hồi đầu thế kỉ XVII, XVIII để chủ trương rằng “*Mãi tới đầu thế kỉ thứ XIX vua An Nam (sic) mới phái hải quân đến Quần đảo Tây Sa*”.

Có điểm đáng được lưu ý trong lời xác định vô căn cứ đó, là ông đã xài danh xưng *An Nam* thay vì Việt Nam để nói về

nước ta dưới triều vua Gia Long, khiến người ta không thể liên tưởng tới lời tuyên bố của Mao Trạch Đông hồi năm 1939 cũng đã xài những danh từ thuộc ngôn ngữ của thực dân chủ nghĩa như “*Thuộc quốc An Nam*” để nói về nước Việt Nam.

Xem đó, ông Tề Tân đã bất chấp tất cả chủ quyền của Việt Nam như đã được hành sử liên tục từ thế kỉ XVII cho tới ngày nay, hoặc một cách trực tiếp như trong thời kì trị vì của các vua chúa triều Nguyễn, hoặc một cách gián tiếp như trong thời kì đến sau hiệp định Việt Pháp năm 1884. Đành rằng trong thời kì 1884 - 1945, về thực tế nước ta không có đầy đủ chủ quyền về lãnh thổ quốc gia như trước nữa, nhưng về *phương diện quốc tế công pháp không sao phủ nhận được hiệu lực pháp lí của hiệp định Việt Pháp năm 1884 đối với sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và đặc biệt đối với chủ quyền Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.*

(...)

Lang Hồ ⁽¹⁾

(Tokyo - 1974, *Tập san Sử Địa*, Sài Gòn)

(1) *Lang Hồ* là bút danh của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham (năm 1908-2007) nguyên Giáo sư Đại học Văn khoa Sài Gòn. Sau năm 1966, ông là giáo sư biệt thỉnh tại Đại học Tokyo, Nhật Bản (BT).

**BẢN TUYÊN BỐ TẠI HỘI NGHỊ
SAN FRANCISCO CỦA THỦ TƯỚNG
TRẦN VĂN HỮU, CHÍNH PHỦ
QUỐC GIA VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ
NGƯỜI PHÁP DÙNG LÁ BÀI BẢO ĐẠI.**

[Trích trong *France Asie*, số 66-67 (Novembre-Décembre 1951), tr. 502-505.]

Hội nghị San Francisco có 51 quốc gia tham dự, trong đó có ba lời tuyên bố của ba đại diện Việt, Miên, Lào. Ở đây, chúng ta chỉ chú trọng đến lời tuyên bố chánh thức của đại diện Việt Nam.

Đính kèm sau đây là nguyên văn bản tuyên bố của Thủ tướng Trần Văn Hữu tại Hội nghị San Francisco ngày 6 và 7-9-1951.

Sau đây là phần phiên dịch:

“Những quốc gia liên hiệp (Pháp) tại hội nghị San Francisco ngày 6 và 7-9-1951.

Bản tuyên ngôn của Thủ Tướng Trần Văn Hữu.

Kính thưa ông Chủ tịch,

Kính thưa quý vị đại biểu,

Kính thưa quý vị.

Thật là nghiêm trọng và cảm kích cho Việt Nam được đến San Francisco tham dự công việc của Hội nghị Hòa bình với Nhật Bản.

Sở dĩ chúng tôi được hiện diện tại đây là nhờ các tử sĩ của chúng tôi và lòng hi sinh vô bờ bến của dân tộc chúng tôi, dân

tộc đã chịu đựng biết bao là đau khổ để được sống còn và giành sự trường tồn cho nòi giống đã có hơn 4.000 năm lịch sử.

Nếu mỗi dân tộc đã thống khổ do sự chiếm đóng của Nhật Bản, có quyền tham gia hội nghị này, như tất cả diễn giả liên tiếp hai ngày nay đã đồng thanh nhìn nhận, mặc dù thuộc ý thức hệ nào đi nữa cũng vậy, thì cái quyền của Việt Nam lên tiếng về Hòa ước hòa bình với Nhật Bản lại càng dĩ nhiên hơn lúc nào hết, vì không ai không biết rằng, trong tất cả các quốc gia Á Châu, Việt Nam là một nước chịu nhiều đau khổ nhất về tài sản cũng như về tính mạng của người dân. Và tôi thiếu sót phần sự tối thiểu đối với đồng bào quá vãng nếu giờ phút này, tôi không hướng một ý nghĩa thành kính đến số một triệu dân Việt mà hoàn cảnh bi thảm của sự chiếm đóng đã đưa đến cái chết đau thương. Những hư hại vật chất mà đất nước chúng tôi gánh chịu không phải là ít và tất cả nền kinh tế của chúng tôi bị ảnh hưởng một cách trầm trọng. Cầu cống và đường sá bị thiệt hại, bến tàu và đường sắt bị dội bom, tất cả đều phải làm lại, đều cần thiết phải làm lại, nhưng than ôi, cần có các nguồn tài nguyên quá cao so với khả năng hiện hữu của chúng tôi.

Cho nên, trong lúc khen ngợi sự rộng lượng của những tác giả dự án thỏa hiệp này, chúng tôi cũng sẽ trình bày ngay đây những quan điểm mà chúng tôi yêu cầu Hội nghị ghi nhận (chứng nhận).

Là những người Á châu, chúng tôi thành thật hoan hoan trước những viên tượng mới mẻ mở rộng ra cho một quốc gia Á đông sau khi kết thúc thỏa hiệp hòa bình này. Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng góp phần vào sự phục hưng của một dân tộc Á đông bình dị và cần mẫn như nước Nhật Bản này, chúng tôi tin chắc rằng tất cả những người dân châu Á phải là những người phát khởi thịnh vượng chung của mình, họ cũng trồng cây nơi chính mình để xa lánh mọi chế độ đế quốc và trong việc lập một trại thái quốc tế mới, một sự liên đới Á châu cũng cần thiết như một sự liên đới Âu châu vậy.

Điều này, không có ý muốn nói là sẽ có một ngày nào đó

hai sự đoàn kết này sẽ chống đối lẫn nhau. Điều này chỉ muốn nói một cách giản dị là các dân tộc Á châu một khi đã được các quốc gia Tây phương hoàn thành việc giúp đỡ họ xây dựng hòa bình, tôi nói rằng một khi mà hòa bình đã văn hồi, các dân tộc Á châu không thể sẽ là gánh nặng cho kẻ khác, mà trái lại họ phải nhớ nằm lòng là họ phải tự bảo vệ mạng sống họ bằng những phương tiện riêng của họ. Điều đó, ít nhất cũng là tham vọng của Việt Nam mà dù cho có phải chịu nhiều thăng trầm cực nhọc họ vẫn tự hào là đã không lúc nào để nhục chí. Nhưng một dân tộc độc lập phải là một dân tộc tự hào và cũng bởi sự tự hào, theo chúng tôi, có cái giá, giá đó tuy không thể nào bằng sự tự hào của Nhật Bản nhưng chúng tôi tới đây để yêu cầu được chữ ký của 51 quốc gia hội viên của Hội nghị này mà tái lập một đời sống quốc gia xứng đáng và tự hào.

Tuy nhiên, nếu Dự thảo hiệp ước này đòi hỏi thẳng thắn cái quyền đền bồi lại tất cả những hư hại mà chính Nhật Bản hoặc là tác giả, hoặc là ngẫu nhiên đã gây ra, những đền bồi được dự liệu bằng các cung cấp dịch vụ, trong trường hợp của Việt Nam, mà không được đền bồi bằng những nguyên liệu, thì chắc chắn sẽ chẳng có kết quả gì cả. Tất cả mọi thứ Việt Nam cũng cần như Nhật Bản, một số trợ giúp quan trọng để tái tạo nền kinh tế của mình. Từ đó, nếu nhận những đền bù chính yếu bằng những cung cấp dịch vụ thì chẳng khác nào như là đi tín nhiệm một thứ tiền không thể lưu hành (dùng) ở xứ của mình.

Chúng tôi vì vậy sẽ phải đòi hỏi nghiên cứu lại các phương thức bồi hoàn khác hữu hiệu hơn và nhất là chúng tôi phải tính, ngoại trừ những phương tiện tạm thời, tới một sự đền bồi thường thức vào cái ngày mà chúng tôi ước mong là sẽ rất gần, cái ngày mà nền kinh tế của Nhật Bản được phục hưng để họ có thể đương đầu với tất cả mọi bất buộc.

Việt Nam sẽ thất vọng biết bao nếu mọi người gán ép cho các đòi hỏi của chúng tôi khác hơn cái ý tưởng là nền kinh tế Việt Nam cũng cần phải trở dậy, cũng như Việt Nam cần phải có một

số cải thiện xã hội quan trọng. Đối tượng cuối cùng chỉ có thể đạt được nếu chúng ta để các tài nguyên quan trọng dự vào, các tài nguyên mà hiện tại trong giờ phút này phải nhường chỗ một phần lớn cho sự bảo tồn sự tự do và nền hòa bình của chúng tôi.

Cũng thế, chúng tôi mong muốn, trong lãnh vực của chúng tôi, một phương cách an ninh tập thể để hoàn tất những nỗ lực của chúng tôi.

Tôi rất sung sướng vì về việc này, Đại diện nổi bật của Pháp ngày hôm qua cũng tại chính diễn đàn này, đã trình bày cùng các mối bận tâm như của chúng tôi.

Một hòa ước tương trợ lẫn nhau, để bảo vệ tất cả mọi xứ sở bị cùng các hiểm nguy như nhau, sẽ bảo đảm được một nền hòa bình bền vững trên một phần thế giới.

Việt Nam rất là hứng khởi khi nhận trước nhất cho công cuộc tạo dựng hòa bình này.

Và cũng vì cần phải thành thật lợi dụng tất cả mọi cơ hội để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi xác nhận chủ quyền đã có từ lâu đời của chúng tôi trên Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa⁽¹⁾.

Dưới mỗi lợi lộc mà chúng tôi vừa trình bày, chúng tôi nhìn nhận là dự án thỏa hiệp này, được soạn ra rập y khuôn tinh thần của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đã xóa bỏ tất cả tính chất trừng phạt hoặc hạn chế, thiết lập một sự cố gắng sống động để hòa giải tiến bộ nhất trong lịch sử từ trước đến nay. Chúng tôi mong mỗi chân thành là Nhật Bản sẽ lợi dụng triệt để dữ kiện này để nền hòa bình thế giới được củng cố”.

(1) Nguyên văn chữ Pháp đoạn văn quan trọng liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa như sau:

*“Et comme il faut franchement profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles Spratleys et Paracels qui de tout temps ont fait partie du Viet-Nam”.
Ct “Conférence de San Francisco”, France-Asie, no 66-67 (Novembre - Décembre 1951), p. 505.*

II

SAU ĐÂY LÀ PHẦN CÁC TÀI LIỆU HÀNH CHÍNH GỒM NGHỊ ĐỊNH, DỤ CỦA VUA BẢO ĐẠI, NGHỊ ĐỊNH CỦA TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG, TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM... KÍ VỀ VIỆC THAY ĐỔI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA.

1) Nghị định số 156 - SC do Toàn quyền Đông Dương kí ngày 15-6-1932.

Thiết lập tổ chức hành chính tại Quần đảo Hoàng Sa. (Không tìm được nguyên văn chỉ biết được do căn cứ theo nghị định số 3282 kí ngày 5-5-1939).

2) Dụ số 10 ngày 29-2 năm Bảo Đại thứ 13 (30-3-1938), trong Nam triều Quốc ngữ công báo, số 8, 1938, tr. 2).

Nguyên văn:

Năm 1938 - SỐ 8

CUNG LỤC DỤ SỐ 10 NGÀY 29-2 NĂM BẢO ĐẠI THỨ 13 (ngày 30-3-1938).

Chiếu chỉ của cù lao Hoàng Sa (Archipel des Îles Paracels) thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam Ngãi, đến đời Đức Thế Tổ Cao Hoàng đế vẫn để y như cũ là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam Ngãi.

Chiếu chỉ nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải nên việc giao thông ngày nay có thay đổi, vả lại viên đại diện chánh phủ Nam triều ủy phái ra kinh lí các cù lao ấy cùng quan đại diện chính phủ bảo hộ có tâu rằng nên tháp nhập các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên thì được thuận tiện hơn.

DỰ

Độc khoản

– Trước chuẩn tháp nhập các cù lao Hoàng Sa (Archipel des Îles Paracels) vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên. Về phương diện hành chánh, các cù lao ấy thuộc dưới quyền quan tỉnh hiến tỉnh ấy.

Khâm thử

– Thông báo ngày 19-7-1933 của Bộ Ngoại giao (nước Pháp) liên quan đến việc Hải quân Pháp chiếm hữu một số đảo thuộc Quần đảo Trường Sa và phụ cận.

Nguyên văn: (Bản dịch)

“Chính phủ Pháp đã phái những đơn vị hải quân chiếm cứ những đảo và tiểu đảo định rõ dưới đây:

1) Hải đảo Trường Sa (Spratly), nằm tại 8 độ 39 phút Bắc vĩ tuyến và 111 độ 55 phút kinh tuyến Tây Greenwich, cùng như các tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 13-4-1933).

2) Tiểu đảo Caye - Amboine nằm tại 7 độ 52 phút Bắc vĩ tuyến và 112 độ 55 phút kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 7-4-1933).

3) Tiểu đảo Atu - Aba, nằm tại 10 độ 22 phút Bắc vĩ tuyến và 114 độ 21 phút kinh tuyến Tây Greenwich cũng như các tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 10-4-1933).

4) Nhóm Hai Đảo, nằm tại 11 độ 29 phút Bắc vĩ tuyến và

Nguyễn Q. Thắng

114 độ 21 phút kinh tuyến Tây Greenwich, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 10-4-1933).

5) Tiểu đảo Loaita, nằm tại 10 độ 42 phút Bắc vĩ tuyến và 114 độ 25 phút kinh tuyến Tây, cũng như các tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 11-4-1933).

6) Hải đảo Thitu, nằm tại 11 độ 7 phút Bắc vĩ tuyến và 114 độ 16 phút Tây kinh tuyến Greenwich, cũng như những tiểu đảo phụ thuộc.

(Sự chiếm hữu thực hiện ngày 12-4-1933).

Những hải đảo và tiểu đảo ghi trên, từ nay sẽ thuộc chủ quyền nước Pháp.

4) Thông báo của Bộ Ngoại giao (Pháp), liên quan đến việc các đơn vị hải quân Pháp chiếm một số hải đảo.

Nội dung bản thông báo này gần y hệt như nội dung bản thông báo của Bộ Ngoại giao Pháp ở trên đăng ở *Journal officiel de la République Française* ngày 25-7-1933 có khác một vài điều theo thứ tự sau:

1) Đề mục thông báo bỏ “Ngày 19-7-1933”.

2) Sửa lại năm chiếm đảo Spratly, thay vì 13-4-1933 thì sửa lại là 13-4-1930. Cuối thông báo ghi thêm: “Thông báo này để thay thế thông báo trước (đăng trong Công báo ngày 25-7-1933).”

5) Nghị định số 4702 - CCP ngày 21-12-1933 do Thống đốc M.J. Krautheimer kí, sáp nhập Quần đảo Spratly (Trường Sa) và các tiểu đảo vào địa phận tỉnh Bà Rịa:

Nguyên văn: (Bản dịch)

THỐNG ĐỐC NAM KÌ

Đệ tam đẳng Bắc đầu bội tính

“Chiếu Sắc lệnh ngày 20-10-1911;

Chiếu Sắc lệnh ngày 9-6-1922 ấn định việc cải tổ Hội đồng thuộc địa Nam Kì và những bản văn kế tiếp;

Chiếu Thông tri đăng trong Công báo Cộng hòa Pháp quốc ngày 26-7-1933 của Bộ Ngoại giao, liên quan đến việc chiếm hữu một số hải đảo do những đơn vị hải quân Pháp thực hiện.

Chiếu các thư số 634 và 2243 - AP ngày 21-8 và 14-9-1933 của Toàn quyền Đông Dương, liên quan đến việc sáp nhập những hải đảo và tiểu đảo thuộc Trường Sa (Spratly) hay đảo Bảo Tổ (Tempête);

Chiếu các cuộc thảo luận của Hội đồng thuộc địa ngày 23-10-1933;

Hội đồng Tư vấn đã tham khảo ý kiến;

NGHỊ ĐỊNH

Điều khoản thứ nhất:

Đảo Trường Sa (Spratly) và các tiểu đảo Caye d'Amboine, Itu Aba, nhóm Hai đảo, Loaita và Thitu thuộc Trường Sa, nằm trên biển Đông Hải được sáp nhập vào tỉnh Bà Rịa.

Điều khoản thứ hai:

– Tỉnh trưởng Bà Rịa và Giám đốc Sở Địa chánh và Họa đồ chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Sài Gòn, ngày 21-12-1933

Kí tên: J. Krautheimer

Nguyễn Q. Thắng

6) Nghị định số 3282 ngày 5 - 5 - 1939 của Toàn quyền Đông Dương.

Nghị định này sửa đổi lại Nghị định số 156-SC kí ngày 15-6-1932.

Nguyên văn: (Bản dịch)

**TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG
ĐỀ NGHỊ ĐĂNG BẮC ĐẦU BỘI TINH**

Số 3282.

Chiếu Sắc lệnh ngày 20-10-1911, ấn định quyền hạn của quan Toàn quyền và tổ chức tài chánh và hành chánh Đông Dương;

Chiếu Sắc lệnh ngày 5-8-1936;

Chiếu Nghị định ngày 28-12-1934 ấn định điều khoản về phụ cấp và trợ cấp.

Chiếu Nghị định số 156-SC ngày 15-6-1932 ấn định việc thiết lập một đơn vị hành chánh tại Quần đảo quận Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên (Trung Kỳ) mang danh là quận Hoàng Sa;

Do đề nghị của Khâm sứ Trung Kỳ;

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ nhất:

– Nghị định số 156-SC ngày 15-6-1932 nay được sửa đổi như sau:

Điều thứ nhất.

– Hai đơn vị hành chánh được thành lập tại Quần đảo

Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên (Trung Kỳ) dưới danh xưng là Sở Đại lý “Croissant và phụ cận” và Sở Đại lý “Amphyrite và phụ cận”. Ranh giới giữa hai sở này được phân bởi kinh tuyến thứ 112, trừ rặng đá ngầm Vuladdore hoàn toàn phụ thuộc vào Sở Đại lý Croissant.

Điều thứ hai:

Những phái viên hành chánh đứng đầu hai sở Đại lý này với tư cách là Ủy viên của công sứ Pháp tại Thừa Thiên sẽ ở tại đảo Pattle và đảo Boisée.

Điều thứ ba:

Hàng năm trong chức vụ này mỗi phái viên sẽ được hưởng phụ cấp đại diện và kinh lý là 400 đồng (bốn trăm đồng) đã dự liệu ở nghị định ngày 29-12-1934. Phụ cấp này sẽ được ngân sách địa phương Trung Kỳ đài thọ theo chương XII điều VI, đoạn III.

Điều thứ tư:

– Phó Toàn quyền Đông Dương và Khâm sứ Trung Kỳ, chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này:

Hà Nội, ngày 5-5-1939

Kí tên: J. Brévié⁽¹⁾

7) Sắc lệnh số 143-NV ngày 22-10-1956 thay đổi địa giới và tên đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Nam Việt.

(1) Tham khảo nguyên văn tiếng Pháp, trong các Nghị định đã dẫn hoặc trong *Tập san Sử Địa*, số 29, Sài Gòn.

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu Hiến ước tạm thời số 1 ngày 26-10-1955,

*Chiếu Sắc lệnh số 4 - TTP ngày 29-10-1955 và các văn kiện
kế tiếp ấn định thành phần chính phủ,*

Chiếu đề nghị của Bộ trưởng Nội vụ.

SẮC LỆNH

Điều thứ nhất:

*– Địa phận Nam Việt nay được thêm một phần tỉnh Bình
Thuận, được chia ra như sau:*

a) Đô thành Sài Gòn.

b) Hai mươi hai tỉnh.

Điều thứ hai:

*– Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh, tỉnh lỵ hiện thời
được thay đổi địa giới, thay tên theo danh sách và bản đồ đính
hậu.*

Điều thứ ba:

– Để thi hành sắc lệnh này, bộ trưởng Bộ Nội vụ:

*– Sẽ qui định trước ngày mồng 1 tháng giêng năm 1957
chương trình sáp nhập;*

*– Ra lệnh cho các tỉnh trưởng sở quan sửa đổi và lập bảng
danh sách thôn xã, tổng và quận cho từng tỉnh chiếu theo ranh
giới mới.*

Điều thứ tư.

– Các điều khoản trái với sắc lệnh này đều bãi bỏ.

Điều thứ năm.

– Các bộ trưởng, chiếu nhiệm vụ thi hành sắc lệnh này.

Sài Gòn, ngày 22-10-1956

Ngô Đình Diệm

Danh sách các đơn vị hành chính Nam Việt

STT	TÊN CŨ	TÊN MỚI	TÊN TỈNH LỊ
	D) THỦ ĐÔ		
	Sài Gòn - Chợ Lớn	Sài Gòn	
	ID) CÁC TỈNH		
1	Bà Rịa - Vũng Tàu	Phước Tuy	Phước Lễ
	Hoàng Sa (Spratley)		
2	Biên Hòa (chia làm 4)	Biên Hòa	Biên Hòa
3		Long Khánh	Xuân Lộc
4		Phước Long	Phước Bình
5		Bình Long	An Lộc
6	Tây Ninh	Tây Ninh	Tây Ninh
7	Chợ Lớn - Tân An	Long An	Tân An
8	Mộc Hóa	Kiến Tường	Mộc Hóa
9	Phong Thạnh	Kiến Phong	Cao Lãnh
10	Mĩ Tho - Gò Công	Định Tường	Mĩ Tho
11	Bến Tre	Kiến Hòa	Trúc Giang
12	Vĩnh Long - Sa Đéc	Vĩnh Long	Vĩnh Long
13	Trà Vinh	Vĩnh Bình	Phủ Vinh
14	Long Xuyên - Châu Đốc	An Giang	Long Xuyên
15	Cần Thơ	Phong Dinh	Cần Thơ
16	Bạc Liêu - Sóc Trăng	Ba Xuyên	Khánh Hưng
17	Rạch Giá - Hà Tiên	Kiên Giang	Rạch Giá
18	Gia Định	Gia Định	Gia Định
19	Cà Mau	An Xuyên	Quản Long
20	Thủ Dầu Một	Bình Dương	Phủ Cường
21	Một phần Đồng Nai thượng và một phần Bình Thuận	Bình Tuy	Hàm Tân
	Hàm Tân, Tánh Linh		
22	Côn Đảo	Côn Sơn	Côn Sơn

Nguyễn Q. Thắng

Kiến thị để đình theo sắc lệnh số 143 - NV ngày 22-10-1956.

TL Tổng Thống
Đồng lí văn phòng
Quách Tông Đức

8) Sắc lệnh số 174 - NV ngày 13-7-1961 đặt Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam và thành lập tại Quần đảo này một xã lấy danh hiệu là xã Định Hải trực thuộc quận Hòa Vang.

Sau đây là sắc lệnh.

Sắc lệnh số 174 - NV ngày 13-7-1961 đặt Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam và thành lập tại Quần đảo này một xã lấy danh hiệu là xã Định Hải trực thuộc quận Hòa Vang.

TỔNG THỐNG VIỆT NAM CỘNG HÒA

Chiếu Sắc lệnh số 124 - TTP ngày 28-5-1961 ấn định thành phần chính phủ;

Chiếu dụ số 57a ngày 24-10-1956 cải tổ nền hành chánh Việt Nam.

Chiếu Nghị định số 3282 ngày 5-6-1939 sửa đổi và bổ túc Nghị định số 156 - SC ngày 15-6-1932, ấn định tổ chức hành chánh tại Quần đảo Hoàng Sa.

Chiếu Dụ số 10 ngày 30-3-1838 sáp nhập Quần đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên.

Chiếu Nghị định số 335 - NC/P6 ngày 24-6-1958 và các văn kiện kế tiếp ấn định các đơn vị hành chánh tỉnh Quảng Nam.

Chiếu đề nghị của Bộ trưởng Nội vụ.

SẮC LỆNH

Điều thứ I: Quần đảo Hoàng Sa trước kia thuộc tỉnh Thừa Thiên, nay đặt thuộc tỉnh Quảng Nam.

Điều thứ II:

Một đơn vị hành chánh xã bao gồm trọn Quần đảo này được thành lập và lấy danh hiệu là xã Định Hải, trực thuộc quận Hòa Vang.

Xã Định Hải đặt dưới quyền một phái viên hành chánh.

Điều thứ III:

Bộ trưởng Nội vụ, tỉnh trưởng Thừa Thiên và tỉnh trưởng Quảng Nam, chiếu nhiệm vụ lãnh thi hành sắc lệnh này ⁽¹⁾.

Sài Gòn, ngày 13-7-1961

Ngô Đình Diệm

9) Nghị định số 709 - BNV/HĐP/26 ngày 21-10-1969 sáp nhập xã Định Hải thuộc quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam vào xã Hòa Long cùng quận.

Sau đây là nghị định.

Nghị định số 709 - BNV/HĐP/ 26 ngày 21-10-1969 sáp nhập xã Định Hải thuộc quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam vào xã Hòa Long cùng quận.

TỔNG TRƯỞNG NỘI VỤ,

Chiếu Hiến pháp ngày mồng 1-4-1967;

Chiếu Sắc lệnh số 394 - TT/SL ngày mồng 1-9-1969 ấn định thành phần chánh phủ.

(1) Theo Qui pháp vưng tập, trang 365, Sài Gòn, 1961.

Nguyễn Q. Thắng

Chiếu Sắc lệnh số 19-SL/NV ngày 22-11-1967 ấn định chức
chương của Tổng trưởng Nội vụ.

Chiếu Dụ số 57-a ngày 24-10-1956 tổ chức nền hành chánh
quốc gia.

Chiếu Nghị định số 335-NC/P6 ngày 24-6-1958 ấn định đơn
vị hành chánh tỉnh Quảng Nam.

Chiếu Sắc lệnh số 174-NV ngày 13-7-1961 đặt Quần đảo
Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam và cải biến thành xã Định Hải
do một phái viên hành chánh quản trị.

Chiếu biên bản ngày mồng 6-11-1968 của Hội đồng tỉnh
Quảng Nam và biên bản ngày mồng 9-8-1969 của Hội đồng xã
Hòa Long, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam thuận sáp nhập xã
Định Hải quận Hòa Vang cùng tỉnh vào xã Hòa Long.

Chiếu đề nghị của Tỉnh trưởng Quảng Nam.

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ I.

– Nay sáp nhập xã Định Hải thuộc quận Hòa Vang tỉnh
Quảng Nam vào xã Hòa Long cùng quận.

Điều thứ II.

– Địa phận và ranh giới xã Hòa Long được ấn định lại y
theo bản đồ đính kèm bản chính Nghị định này.

Điều thứ III.

– Thứ trưởng Nội vụ, Đồng lý văn phòng, Tổng thư ký Bộ
Nội vụ và tỉnh trưởng Quảng Nam, chiếu nhiệm vụ, lãnh thi
hành nghị định này ⁽¹⁾.

Sài Gòn, ngày 21-1-1969

Trần Thiện Khiêm

(1) Qui pháp vụng tập, Quyển XII, tập 2, trang 1558.

10) *Nghị định số 420 - BNV/HCĐP/26, X ngày 6-9-1973 sáp nhập một số đảo vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.*

Nguyên văn:

TỔNG TRƯỞNG NỘI VỤ

Chiếu Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa ngày 1-4-1967;

Chiếu Sắc lệnh số 394-TT/SL ngày 1-9-1969 và các văn kiện kế tiếp ấn định thành phần chánh phủ;

Chiếu Dụ số 57-a ngày 24-10-1956 tổ chức nền hành chánh quốc gia;

Chiếu Sắc lệnh số 19-SL/NV ngày 22-11-1967 ấn định chức chương của Tổng trưởng Nội vụ;

Chiếu Sắc lệnh số 198-SL/ĐUHC ngày 24-12-1966 và các văn kiện kế tiếp cải tổ nền hành chánh xã, ấp, nhất là sắc lệnh số 045-SLNV ngày 1-4-1969 và sắc lệnh số 120-SL/NV ngày 22-8-1972;

Chiếu Nghị định ngày 21-12-1973 sáp nhập Quần đảo Trường Sa (Spratly), Caye d'Amboine, Itu-Aba, groupe de deux iles, Loaita, Thị Tứ và các đảo phụ cận vào tỉnh Bà Rịa;

Chiếu Sắc lệnh số 143 NV ngày 22-10-1956 sáp nhập Quần đảo Trường Sa (Spratly) vào tỉnh Phước Tuy;

Chiếu Nghị định số 6 BNV/HC/NĐ ngày 3-1-1957 và các văn kiện kế tiếp ấn định các đơn vị hành chánh tỉnh Phước Tuy;

Chiếu Quyết định của Hội đồng Nội các trong phiên họp ngày 9-1-1973;

Chiếu phúc trình của tỉnh Phước Tuy;

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ I.

– Nay sáp nhập các đảo Trường Sa (Spratly), An Bang (Amboyna Cay), Thái Bình (Itu-Aba), Song Tử Đông (Northeast Cay), Song Tử Tây (southwest Cay), Loại Ta (Loaita), Thị Tứ (Thi Tu), Nam Ai (Namyit, Sinh Tồn (Sin Cowe) và các đảo phụ cận vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ, tỉnh Phước Tuy.

Điều thứ II.

– Phụ tá đặc biệt, Đồng lí văn phòng, Tổng thư kí Bộ Nội vụ và Tỉnh trưởng Phước Tuy, chiếu nhiệm vụ, thi hành nghị định này.

Nghị định này sẽ được đăng vào Công báo Việt Nam Cộng hòa⁽¹⁾.

Sài Gòn, ngày 6-9-1973

Lê Công Chất

11) Nghị định số 156-3-6 ngày 15 tháng 6 năm 1938 của Toàn quyền Đông Dương.

Bản dịch

TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG ĐỆ TAM ĐẢNG BẮC ĐÁU BỘI TINH

Số 156-3-6.

Chiếu Sắc lệnh ngày 20-10-1911, ấn định quyền hạn của Toàn quyền và tổ chức tài chánh, hành chánh Đông Dương.

Chiếu Sắc lệnh ngày 8-8-1936.

Chiếu Nghị định ngày 8-12-1934 ấn định điều khoản về phụ cấp và trợ cấp.

Do đề nghị của Khâm sứ Trung kì.

Hội đồng Tư vấn đã được tham khảo ý kiến:

(1) Theo Công báo Việt Nam Cộng hòa, số 51, 29-9-1973

NGHỊ ĐỊNH

Điều thứ I.

– Một đơn vị hành chánh được thiết lập tại đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên (Trung Kỳ) dưới danh xưng là sở Đại lí Hoàng Sa. Phạm vi của nó trải rộng trên suốt nhóm đảo và các tiểu đảo được mệnh danh là Quần đảo Hoàng Sa.

Phái viên hành chánh đứng đầu Sở Đại lí này với tư cách là Ủy viên Công sứ Pháp tại Thừa Thiên sẽ ở tại đảo Hoàng Sa (Patlle).

Điều thứ II.

Hàng năm trong chức vụ này Phái viên sẽ được hưởng quyền đại diện và kinh lí là 400 đồng (bốn trăm đồng) đã dự kiến ở Nghị định ngày 28-12-1934. Phụ cấp này sẽ được ngân sách địa phương Trung Kỳ đài thọ theo chương XII điều VI đoạn III.

Điều III.

– Khâm Sứ Trung kì chiếu nhiệm vụ thi hành nghị định này.

Đà Lạt, ngày 15-6-1938

Kí tên: J. Brévié

12) Bức công điện của Wilden Đại sứ Toàn quyền Cộng hòa Pháp tại Trung Hoa gửi Bộ Ngoại giao Pháp về chủ quyền của Pháp trên Quần đảo Hoàng Sa.

Nguyên văn (Bản dịch):

Số 350 Bắc Kinh ngày 28-7-1930.

Đại sứ Toàn quyền Cộng hòa Pháp tại Trung Hoa

Kính gửi ông A. Briand, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Paris.

Chủ quyền Pháp trên Quần đảo Hoàng Sa

Do Công điện số 113 ngày 6-6 Ngài cho biết rằng Bộ Thuộc

Nguyễn Q. Thắng

địa đã thay đổi ý kiến và định giành lấy chủ quyền trên các đảo Hoàng Sa cho Việt Nam và muốn biết ý kiến tôi về vấn đề này. Tôi đã trình bày ý kiến của tôi trong công điện số 117 ngày 20-3 và số 239 ngày 27-5 vừa qua.

Mặc dù nước Pháp chưa bao giờ chính thức nhìn nhận chủ quyền Trung Hoa đối với Quần đảo Hoàng Sa, nhưng chúng ta đã để cho những hành vi đó xảy ra mà không phản đối. Những hành vi mà nước ấy mấy năm trở lại đây đã tìm cách tỏ ra rằng họ xem Quần đảo Hoàng Sa như là vùng đất thuộc về lãnh thổ của họ và đặt chúng ta trước một sự đã rồi. ⁽¹⁾

(1) Theo Monique Chemillier - Gendreau, Sdd.

THƯ MỤC HOÀNG SA - TRƯỜNG SA

(Xếp theo thứ tự thời gian, bản thư mục này chúng tôi dựa theo bản thư mục về Hoàng Sa của Tập san Sử Địa năm 1975, nay có bổ sung).

Thư mục gồm ba phần: tài liệu chữ Hán, Việt và Anh, Pháp.

TU LIỆU CHỮ HÁN

– 1630: ĐỖ BẢ... *Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, Q. chi nhất. Sách gồm 4 quyển, trong Q. I có vẽ một bản đồ vùng Nam Quảng Nam và Bắc Quảng Ngãi, có phủ Thăng Hoa, ngoài biển có một nhóm đảo, sách đã dùng danh xưng bằng chữ Nôm “*Bãi Cát Vàng*”.

Thời Chúa Nguyễn hàng năm các thuyền buồm ra đảo thu nhặt hàng hóa gồm súng đạn, vàng bạc và tiền tệ...

– 1696: THÍCH ĐẠI SÁN. *Hải ngoại kỷ sự*, 6 quyển. Sách viết về phong tục, tôn giáo, lịch sử, địa lí xứ Đàng Trong nhất là hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam.

Trong sách có nhiều đoạn viết về Vạn Lý Trường Sa. Hàng năm, thuyền Chúa Nguyễn đến độ thu nhặt hải sản, súng ống...

– 1744: TRẦN LUÂN QUỲNH. *Hải quốc kiến văn lục*. Sách đã dùng danh xưng Việt Hải, Việt Dương thay vì Nam Hải để chỉ Biển Đông. Nơi đây có Vạn Lý Trường Sa. Thiên Li Thạch Đường chỉ Hoàng Sa Trường Sa thuộc về lãnh hải Việt Nam.

– 1776: LÊ QUÍ ĐÔN. *Phủ biên tạp lục*, quyển chi nhị, bản dịch của Hoàng Lộc, NXB KHXH Hà Nội 1964, hoặc bản dịch của Lê Xuân Giáo. Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa 1972, Sài Gòn.

Sách gồm hai đoạn văn viết tỉ mỉ về Hoàng Sa. Trường Sa gồm: danh xưng *Đại Trường Sa, Đại Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa*, các hải sản. Việc thiết lập *đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải*, việc nhà cầm quyền Trung Hoa giúp đỡ nhân viên *đội Hoàng Sa* bị bão trôi giạt vào đất liền Trung Quốc... (bản sau có chữ Hán)

– 1821: PHAN HUY CHÚ, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tương tự như tài liệu trong *Phủ biên tạp lục*, nhưng sơ lược hơn.

Đây là tài liệu sau *Phủ biên tạp lục* nói nhiều về Hoàng Sa, Trường Sa. Bản dịch của Tố Nguyên Nguyễn Thọ Dực, Sài Gòn 1973 (bản này có in kèm chữ Hán).

– 1833: QUỐC SỬ QUÁN. *Hoàng Việt địa dư chí*, quyển chi nhất. Nội dung gần giống như sách của Phan Huy Chú.

– 1844: QUỐC SỬ QUÁN. *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển chi thập.

Năm 1754, sách viết về vụ người trong *đội Hoàng Sa* bị bão dập, thuyền giạt vào đảo Hải Nam được nhà cầm quyền Trung Quốc đối xử tử tế.

– 1848: QUỐC SỬ QUÁN. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhứt kỉ nguyên chi ngũ thập ngũ thập nhị.

Viết về việc vua Gia Long sai Phạm Quang Ảnh vào năm 1815, 1816 ra Hoàng Sa, Trường Sa xem xét và đo đạc thủy trình.

– 1848: QUỐC SỬ QUÁN. *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhị kỉ, quyển chi nhứt bách tứ, nhứt bách ngũ thập tứ, nhứt bách lục thập ngũ (quyển 104, 154, 165).

Bản dịch của Viện Sử học (38 tập, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, 1978...)

Sách thuật chuyện năm 1833 vua Minh Mạng ra lệnh cho Bộ Công đến Hoàng Sa lập miếu dựng bia và trồng cây; Năm 1835, sai Phạm Văn Nguyên cùng phu thuyền thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định dựng miếu, bia. Tấm bia có khắc bốn chữ “*Vạn Lí ba bình*”. Năm 1836, Bộ Công tâu lên Vua Minh Mạng hàng năm phải đến Hoàng Sa để đo thám, đo đạc thủy trình, Phạm Hữu Nhật mang bài gỗ đến Hoàng Sa cắm mốc và dựng bia.

– 1851: BỘ CÔNG. *Khâm định đại nam hội điển sự lệ*, quyển chi nhị bách thập.

Tài liệu viết việc năm 1835, vua Minh Mạng cho xây một gian miếu ở Hoàng Sa và trồng các loại cây.

– 1876: NGUYỄN THÔNG. *Việt sử cương giám khảo lược*, quyển chi tứ.

Sách viết hồi quốc sơ, triều đình có lập đội Hoàng Sa, hàng năm đến Hoàng Sa Trường Sa thu lượm hải vật.

– 1910: QUỐC SỬ QUÁN. *Đại Nam nhất thống chí*, quyển chi lục. Quảng Ngãi tỉnh sách có hai đoạn viết về Hoàng Sa.

Đoạn một mô tả hình thể, địa giới... Đoạn hai nói rõ danh xưng Hoàng Sa, Trường Sa việc đặt đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải. Đời Minh Mạng, vua thường sai quân sĩ đến đó xem xét đường biển, trồng cây, lập bản đồ thủy trình...

– 1925: QUỐC SỬ QUÁN, *Quốc chính biên toát yếu*, quyển chi tam bách viết:

Ở Hoàng Sa đã có ngôi miếu cổ, Vua Minh Mạng ra lệnh dựng miếu, lập bia trên Bàng Thang Thạch. Năm 1846, Vua sai Phạm Hữu Nhật ra Hoàng Sa vẽ bản đồ, cắm thẻ gỗ làm mốc. Tài liệu có thuật chuyện một đoàn hơn 90 thủy thủ Anh Cát Lợi bị đắm tại Hoàng Sa được lệnh Vua Minh Mạng đưa họ đến Hạ Châu để về xứ.

TU LIỆU CHỮ ANH, CHỮ PHÁP

- 1837: JEAN LOUIS TABERD. *Note on the geography of Cochinchina*. Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal, (9 - 1837) bài báo có đề cập Quần đảo Hoàng Sa với danh xưng Nôm "Cát vàng".

- 1838: J. L. TABERD: *Additional notice on the geography of Cochinchina*. Tháng 4-1838. Nội dung bài này tương tự như bài trên. Bên cạnh có nói rõ việc Vua Gia Long năm 1816 đã cắm cờ trên Quần đảo này.

- 1900: CLAUDIUS MADROLLE. *Hai Nam et la côte continentale voisine*, Paris.

Bài viết về chuyến du hành của tàu Amphitrite của một công ty Pháp đến Trung Hoa, khi ngang qua vùng biển Việt Nam gặp một vùng đá ngầm rồi họ gọi là *Paracels*.

- 1901: CLAUDIUS MADROLLE. *Les premiers voyages Français à la Chine; la compagnie de la Chine*. 1698 - 1719.

Nhật kí hải trình của tàu Amphitrite. Tàu có đi ngang các đảo thuộc nhóm *Amphitrite, Croissant*.

- 1923: A. SALLES: *Le mémoire sur la Cochinchine de Jean Baptiste Chaigneau*. Bulletin des Amis du Vieux Huế, bộ X số 2.

Trong tài liệu có nhắc lại đoạn văn của Chaigneau quả quyết Hoàng Sa, Trường Sa từ lâu đã thuộc dinh Huế.

- 1929: P. A. LAPICQUE: *A propos des îles Paracels, Extrême - Asie*.

Revue Indochinoise, Illustrée, số 38. Sài Gòn. Bài báo đề cập chủ quyền của người Việt trên Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, sách rút từ liệu của Chaigneau, *Đại Nam nhất thống chí, Hoàng Việt địa dư chí*. Bài báo gồm 4 bản đồ và 7 hình.

- 1929: H. CUCHEROUSSET. *La question des îles Paracels*, *Eveil Economique de l'Indochine*, Hà Nội.

Bài báo nhắc đến các tư liệu của Chaigneau, Taberd... cho rằng hơn 30 năm trước, Quần đảo này người Việt Nam đã gọi bằng danh xưng “Cát Vàng”.

– 1930: J. DE LACOUR, JABOUILLE. *Oiscaux des îles Paracels*.

Bài báo nghiên cứu về các loại chim, phân chim trên Quần đảo Hoàng Sa. Đồng thời có trình bày sơ lược về thảo mộc, đất đá.

– 1931: H. CUCHEROUSSET. *L'Indochine aux Paracels. Éveil Économique de l'Indochine*, số 688.

Bài báo xác định kinh độ và vĩ độ của Hoàng Sa, cách cù lao Ré 300km, Đà Nẵng 350km. Đồng thời định nghĩa các danh xưng các đảo thuộc Quần đảo này.

– 1932: H. CUCHEROUSSET. *L'Histoire moderne des îles Paracels. Éveil Économique de l'Indochine*. Bài báo chỉ trích chính phủ Pháp thiếu cương quyết về việc Trung Hoa tranh chấp Quần đảo Hoàng Sa với Việt Nam thời đó.

– 1932: P. PASQUIER. *L'Histoire moderne des îles Paracels. Éveil Économique de l'Indochine*, số 741.

Bài báo nhắc việc các tàu Đức, Nhật bị đắm ở Hoàng Sa, dân chài Trung Quốc đến cướp, liền bị chính phủ Pháp phản kháng. Nhà cầm quyền Quảng Châu cho rằng Trung Hoa không có trách nhiệm trên Quần đảo Hoàng Sa.

– 1933: PAUL MAURICE CLERGET. *Les phosphates des Paracels, Éveil Économique*, số 785.

Bài chuyên luận khảo cứu về phosphate trên Quần đảo Hoàng Sa.

– 1933: HENRI CUCHEROUSSET. *A la Conquête des îles phosphate à Spatley. Éveil économique del Indochine*, số 790.

Bài báo thuật lại công việc khảo cứu tài nguyên thiên nhiên trên Quần đảo Trường Sa.

– 1933: OLIVIER. A. SAIX - *Îles Paracels, La Géographie*, bộ LX.

Bài báo giới thiệu một bản đồ chi tiết về Quần đảo Hoàng Sa. Đồng thời nói về tầm quan trọng của hàng hải, quân sự và chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo này.

– 1934: P. CHEVEY - *Îles et récif de Coraux de la mer Chine. Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, bộ IX, số 4, Sài Gòn.

Nội dung của bài thuyết trình do Hội nghiên cứu Đông Dương tổ chức về việc nghiên cứu địa chất, thủy học của Quần đảo Hoàng Sa.

– 1941: JEAN YVES CLAEYS - *Journal de voyage aux Paracels*. Indochine Hà Nội.

Kí sự nhân dịp tác giả theo một tàu biển nghiên cứu khoa học tại Quần đảo Hoàng Sa. Nội dung bài ghi tên các đảo, thảo mộc, chim, rùa và các hải vật khác.

– 1951: RAOUL SERENE - *Petite Histoire des Paracels, Sud - Est Asiatique*, Bruxelles, số 19.

Bài báo viết về chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo Hoàng Sa, việc thiết lập hải đăng, đài khí tượng, khai thác phân bón...

– 1955: E. SAURIN - *Notes sur les îles Paracels. Archives Géologiques du Vietnam*, số 3, Sài Gòn.

Bài nghiên cứu về sinh môi; đá thủy tra thuộc hai nhóm Tuyên Đức, Nguyệt Thiềm của Quần đảo Hoàng Sa.

– 1955: RAOUL SERENE - *Hải học viện Nha Trang và bờ biển Việt Nam*, Sài Gòn.

Bài nghiên cứu về hải sinh vật học ở duyên hải Việt Nam.

– 1957: HENRI FONTAINE et LÊ VĂN HỘI - *Contribution à la connaissance de la flore des îles Paracels*. Niên san Trường Đại học Khoa học Sài Gòn.

Một công trình nghiên cứu về các tộc đoàn thảo mộc trên Quần đảo Hoàng Sa. Các tác giả kết luận các thảo mộc hiện có trên đảo là do từ đất liền Việt Nam đem ra trồng tía ở hải đảo này.

– 1957: E. SAURIN - *Apropos des Galets Exotiques des îles Paracels*. Archives Géologiques du Vietnam số 4, Sài Gòn.

Bài khảo cứu về các loại nham thạch trên các đảo thuộc Hoàng Sa.

– 1958: LÊ THANH KHÊ - *L'affaire des îles Paracel et Spratley devant le droit international*.

Luận án tiến sĩ đệ tam cấp, Paris, Institut international d'Etudes et de Recherches Diplomatique, 1958. Luận án đề cập nhiều luận cứ pháp lí dựa trên công pháp quốc tế và cho rằng hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam

– 1960: E. SAURIN - *Gastéropodes marins des îles Paracels*. Khảo cứu niên san Trường Đại học Khoa học Sài Gòn.

Bài nghiên cứu về các loại phức túc biển và các sinh vật sống ven các đảo san hô ở Hoàng Sa.

– 1962: E.SAURIN - *Trong khảo cứu niên san Trường Đại học Khoa học Sài Gòn*,

Giáo sư Sairin còn viết nhiều bài nghiên cứu về các loại trai, sò trên Hoàng Sa.

– 1967: LÊ THỊ NGỌC THÀNH - *Bài thuyết trình về phân bố sản xuất trên Quần đảo Hoàng Sa*.

– 1974: BÁO NEWSWEEK - Bài báo đề cập việc Trung Quốc cưỡng chiếm Hoàng Sa có thể vì trữ lượng dầu khí lớn quanh các đảo này.

– 1974: VÕ LONG TÊ: - *Les archipels de Hoàng Sa et de*

Trường Sa selon les anciens ouvrages Vietnamiens D'Histoire et de Géographie, Ủy ban dịch thuật ngoại ngữ, Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn xuất bản 1974.

Sách viết về lịch sử địa lí theo các sách sử địa cổ Việt Nam trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chậm nhất là vào thế kỉ XVI.

Từ đó đến nay, các hải đảo này hoàn toàn thuộc lãnh thổ Việt Nam. Tác giả phiên âm, dịch các tư liệu bằng chữ Hán sang Pháp văn rất rõ. Sách có một thư mục khá đầy đủ về nhiều nguồn tài liệu.

– 1975: TRẦN MINH TIẾT - *L'agression sino - communiste des îles Paracels Vietnamiennes (la guerre pour la paix)*. Nouvelles éditions Latines.

Sách trình bày khái quát về lịch sử, địa lí cũng như công pháp quốc tế về hai Quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa từ nhiều thế kỉ trước. Sách có in một bản đồ và hình của các nhà lãnh đạo hai nước Trung Quốc, Việt Nam, đồng thời tác giả lên án hành động xâm lược trắng trợn của chính quyền Trung Quốc.

– 1996: MONIQUE CHEMILLIER - GENDREAU, *La Souveraineté Les Archipels Paracels et Spraleys*, NXB L'Harmattan, Paris, 1996.

Sách này 306 trang, gồm 149 trang biên khảo, 157 trang tư liệu. Tác giả xét vấn đề chủ quyền hai Quần đảo, Hoàng Sa Trường Sa về phương diện lịch sử, 171 trang là công pháp quốc tế. Tác giả cho rằng trong các tài liệu của các nước đưa ra chỉ có tài liệu Việt Nam mới là phía có chủ quyền hai Quần đảo trên.

TU LIỆU TIẾNG VIỆT

– 1932: NAM PHONG - *Nước Pháp muốn đòi đảo Tây Sa cho dân Việt Nam ta. Những chứng cứ và lời biện bạch.*

Nội dung bài báo cho rằng vấn đề chỉ giải quyết bằng vũ lực (tạp chí *Nam Phong* số 1721 - 1932, Hà Nội).

– KHUYẾN DANH: *Nhân vấn đề đảo Tây Sa nhớ đến nước cổ của ta đính chính lại mấy chỗ sai lầm trong các bộ sử, báo Đông Thanh Hà Nội, số 1.*

– 1934: BÁO ĐÔNG THANH - *Việc giao thiệp thu hồi Quần đảo Tây Sa.*

Bài báo nói rõ chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo Hoàng Sa vì từ năm 1816 vua Gia Long đã cho dựng cờ, sau này lập bia chủ quyền.

– 1930: HOÀNG ĐẠO - *Người và việc: Quần đảo Para-cels bỗng nhiên hóa ra quan trọng.*

Ngày nay, 24 - 1, Hà Nội. Bài báo xác nhận chủ quyền lâu đời trên Hoàng Sa là của Việt Nam. Nhưng ngày nay nó chỉ là sức mạnh.

– 1961: TÂN PHONG - *Vấn đề chủ quyền trên nhóm Quần đảo Tây Sa và Trường Sa. Quê hương, số 27, Sài Gòn.*

Tác giả đưa ra các luận cứ về việc tranh chấp chủ quyền các đảo này do ba nước: Việt Nam, Trung Quốc, Philippines. Bài báo dựa trên căn bản pháp lí khá vững chắc về chủ quyền của Việt Nam.

– 1963: *Quần đảo Tây Sa (Paracels) của Việt Nam hay của Trung Hoa. Phổ thông, số 63, Sài Gòn.*

Nội dung bài báo xác lập chủ quyền Việt Nam trên Quần đảo này từ thời chúa Nguyễn Phúc Chu đến đời vua Minh Mạng. Trước thuộc tỉnh Thừa Thiên, sau thuộc tỉnh Quảng Nam.

Nguyễn Q. Thắng

– 1970: PHẠM QUANG ĐUÔNG - *Vấn đề chủ quyền trên Quần đảo Trường Sa. Đặc san Địa dư, Đà Lạt*, số 6. Nội dung bài báo tương tự như bài trên.

– 1974: HUY BÁCH - *Cuộc tranh chấp về chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tập san Quốc phòng*, số 46, Sài Gòn.

– 1974: MAI HUY - *Kí sự về Trường Sa. Đặc san công binh*, số 25. Bài báo gồm một số hình ảnh chụp về các công tác của công binh trên Quần đảo Trường Sa.

– 1974: NGUYỄN HỮU LÀNH - *Luật Quốc tế và vấn đề Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tập san Quốc phòng*, số 46.

Nội dung bài báo xét lập trường của vấn đề trên cương vị công pháp quốc tế.

– 1974: TRẦN VIỆT SƠN - *Quần đảo Hoàng Sa. Văn nghệ Tiền Phong*, số 748, Sài Gòn.

Bài báo viết về địa lí, tài nguyên của Quần đảo Hoàng Sa.

– 1974: TỬ MINH - *Cuộc tranh chấp chủ quyền trên các Quần đảo Hoàng Sa. Tạp chí Bách Khoa*, Sài Gòn, 1974.

Bài báo trình bày sơ lược về lịch sử hai Quần đảo này. Tác giả nhìn vấn đề dưới khía cạnh quốc tế công pháp.

– 1974: BỘ DÂN VẬN - *Hoàng Sa, lãnh thổ Việt Nam*, Sài Gòn 3 - 1974.

– 1975: TẬP SAN SỬ ĐỊA số 29, 1975: *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*.

Gồm một số bài nghiên cứu về Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của các nhà nghiên cứu Sử, Địa. Địa chất như Hoàng Xuân Hãn, Lăng Hồ, Thái Văn Kiểm, Lam Giang, Hân Nguyên... Võ Long Tê, Sơn Hồng Đức, Quốc Tuấn, Trần Đăng Đại, Nguyễn Huy, Trịnh Tuấn Anh, Trần Hữu Châu, Trần Thế Đức...

Nội dung các bài viết rất phong phú. Tùy theo từng chủ đề, các bài viết giới thiệu về lịch sử, địa lí, địa chất, sinh vật trên Hoàng Sa với đầy đủ các nguồn tư liệu đông tây. Cuối tập san có một bản thư mục chi tiết về các nguồn tư liệu.

– 1979: VĂN TRỌNG - *Hoàng Sa Quần đảo Việt Nam*, Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, 1979, Hà Nội.

Sách giới thiệu khái quát về Quần đảo Hoàng Sa về phương diện lịch sử. Đồng thời lên án việc xâm chiếm Hoàng Sa bởi thế lực “bành trướng bá quyền Bắc Kinh.”

– 1979: TÔN THẮT DUƠNG KỶ - *Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*. Báo *Đại Đoàn Kết* ngày 3-7-1979.

Bài báo giới thiệu hai Quần đảo trên và xác lập chủ quyền Việt Nam trên khu vực lãnh hải này.

– 1982: TRUNG TRỰC. - *Hòn đất thiên triều*, báo Nhân Dân ngày 16-2-1982.

– NĐB: *Trung Quốc âm mưu biến cuộc xâm lược bằng bản đồ thành xâm lược bằng vũ trang*. Báo *Sài Gòn Giải phóng*, 12-2-1982.

– *Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*. Báo *Quân đội Nhân dân* 7406, 19-1-1982.

– *Một phát kiến địa lí kì quặc của Bắc Kinh*. Báo *Nhân dân*, *Hoàng Sa không phải là Hoàng Sa*, ngày 30-1-1982.

– 1984: TRUNG TRỰC - *Sự kiện ngày 19-1-1974 và mưu đồ bành trướng của Bắc Kinh*. Báo *Quân đội Nhân dân*, 19-1-1984.

– 1984: BỘ NGOẠI GIAO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*. Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.

Sách giới thiệu hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là một phần lãnh thổ từ lâu đời của Việt Nam, đồng thời bác bỏ các luận cứ sai trái của Trung Quốc về hai Quần đảo này mà họ cưỡng chiếm của Việt Nam.

– 1984: VŨ PHI HOÀNG - *Sự kiện Hoàng Sa năm 1974 trong chính sách của bốn bên trưởng bá quyền Trung Quốc*. Báo Nhân Dân, 22-1-1984.

– PHẠM HÂN - *Hoàng Sa là lãnh thổ thiêng liêng của Việt Nam*. Báo Nhân Dân, 25-1-1984.

– QUANG LỢI - *Những trang viết bằng chữ vàng trong Phủ biên tạp lục: Lê Quý Đôn viết về Hoàng Sa và Trường Sa của nước ta*. Báo Nhân Dân, 27-5-1984.

– 1985: NGUYỄN HỮU HẠNH - *Câu chuyện cưỡng chiếm. Hoàng Sa hay là sự cấu kết Washington Bắc Kinh*. Báo Tổ quốc tháng 8-1985.

– 1988: NGUYỄN Q. THẮNG - *Hoàng Sa - Trường Sa*, Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.

Sách giới thiệu khái quát về hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam. Sách gồm năm chương:

- Địa lí Văn hóa Hoàng Sa, Trường Sa
- Hoàng Sa, Trường Sa qua các bản đồ cổ Việt Nam
- Hoàng Sa, Trường Sa dưới mắt các sử gia Việt Nam
- Hoàng Sa, Trường Sa với các tác giả nước ngoài
- Diễn biến vụ tranh chấp chủ quyền Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa để chứng minh rằng hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam

– LƯU VĂN LỢI - *Cuộc tranh chấp Việt - Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, 1995, Hà Nội.

Sách viết về việc diễn tiến sự “tranh chấp” giữa chính quyền nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về hai Quần đảo này từ thời cận đại đến hiện đại. Trong sách tác giả có trích đăng nguyên văn bản công hàm ngày 14-9-1958 gửi thủ tướng Chu Ân Lai “*ghi nhận và tán thành*” bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc.

PHỤ LỤC

Lược trích bài tham luận:

Chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa:

THỦ PHÂN TÍCH LẬP LUẬN CỦA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC⁽¹⁾

Từ Đặng Minh Thu

(Tiến sĩ Luật, Đại học Sorbonne - Paris)

Nhắc đến Biển Đông, không ai không nghĩ đến hai cái tên rất đẹp Hoàng Sa và Trường Sa. Tiếc thay hai cái tên đó lại gắn liền với những gì đi ngược với thiện, mỹ, hoà, vì hai Quần đảo xa xôi này đã và đang là đối tượng của một cuộc tranh chấp sôi nổi giữa các quốc gia và lãnh thổ trong vùng. Cuộc tranh chấp đã kéo dài gần một thế kỷ nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được, và ngày càng trầm trọng hơn, đang là mối đe dọa cho hoà bình ở vùng Đông Nam Á.

Khi thì bùng nổ, khi thì lắng dịu, cuộc tranh chấp này mang mọi hình thức đấu tranh, từ đấu tranh chính trị, ngoại giao đến đấu tranh vũ lực. Các quốc gia tranh chấp cũng thay

(1) Phụ lục này in theo đề nghị của NXB Tri Thức do nguồn:

Tham luận đọc tại Hội Thảo Hè "Vấn Đề Tranh Chấp Biển Đông" tại New York City, ngày 15-16-8-1998. Nguồn: *Tạp chí Thời đại mới*, số 11 (tháng 7-2007)
http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai11/200711_TuDangMinhThu.htm#_edn1
Kỷ yếu *Hội thảo Phát triển Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Tranh chấp Biển Đông* (tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ), Tập thể tác giả, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2000.

đổi tùy theo thời cuộc. Lúc đầu chỉ có Pháp và Trung Hoa, tiếp sau đó, Nhật Bản và Philippin cũng nhảy vào đòi quyền lợi. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bại trận rút lui khỏi cuộc tranh chấp, Pháp rời Đông Dương, Trung Hoa thay đổi chính quyền, thì các quốc gia và vùng lãnh thổ tranh chấp gồm Việt Nam Cộng hoà, Trung Quốc, Đài Loan và Philippin. Sau khi Việt Nam thống nhất thì cuộc tranh chấp tiếp diễn giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ba quốc gia và vùng lãnh thổ kia. Ngày nay, từ khi Luật Biển mới ra đời, tầm quan trọng của hai Quần đảo tăng thêm, thì số quốc gia tranh chấp cũng tăng theo. Malaysia và Brunây cũng đòi quyền lợi trên Quần đảo Trường Sa. Với Công ước Luật Biển mới, quốc gia nào nắm những Quần đảo này không những được hưởng lãnh hải quanh đảo mà cả vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa quanh Quần đảo. Tuy nhiên, vấn đề phân chia lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa các quốc gia chưa thực hiện được khi chưa biết hai Quần đảo này thuộc về ai. Vì vậy, vấn đề xác định chủ quyền trên Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa càng quan trọng.

Bài viết này sẽ phân tích một số lý lẽ chính mà Việt Nam và Trung Quốc đưa ra để khẳng định chủ quyền của mình, vì đây là hai quốc gia chính trong cuộc tranh chấp.

I- DIỄN BIẾN CUỘC TRANH CHẤP

(...)

Diễn biến cuộc tranh chấp sẽ được trình bày vắn tắt theo thứ tự thời gian, qua ba giai đoạn: trước thời Pháp thuộc, trong thời Pháp thuộc, và sau thời Pháp thuộc.

1. Trước thời Pháp thuộc

(...)

– Những người đánh cá Trung Hoa và Việt Nam sống trên các đảo tùy theo mùa nhưng từ bao giờ thì không thể xác định được.

– Đầu thế kỷ XVII: Chúa Nguyễn tổ chức khai thác trên các đảo. Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải có nhiệm vụ ra đóng ở hai Quần đảo, mỗi năm tám tháng để khai thác các nguồn lợi: đánh cá, thu lượm những tài nguyên của đảo, và những hoá vật do lấy được từ những tàu đắm.

– Năm 1753: Có 10 người lính của Đội Bắc Hải đến Quần đảo Trường Sa: 8 người xuống đảo, còn hai người thì ở lại canh thuyền. Thình lình cơn bão tới và thuyền bị trôi dạt đến cảng Thanh Lan của Trung Quốc. Chính quyền Trung Hoa cho điều tra, và khi biết các sự kiện, đã cho đưa hai người lính Việt Nam về.[2]

– Năm 1816: Vua Gia Long chính thức chiếm hữu đảo, ra lệnh cắm cờ trên đảo và đo thủy trình.

– Năm 1835: Vua Minh Mạng cho xây đền, đặt bia đá, đóng cọc và trồng cây. Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải được trao nhiều nhiệm vụ hơn: khai thác, tuần tiễu, thu thuế dân trên đảo, và biên phòng bảo vệ hai Quần đảo. Hai đội này tiếp tục hoạt động cho đến khi Pháp nhảy vào Đông Dương.

2. Thời Pháp thuộc

– Năm 1884: Hiệp ước Huế áp đặt chế độ thuộc địa.

– 9-6-1885: Hiệp ước Pháp - Thanh Thiên Tân là một hiệp ước hữu nghị, chấm dứt xung đột giữa Pháp và Trung Hoa.

– 26-6-1887: Hiệp ước Pháp - Thanh ấn định biên giới giữa Bắc Việt Nam và Trung Hoa.

– 1895 - 1896: Vụ La Bellona và Imaji Maru.

Có hai chiếc tàu La Bellona và Imeji Maru bị đắm gần Hoàng Sa, một chiếc bị đắm năm 1895, và chiếc kia bị đắm năm 1896. Những người đánh cá ở Hải Nam bèn thu lượm đồng từ hai chiếc tàu bị đắm. Các công ty bảo hiểm của hai chiếc tàu này phản đối chính quyền Trung Hoa. Chính quyền Trung Hoa trả lời là Trung Hoa không chịu trách nhiệm, vì Hoàng Sa không phải là lãnh thổ của Trung Hoa, và cũng không phải của An Nam.[3]

(...)

II- PHÂN TÍCH LẬP LUẬN CỦA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC

Lý lẽ mà cả Việt Nam và Trung Quốc đưa ra là chủ quyền lịch sử, cả hai quốc gia đều khẳng định mình có chủ quyền từ lâu đời được củng cố và chứng minh bằng lịch sử. Ngoài ra, Trung Hoa ngày xưa, cũng như Đài Loan ngày nay, và nhiều tác giả thường viện dẫn Hiệp ước Pháp - Thanh 1887 để khẳng định hai Quần đảo thuộc về Trung Quốc. Vì Trung Quốc và Đài Loan đã đồng ý nói chung một tiếng nói trong vụ tranh chấp này, do đó, đây cũng có thể là một lý lẽ của Trung Quốc. Thời kỳ gần đây, từ khi tranh chấp với Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Trung Quốc đã viện dẫn thêm một lý lẽ, là những lời tuyên bố trước đây của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phần này sẽ phân tích ba lý lẽ nói trên.

1. Chủ quyền lịch sử

Cả Việt Nam và Trung Quốc đều nại rằng mình đã khám phá, chiếm hữu và hành xử chủ quyền lâu đời. Chúng ta thử phân tích lý lẽ chủ quyền lịch sử của mỗi bên có đạt đủ tiêu chuẩn của luật quốc tế hay không. Trước tiên, chúng ta hãy tìm hiểu luật quốc tế chi phối sự chiếm hữu lãnh thổ vô chủ như thế nào.

1.1. Sự chiếm hữu lãnh thổ vô chủ theo luật quốc tế.

Một sự chiếm hữu lãnh thổ, muốn hợp pháp, phải hội đủ ba điều kiện:

Một là, điều kiện liên quan đến đối tượng của sự chiếm hữu: lãnh thổ được chiếm hữu phải là đất vô chủ (*res nullius*), hoặc là đã bị chủ từ bỏ (*res derelicta*).

Hai là, tác giả của sự chiếm hữu phải là một quốc gia. Chiếm hữu phải được thực hiện bởi chính quyền của quốc gia muốn chiếm hữu hoặc bởi đại diện của chính quyền chiếm hữu nhân danh quốc gia mình. Tư nhân không có quyền chiếm hữu.

Ba là, phương pháp chiếm hữu:

(...)

Ngày nay theo luật quốc tế, sự chiếm hữu lãnh thổ phải bao gồm cả hai yếu tố vật chất và tinh thần. Yếu tố vật chất được thể hiện qua việc chiếm hữu thực sự và hành xử chủ quyền trên lãnh thổ đó. Điều này có nghĩa là quốc gia chiếm hữu phải có sự hiện diện thường trực trên lãnh thổ được chiếm hữu và phải có những hoạt động hoặc những hành vi có tính quốc gia đối với lãnh thổ đó. Sự hành xử chủ quyền phải có tính liên tục. Còn yếu tố tinh thần có nghĩa là quốc gia phải có ý định thực sự chiếm hữu mảnh đất đó. Phải hội đủ hai yếu tố vật chất và tinh thần trên thì sự chiếm hữu mới có hiệu lực. Và sự từ bỏ lãnh thổ cũng phải hội đủ cả hai yếu tố: vật chất, tức là không hành xử chủ quyền trong một thời gian dài, và tinh thần, tức là có ý muốn từ bỏ mảnh đất đó. Phải hội đủ cả hai yếu tố: từ bỏ vật chất và từ bỏ tinh thần thì lãnh thổ đó mới được xem như bị từ bỏ, và trở lại quy chế vô chủ. [4]

Ngoài phương pháp chiếm hữu thực sự và hành xử chủ

quyền (occupation và effectivité), một quốc gia cũng có thể thụ đắc chủ quyền qua những phương pháp khác như chuyển nhượng (cession), thời hiệu (prescription), củng cố chủ quyền bằng danh nghĩa lịch sử (consolidation par titre historique)? Phương pháp củng cố chủ quyền bằng danh nghĩa lịch sử được áp dụng nếu quốc gia đã sử dụng lâu đời một lãnh thổ khác mà không có phản đối của một quốc gia nào khác.[5]

Những tiêu chuẩn trên đã được áp dụng thường xuyên bởi án lệ quốc tế, trong những bản án về tranh chấp đảo Palmas, đảo Groenland, đảo Minquier và Ecrehous?

1.2. Chủ quyền lịch sử của Việt Nam

Phải nói rằng, vì hoàn cảnh chiến tranh, nên tài liệu lịch sử của Việt Nam đã bị tàn phá hoặc thất lạc rất nhiều. Việt Nam đã đưa ra những tài liệu lịch sử và địa lý đủ để chứng minh rằng mình đã khám phá ra hai Quần đảo này từ lâu, đã chiếm hữu tượng trưng cũng như thực sự và hành xử chủ quyền trên hai Quần đảo qua nhiều đời vua và trải qua ít nhất là ba thế kỷ.

1.2.1. Khám phá ít nhất là từ thế kỷ XV, và hành xử chủ quyền trong thế kỷ XVII

(...)

Theo sử gia Võ Long Tê, mặc dù quyển sách của Đỗ Bá được viết vào thế kỷ XVII (vào năm 1686), đoạn thứ nhất của hai đoạn trên được trích từ phần thứ ba của quyển Hồng Đức Bản Đồ - Hồng Đức là tên hiệu của Vua Lê Thánh Tông (năm 1460 - 1497).[7] Như vậy, Việt Nam đã khám phá hoặc biết tới những đảo này ít ra cũng từ thế kỷ XV. Danh từ Bãi Cát Vàng chứng tỏ rằng những đảo này đã được những người Việt Nam ít học nhưng hiểu biết nhiều về biển khám phá và khai

thác, từ lâu trước khi chính quyền Chúa Nguyễn tổ chức khai thác đảo. Dân Việt Nam đã sinh sống ở đó từ nhiều thế kỷ, và chính quyền nhà Nguyễn từ thế kỷ XVII đã biết tổ chức khai thác đảo có hệ thống. Những yếu tố này, nhất là sự khai thác của nhà nước từ thế kỷ XVII qua rất nhiều năm, đã tạo nên từ thời đó một chủ quyền lịch sử cho Việt Nam trên những đảo này.

1.2.2. Hành xử chủ quyền trong thế kỷ XVIII: Quyển Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn

(...)

Đặc biệt là bộ Lịch triều hiến chương loại chí: Dư địa chí của Phan Huy Chú (năm 1782 - 1840). Phan Huy Chú và các tác phẩm của ông được Gaspardone nghiên cứu. Bộ sử này viết vào đầu thế kỷ XIX và gồm 49 quyển nằm ở École Fransaie d'Extrême Orient.[12]

1.2.3. Chính thức chiếm hữu và hành xử chủ quyền trong thế kỷ XIX

Chủ quyền được tiếp tục hành xử qua thế kỷ XIX, dưới thời nhà Nguyễn (là thời đại kế vị chính quyền các Chúa Nguyễn).

Vị vua đầu tiên của nhà Nguyễn, Vua Gia Long, đã củng cố thêm quyền lịch sử của Việt Nam bằng cách chính thức chiếm hữu hai Quần đảo. Năm 1816, Vua đã ra lệnh cho Đội Hoàng Sa và hải quân của triều đình ra thăm dò, đo thủy lộ và cắm cờ trên Quần đảo Hoàng Sa để biểu tượng cho chủ quyền của Việt Nam. Đoạn sau đây của bộ *Việt Nam thực lục chính biên* chứng minh điều này:

Năm Bính Tý, năm thứ 15 đời Vua Gia Long (1816)

Ra lệnh cho lực lượng hải quân và Đội Hoàng Sa đổ bộ

lên Quần đảo Hoàng Sa để thanh tra và khám xét thủy trình.

Sự chiếm hữu hai Quần đảo theo lệnh của Vua Gia Long cũng được chứng nhận bởi các tài liệu của phương Tây.

Bài của M.A. Dubois de Jancigny viết như sau:

? Từ hơn 34 năm, Quần đảo Paracels, mang tên là Cát Vàng hay Hoàng Sa, là một giải đảo quanh co của nhiều đảo chìm và nổi, quả là rất đáng sợ cho các nhà hàng hải, đã do những người Nam Kỳ chiếm giữ. Chúng tôi không biết rằng họ có xây dựng cơ sở của mình hay không, nhưng chắc chắn rằng Vua Gia Long đã quyết định giữ nơi này cho triều đại mình, vì rằng chính ông đã thấy được rằng tự mình phải đến đấy chiếm lấy và năm 1816 nhà vua đã trịnh trọng cắm ở đấy lá cờ của Nam Kỳ.[13]

Một bài khác của Jean Baptiste Chaigneau cũng ghi nhận điều trên:

Nam Kỳ, mà nhà vua hiện nay là hoàng đế bao gồm bản thân xứ Nam Kỳ, xứ Bắc Kỳ, một phần của Vương quốc Campuchia, một số đảo có người ở không xa bờ biển và Quần đảo Paracel gồm những bá đá ngầm, đá nổi không có người ở. Chỉ đến năm 1816 Hoàng đế hiện nay mới chiếm lĩnh những đảo ấy.[14]

Năm 1833, Vua Minh Mạng cho đặt bia đá trên Quần đảo Hoàng Sa và xây chùa. Vua cũng ra lệnh trồng cây và cột trên đảo. Bộ *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển thứ 104, viết như sau:

Tháng tám mùa thu năm Quý Ty, Minh Mệnh thứ 14 (năm 1833)? Vua bảo Bộ Công rằng: Trong hải phận Quảng Ngãi, có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt được nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường (mắc

cạn) bị hại. Nay nên dự bị thuyền mảnh, đến sang năm sẽ phái người tới đó dựng miếu, lập bia và trồng nhiều cây cối. Ngày sau cây cối to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết ngõ hầu tránh khỏi được nạn mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời.[15]

Năm sau, Vua Minh Mệnh ra lệnh cho Đội Hoàng Sa ra đảo lấy kích thước để vẽ bản đồ. Quyển Đại Nam thực lục chính biên (năm 1834), quyển thứ 122 ghi nhận điều này:

Năm Giáp Ngọ, thứ 15, đời Minh Mệnh:

? Vua truyền lệnh cho Đội trưởng Trương Phúc Sĩ và khoảng trên 20 thủy thủ ra Quần đảo Hoàng Sa để vẽ bản đồ?.[16]

Đến năm 1835 thì lệnh xây miếu, dựng bia đá được hoàn tất và được ghi nhận trong quyển Đại Nam thực lục chính biên, quyển thứ 154:

Tháng sáu mùa hạ năm Ất Mùi, Minh Mệnh thứ 16 (năm 1835)? Dựng đền thờ thần (ở đảo) Hoàng Sa thuộc Quảng Ngãi. Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi, có một chỗ nổi cồn cát trắng, cây cối xanh um, giữa cồn cát có giếng, phía Tây Nam có miếu cổ, có tấm bài khắc bốn chữ: “Vạn Lý Ba Bình” (1). Cồn Bạch Sa chu vi 1.070 trượng, tên cũ là Phật Tự Sơn, bờ đông, tây, nam đều đá san hô thoải uốn quanh mặt nước. Phía bắc, giáp với một cồn toàn đá san hô, sừng sững nổi lên, chu vi 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát, gọi là Bàn Than Thạch. Năm ngoái vua toan dựng miếu lập bia ở chỗ ấy, nhưng vì sóng gió không làm được. Đến đây mới sai cai đội thủy quân Phạm Văn Nguyên đem lính và Giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu (cách toà miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu dựng bia đá; phía trước miếu xây bình phong. Mười ngày làm xong, rồi về.[17]

Đoạn sau đây của cùng bộ sách, cho thấy Vua nhà Nguyễn không những quan tâm đến việc khai thác đảo mà còn nhận thức được vị trí chiến lược của hai Quần đảo, xem chúng như là lãnh thổ biên phòng của Việt Nam và tổ chức cả một chương trình dài hạn để củng cố biên cương đó - theo *Đại Nam thực lục chính biên*, quyển thứ 165:

Năm Bính Thân, niên hiệu Minh Mệnh thứ 17 (năm 1836), mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1?

Bộ Công tâu: Cương giới mặt biển nước ta có xứ Hoàng Sa rất là hiểm yếu. Trước kia, đã phái vẽ bản đồ mà hình thể nó xa rộng, mới chỉ được một nơi, cũng chưa rõ ràng. Hàng năm, nên phái người đi dò xét cho khắp để thuộc đường biển. Từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, xin phái thủy quân và vệ Giám thành đáp một chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, bắt hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa, không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào; khi thuyền đi đến, cũng xét xem xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi, và nước biển xung quanh nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thể hiểm trở, bình dị thế nào, phải tường tất đo đạc, vẽ thành bản đồ. Lại xét ngày khởi hành, từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào đường đi, tính ước được bao nhiêu dặm. Lại từ xứ ấy trông vào bờ biển, đối thẳng vào là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, đối chênh lệch là tỉnh hạt nào, phương hướng nào, cách bờ biển chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem về dâng trình.

Vua y lời tâu, phái suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền đi, chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi (mỗi bài gỗ dài 5 thước, rộng 5 tấc,

dày 1 tấc, mặt bài khắc những chữ Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, thủy quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để ghi nhớ.[18]

Sau đó, hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được vẽ trên bản đồ của triều đình Vua Minh Mệnh. Những đoạn trên đây cho thấy chủ quyền lịch sử của Việt Nam đã tiếp tục được hành xử bởi các vua nhà Nguyễn. Đội Hoàng Sa và Bắc Hải được trao thêm nhiều nhiệm vụ: tuần tiễu, đi lấy kích thước đảo để vẽ bản đồ, thăm dò địa hải, vẽ thủy trình,? Những Đội này cũng có nhiệm vụ thu thuế những người tạm sống trên đảo[19].

Hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải hoạt động cho đến khi Pháp xâm lược Việt Nam. Ít nhất từ thế kỷ XVII (và có thể từ thế kỷ XV hoặc trước nữa), từ thời Chúa Nguyễn, trải qua các triều đại Vua nhà Nguyễn, trong ba thế kỷ, hai đội này đã có nhiều hoạt động khai thác, quản trị và biên phòng đối với hai Quần đảo. Đây là những hoạt động của nhà nước, do nhà nước tổ chức. Những hoạt động này kéo dài suốt 300 năm không có một lời phản đối của Trung Hoa thời đó. Nhà Nguyễn cũng ý thức được trách nhiệm quốc tế của mình từ thời đó và cho trồng cây trên đảo để các thuyền bè khỏi bị đắm và mắc cạn. Rõ ràng đây là những sự hành xử chủ quyền của một quốc gia trên lãnh thổ của mình.

Như vậy, chủ quyền của Việt Nam được thụ đắc qua hai phương pháp phối hợp nhau: (1) quyền lịch sử bắt nguồn từ sự sử dụng và chiếm hữu lâu đời một lãnh thổ vô chủ dưới thời các Chúa Nguyễn, thế kỷ XVII và XVIII (*consolidation par titre historique*), và (2) chủ quyền bắt nguồn từ sự chính thức chiếm hữu và hành xử chủ quyền một cách liên tục dưới

thời các vua nhà Nguyễn, thế kỷ XIX (prise de possession, occupation et effectivité). Thực ra việc thụ đắc bằng phương pháp (1) cũng đã đủ để tạo chủ quyền cho Việt Nam, và như vậy, Việt Nam đã có chủ quyền lịch sử từ thế kỷ XVII. Quyền này lại được củng cố thêm khi các vua nhà Nguyễn chính thức chiếm hữu đảo. Đội Hoàng Sa và Bắc Hải không hiện diện thường xuyên trên đảo vì điều kiện sinh sống ở các đảo không cho phép. Tuy nhiên, lệ án quốc tế đã mềm dẻo đối với những nơi này luật không bắt buộc phải có một sự hiện diện thường xuyên của quốc gia chiếm hữu. Trong vụ án Clipperton, Pháp chỉ cho tàu chiến thanh tra đảo, mà không đặt một cơ quan công quyền nào hiện diện thường xuyên tại đảo. Trọng tài Quốc tế đã cho rằng như vậy cũng đủ để hành xử chủ quyền, vì điều kiện ở đảo không cho phép sống thường xuyên trên đó.[20] Trong trường hợp Việt Nam, mặc dù không ở lại đảo thường xuyên, hai Đội Hoàng Sa và Bắc Hải cũng sống ở đó tám tháng mỗi năm đến khi gió nồm bắt đầu thổi, tức là mùa bão biển tới, họ mới trở về đất liền 4 tháng, và đến tháng giêng lại trở ra các đảo đóng ở đó tám tháng và hàng năm đều như vậy. Với hoàn cảnh thời đó, thuyền của các quốc gia khác, kể cả thuyền của Trung Hoa đều sợ không dám đến đảo, trong khi Việt Nam cho quân đến đóng ở các đảo tám tháng mỗi năm. Như vậy, đã vượt tiêu chuẩn ấn định bởi vụ án Clipperton, và quá đủ để xem như Việt Nam đã chiếm hữu hai Quần đảo từ thời các Chúa Nguyễn (thế kỷ XVII).

1.2.4. Trung Quốc nói rằng những đảo trong bản đồ của Việt Nam (Đại Nam nhất thống toàn đồ), không phải là Xisha (đảo Cồn cát Tây) và Nansha (đảo Cồn cát Nam) của Trung Quốc vì bản đồ cho thấy những đảo gần bờ biển quá.[21]

Phải nói rằng kỹ thuật đo lường, kỹ thuật vẽ bản đồ, ý niệm về khoảng cách và thời gian ngày xưa không phải như

ngày nay. Chính những tác giả Trung Quốc đã khẳng định điều đó.[22] Vấn đề xác định những đảo tranh chấp không phải là mới mẻ, vì nó đã được đặt ra trong nhiều bản án.[23] Vấn đề này cũng được đặt ra đối với lập luận của Trung Quốc ở mục 1.3. của bài này. Dù sao, trong trường hợp Việt Nam, chỉ cần nhìn bản đồ cũng thấy rằng không có sự nhầm lẫn giữa Hoàng Sa, Trường Sa và các đảo ở ven biển, khi bản đồ được vẽ, vì những đảo ven bờ biển như đảo Ré cũng đều được vẽ trên bản đồ, những đảo này đã được vẽ sát dọc theo bờ biển. Mà trên thực tế, giữa những đảo ven bờ biển và Hoàng Sa, Trường Sa, không có đảo hoặc Quần đảo nào khác. Từ đó, chúng ta có thể kết luận rằng những Quần đảo mà bản đồ Việt Nam ghi là Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa chính là Hoàng Sa và Trường Sa. Phương pháp suy diễn này đã được áp dụng trong bản án Palmas. Người vẽ bản đồ chỉ không có ý niệm xác thực về khoảng cách không gian và tỷ lệ phải áp dụng khi chuyển nó lên mặt giấy để vẽ bản đồ, nên vẽ khoảng cách ngắn hơn thực tế.

Ngay cả khoảng cách giữa hai Quần đảo Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa cũng bị rút ngắn lại, khiến cho thoát nhìn, người ta có thể tưởng rằng đây chỉ là một Quần đảo. Tuy nhiên, nhiều điều rút từ những ghi chép trong sách sử Việt Nam, và từ những bản đồ thời đó, đã chứng minh đó không phải chỉ là một Quần đảo Hoàng Sa:

(1) Trên bản đồ Đại Nam nhất thống toàn đồ có ghi tên hai đảo rõ rệt vẽ bằng chữ nho: Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa.

(2) Các sách sử địa của Việt Nam có nói đến 130 đảo. Con số này không phù hợp với số đảo thuộc Quần đảo Hoàng Sa, hoặc Quần đảo Trường Sa tính riêng. Nhưng nếu cộng số đảo của hai Quần đảo lại thì con số vừa đúng là 130.[24]

(3) Nếu so sánh bản *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (Bản đồ 1), bản đồ phóng đại của Quần đảo này trích từ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (Bản đồ 2), bản đồ The Times Atlas of the World (ghi tắt là Atlas, Bản đồ 3 và 6), bản đồ phóng to hiện thời của dãy Hoàng Sa (Bản đồ 4), và bản đồ của dãy Trường Sa (Bản đồ 7), thì sẽ thấy như sau:

– Hình dạng của dãy Quần đảo trên Bản đồ 1 không phù hợp với hình dạng của Quần đảo Hoàng Sa nói riêng. Hình dạng của Quần đảo của Hoàng Sa là theo hình vòng tròn, nó gồm hai cụm đảo chính là cụm Crescent hình dạng đúng như cái tên của nó, tức là các đảo nằm cụm vào nhau theo hình lưỡi liềm. Phía sau cụm Croissant (Lưỡi Liềm) là cụm Amphitrite (An Vĩnh), xếp theo hình vòng cung. Ngoài ra có vài đảo rải rác quanh đó, nằm theo hình vòng tròn vây quanh hai cụm đảo chính, chứ không phải hình dài (xem Bản đồ 3 và 4). Trong khi đó, nếu nhìn vào Bản đồ 2, ta sẽ thấy một Quần đảo theo hình chuỗi trái dài xuống và bị thóp lại ở giữa, hoàn toàn không phải là hình cụm như Quần đảo Hoàng Sa. Phần trên của chuỗi này, được xếp theo cụm giống như Hoàng Sa (xem đoạn từ A tới B trên bản đồ, do tác giả kẻ cho dễ thấy). Nhưng nửa dưới của chuỗi đảo mang một hình dạng xuôi dài xuống (đoạn kẻ từ B tới C), không giống một phần nào của Quần đảo Hoàng Sa như ta thấy trên Bản đồ 3 hoặc Bản đồ 4. Phần này chắc chắn không phải là Hoàng Sa. Theo Bản đồ 6 thì giữa Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa không có một Quần đảo nào khác cả, mà Quần đảo hình chuỗi dài xuống thì lại càng không có. Như vậy phần dưới của chuỗi đảo được vẽ trên Bản đồ 2 không thể là Quần đảo nào khác hơn là Trường Sa.

Mỗi phần lại có một tên riêng viết bằng chữ nho: Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa. Điều này chứng minh Đại Nam nhất

thống toàn đồ phân biệt rõ ràng hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Bản Đại Nam nhất thống toàn đồ (Bản đồ 1) cho thấy chuỗi đảo kéo dài suốt từ Quảng Nam đến tận Cam Ranh, đảo thấp nhất trên bản đồ nằm ngoài khơi Cam Ranh và Khánh Hoà. Trong khi đó Quần đảo Hoàng Sa trên bản đồ Atlas nằm ngoài khơi tỉnh Quảng Nam, đảo thấp nhất của nó theo hướng tây nam là đảo Triton (đảo Tri Tôn) nằm song song với tỉnh Quảng Nam. Trên Bản đồ 2, đảo thấp nhất phía tây của cụm đảo A-B nằm ngang với cửa Đại Cát (trong sách của Đỗ Bá gọi là Đại Chiêm), mà Đại Cát vị trí ngang với Quảng Nam. Như vậy, đảo nói trên là đảo Triton (gạch chữ X trên Bản đồ 2, do tác giả ghi). Và như thế thì làm sao cắt nghĩa được đoạn dưới của chuỗi đảo trên *Đại Nam nhất thống toàn đồ*, là đoạn bắt đầu từ Quảng Nghĩa (Quảng Ngãi trên bản đồ Atlas) đến vịnh Cam Ranh? Đảo Hoàng Sa không kéo dài xuống tới Khánh Hoà hoặc vịnh Cam Ranh. Nếu nhìn vào bản đồ Atlas, ta sẽ thấy song song với tỉnh Phan Rang, gần vịnh Cam Ranh (xem Bản đồ 6), là đảo Thitu (đảo Thị Tứ) của dãy Trường Sa: Northeast Cay (đảo Song Tử Đông), Southeast Cay (đảo Song Tử Tây), South Reef (đá Nam), và West York Island (đảo Dừa), đều nằm ngoài khơi, ngang với khoảng cách từ Khánh Hoà tới Cam Ranh (xem Bản đồ 7).

- Nhìn vào bản đồ của *Đại Nam nhất thống toàn đồ* (Bản đồ 1), có thể có bốn giả thuyết:

a) Đội Hoàng Sa và Bắc Hải không biết đến Trường Sa và các tác giả chỉ vẽ Hoàng Sa mà thôi.

b) Đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã hoạt động ở cả Quần đảo Hoàng Sa và toàn thể Quần đảo Trường Sa, và tác giả của bản đồ muốn vẽ cả hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, nhưng

vì kỹ thuật kém, nên toàn khối Trường Sa gắn với Hoàng Sa hơn ngoài thực tế.

c) Đội Hoàng Sa và Bắc Hải chỉ hoạt động và thám thính các đảo phía bắc của dãy Trường Sa, tức Northeast Cay, Southeast Cay, South Reef và Thitu; và người vẽ bản đồ, vì kỹ thuật kém nên vẽ các đảo đó gắn với Quần đảo Hoàng Sa.

d) Đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã hoạt động ở những đảo nói trên của Quần đảo Trường Sa và cả dãy đảo phía dưới các đảo này tức Xubi Reef (đá Subi), Loaita Island (đảo Loai Ta), Itu Aba Island (đảo Ba Bình), Great Discovery Reef (đá Lớn), Spratly Island (đảo Trường Sa), ? nhưng vì kỹ thuật kém, nên vẽ dãy đảo này gắn với Quần đảo Hoàng Sa.

Dựa vào những dữ kiện vừa nêu, thì giả thuyết thứ nhất (a) đáng loại bỏ trước tiên, vì số đảo, hình dạng của Quần đảo Hoàng Sa, địa điểm của nó so với những tỉnh trong đất liền, tất cả những chi tiết này như được vẽ trên Bản đồ 1 và 2 không ăn khớp với thực tế trên Bản đồ 3 và 4. Chúng ta cũng không nghĩ rằng tác giả bản *Đại Nam nhất thống toàn đồ* có thể vì kỹ thuật kém nên kéo dài Hoàng Sa xuống tận Cam Ranh. Vì *Đại Nam thư lục chính biên*, quyển 165, có nói rõ một trong những mục đích của những chuyến công tác của Đội Hoàng Sa và Bắc Hải là gạch lộ trình để ra mỗi đảo, và ấn định rõ vị trí của mỗi đảo so với mỗi tỉnh ngang với nó trong đất liền. Phải ấn định rõ cửa khẩu nào đưa ra mỗi đảo. Mỗi lộ trình phải được ước lượng bằng dặm.[25] Như vậy, tác giả của bản đồ này không thể nào nhầm lẫn mà ấn định đảo cuối của dãy Hoàng Sa nằm ngang với Cam Ranh. Giả thuyết thứ ba (c) không giải thích được hình dạng của chuỗi đảo trên bản đồ 1. Giả thuyết thứ hai (b) và thứ tư (d) có iê sát sự thực vì nó giải thích được hình dạng của chuỗi đảo trên

Bản đồ 1, vị trí của đảo ngang với vùng Khánh Hoà, Cam Ranh. Hình chuỗi nằm xuôi dài xuống của các đảo ở đoạn CD, khiến chúng ta nghiêng về giả thuyết thứ tư (d) hơn. Tuy nhiên, giả thuyết thứ ba (c) cũng có thể áp dụng được nếu cho rằng Đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã biết toàn thể hoặc đa số các đảo trên dãy Trường Sa, nhưng khi đưa lên bản đồ chỉ vẽ được một số đảo ở phía Tây mà thôi. Như vậy, sẽ ăn khớp với số đảo là 130 đã được ghi trong những sách sử nói trên. Và lại, *Đại Nam thực lục chính biên* cũng có nói trong tờ trình của Bộ Công, là Quần đảo rất rộng nên chỉ vẽ được một số đảo giới hạn. Tờ trình cũng công nhận là bản đồ vẽ không được chính xác.

Quần đảo Hoàng Sa, biên giới biển của nước ta, là một địa điểm chiến lược rất quan trọng? Những đoàn công tác đã được phái đi để lấy kích thước vẽ bản đồ, nhưng vì Quần đảo quá rộng, nên chỉ mới vẽ được một đảo trên bản đồ, mà cũng không được chính xác và chi tiết như mong muốn? Vì vậy, tờ trình của Bộ Công đã đề nghị Vua cho công tác ra các đảo mỗi năm: Ta nên gửi đoàn công tác ra mỗi năm để thám sát toàn diện Quần đảo?.[26]

Bản đồ vẽ Quần đảo Trường Sa gần với Quần đảo Hoàng Sa hơn trong thực tế chỉ vì kỹ thuật thời đó còn kém, không biết tỷ lệ đưa lên giấy. Bản đồ của Trung Hoa và của phương Tây thời đó cũng mang khuyết điểm này. Hơn nữa, vị trí của hai Quần đảo nằm trên cùng một kinh tuyến 111;[27] Quần đảo Trường Sa nằm hơi nhích sang phía Đông Nam, nên trên thực tế cũng không xa nhau lắm, và vì thời đó người ta không có được ý niệm chính xác về kích thước và tỷ lệ phải tuân theo khi vẽ bản đồ, thì có khuynh hướng vẽ hai Quần đảo gần nhau hơn thực tế, cũng dễ hiểu. Dù sao, giả thuyết thứ hai (b), thứ ba (c) hoặc thứ tư (d) cũng đều chứng minh được

Việt Nam ít ra cũng có hành xử chủ quyền trên Quần đảo Trường Sa.

Những bản đồ của phương Tây thời xưa cũng không phân biệt được Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa nên đã vẽ cả hai thành một khối gọi là Hoàng Sa. Thí dụ, bản đồ của anh em Van Langren, 1595, bản đồ *Les établissements et point de pénétration européen en Extrême Orient au 18^e siècle* (Bản đồ 8 và 9).

Trước thời Minh Mạng, hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng được xem như một Quần đảo, nên gọi hai Quần đảo là Hoàng Sa, có khi gọi là Vạn Lý Trường Sa. Nhưng sau khi các đoàn công tác được Vua Minh Mạng ra lệnh lấy kích thước và thám sát cả hai Quần đảo, thì bản đồ được vẽ sau đó (tức bản *Đại Nam nhất thống toàn đồ*), mới ghi rõ ràng hai tên khác nhau cho hai Quần đảo. Nếu trên Bản đồ 2, chúng ta lấy bút khoanh cụm đảo ở đoạn A-B lại, và cũng khoanh chuỗi đảo ở đoạn B-C lại, thì ta sẽ thấy hai Quần đảo riêng rẽ, với hai cái tên riêng rẽ (xem Bản đồ 5).

Do đó, ta có thể kết luận rằng Việt Nam đã hành xử chủ quyền trên cả hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì vậy mới có sự hiện diện của Đội Bắc Hải được cử đi khai thác và quản lý những đảo Trường Sa, Côn Lôn, vùng Hà Tiên,? (thể theo quyển *Phủ Biên tạp lục*, quyển 2). Người ta có thể thắc mắc tại sao Đội Bắc Hải đảm trách Trường Sa, Côn Lôn, Hà Tiên, là những vùng phía Nam, mà lại gọi là Bắc Hải. Sử gia Võ Long Tê có giải thích rằng Bắc Hải theo nghĩa chữ nho cũng có thể là xa xôi. Như vậy, Bắc Hải có thể hiểu là vùng biển xa xăm.[28] Nghĩa thứ hai mà ta có thể giải thích là Đội Bắc Hải kiêm trách cả vùng biển miền Bắc lẫn những đảo ở phía Nam. Vì quyển *Phủ Biên tạp lục* có ghi rằng Đội Bắc Hải

hoạt động ở ? vùng Biển Bắc, những đảo Côn Lôn, Cù Lao, vùng Hà Tiên và Côn Tư?.[29] Nếu theo giả thuyết trên thì ta phải hiểu là hai Đội Hoàng Sa và Bắc Hải bổ túc cho nhau chứ không có sự phân chia vùng hoạt động giữa hai Đội. Theo như ghi chép trong Phủ Biên tạp lục thì sự phân chia giữa hai Đội là ở sản vật được khai thác: Đội Bắc Hải gần như chỉ thu thập các hải sản, còn Đội Hoàng Sa thu thập cả các hoá vật, vàng, bạc,? do tàu đắm để lại.

Thêm một nhận xét nữa là: Trường Sa nằm ở gần đảo Côn Lôn nên không lẽ thời đó, Đội Bắc Hải hoặc dân đánh cá Việt Nam từ trước nữa đã khám phá và khai thác đảo Côn Lôn mà lại không hề biết đến đảo Trường Sa. Nhất là tàu thuyền của Việt Nam thời đó là một lực lượng hùng mạnh khiến nhiều nhà thám hiểm phương Tây phải xác nhận điều đó. Thí dụ, ông Gentil de la Barbinais đã viết trong quyển *Nouveau voyage autour du monde* (xuất bản vào năm 1738) như sau: Quoique jusqu'ici les Cochinchinois, aient attaqué ou se soient défendus par terre, les emplois de l'armée navale sont plus recherchées, comme étant les plus honorifiques. Le Roi de Cochinchine entretient 150 galères. À la dernière revue des galères, qui se fit en 1678, il y avait 131 galères?[30] (Có thể dịch là: Mặc dù dân Việt Nam đến bây giờ vẫn tấn công hoặc phòng thủ trên đất liền, việc sử dụng lực lượng hải quân của họ tinh vi hơn, và có thể nói là xuất sắc nhất. Vua Việt Nam có 150 chiến thuyền. Nhân cuộc biểu trưng chiến thuyền gần nhất, được tổ chức vào năm 1678, có tới 131 chiến thuyền?).

1.3. Chủ quyền lịch sử viện dẫn bởi Trung Quốc

Trung Quốc cũng viện dẫn quyền khám phá và sự hành xử chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

1.3.1. Quyền khám phá

Trung Quốc đã khẳng định rằng mình đã khám phá ra hai Quần đảo tranh chấp từ đời nhà Hán, năm 206 trước Công nguyên. Tuy nhiên, có tác giả Trung Hoa lại xác định là những tài liệu sớm nhất ghi chép sinh hoạt của người Trung Hoa trên những đảo này, thuộc đời nhà Tống (thế kỷ XIII).[31]

Trung Quốc đã viện dẫn nhiều đoạn trích từ sách sử địa của mình. Nhưng thực tế cho thấy các đoạn do Trung Quốc đưa ra, chỉ tả hai Quần đảo như những gì nằm trong lộ trình đi ngang Biển Đông mà thôi. Ngoài ra, các đoạn được viện dẫn trước thế kỷ XIII cũng không nói đến đảo nào, mà chỉ nói đến biển Nam Hải. Những đoạn sách viết từ thế kỷ XIII mới bắt đầu nêu tên đảo, nhưng không có đoạn nào nói tới Xisha và Nansha. Nhiều điểm từ những đoạn được nêu ra, còn cho thấy rõ ràng Wanlishitang (Vạn Lý Thạch Sành) mà Trung Quốc nói là Nansha thực tế không phải là Nansha mà là đảo khác.

a) Sách sử trước thế kỷ XIII

– Quyển *Dị vật chí* thời Hán (Yi Wu Zhi), viết như sau:[32]

Có những đảo nhỏ, cồn cát, đá ngầm, và băng cát tại Nam Hải, nơi đó nước cạn và đầy đá nam châm?. Những câu tả này rất mơ hồ, chỉ viết có những đảo nhỏ, mà không nói rõ đảo nào.

– Quyển *Zuo Zhuan* viết từ thời Xuân Thu, ghi như sau:[33]

Triều đại về vang của nhà Chu trấn an dân man di để viễn chinh vùng Nam Hải (đảo) để làm sở hữu của Trung Hoa?

Chữ đảo là do tác giả Jian-Ming Shen thêm vào trong dấu

ngoặc để ám chỉ rằng Nam Hải có nghĩa là những đảo ở vùng Nam Hải. Bản văn bằng tiếng Trung Hoa chỉ ghi Nam Hải chứ không phải NamHaidao.

b) Sách sử từ thế kỷ XIII

– Quyển *Chư Phiên Chí* (thế kỷ XIII) có ghi rằng: Phía Đông Hải Nam là Thiên Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Đường, và ngoài nữa là đại dương vô tận?[34]

– Quyển *Hải Lục* (On the Sea), tác giả Hoàng Chung, xuất bản đời Minh, ghi rằng: Vạn Lý Trường Sa nằm ở Đông Nam của Vạn Lý Thạch Đường?.[35]

– Ngay cả những tài liệu sử thế kỷ XIX của Trung Hoa, đồng thời với sự chiếm hữu và hành xử chủ quyền của các vua nhà Nguyễn tại Việt Nam, cũng chỉ tả những đảo này như những gì tình cờ thấy, nằm trên lộ trình xuyên Biển Đông của các thuyền Trung Hoa. Hơn thế nữa, có tài liệu còn mặc nhiên công nhận sự liên hệ của các Quần đảo đối với Việt Nam, nếu không muốn nói rằng nó công nhận những Quần đảo này là biên phòng của An Nam. Thí dụ quyển *Hải Lục* của Vương Bình Nam (năm 1820-1842) viết:

Lộ trình phía ngoài được nối liền với lộ trình phía trong bởi Vạn Lý Trường Sa nằm giữa biển. Chiều dài của Quần đảo khoảng vài chục ngàn dặm. Nó là bức màn phòng thủ phía ngoài của An Nam.[36]

Từ đó, ta có những nhận xét sau đây về những chứng cứ lịch sử về quyền khám phá của Trung Quốc:

Không có một quyển sách sử nào nói đến hai cái tên Xisha (Tây Sa) và Nansha (Nam Sa), và không có một quyển sách nào nói đến chủ quyền của Trung Quốc trên hai Quần đảo này.[37] Những sách sử địa của Trung Quốc nhắc đến rất

nhiều tên, nào là Qianli Chang sha, Wanlishitang, Quianlishitang, Jiuruluozhou, Qizhouyang, Zizhousan. Và bây giờ Trung Quốc nói rằng tất cả những tên đó đều ám chỉ Xisha và Nansha. Vì vậy, muốn xét đến những chứng cứ lịch sử này, thiết tưởng cần phải có những chuyên viên để nghiên cứu tại chỗ và khẳng định các tên này có đúng là Xisha và Nansha mà Trung Quốc nói tới hay không.

1.3.2 Hành xử chủ quyền

Những dữ kiện mà Trung Quốc và các tác giả Trung Hoa đưa ra để chứng minh mình hành xử chủ quyền trên hai Quần đảo gồm có: những cuộc thanh tra, những cuộc viễn chinh, và những di vật đảo bới được từ các đảo.

Thanh tra và viễn chinh

Phần lớn những bài viết về thanh tra và viễn chinh là sự khẳng định nhưng không có đoạn sử nào được viện dẫn để chứng minh điều này.

* Trước nhà Nguyên

Đoạn sau đây được trích, không phải từ sách sử nào cả, mà từ kết luận của một viên chức chính quyền Trung Quốc, Giáo sư Wang Hengjie thuộc Trung tâm chuyên về các sắc tộc thiểu số, vào năm 1991, dựa trên những di tích được đào bới trên đảo Xisha để kết luận rằng nhà Chu đã có những cuộc viễn chinh trên Quần đảo này:

Chính quyền nhà Chu thuộc thời Xuân Thu không những chinh phục những dân man rợ ở phía Nam, mà cũng tổ chức những cuộc viễn chinh trên những đảo của biển Nam Hải để chiếm làm đất Trung Hoa?.[38]

Đây chỉ là một kết luận của một viên chức nhà nước vào năm 1991, chứ không phải từ sách sử khách quan. Nếu đã có

những cuộc viễn chinh, và những hoạt động khác thì tại sao lại không được ghi trong sách sử của Trung Hoa - tương đương với những ghi chú trong sách sử của Việt Nam? Trung Hoa vẫn tự hào là xứ văn minh và các dân tộc khác là man di mà tại sao không biết ghi những hoạt động của nhà nước vào sách sử của mình, nếu những hoạt động đó có thực?

Tác giả Shen viết rằng trong quyển Hậu Hán thư có ghi: Chen Mao được bổ nhiệm làm quan Thái thú ở tỉnh Giao Chỉ (Jiaozhi) đã có những cuộc tuần tiễu và thám thính trên (các đảo của) biển Nam Hải. Và ông ta đã ghi trong dấu ngoặc chữ viết bằng tiếng Trung là xing bu Zhanghai.[39]

Đoạn này cho thấy không có chỗ nào nói đến Xisha và Nansha cả. Hơn nữa, chữ đảo là do tác giả thêm vào trong dấu ngoặc, chữ bản viết tiếng Trung mà ông ta chêm trong ngoặc kép (xing bu Zhanghai) không có chữ đảo, mà chỉ là thám thính Zhanghai, tức là Nam Hải, mà thôi.

Tác giả Shen cũng viết rằng quyển Nam châu dị vật chí (Nanzhou Yiwu Zhi) kể những thủy thủ nhà Hán đi viễn chinh từ bán đảo Malaixia trở về Trung Hoa. Rồi ông trích câu trong Nam châu dị vật chí: đi thuyền về phía Đông Bắc, người ta gặp rất nhiều đảo nhỏ, đá ngầm, bãi cát ngầm, trở nên rõ rệt tại biển Nam Hải, nơi đây nước cạn và có nhiều đá nam châm.[40] Như vậy, trong Nam Châu dị vật chí không có chỗ nào nói đến viễn chinh trên đảo Xisha và Nansha, hoặc tuần hành quanh đảo này, mà chỉ nói chung chung là họ đi thuyền qua Biển Đông mà thôi, hoặc viễn chinh tại các vùng như Malaysia, Bornéo.

Chỗ khác, tác giả Shen viết là chính quyền địa phương dưới triều đại nhà Tấn đã hành xử chủ quyền trên đảo Xisha và Nansha bằng cách gửi tàu đi tuần tiễu trên vùng biển quanh

đó. Để chứng minh điều này, tác giả viện dẫn quyển Quảng Đông tổng chí (General Record of Guangdong) do Hao Yulin viết, có ghi là quan phụ trách những vấn đề biển Nam Hải thời đó, có đi tuần tiểu và thám thính tại biển Nam Hải (xing bu ru hai).[41] Ở đây cũng như trên, tác giả Shen không trích thẳng đoạn nào trong quyển Quảng Đông tổng chí ghi lại sự kiện trên, nên chúng ta không biết chính thức đoạn đó viết như thế nào.

Chỉ bốn chữ tiếng Trung được ghi trong dấu ngoặc là *xing bu ru hai*. Nếu đây là nguyên văn trong sách sử, thì nó chỉ nói đến thám thính trên biển Nam Hải (nếu thật tình là biển Nam Hải, vì chúng ta không biết đây có phải là biển Nam Hải không hay là biển khác).

Dù sự kiện đi tuần tiểu thám thính có thật đi chăng nữa thì nó chỉ tổng quát tại biển mà Trung Quốc nói là biển Nam Hải, chứ không nói là tuần tiểu quanh hai đảo Xisha và Nansha. Mà nếu sự thật là biển Nam Hải, thì nó rộng mênh mông làm sao mà biết được họ có tuần tiểu quanh hai Quần đảo Xisha và Nansha hay không. Và nếu có, có phải là tuần tiểu để thanh tra đảo với tư cách là chủ của đảo hay chỉ là tuần tiểu vùng biển nói chung? Nguyên văn quyển sách mà tác giả Shen nói có thực sự viết đó là những cuộc tuần tiểu hay chỉ là đi thuyền ngang qua đó mà thôi?

Chỗ khác, tác giả Shen khẳng định là hai đảo được đặt dưới quyền quản trị của huyện Qiongzhou (là Hải Nam bây giờ), nhưng không viện dẫn chứng cứ lịch sử nào cả, mà footnote chỉ ghi là tài liệu của một cơ quan chính quyền của Trung Quốc năm 1992.[42] Và lại, nếu Trung Hoa thời đó có sáp nhập hai Quần đảo và đảo Hải Nam đi nữa thì sự sáp

nhập không cũng không đủ để tạo nên chủ quyền theo tiêu chuẩn của luật quốc tế.

Trung Quốc cũng cho rằng những di vật tìm thấy trên các đảo chứng minh rằng dân Trung Hoa đã sống ở đó. Những di tích lịch sử đào được trên đảo Xisha như bình, đồ gốm, và các di vật khác từ những năm 420 cho đến thời nhà Thanh, cho thấy từ thế kỷ thứ V, dân Trung Hoa đã sinh sống làm ăn trên các đảo vùng biển Nam Hải.[43] Từ đó Trung Quốc lập luận rằng vì dân Trung Quốc sinh sống ở đó, nên Trung Quốc có chủ quyền.

Tuy nhiên, luật quốc tế không chấp nhận chủ quyền trên một lãnh thổ được thụ đắc vì có dân sống trên đảo. Trên đảo có rất nhiều loại dân sinh sống tùy theo mùa, kể cả dân Việt Nam chứ không phải chỉ có dân Trung Hoa và tư nhân không có quyền chiếm hữu lãnh thổ.

(...)

Trung Quốc cũng lập luận rằng dưới thời Minh, thế kỷ XV, nhà thám hiểm Cheng Ho (Trịnh Hoà) đã đi xuyên Biển Đông bảy lần, và khi trở về đã đưa Hoàng Sa và Trường Sa vào bản đồ.[49]

Tuy nhiên, những chuyến đi này hoàn toàn không hề có sự chiếm hữu hai Quần đảo nói trên.[50] Những chuyến đi này không phải là viễn chinh để chiếm hữu đất mà nhằm thám hiểm biển để biết địa hải, tìm mối giao thương, và phô trương lực lượng với các quốc gia trong vùng, chư hầu của Trung Hoa.[51]

Tác giả Samuels kết luận rằng ngay trong thời ấy các đảo vẫn không được Trung Hoa chú ý tới.[52]

Để kết luận cho đoạn chủ quyền lịch sử của Trung Quốc,

chúng ta có thể nói rằng những đoạn viết trước thế kỷ XIII chỉ chứng minh được việc các thuyền của Trung Hoa có đi lại trên biển Nam Hải. Những tài liệu này không nói đến một tên đảo nào trong hai Quần đảo cả. Những tài liệu đầu tiên nêu tên đảo là những tài liệu cuối đời nhà Nguyên và dưới đời nhà Tống (thế kỷ XIII). Tuy nhiên, những tài liệu này nêu tên Thiên Lý Trường Sa và Vạn Lý Thạch Đường - không biết có phải là Xisha và Nansha hay không, nhất là Vạn Lý Thạch Đường - được tả nằm ở phía Đông đảo Hải Nam, thì chắc chắn không phải là Nansha, mà có thể là Macclesfield Bank. Dù sao, *những tài liệu này cũng chỉ chứng minh các thuyền của Trung Hoa có đi ngang và tình cờ thấy các đảo này trên lộ trình xuyên Biển Đông. Không có chữ nào cho thấy rằng Trung Hoa đã cho tàu đi tuần tiễu quanh các đảo đó với tư cách là chủ của đảo, để bảo vệ đảo, như là biên giới của mình. Cũng không có câu nào chứng minh rằng Trung Hoa đã tổ chức những cuộc viễn chinh trên hai Quần đảo Xisha và Nansha, mà chỉ nói đến đi trấn an Giao Chỉ, viễn chinh ở Malaixia, Bornéo, Java.*

Theo luật quốc tế cổ điển thì chỉ nhìn thấy đảo không cần đổ bộ lên là được chủ quyền trên quyền khám phá. Tuy nhiên, tiêu chuẩn này áp dụng cho các quốc gia phương Tây ngày xưa ra đi để khám phá, để tìm đất mới. Còn Trung Quốc chỉ đi ngang, tình cờ thấy, sau đó không hề chiếm hữu, không hề xem đảo như là của mình, để rồi mấy thế kỷ sau, khi quốc gia khác chiếm, mới cho rằng mình đã khám phá. Trường hợp như vậy cũng phải đặt câu hỏi là chỉ tình cờ trông thấy, không hề có ý định chiếm đất thì có thực sự là quyền khám phá theo nghĩa pháp lý hay không? Có thể nại quyền khám phá hay không khi thiếu yếu tố tinh thần là ý chí muốn tìm thấy đất mới và xem nó thuộc quyền sở

hữu của mình? Trường hợp Trung Hoa là biết chứ không phải khám phá.[53]

Đặt giả thuyết là Trung Hoa có quyền khám phá, thì quyền khám phá này mới là quyền ban đầu, quyền phôi thai (inchoate title), bởi vì sau đó Trung Hoa không hề chiếm hữu đảo, dù là chiếm hữu tượng trưng, không hề đổ bộ lên đảo, và không hề hành xử chủ quyền. Nói chung là không hề xem đảo như là của mình. Toà án quốc tế đã phán quyết nhiều lần rằng quyền khám phá phải được hoàn tất bởi sự chiếm hữu, trong một thời gian tương đối, thì mới có hiệu lực.[54]

Giáo sư Marwyn Samuels đã phân tích thái độ của Trung Hoa thời đó. Ông cho rằng chính sách của Trung Hoa cuối thời nhà Minh và thời nhà Thanh, không quan tâm đến vùng biển ngoài khơi mà chỉ chú tâm đến việc trấn giữ biên cương nội địa, vùng SinKiang (Tân Cương), Mông Cổ và biên giới phía Bắc, nên lực lượng hải quân rất kém.[55] Dưới thời nhà Nguyên, là thời lực lượng hải quân hùng mạnh (thế kỷ XIV), Trung Hoa cũng vẫn không quan tâm đến những đảo ngoài khơi biển Đông, và không có ý định chiếm hữu chúng.[56] Ngược lại, các thuyền bè còn sợ chúng và tránh không dám đến gần vì sợ đá ngầm và nước cạn đã từng làm đắm bao nhiêu tàu của các nước khác. Các thủy thủ Trung Hoa thời đó đã có câu tục ngữ truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác: Trên đường đi ra thì sợ Thất Châu (tức là Thất Châu Dương mà Trung Quốc bây giờ cho là Xisha), trên đường đi về thì hải Côn Lôn.[57]

Với tâm lý thời đó như vậy làm sao Trung Hoa có thể xem đảo như sở hữu chủ nhằm viên chinh và tuần tiểu quanh đảo nhằm bảo vệ đảo được? Điều này được kiểm chứng bởi những thái độ im lặng không phản đối sự hành xử chủ quyền

của Việt Nam, mặc dù Trung Hoa biết đến những hoạt động của Đội Hoàng Sa và Đội Bắc Hải. Nó cũng được kiểm chứng bởi vụ đắm tàu La Bellona và Imaji Maru (xem mục I của bài này). Tất cả những dữ kiện trên cho thấy Trung Hoa không những không hành xử chủ quyền, không xem những Quần đảo như của Trung Hoa, mà lại còn minh thị và mặc thị công nhận chủ quyền của Việt Nam.

2. Hiệp ước 1887

Trung Hoa ngày xưa đã viện dẫn Hiệp ước Pháp - Thanh ký năm 1887 để khẳng định rằng Hoàng Sa và Trường Sa thuộc về mình. Sau này, phát ngôn viên của Trung Quốc và các tác giả Trung Quốc đều nhiều lần dùng Hiệp ước này để khẳng định Hoàng Sa thuộc về Trung Quốc.

Thực sự, Hiệp ước này không phải là hiệp ước phân chia những đảo ở ngoài xa khơi (high sea) giữa toàn bộ nước Việt Nam và Trung Hoa mà chỉ ấn định biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Ngày nay, trong những cuộc đàm phán, Trung Quốc không nhắc đến Hiệp ước này nữa. Nhưng cho đến hiện tại, không ít các tác giả mà phần lớn là những tác giả Trung Hoa sống ở nước ngoài viết về vấn đề này, vẫn viện dẫn Hiệp ước 1887 như một trong những lý lẽ chính để chứng minh là hai Quần đảo thuộc về Trung Quốc. Và một số các tác giả phương Tây, có lẽ vì ảnh hưởng dây chuyền, dùng những bài viết trên, nên cũng kết luận là Hiệp ước này trao cho Trung Hoa chủ quyền trên các đảo tranh chấp.[58] Vì vậy, thiết tưởng cũng nên làm sáng tỏ sự lầm lẫn này, vì ảnh hưởng dây chuyền của nó trong dư luận thế giới.

Một số tác giả trên đã trích đoạn sau đây của Hiệp ước để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc.

Từ Quảng Đông, những điểm tranh chấp nằm từ phía đông đến phía tây bắc của Móng Cái, ngoài biên giới đã được hai phái bộ xác định, có thể coi là thuộc về Trung Quốc. Những hòn đảo nằm ở phía đông dọc đường kinh tuyến đông 10543' của Paris, có nghĩa là trục bắc-nam đi qua điểm phía đông của đảo Tch'a Kou hay Ouan-Chan (Trà Cổ) và làm thành đường biên giới, cũng thuộc về Trung Quốc. Các đảo Go-tho và các đảo khác nằm phía tây của đường kinh tuyến thuộc về An Nam.

Các tác giả trên lý luận rằng vì Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở phía đông kinh tuyến Paris 10543' nên thuộc về Trung Quốc.[59]

Có tác giả cho rằng phải giải thích Hiệp ước theo sát nghĩa lời văn trong Hiệp ước.[60] Thực ra, nếu giải thích sát nghĩa, thì phải hiểu Hiệp ước 1887 là một hiệp ước phân chia biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa mà thôi, chứ không phải chia các đảo ở ngoài xa khơi (high sea, haute mer), không thuộc vùng biển của miền Bắc Việt Nam. Chỉ cần nhìn tên của Hiệp ước cũng đủ để thấy điều đó. Tên Hiệp ước là *Convention relative à la délimitation de la frontière entre la Chine et le Tonkin*. [61]

Hơn nữa, Công ước Vienne về điều ước quốc tế có ấn định rằng một hiệp ước phải được giải thích sát nghĩa nhưng từ được dùng trong hiệp ước, nhưng nếu phương pháp này đưa đến một sự vô lý hay ngu xuẩn, thì có thể dùng những tài liệu hoặc hiệp ước khác, có liên quan đến hiệp ước này, hoặc tìm hiểu mục đích của hiệp ước để giải thích những điểm không rõ rệt.[62]

Dựa vào những điều khoản trên của Công ước Vienne, chúng ta có thể xét Hiệp ước 1887 theo ba phương pháp: 1)

xét sát nghĩa lời văn của Hiệp ước, 2) xét toàn thể bản Hiệp ước, và 3) tìm hiểu mục đích của Hiệp ước.

2.1. Xét sát nghĩa lời văn bản Hiệp ước

Việc này thật ra rất đơn giản trong trường hợp Hiệp ước 1887, như đã nói trên, chỉ cần nhìn tên của Hiệp ước trên bản chính bằng tiếng Pháp, cũng đủ thấy Hiệp ước này chỉ liên quan đến biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Tiếng Pháp Tonkin là miền Bắc Việt Nam. Trong thời thuộc địa, Pháp đã chia Việt Nam ra làm ba kỳ: miền Bắc gọi là Tonkin, miền Trung gọi là An Nam hoặc vẫn giữ tên của cả nước Việt Nam, và miền Nam gọi là Cochinchine. Các tác giả nêu trên tưởng rằng Tonkin là toàn thể nước Việt Nam.

Chữ “frontière” dùng trong Điều 2 của Hiệp ước cho thấy rõ ràng là kinh tuyến Paris 10543' là biên giới biển, nhưng chỉ là biên giới biển thuộc miền Bắc Việt Nam (Tonkin), chứ không phải là đường phân chia các đảo ngoài khơi xa, ngang với miền Trung Việt Nam và miền Nam Việt Nam. Hiệp ước đã ấn định rõ chiều hướng của biên giới đó là hướng bắc nam, và nó kéo ngang góc đông của đảo Trà Cổ. Và vì đây là biên giới giữa Tonkin và Trung Hoa nên phải hiểu biên giới này chấm dứt ở điểm nào ngang với ranh giới mà trước kia Pháp đã ấn định giữa Tonkin và Annam (tức là ranh giới giữa miền Bắc Việt Nam và miền Trung Việt Nam).

Việc ấn định biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa cũng dễ hiểu nếu nhìn vào cách Pháp chia và quản trị nước Việt Nam thời đó. Nhằm thực hiện chính sách chia để trị, Pháp đã chia Việt Nam thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau. Miền Bắc theo chế độ bảo hộ, miền Trung - vì hệ thống vua và triều đình Huế vẫn còn (dù chỉ là tượng trưng) - nên theo chế độ tự trị, và miền Nam thì theo chế độ thuộc

địa. Ba miền được xem gần như ba xứ riêng biệt. Vì vậy, vấn đề ấn định biên giới chỉ là giữa Tonkin (miền Bắc) và Trung Hoa mà thôi, chứ không phải miền Trung hoặc miền Nam, là chuyện dễ hiểu đối với chính sách thuộc địa của Pháp thời đó. Nói tóm lại, dùng phương pháp giải thích sát nghĩa cho thấy hai chữ Tonkin và frontière chỉ rõ đây là biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Nó bao gồm biên giới đất và biên giới biển tức là vùng Vịnh Bắc Bộ.[63]

2.2. Xét toàn bộ bản Hiệp ước

Toàn bộ bản Hiệp ước không có chỗ nào nói đến Hoàng Sa và Trường Sa. Toàn văn bản Hiệp ước nói đến việc kẻ biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa, và ấn định những điểm mà Ủy ban kẻ biên giới của hai bên Pháp-Thanh không đồng ý với nhau được, đó là hai đoạn biên giới Vân Nam và Quảng Đông.

Các tác giả nói trên chỉ viện dẫn đoạn liên quan tới đoạn biên giới Quảng Đông. Tuy nhiên, trước đó, Hiệp ước có nói: Những điểm mà Ủy ban hai bên không đồng ý với nhau được, và những điều chỉnh được dự trù ở Điều 3 của Hiệp ước 9-6-1885 được ấn định như sau: ở Quảng Đông, những điểm tranh chấp?.

Sau đoạn nói đến biên giới Quảng Đông, tới đoạn ấn định biên giới Vân Nam: Trên vùng biên giới Vân Nam, đường biên giới được ấn định như sau:?[64]

Nếu theo sự giải thích của Trung Hoa, là tất cả những đảo nào nằm ở phía đông của kinh tuyến Paris 10543' thuộc về Trung Hoa, thì không những Hoàng Sa, Trường Sa, mà tất cả các đảo ven bờ biển Việt Nam nằm ở phía đông của kinh tuyến Paris 10543' đều thuộc về Trung Quốc. Sự giải thích đưa đến một kết luận vô lý hoặc ngu xuẩn (absurd or unrea-

sonable) theo đúng như danh từ mà Công ước Vienne dùng. Do đó, chúng ta có thể tìm hiểu mục đích của Hiệp ước 1887 bằng cách xét các tài liệu và các hiệp ước liên quan đến Hiệp ước 1887.

2.3. Mục đích của Hiệp ước 1887

Nếu đọc bản báo cáo của ông Dureau de Vaulcomte gửi cho Bộ Ngoại giao Pháp giải thích Hiệp ước 1887, chúng ta càng thấy rõ hơn mục đích của Hiệp ước là kẻ hai đoạn tranh chấp của biên giới miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa.[65] Hiệp ước 1887 được ký thể theo Điều 3 của Hiệp ước 1885 là một hiệp ước hữu nghị nhằm chấm dứt sự xung đột giữa hai bên Pháp - Thanh. Sau khi Pháp đưa quân đến Việt Nam thì ba Tổng đốc: Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam cho quân vượt biên giới giữa Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Vì vậy, để chấm dứt tình trạng này và vãn hồi lại biên giới cũ, Pháp đã thoả thuận với Trung Hoa ở Điều 3 của Hiệp ước 1885, là hai bên sẽ lập một Ủy ban kẻ biên giới gồm chuyên viên của cả hai bên để kẻ lại biên giới. Hiệp ước 1885 cũng ấn định là nếu có điểm bất đồng giữa chuyên viên của hai bên về bất cứ điểm nào liên quan đến việc kẻ biên giới thì Ủy ban này sẽ chuyển vấn đề sang cho chính quyền hai bên xét xử.[66] Biên giới được kẻ chia ra làm ba đoạn: đoạn biên giới Quảng Tây, đoạn biên giới Quảng Đông, và đoạn biên giới Vân Nam. Việc ấn định đoạn Quảng Tây không gặp rắc rối gì, nhưng hai bên không thoả thuận được trong việc kẻ hai đoạn biên giới Quảng Đông và Vân Nam. Từ đó mới có Hiệp ước 1887 do hai chính quyền ký để giải quyết hai đoạn biên giới trên.

Tại Quảng Đông, sự bất đồng liên quan đến vùng Paklung (Bạch Long) và những đảo quanh đó. Vì có quân thổ phỉ từ Trung Hoa sang tập trung ở vùng này, nên Pháp đã đưa quân

đến chiếm đóng. Trung Hoa phản đối, đòi vùng này là vùng của Trung Hoa. Do đó, mới xảy ra sự tranh chấp.[67]

Như vậy, sự tranh chấp không liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa. Lúc đó, Trung Hoa chưa để ý đến hai Quần đảo này, và Pháp cũng chưa biết rằng Việt Nam đã có chủ quyền trên hai Quần đảo đó. Vì thế lúc đó chưa hề có tranh chấp trên hai Quần đảo này. Cho nên, Pháp và Trung Hoa khi ký kết Hiệp ước 1887 không hề nghĩ đến hai Quần đảo này. Tóm lại, mục đích của Hiệp ước 1887 là kẻ hai đoạn biên giới Quảng Đông và Vân Nam; và đường biên giới kẻ theo Điều 2 của Hiệp ước 1887 chỉ giới hạn ở biên giới miền Bắc Việt Nam và Vịnh Bắc Bộ mà thôi.

Trung Quốc một mặt nói rằng Hiệp ước 1887 áp dụng cho Hoàng Sa và Trường Sa, là những đảo nằm ngoài khơi xa, nhưng mặt khác, khi bàn về biên giới vùng Bắc Bộ thì Trung Quốc lại khẳng định rằng Hiệp ước này chỉ phân chia những đảo ở vùng Bắc Bộ, chứ không phải là biên giới biển. Ngày 12-5-1973, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hàn Niệm Long (Han Nian Long) đã tuyên bố điều nói trên. Như vậy, Trung Quốc tự mâu thuẫn.[68]

3. Những lời tuyên bố của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Trung Quốc nói rằng Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên Quần đảo Hoàng Sa vì những dữ kiện sau đây:

– Ngày 15-6-1956, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nói rằng theo những tài liệu của Việt Nam, trên phương diện lịch sử, Xisha và Nansha thuộc lãnh thổ của Trung Quốc.

– Ngày 14-9-1958, trong bối cảnh của thời kỳ chiến tranh

lạnh, khi Mỹ bắt đầu can thiệp vào Việt Nam, tuyên chiến với Trung Quốc, và hạm đội Mỹ đi lại tuần tiễu trên eo biển Đài Loan, Trung Quốc bèn tuyên bố lãnh hải của mình là 12 dặm. Nhân dịp này, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi bức công hàm cho Thủ tướng Chu Ân Lai nguyên văn như sau:

Thưa đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin gửi đồng chí Tổng lý lời chào trân trọng.[69]

Kính gửi	Hà Nội ngày 14 tháng 9 năm 1958
Đồng chí Chu Ân Lai	
Tổng lý quốc vụ viên	Phạm Văn Đồng
Nước Cộng hòa nhân dân	Thủ tướng chính phủ
Trung Hoa tại Bắc Kinh	nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

– Ngày 9-5-1965, nhân lúc Mỹ leo thang chiến tranh tại Việt Nam và ấn định những vùng chiến thuật, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố Xisha thuộc chủ quyền của Trung Quốc.

Những lời tuyên bố trên không có hiệu lực vì trước năm 1975, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không quản lý những đảo này. Lúc đó, những đảo này nằm dưới sự quản lý của Việt Nam Cộng hòa; mà các chính phủ Việt Nam Cộng hòa luôn

luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai Quần đảo. Còn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam cũng không tuyên bố điều gì có thể làm hại đến chủ quyền này cả. Tác giả Monique Chemillier-Gendreau đã viết như sau:

Dans ce contexte, les déclarations ou prise de position éventuelles des autorités du Nord Vietnam sont sans conséquences sur le titre de souveraineté. Il ne s'agit pas du gouvernement territorialement compétent à l'égard des archipels. On ne peut renoncer à ce sur quoi on n'a pas d'autorité?[70]

(Có thể dịch là: Trong những điều kiện này, những lời tuyên bố hoặc lập trường nào đó của chính quyền miền Bắc Việt Nam không có hiệu lực gì đối với chủ quyền. Đây không phải là chính quyền có thẩm quyền trên Quần đảo này. Người ta không thể chuyển nhượng những gì người ta không kiểm soát được?).

Một lý lẽ thứ hai nữa là đứng trên phương diện thuần pháp lý, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lúc đó không phải là một quốc gia trong cuộc tranh chấp. Trước năm 1975, các quốc gia và lãnh thổ tranh chấp gồm: Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam Cộng hoà và Philippin. Như vậy, những lời tuyên bố của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xem như lời tuyên bố của một quốc gia thứ ba không có ảnh hưởng đến vụ tranh chấp.

Nếu đặt giả thuyết Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thi dựa trên luật quốc tế, những lời tuyên bố đó cũng không có hiệu lực. Tuy nhiên, có tác giả đã nêu thuyết estoppel để khẳng định những lời tuyên bố đó có hiệu lực bó buộc đối với Việt Nam, và Việt Nam bây giờ không có quyền nói ngược lại.[71]

Theo luật quốc tế, không có một văn bản pháp lý nào có thể gán cho những lời tuyên bố đơn phương một tính chất bó buộc, ngoại trừ thuyết estoppel. Điều 38 Quy chế Tòa án Quốc tế không liệt kê những lời tuyên bố đơn phương trong danh sách những nguồn gốc của luật pháp quốc tế. Estoppel là một nguyên tắc theo đó một quốc gia không có quyền nói hoặc hoạt động ngược lại với những gì mình đã nói hoặc hoạt động trước kia. Câu tục ngữ thường dùng để định nghĩa nó là “one cannot at the same time blow hot and cold”. [72] Nhưng thuyết estoppel không có nghĩa là cứ tuyên bố một điều gì đó thì quốc gia tuyên bố phải bị ràng buộc bởi lời tuyên bố đó.

Thuyết estoppel bắt nguồn từ hệ thống luật quốc nội của Anh, được thu nhập vào luật quốc tế. Mục đích chính của nó ngăn chặn trường hợp một quốc gia có thể hưởng lợi vì những thái độ bất nhất của mình, và do đó, gây thiệt hại cho quốc gia khác. [73] Vì vậy, estoppel phải hội đủ các điều kiện chính:

1. Lời tuyên bố hoặc hành động phải do một người hoặc cơ quan đại diện cho quốc gia phát biểu, và phải được phát biểu một cách minh bạch (clair et non equivoque). [74]

2. Quốc gia nại estoppel phải chứng minh rằng mình đã dựa trên những lời tuyên bố hoặc hoạt động của quốc gia kia, mà có những hoạt động nào đó, hoặc không hoạt động. Yếu tố này trong luật quốc nội Anh-Mỹ gọi là reliance.

3. Quốc gia nại estoppel cũng phải chứng minh rằng, vì dựa vào lời tuyên bố của quốc gia kia, mình đã bị thiệt hại, hoặc quốc gia kia đã hưởng lợi khi phát biểu lời tuyên bố đó. [75]

4. Nhiều bản án còn đòi hỏi lời tuyên bố hoặc hoạt động phải được phát biểu một cách liên tục và trường kỳ. Thí dụ: bản án Phân định biển trong vùng Vịnh Maine, bản án Những

hoạt động quân sự và bán quân sự tại Nicaragua, bản án Ngồi đền Preah Vihear,?[76]

Ngoài ra, nếu lời tuyên bố đơn phương có tính chất một lời hứa, nghĩa là quốc gia tuyên bố mình sẽ làm hoặc không làm một việc gì, thì quốc gia phải thực sự có ý định muốn bị ràng buộc bởi lời hứa đó, thực sự muốn thi hành lời hứa đó.[77]

(...)

Trong trường hợp Việt Nam, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, khi tuyên bố sẽ tôn trọng lãnh hải của Trung Quốc, không hề có ý định nói đến vấn đề chủ quyền trên Hoàng Sa và Trường Sa. Ông đã phát biểu những lời tuyên bố trên trong tình trạng khẩn trương, chiến tranh với Mỹ bắt đầu leo thang, Hạm đội 7 của Mỹ hoạt động trên eo biển Đài Loan và đe dọa Trung Quốc. Ông đã phải lập tức lên tiếng để ủng hộ Trung Quốc nhằm gây một lực lượng chống đối lại với mối đe dọa của Mỹ.[81]

Lời tuyên bố năm 1965 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như vậy. Động lực của lời tuyên bố đó là tình trạng khẩn trương, nguy ngập ở Việt Nam. Đây là những lời tuyên bố có tính chính trị, chứ không phải pháp lý.

Nếu xét yếu tố liên tục và trường kỳ thì ba lời tuyên bố của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng không hội đủ tiêu chuẩn này. Estoppel chỉ đặt ra nếu chấp nhận giả thuyết Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một; và cả Pháp trong thời kỳ thuộc địa, và Việt Nam Cộng hòa trước năm 1975 cũng là một đối với Việt Nam hiện thời. Nếu xem như Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia riêng biệt với Việt Nam hiện thời, thì estoppel không áp dụng, vì như đã nói ở trên, *lời tuyên bố sẽ được xem như lời tuyên bố của một quốc gia không có quyền kiểm soát trên lãnh thổ*

tranh chấp. Như vậy, nếu xem Việt Nam nói chung như một chủ thể duy nhất từ xưa đến nay, thì ba lời tuyên bố của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ là một sự phát biểu có ý nghĩa chính trị trong đoạn kỳ thời chiến, so với lập trường và thái độ của Việt Nam nói chung từ thế kỷ XVII đến nay.

Tóm lại, những lời tuyên bố mà chúng ta đang phân tích thiếu nhiều yếu tố để có thể áp dụng thuyết estoppel. Yếu tố reliance (tức là quốc gia kia có dựa vào lời tuyên bố của quốc gia này mà bị thiệt hại), và yếu tố ý chí (tức là quốc gia phát biểu lời hứa có ý muốn bị ràng buộc bởi lời hứa đó) rất quan trọng. Không có reliance để giới hạn sự áp dụng của estoppel thì các quốc gia sẽ bị cản trở trong việc hoạch định chính sách ngoại giao. Các quốc gia sẽ phải tự ép buộc cố thủ trong những chính sách ngoại giao lỗi thời.[82] Khi điều kiện chung quanh thay đổi, chính sách ngoại giao của quốc gia kia thay đổi, thì chính sách ngoại giao của quốc gia này cũng phải thay đổi. Các quốc gia đối bạn thành thù và đối thù thành bạn là chuyện thường.

Còn những lời hứa đơn phương trong đó quốc gia không thật tình có ý muốn bị ràng buộc, thì nó chẳng khác gì những lời hứa vô tội vạ, những lời hứa suông của các chính khách, các ứng cử viên trong cuộc tranh cử.[83] Trong môi trường quốc tế, nguyên tắc chủ quyền quốc gia (état souverain) rất quan trọng. Ngoại trừ tục lệ quốc tế và những điều luật của Jus Congens, không có luật nào ràng buộc quốc gia ngoài ý muốn của mình, khi mà quốc gia này không gây thiệt hại cho quốc gia nào khác. Vì vậy, ý chí của quốc gia đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định tính chất ràng buộc của một lời hứa đơn phương.

III.- KẾT LUẬN

Những phân tích trên cho thấy lý lẽ của Việt Nam mạnh hơn của Trung Quốc, vì Việt Nam đã sử dụng hai Quần đảo liên tục trong ba thế kỷ, sử dụng một cách hoà bình không có sự phản đối của bất cứ một quốc gia nào, kể cả Trung Quốc. Không những thế, sách sử của Trung Quốc lại còn công nhận rằng những Quần đảo đó là vòng đai phòng thủ của Việt Nam, và qua thái độ của họ trong thời gian đó thì Trung Quốc cũng đã mặc thị công nhận chủ quyền của Việt Nam trên những Quần đảo này. Nếu cho rằng Chúa Nguyễn đã khai thác các đảo từ đầu thế kỷ XVII, sau gần 100 năm, chủ quyền lịch sử của Việt Nam đã hoàn tất. Chủ quyền lịch sử đó lại được củng cố thêm qua sự chiếm hữu của vua Gia Long và Minh Mạng. Đồng thời, chủ quyền vẫn được hành xử liên tục qua sự khai thác và quản trị của hai Đội Hoàng Sa và Bắc Hải, là những bộ phận của nhà nước.

Phía Trung Quốc cũng đã đưa ra những tài liệu để chứng minh rằng mình đã khám phá và hành xử chủ quyền trước tiên. Tuy nhiên, những tài liệu này chỉ cho thấy những thuyền bè của Trung Quốc thời đó đã lui tới Biển Đông, và trong lộ trình, họ *tình cờ thấy những đảo mang nhiều tên khác nhau, nhưng không có đảo nào tên là Xisha hay Nansha. Nếu đặt giả thuyết là Trung Quốc đã khám phá ra những đảo này, thì Trung Quốc đã không hành xử chủ quyền trên đó. Sự hiện diện của những người đánh cá không đủ để gọi rằng đó là hành xử chủ quyền của nhà nước.* Do đó, chủ quyền lịch sử mà Trung Quốc khẳng định mình có, rất yếu. Phần lớn các tác giả luật gia chuyên về luật quốc tế, trừ những tác giả Trung Hoa, đều công nhận điều này.[84] So sánh chủ quyền lịch sử viện dẫn bởi hai bên, chúng ta có thể kết luận rằng giữa Việt Nam và Trung Quốc thì Việt Nam mới là quốc gia có chủ

quyền lịch sử trên hai Quần đảo. Phân tích còn cho thấy chủ quyền lịch sử của Việt Nam đã được hoàn tất từ thế kỷ XVII, dưới thời Chúa Nguyễn.

Hiệp ước Pháp-Thanh 1887 không trao chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Trung Quốc vì Hiệp ước này chỉ là hiệp ước ấn định biên giới giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Do đó, nó chỉ ấn định phần biên giới ở Vân Nam, Quảng Đông và Vịnh Bắc Bộ.

Những lời tuyên bố trước đây của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về hai Quần đảo này không có hiệu lực vì trước năm 1975 hai Quần đảo này không thuộc quyền kiểm soát của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà thuộc quyền kiểm soát của Việt Nam Cộng hòa. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lúc đó không phải là quốc gia tranh chấp, nên những lời tuyên bố này chỉ là những lời tuyên bố của một quốc gia thứ ba không liên can. Hơn nữa, lúc đó nếu không chấp nhận rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia thứ ba, thì estoppel cũng không áp dụng trong những trường hợp này, vì Trung Quốc đã không bị thiệt hại gì, và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng không hưởng lợi gì qua những lời tuyên bố đó. Lời tuyên bố của Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ là một lời hứa bị tác động bởi hoàn cảnh chiến tranh. Cuối cùng, nếu xem ba lời tuyên bố này như là của Việt Nam nói chung thì nó thiếu tính liên tục và trường kỳ để có thể làm mất đi chủ quyền của Việt Nam, với tư cách là một chủ thể duy nhất, đã hành xử và khẳng định quyết liệt từ hơn ba thế kỷ nay.

Trên thực tế thì hiện nay, Trung Quốc đã kiểm soát toàn bộ Quần đảo Hoàng Sa. Trung Quốc đã cho xây cất nhiều công trình nhằm củng cố sự chiếm hữu bất hợp pháp. Một sự chiếm hữu bất hợp pháp, với thời gian, nếu không có sự phản đối từ quốc gia kia, và nếu có sự thừa nhận của các quốc gia

thứ ba, sẽ tạo nên chủ quyền cho quốc gia chiếm hữu. Vì thời gian với sự công nhận sẽ tẩy xóa tội lỗi.[85]

Trong hoàn cảnh hiện tại, muốn bảo đảm cho sự chiếm hữu của Trung Quốc không thể tạo ra chủ quyền được thì Việt Nam phải thường xuyên lên tiếng phản đối và khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa (và cả Trường Sa nữa). Việt Nam cũng nên công khai đề nghị Trung Quốc đưa vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa ra trước Toà án Quốc tế. Nếu Trung Quốc thật tình tin tưởng rằng mình có căn bản pháp lý vững chắc để khẳng định chủ quyền trên hai Quần đảo này thì Trung Quốc không có lý do gì để từ chối một giải pháp pháp lý.

Còn Trường Sa thì hiện nay đang bị 6 quốc gia và vùng lãnh thổ chiếm giữ là: Philippines, Việt Nam, Đài Loan, Trung Quốc, Malaysia và Brunây. Quốc gia nào cũng đòi chủ quyền của mình trên hết cả Quần đảo hoặc một số đảo. Đến nay, vấn đề vẫn chưa giải quyết được mà còn trầm trọng thêm.

Năm 1988, Trung Quốc lần đầu tiên ra đánh chiếm một số đảo ở Trường Sa, tàu của Việt Nam bị đánh đắm, nhưng Trung Quốc chặn không cho tàu của Hội Chữ thập đỏ đến cứu. Đây là một sự vi phạm những điều luật cơ bản nhất của chiến tranh. Như vậy, có thể suy đoán Trung Quốc sẽ không ngần ngại gì mà không tiếp tục sử dụng vũ lực. Từ đó đến nay, lâu lâu, Trung Quốc lại chiếm thêm vài đảo ở Quần đảo Trường Sa. Trung Quốc một mặt vẫn hô hào tôn trọng luật quốc tế, và đề nghị thương thuyết song phương, nhưng lời nói của Trung Quốc không đi đôi với việc làm.[86] Vì vậy, không thể dựa vào những lời nói của Trung Quốc để kết luận rằng Trung Quốc sẽ ngừng không dùng vũ lực. Viễn tưởng Trung Quốc dùng biện pháp vũ lực để thôn tính hết các đảo tại Quần đảo Trường Sa càng dễ xảy ra hơn, khi mà Mỹ và Nga đã rút khỏi Biển Đông, để lại một khoảng trống chính

trị và quân sự tại vùng này, khiến cho Trung Quốc hiện nay là một quốc gia bá chủ ở Biển Đông.[87] Điều này rất đáng lo ngại. Trung Quốc nắm hết cả hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là nắm hết Biển Đông, mà Biển Đông là con đường giao thông quan trọng của các thuyền bè Nga, Mỹ, Nhật Bản và các quốc gia khác trên thế giới.[88]

Một giải pháp thương thuyết song phương giữa Trung Quốc và các quốc gia và lãnh thổ tranh chấp khó thực hiện được một cách công bằng, vì sức mạnh để thương thuyết giữa hai bên không bằng nhau, nó chênh lệch và mạnh dĩ nhiên là Trung Quốc. Cũng vì vậy mà Trung Quốc cho đến nay chỉ chấp nhận thương thuyết song phương. Trung Quốc muốn thương thuyết song phương để buộc quốc gia đối phương phải thương thuyết theo chiều mà Trung Quốc muốn. Nếu không Trung Quốc sẽ sử dụng vũ lực.[89] Đây chỉ là một chiến thuật để Trung Quốc tranh thủ thời gian để củng cố thêm thế của mình đối với hai Quần đảo. Thời gian càng kéo dài thì càng có lợi cho Trung Quốc.

Giải pháp khai thác chung mà Trung Quốc đề nghị không thể thực hiện được khi mà vấn đề chủ quyền chưa được giải quyết. Như vậy, thời gian càng kéo dài thì lại càng củng cố được những sự chiếm hữu bất hợp pháp, và quốc gia nào có chủ quyền pháp lý vững vàng sẽ bị thiệt thòi.

Giải pháp đưa ra Toà án Quốc tế hoặc Trọng tài Quốc tế có lẽ công bằng nhất, nhưng Trung Hoa ngày xưa đã hơn một lần phủ nhận giải pháp này, khi Pháp đề nghị vào năm 1932 và năm 1947. Đối với Trung Quốc bây giờ thì lại càng khó hơn nữa.

Giải pháp hiện thời, thực tiễn nhất là đem ra khối ASEAN hoặc Liên Hợp Quốc để giải quyết. Liên Hợp Quốc là giải

pháp có thể hữu hiệu hơn, vì đem ra cơ quan này có tính cách khoáng đại, cho phép Mỹ, Nga, Nhật Bản và các quốc gia khác tham dự vào. Hơn nữa, trường hợp Liên Hợp Quốc không giải quyết được, hoặc nếu có vấn đề trong việc giải quyết, Liên Hợp Quốc vẫn có quyền đem vấn đề ra Tòa án quốc tế và yêu cầu Tòa cho ý kiến (avis consultatif) mà không cần sự đồng ý của bất cứ quốc gia nào. Thủ tục cho ý kiến của Tòa án Quốc tế không có hiệu lực quyết định như một bản án thực sự, nhưng nó vẫn có một tác động mạnh mẽ trong dư luận thế giới. Vụ tranh chấp vùng Tây Sahara đã được Tòa cho ý kiến trong những hoàn cảnh như trên (nghĩa là thể theo yêu cầu của Liên Hợp Quốc). [90]

Cuộc tranh chấp hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cần phải giải quyết càng sớm càng tốt. Để càng lâu, nó càng đe dọa hòa bình ở Đông Nam Á và có thể là hoà bình thế giới.

TĐMT

-
- [2] Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*. Trích từ Võ Long Tê, *Les archipels de Hoang Sa et de Truong Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de geographie*, Sài Gòn, 1974, tr. 62.
- [3] *Eveil economique de l'Indochine*, no. 741.
- [4] Nguyễn Quốc Định: *Droit International Public*, Librairie Générale de Droit et de Jurisprudence, Paris, 1975. tr. 401-402.
- [5] Robert Jennings: *The acquisition of territory in international law* (New York, 1963), viện dẫn Charles de Visscher. Luật gia Charles de Visscher viết như sau về phương pháp consolidation:
- ? Le long usage établi, qui en est le fondement, ne fait que traduire un ensemble d'intérêts et de relations qui tendent par eux même à rattacher un territoire ou un espace maritime à un état determine? elle peut être réputée acquise? par une absence d'opposition suffisamment prolongée?, xem Jennings, tr. 25, lưu ý 2.
- [6] Võ Long Tê, *Les archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les anciens ouvrages vietnamiens d'histoire et de geographie*, Sài Gòn, 1974, tr. 39 và 40.
- [7] *Sđđ.*, tr. 34-35.

- [8] Sđd, tr. 48.
- [9] Lê Quý Đôn: *Phủ biên tạp lục*, 1776. Vụ Thông tin và Báo chí Bộ Ngoại giao Việt Nam viện dẫn: *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Hà Nội, 1979, tr. 13.
- [10] Sđd, tr. 14-15.
- [11] *Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa, bộ phận lãnh thổ của Việt Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 13 và 14.
- [12] Võ Long Tê, Sđd, tr. 69.
- [13] M.A. Dubois de Jancigny: *Thế giới, lịch sử và sự mô tả các dân tộc, các tôn giáo của họ*, Ceylan, (1830). Võ Long Tê viện dẫn, Sđd, tr. 168.
- [14] J. B. Chaigneau (1769-1825): *Notice sur la Cochinchine*, 1820. Võ Long Tê viện dẫn, Sđd, tr. 168.
- [15] Vụ Thông tin và Báo chí Bộ Ngoại giao, Sđd, tr. 21.
- [16] Võ Long Tê, Sđd, tr. 100.
- [17] Vụ Thông tin và Báo chí Bộ Ngoại giao, Sđd, tr. 21.
- [18] Sđd, tr. 25.
- [19] Gutzlaff: *Geography of the Cochinchinese Empire in Journal of the Geographical Society of London*, 1849, tập XIX. Viện dẫn bởi Nhà xuất bản Sự thật, Sđd, tr. 16, Gutzlaff viết như sau:
Chính phủ An Nam thấy đặt một hạn ngạch thuế thì có thể thu được nhiều lợi bèn lập những trung thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này (tức Quần đảo Paracel, mà tác giả gọi là KatVang) để thu thuế mà mọi người tới đây đều phải nộp?
- [20] Vụ án Clipperton: *Recueil des Sentences Arbitrales*, tập II.
- [21] Teh-Kuang Chang: *China's claim of sovereignty over Spratley and Paracels Islands: a historical and legal perspective*, Case Western Reserve Journal of International Law, vol. 23 (1991), p. 418.
- [22] Jian-Ming Shen: *International law rules and historical evidence supporting China's title to the South China Sea islands*, Hastings International and Comparative Law Review, vol. 21 (1997), p. 22 & 23.
- [23] Vụ án đảo Palmas: *Receuil des Sentences Arbitrales*, tập II, tr. 859-860.
- [24] Monique Chemillier-Gendreau: *La souveraineté sur les Paracels et Spratleys*. L'Harmatan, Paris, 1996, p. 71.
- [25] Võ Long Tê, Sđd, tr. 111.
- [26] Sđd, tr. 110.
- [27] Gendreau, Sđd, tr. 21, 23.
- [28] Võ Long Tê, Sđd, tr. 134.
- [29] Võ Long Tê, Sđd, tr. 61.
- [30] Sđd, tr. 157.
- [31] Tao Cheng: *The dispute over the South China Sea Islands*, Texas International Law Journal, vol. 10 (1975), p. 272.

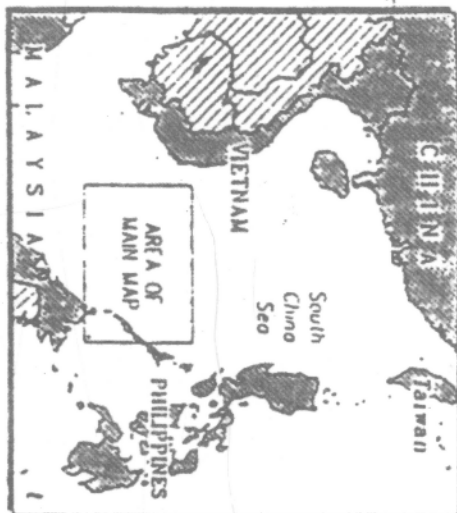
- [32] Jian-Ming Shen, Sđd, tr. 18. .
- [33] Sđd, tr. 17.
- [34] Elizabeth van Wie Davis: *China and the Law of the Sea Convention, Follow the Sea*, New York, 1995, p. 154. Cũng xem Marwyn Samuels: *Contest for the South China Sea*, New York/London, 1982, tr. 16. Và Shen, Sđd, tr. 21.
- [35] Van Wie Davis, Sđd. Cũng xem Shen, Sđd, tr. 31. Cũng xem Hungdah Chiu & Choon-ho Park: *Legal status of the Paracels and Spratly Islands, Ocean Development and International Law Journal*, tập 3 (1975), tr. 43.
- [36] Samuels, Sđd, note 31, tr. 38.
- [37] Lưu Văn Lợi: *Cuộc tranh chấp Việt-Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 10.
- [38] Shen, Sđd, tr. 15.
- [39] Sđd, tr. 18.
- [40] Sđd, tr. 19.
- [41] Sđd, tr. 20.
- [42] Sđd, tr. 21.
- [43] Sđd, tr. 20 và 21. Cũng xem Teh Kuang Chang, Sđd, tr. 400, và Hungdah Chiu, Sđd, lưu ý 32, tr. 463 và 465.
- [44] Shen, Sđd, tr. 27.
- [45] Sđd.
- [46] Xem chú thích 2 ở trang 361, Chiu, Sđd, lưu ý 32.
- [47] ? guo Qizhou Yang, Wanlishitang?. Chữ “guo” của tiếng Trung, nghĩa là “qua” của tiếng Việt.
- [48] Shen, Sđd, tr. 28.
- [49] Hungdah, Sđd, tr. 463.
- [50] Lưu Văn Lợi, Sđd, tr. 17.
- [51] Samuels, Sđd, tr. 21 và 22.
- [52] Sđd, tr. 23.
- [53] Gendreau, Sđd, tr. 57 và 58. Cũng xem Lưu Văn Lợi, Sđd, tr. 14.
- [54] *Vụ án đảo Palmas*, Sđd, tr. 846. Inchoate title must be completed within a reasonable time by effective occupation of the region?.
- [55] Samuels, Sđd, tr. 30-31, 42.
- [56] Sđd, tr. 20.
- [57] Sđd, tr. 17 và 21.
- [58] Ít ra các tác giả sau đây đã viện dẫn Hiệp ước 1887: - Hungdah, Sđd, tr. 464 và 467. - Shen, Sđd, tr. 119. - Tao Cheng, Sđd, tr. 274. - John Chao: *South China Sea: boundary problems relating to the Nansha and Xisha Islands*, *Chinese Yearbook of International Law*, tập 9 (1989-1990): tr. 119 và tiếp theo. - Steve Kuan Tsy Yu, *Who owns the Paracel and Spratlys? An evaluation of the nature and legal basis of the conflicting territorial claims*,

- Chinese Yearbook of International Law, vol. 9 (1989-1990): p. 5, 7 and 8.
- Choon-ho Park, The South China Sea dispute: Who owns the islands and the natural resources? Ocean Development and International Law Journal, vol. 5 (1978): p. 34. - Marwyn Samuels, Sđd, tr. 52-53. - Brian Murphy, Dangerous ground: the Spratly Islands and international law, Ocean and Coastal Law Journal, vol. 1 (1994), p. 201. - Elizabeth van De Wie, Sđd, tr. 52-53. - Michael Bennet, The PRC and the use of international law in the Spratly Islands dispute, Stanford Journal of International Law, vol. 28 (1992), p. 446.
- [59] Hungdah, Sđd, tr. 464.
- [60] Shen, supra, tr. 120.
- [61] *Receuil des Traités de la France*, Tome 17 (1886- 1887). Duran & Pedone (Paris), 1891, p. 387.
- [62] *Convention de Vienne sur le Droit des Traités*, 1969, Art. 32.
- [63] Có tác giả đã cho rằng Hiệp ước 1887 không ấn định biên giới biển, xem Elizabeth van De Wie, Sđd, tr. 156. Tuy nhiên, nếu theo sát nghĩa lời văn của Điều 2 của bản Hiệp ước (tức là hiểu những từ theo nghĩa thông thường của chúng) thì rõ ràng là kinh tuyến Paris 10543' là biên giới biển giữa miền Bắc Việt Nam và Trung Hoa. Les Iles qui sont à l'est du meridian de Paris 10543', ? c'est à dire de la ligne Nord-Sud passant par le point oriental de l'île de Tra Co, et formant la frontière?
- [64] *Receuil des Traités*, Sđd, tr. 387 và 388.
- [65] Sđd, Rapport Vaulcomte, tr. 187.
- [66] *Traité de Paix, d'Amitié et de Commerce conclu à Tien-Tsin le 9/6/1885 entre la France et la Chine*, trong *Receuil des Traités de la France*, Tome 16, tr. 496.
- [67] Rapport Vaulcomte, Sđd, tr. 189-191.
- [68] Shen, Sđd, tr. 123.
- [69] Lưu Văn Lợi, Sđd, tr. 105.
- [70] Gendreau, Sđd, tr. 123.
- [71] Shen, Sđd, tr. 57.
- [72] Charles Vallée: *Quelques observations sur l'estoppel en Droit des gens*, *Revue Générale de Droit International Publie* (1973), p. 951, note 7.
- [73] D. W. Bowett: *Estoppel before International Tribunals and its relation to acquiescence*, *British Yearbook of International Law*, vol. 33 (1957), p. 177.
- [74] Antoine Martin: *L'Estoppel en droit international public Précédé d'un aperçu de la théorie de l'estoppel en droit anglais*, *Revue Générale de Droit International Publie*, vol. 32 (1979), p. 274.
- [75] Sđd, tr. 286-300.
- [76] *Délimitation de la frontière maritime dans la region du Golfe de Maine*, *Cour Internationale de Justice Receuil*, 1984, p. 309-310. - Activités militaires

- et para-militaires au Nicaragua et contre celui-ci, Cour Internationale de Justice Recueil, 1984, p. 414-415. - Affaire du Temple Préah Vihear, Cour Internationale de Justice Recueil, 1962, p. 22-23, 32.
- [77] Brigitte Bollecker-Stern: *L’Affaire des essais nucléaires français devant la Cour Internationale de Justice*, Annuaire Français de Droit International (1974), p. 329. Cũng xem Megan Wagner: Jurisdiction by Estoppel in the International Court of Justice, California Law Review, vol. 74, p. 1792.
- [78] *Cour Internationale de Justice Recueil* 1984, Sđd, p. 414.
- [79] Lưu Văn Lợi, Sđd, tr. 75.
- [80] *Cour Internationale de Justice Recueil*, 1974, tr. 267 và 269.
- [81] Lưu Văn Lợi, Sđd, tr. 104-110.
- [82] Megan Wagner, Sđd, lưu ý 64, tr. 1780.
- [83] Bollecker - Stern, Sđd, tr. 331.
- [84] Trong các tác giả phương Tây khẳng định lý lẽ chủ quyền lịch sử của Trung Quốc rất yếu, có ít nhất các tác giả sau: - Bennett, Sđd, tr. 446; - Murphy, Sđd, tr. 201; - Roque Jr., Sđd, tr. 203; - Chemillier - Gendreau, Sđd, tr. 66; - Jean Pierre Ferricier, xem tiếp, tr. 182; - Samuels, Sđd, tr. 40. Giáo sư Samuels không bàn đến vấn đề chủ quyền, nhưng phân tích lịch sử sự liên hệ của Trung Hoa đối với biển Đông và các đảo; ông viết rằng cho đến thế kỷ XIX không có bằng chứng nào rằng nhà Thanh đã chiếm hữu những đảo này làm sở hữu của mình: By the mid-19th Century, the literari cognitive map of the South China Sea had become more elaborate, but still barely touched upon the islands of the sea? There is no evidence here that the Ching State had in any sense absorbed the islands into the imperial domain.
- [85] Jean Pierre Ferrier: Le conflit des îles Paracels et le problème de la souveraineté sur les îles inhabitées, Annuaire Français de Droit International (1975), p. 178: ? qu’où il en soit la conquête militaire des îles par la Chine ne peut résoudre le problème juridique: pour qu’une telle occupation, illégale dans son principe, puisse avoir des effets juridiques, il faut que la reconnaissance par les autres états intervienne et ‘purge juridiquement de ses vices’ l’annexion ainsi réalisée.
- [86] Mark Valencia: *China and the South China Sea disputes*, Oxford University Press, London, 1995, p. 7.
- [87] Bennett, Sđd, tr. 427.
- [88] Jeannette Greenfield: *China’s practice in the Law of the Sea*, Clarendon Press, Oxford, 1992, p. 13.
- [89] Mark Valencia, Sđd, tr. 6 và 7. Cũng xem Murphy, Sđd, tr. 209 và 210.
- [90] Vụ Sahara Occidental, xem *Avis Consultatif, Cour Internationale de Justice Recueil*, 1975, tr. 21 tới 28. Trong những trang này, Tòa nói về thẩm quyền cho ý kiến của mình thể theo Điều 65, Đoạn 1 trong Quy chế của Tòa.

PHỤ TRƯỞNG
(Tư liệu và bản đồ)

SPRATLY ISLANDS DISPUTE



Homes and boundary representations are not necessarily authoritative
0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

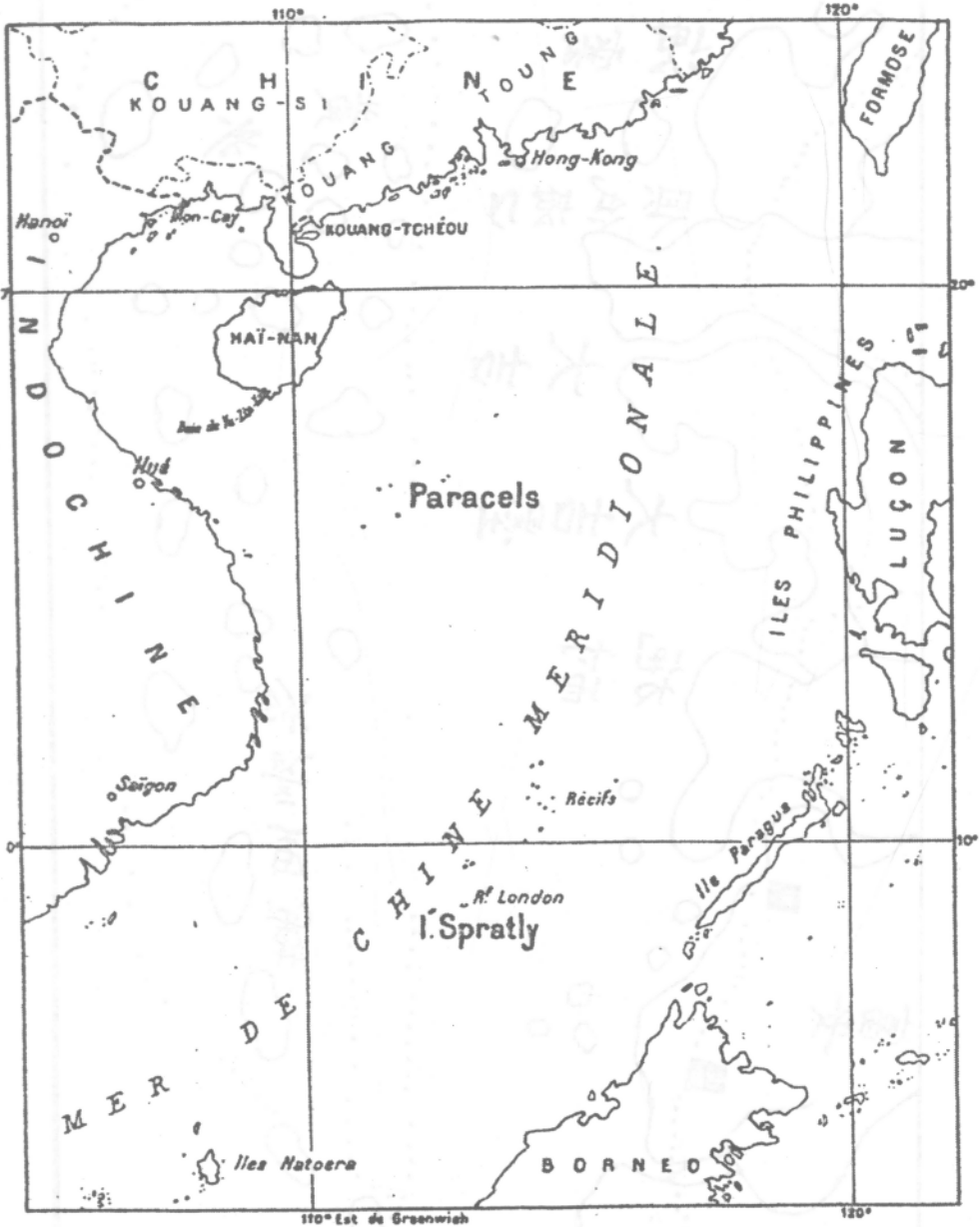
0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

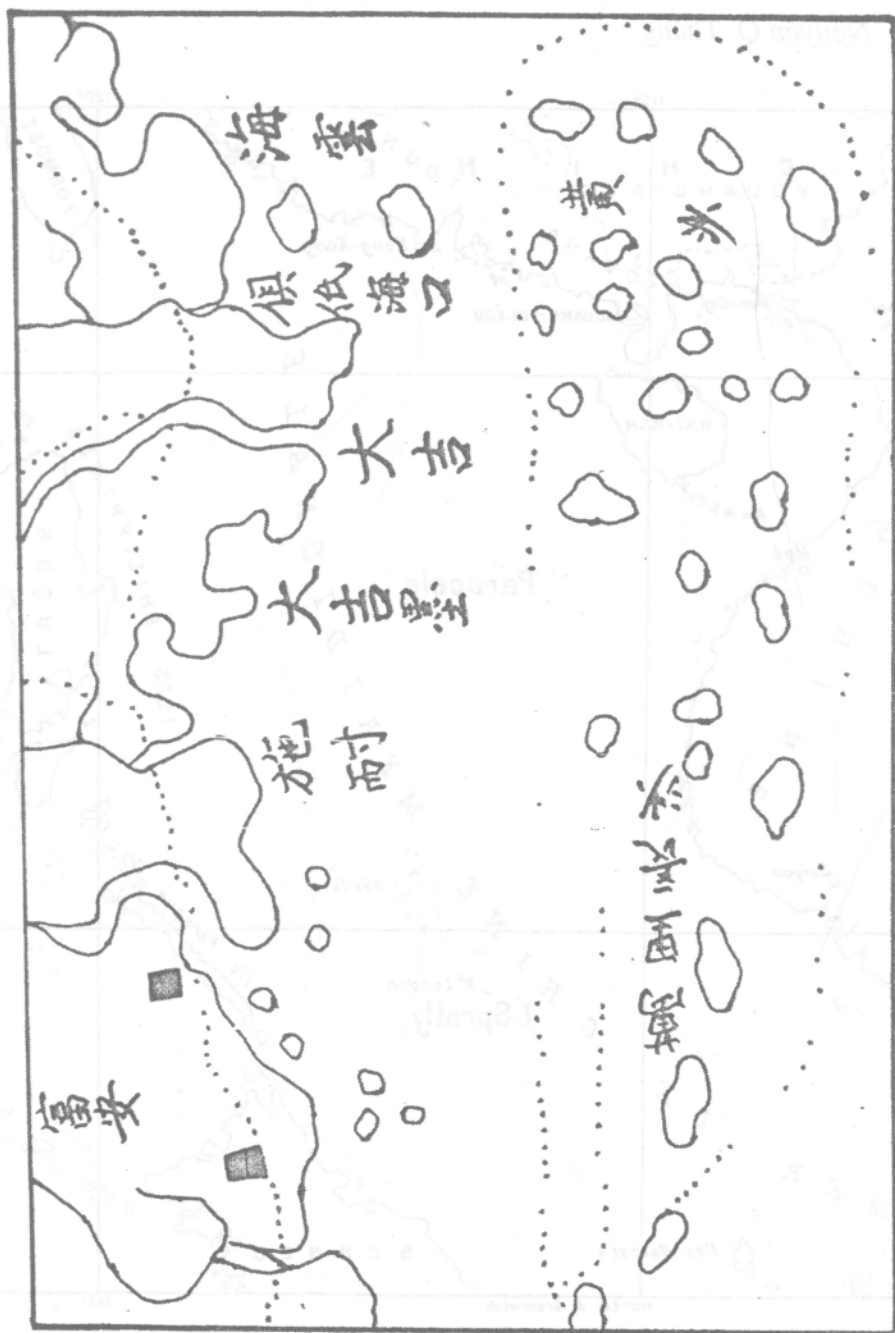
0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

0319 11-89 STATE (IHR/C&T)

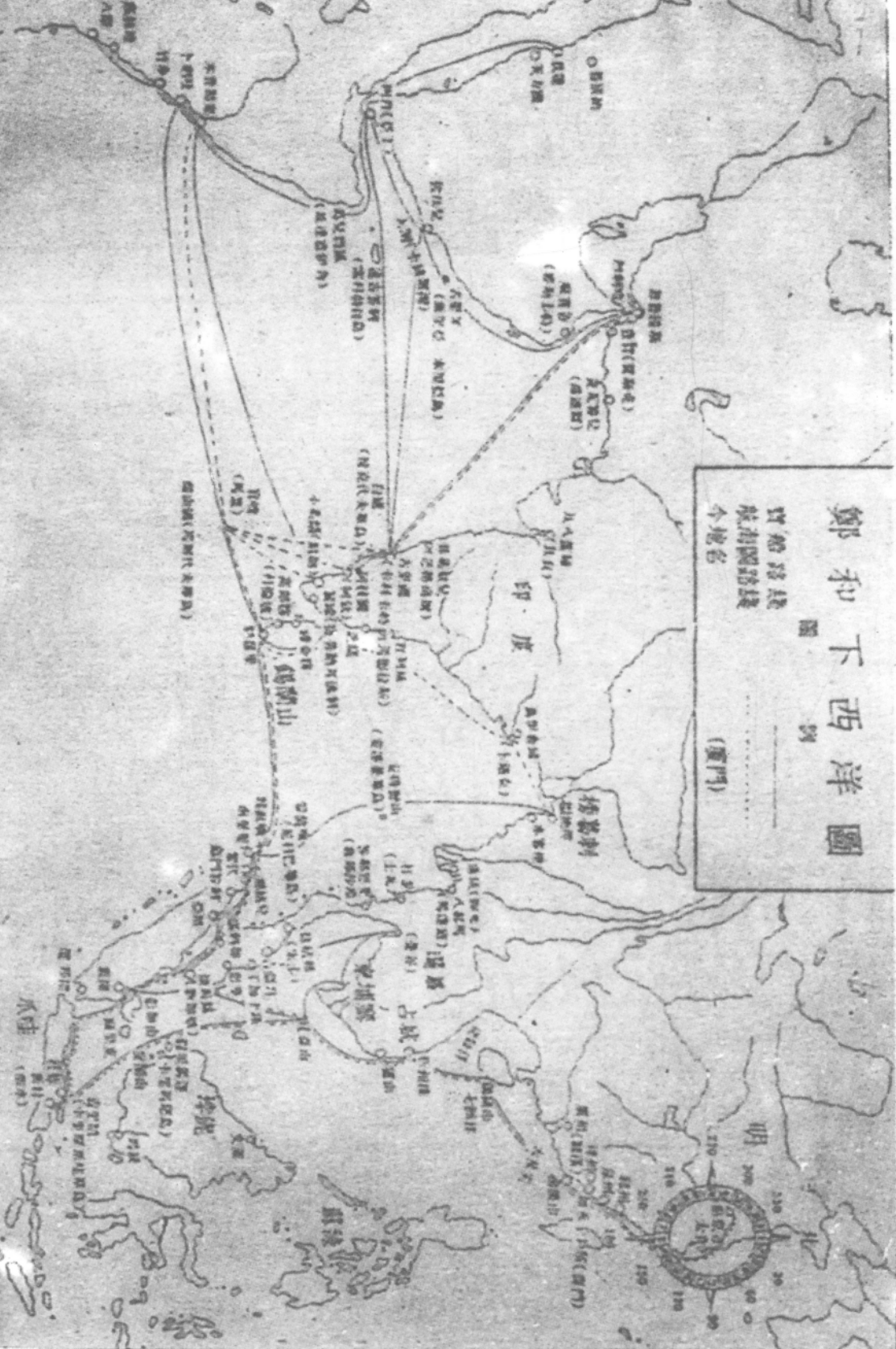
Bản đồ chi tiết các đảo trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam
(theo sách của Chemillier-Gendreau)



Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa
theo sách của Gs Chemillier-Gendreau (Paris, 1996)



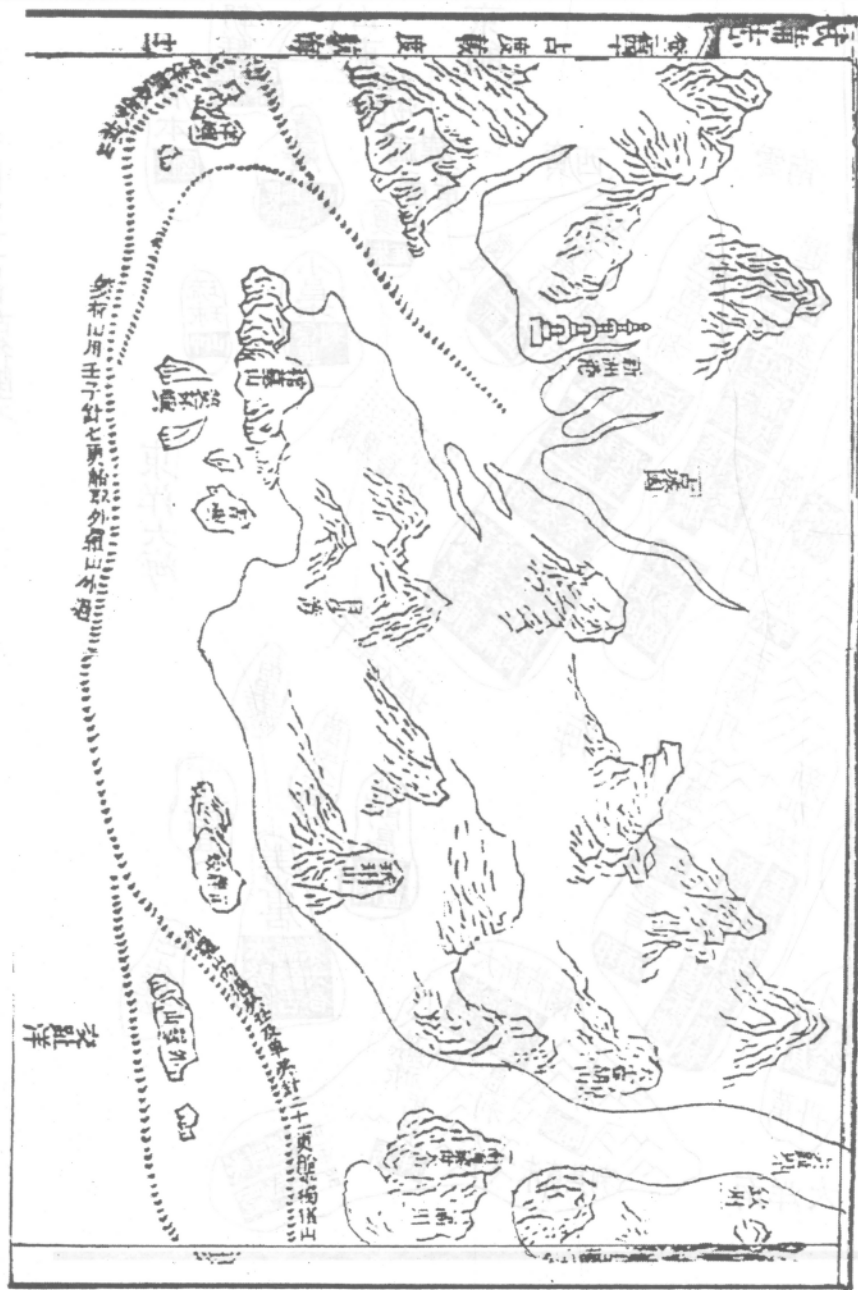
Bản đồ Quần·đảo Hoàng Sa, Trường Sa đối diện các cửa khẩu Việt Nam
- Trung Kỳ - theo bản vẽ lại của tác giả Võ Long Tê, Sách đã dẫn



Bản đồ Trịnh Hòa hạ Tây dương của Trung Quốc không có vẽ hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam (dẫn bởi Lưu Văn Lợi, sdd)



Bản đồ Đại Thanh đế quốc không có vẽ hai quần đảo
Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam



Trịnh Hòa hàng hải đồ (trg 11b và 12a, vẽ biển đông từ biên giới hải phận Việt Trung tới cửa khẩu Qui Nhơn - không có quần đảo Hoàng Sa, tư liệu của Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu ở Sài Gòn)

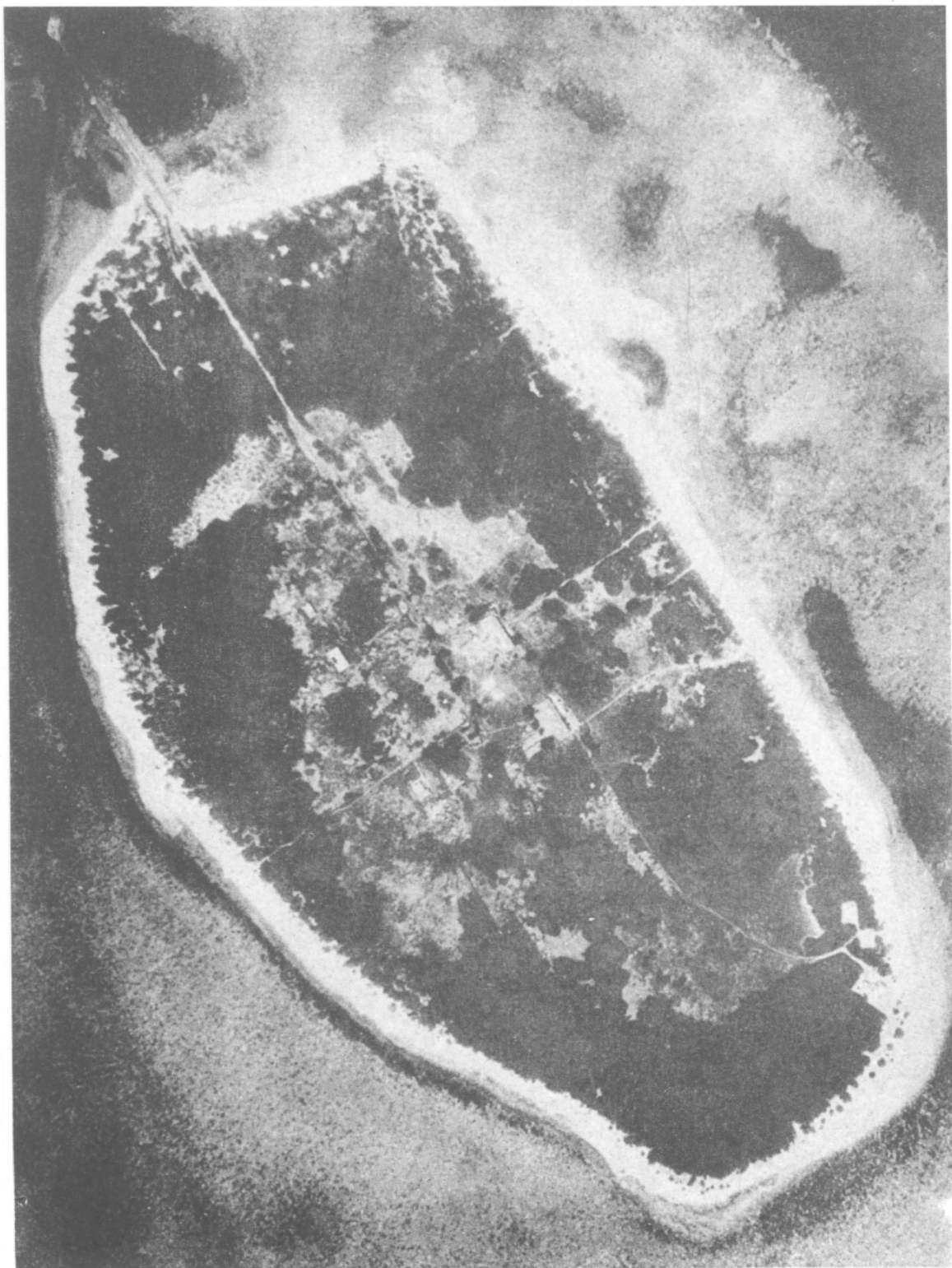
今名陽文
古名陰文



Nguyễn Q. Thắng



Bìa sách *Hồng Đức Bản đồ* (Đồng Dương văn khố)



Không ảnh đảo Hoàng Sa của VNCH
(dẫn bởi tạp san Sử Địa số 29, 1975, Sài Gòn)

Pékin, le 28 Juillet 1930

N° 350

Đức Đại Toàn Quyền tại Trung Hoa

MONSIEUR WILDEN, MINISTRE PLÉNIPOTENTIAIRE
DE LA REPUBLIQUE FRANCAISE EN CHINE,

A SON EXCELLENCE MONSIEUR A. BRIAND, MINISTRE
DES AFFAIRES ETRANGERES,

Bộ Ngoại Giao A PARIS

Droits de la France
sur les Iles Paracels

Par sa dépêche n° 113 du 6 juin dernier, votre Excellence a bien voulu me faire savoir que le ministre des colonies, revenant sur sa manière de voir antérieure, se disposait à revendiquer au profit de l'Annam la souveraineté des Iles Paracels et me demander mon sentiment à ce sujet.

Cette légation a, par ses dépêches n° 117 et n° 239 en date, respectivement, du 20 Mars et du 27 Mai dernier exprimé son avis sur la question. Encore que la France n'ait jamais officiellement reconnu les droits de la Chine sur l'archipel, il n'en reste pas moins que nous avons délibérément laissé sans protestation tous les actes par lesquels ce pays-ci, soucieux d'interrompre périodiquement la prescription qui pourrait lui être opposée, cherche, depuis quelques années, à marquer qu'il considère les Iles Paracels comme des dépendances de son territoire et s'efforce de nous placer en présence du fait accompli ./.

*Thư Công biên số 112 ngày 2-5-1930
B.S. Thuận Bình đã thay đổi ý kiến và gửi đến
P.C.C. chủ quyền trên các đảo Hoàng Sa và V.A.T
và muốn biết ý kiến của v/v này - thì đại diện
bên ý kiến của tôi trên cơ sở 112 ngày 20-3 và
25-5 rồi qua -
112 ngày thay đổi bao giờ cũng như vậy nên chủ
quyền Tr. Hoa tại đó, họ cũng không phải là chủ
hàng vì của họ đang vướng vào giới tuyến nước
đất chủ quyền trên các đảo và đại diện họ
biết rõ tâm địa.*

(1) *Thư biên*

Bức công điện của Đại sứ Pháp tại Bắc Kinh (Tr.Q)



THỦ TƯỚNG PHỦ
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG-HÒA

Thưa Đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ :

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc.

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa trên mặt biển.

Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng./.

Hà-nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958



Phạm Văn Đồng
PHẠM VĂN ĐỒNG

Thủ tướng Chính phủ

Nước Việt - nam Dân chủ Cộng hoà

Kính gửi :

Đồng chí CHU AN LAI

Tổng lý Quốc vụ viện

Nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa
tại

BAC-KINH.

Bức thư này do các cửa hàng tạp hóa Quận 5 TP.HCM (Chợ Lớn) dùng làm giấy gói hàng vào các năm 1996-2000) chủ các sạp hàng phát cho khách hàng)

撫邊雜錄卷之二

奉差順化廣南等道參視參贊軍機順化協鎮
撫右勝奇八侍陪從戶部左侍郎額城侯黎貴博撰
昔人有云自有天地卽有山河城闕雖有殊而山河不改
省僞莫辰都給事中楊文撰烏州近錄所載順化
處山河海口今則依然而城池驛渡寺塔較異昔辰矣
今畧錄之橫山在布政州近山焦社_接安界自遠迢迢

廣義府平山縣安永社大海門

外有山名劬勞難廣可三十餘里舊有四政坊居民立
田出海四更可到其外大長沙島舊多海物舶貨立黃
沙隊以縣之行三日夜始到乃近於北海之處

歷朝憲章類誌卷之五

輿地誌

潘輝注著

思義府三縣

義江縣

九十
三社

平陽縣

七十
社

慕花縣

五十
三社

思義府在廣南之中、上游連山橫排下臨大海、
其中地勢寬曠、太王專制時改為廣義三縣、物
力豐衍穀粟不知其數、金銀材木、珠貝、珠沉、速

皆極美好象馬之畜亦為至多又有海外島嶼

景物秀麗奇珍異物多在此處云

平陽縣安社村居海濱

海外之東北有島焉羣山零星一百三十餘嶺山間出海約滿一日或散更山上間有甘泉島之中有黃沙渚約長三十里平坦廣大水清徹底島旁漁集無數眾島以千島計見人環集不避清過異物甚多其文螺有名沃腮猶人如康腹有粒如脂指大色油赤及蚌珠其壳可削成碑又有可作天尼塗有名沃埤珠可飾器物又名沃香渚蚌肉皆可醃煮玳瑁有名海巴甲燕可飾器皿卵似巨指有名海參俗曰臭臭游沙者旁採取以石碾擦過去腸晒乾食特田蟬浸水之同蝦猪肉亦好泊商舶多遭厄依於此島前王厯朝遣黃沙隊七十率以永安人輪番采以歲取三月受示行差查六月糧駕小船五隻出洋三日三夜始置此島處巡捕採取捕魚為食所得木船物器室甚眾其採取海頗多矣

月圓入腰門
就高脊城

明命十四年新年鑄

皇越地輿誌

歲在壬申年新春鑄

明命十四年著

一在提岸和源成發客

皇越地輿誌

Sách Hoàng Việt địa dư chí
(Bản in tại Đền Ngạn - Chợ Lớn)

大南寔錄正編第一紀卷之五十二

世祖高皇帝寔錄

丙子嘉隆十五年

清嘉慶二十一年

春正月以北城總

鎮阮黃德爲嘉定總鎮

嘉定驛進方物有附遞茶一廂以餽僚友者

帝聞之謂體部曰朕宮中自奉甚薄不欲以口腹之

奉動煩民力今私相餽遺而更勞郵傳其可乎因

勅白今諸地方驛政有因公附寄私物者罪

大南寔錄正編第一紀

卷五十二

再準擇地建廟以爲此次陣亡將弁祀所俾得永承
恩典○又

諭義者高平署布政裴增輝按察范廷擢領兵范文劉
從容就義著于該省擇一淨地建立祠宇一所用爲
盡節者勸○十六年奏準廣義建

黃沙廟一間

石字
體製

于白沙堆之西南左立石碑

高一
尺五

寸面一
尺二十

前砌屏左右後播植各項木○又議准建

原高平布按領兵祀宇一座三間兩端甃壁于該
省地轄○十七年山西改建

文廟正堂前堂○又議準建邊和陣亡將弁祀所于

大南寔錄正編第二紀卷之一百四

聖祖仁皇帝寔錄

帝謂工部曰廣義洋分一帶黃沙之處遠望之則水
天一色不辨淺深邇來商船常被其害今宜預備
船艘至來年派往建廟立碑于此又多植樹木他
日長大鬱茂則人易識認庶免著淺之誤此亦萬
世之利也

卓所至賊皆披靡歷秦皇北

善政兵會於爐淹屯雷繼聲奔來南

四府皆降匿原走尋楓

屬將招撫昆蠻以為聲勢會南潯乃駐兵

先是

上聞匿原乞援于父安慮鄭氏因此動兵遂報武

昌嶠盼諸徒長凡出路通真臘者

各令變丁偵探消息以聞

大南寔錄前編

卷十

秋七月廣義黃沙隊民乘船往黃沙島遭風

泊入清瓊州洋分清總督厚給送回

上命為書遺之廣義平出縣安永社海外有沙洲

一百三十餘所相去或一日程或

數更許近家不知其幾千里俗稱萬里香

沙洲上有井甘泉內瑪所產有海冬瓜瓠

文螺龜然等物

因初開黃沙際七十人以安永社民充之歲以

三月乘船往三日夜抵其處係取貨物以

八月回舫又有北海隊募平願因取貨物或

家賜社人充之介錫小船往北角是

備等處採取貨物亦由黃沙際倒寄

九月右翼奇掌奇尊室遭

又名時

大南寔錄正編第二紀卷之一百二十二

聖祖仁皇帝寔錄

甲午明命十五年春三月改諒山七泉文關安博

遣監城隊長張福仕與水軍二十餘人乘船往

廣義黃沙處描取圖本及還

帝問以所產物類仕奏言此處海中沙渚廣漠無涯

惟有清人往來攻魚捕鳥而已因以所採禽

鳥魚鰲螺蛤上進多是奇物人所罕見者

帝召侍臣觀之賞在行人等銀錢有差

大南寔錄正編第二紀卷之一百五十四

聖祖仁皇帝寔錄

乙未明命十六年夏六月濬普利河

帝諭內閣曰自香江津次從大江小江均可抵順安
海口而大江縈迴路遠不若羅綺至網潭小江徑
直而近只嫌淺涸水落竟不通舟耳月前朕因巡
幸曾已詢悉復命京尹胡佑履勘據奏但隨淺涸
一二處刷深開廣便可通行况今當米貴亦可以

大南寔錄正編第二紀卷之一百四

聖祖仁皇帝寔錄

癸巳明命十四年秋八月討逆右道將軍阮文仲
參贊張明講黃登慎兵次高蠻橋北賊徒約
千餘分道一向橋南隱伏一向花峯壘掩擊
黎策阮文兌道兵適原安河總督黎大綱管
將兵象抵習陣原前來策應賊稍卻忽有一
支自西郭林叢中出與之交鋒數合應義鄉

大南寔錄正編第二紀卷之一百六十五

聖祖仁皇帝寔錄

丙申明命十七年

清道光十六年

春正月朔諭凡京官例

得宴賚而名下帶降不及賞格者加恩賞飛

龍銀錢大小各一枚

賞承天以南至嘉定以北至河內九十九站六

月錢米視公役繁簡爲差

承天六站廣治四站廣南七站凡十

七站月各錢四十緡米三十方廣平六站廣義五站寧平寧多站河內河忠站嘉定嘉新

西南有古廟碑刻萬里渡平四字

白沙堆地名舊名山東西南岸皆用碑石安立

一墩周圍三百四十丈高一丈三尺此少壯齊名

難石

命於此處建廟立碑前設

屏

平順提督裴公誼奏邇來派兵分頭防截蠻匪四散或向慶和投降或于平順出首請來京復命賞誼軍功加一級

削除黎後鄭族各額

閏六月給諸地方較彈銅尺較度鎔心要得詳確臨陣命中俾火器咸歸寔用

平順土盜匪復甯聚于伯奔潛下和順龍蟠地轄按察黎德奇尊室族大敗之誠斬各陞賞各道員弁兵民賞錢

又安鎮寧款縣但思屯所有南掌兵三百人來置蠻書一紙而去書是暹字部譯其書以進帝諭曰據譯伎不過暹將大言以圖嚇唬邊氓耳可擬撰鎮寧肥造覆文于暹軍將弁送省飾阮仲裕譯出蠻字到夾境處交暹軍人認取回過報告俾他永攝兵威再派暹通言阮文莊從省演譯候省人學習有能曉得暹字者復撤回京

潯普利河自香江津次從小江抵順安海以淺涸亦不通船往來不便故潯之

建廣義黃沙神廟沙在海外有一處樹木森茂堆之中有拱

形勢

東橫沙島

黃沙島

連倉海以爲池西控山蠻砌

長壘以爲固南隣平定石津圖當其衝北接

廣南沙土灘爲之限名山則天印龍頭天筆

左右藩屏大川則茶曲象紫衛江前後襟帶

五奇

靖蠻五奇

分駐峻邊防也六汛列守

詳關壯汛目

海疆也至若富登庫市百貨藏居古壘汛門

有兩頭蠻行則相依又有腔碎蠻此蠻所居
 之處有一大虫形如馬諸蠻過此能跨此虫
 則已否則此蠻羣來食之
 惡蠻捉人多轉賣于此
 理山島 在平山縣
 名岫嶗哩島四面高中四可數十畝永安安
 海二坊民居焉東有洞洞中有寺數間石床
 石几天然如畫洞口左右各有井水甚清
 周圍樹木鬱茂有海匪至二坊民就此避之
 其地多產落花生及玉蜀黍
 舊有屯守以禦海匪今罷
 黃沙島 在哩島
 之東自
 沙圻海岸放洋順風三四日夜可至島上羣
 山羅列凡一百三十餘峰相隔或一日程或
 數更許島之中有黃沙洲延袤不知幾千里
 俗名萬里長沙洲上有井甘泉出焉海鳥羣

Sau đây là một hồ sơ giả do Trung Quốc viết trong *Từ Hải Từ điển Trung Quốc*, trang 1601 cột giữa dòng 20-32 do Thượng Hải từ thư xuất bản xã 1989

中越边境自卫反击战 1979年2月17日—3月16日，中国边防部队保卫边疆反击越南武装入侵的作战。1976年后，越南当局公开推行地区霸权主义和反华仇华政策，在中越边境不断制造事端，企图用武力改变边境现状。中国政府对此曾多次提出劝告和警告，一再建议通过谈判解决双方争端，均遭拒绝。1978年下半年开始，越南当局在中越边境集结大量军队，加剧对中国的入侵活动，在半年多时间里，武装挑衅达七百多次，打死打伤中国边防人员和边境居民三百多人。中国广西、云南边防部队在忍无可忍的情况下，从1979年2月17日起，被迫奋起自卫反击，在边境地区给予越南正规部队和地方武装以重大打击。在胜利完成自卫反击任务后，中国边防部队奉命于3月5—16日全部撤回中国境内。

Trung Việt biên cảnh tự vệ phản kích chiến. 1979 niên 2 nguyệt 17 nhật – 3 nguyệt 16 nhật, Trung Quốc biên phòng bộ đội bảo vệ biên cương phản kích Việt Nam vô trang nhập xâm đích tác chiến. 1976 niên hậu, Việt Nam đương cuộc công khai thôi hành địa khu bá quyền chủ nghĩa hòa phần Hoa, cầu Hoa chánh sách, tại Trung Việt biên cảnh bất đoạn chế tạo sự doan, xí đồ dụng võ lực cải biến biên cảnh hiện trạng. Trung Quốc chính phủ đối thử tăng đa thử đề xuất khuyến cáo hòa cảnh cáo, nhất tái kiến nghị thông quá đàm phán giải quyết song phương tranh doan, quân tảo cự tuyệt. 1978 niên hạ bán niên khai thủy, Việt Nam đương cuộc tại Trung Việt biên cảnh tập kết đại lượng quân đội, gia kích đối Trung Quốc đích nhập xâm hoạt động, tại bán niên đa thì gian lý, vô trang khiêu hấn đạt thất bách đa thử, đã tử đã thương Trung Quốc biên phòng nhân viên hòa biên cảnh cư dân tam bách đa nhân. Trung Quốc Quảng Tây, Vân Nam biên phòng bộ đội tại nhần vô khả nhần đích tình huống hạ, tòng 1979 niên 2 nguyệt 17 nhật khởi, bị bách phần khởi tự vệ phản kích, tại biên cảnh địa khu cấp dư Việt Nam chánh quy bộ đội hòa địa phương vô trang dĩ trọng đại đã kích. Tại thắng lợi hoàn thành tự vệ phản kích nhiệm vụ hậu, Trung Quốc biên phòng bộ đội phụng mệnh vụ 3 nguyệt 5 – 16 nhật, toàn bộ triệt hồi Trung Quốc cảnh nội.

(Từ Hải Tử Diển Trung Quốc : Trang 1601 cột giữa dòng 20 – 32. Thượng Hải từ thư xuất bản xã 1989)

Cuộc chiến đánh trả để tự giữ cõi bờ tại biên giới Trung Việt. Từ ngày 17 tháng 2 đến ngày 16 tháng 3 năm 1979, bộ đội biên phòng Trung Quốc giữ gìn bờ cõi đã đánh trả quân vô trang Việt Nam xâm nhập gây chiến. Từ sau năm 1976, nhà cầm quyền Việt Nam công khai đẩy tới làm điều chủ nghĩa bá quyền khu vực với chính sách thù ghét Trung Quốc, chống lại Trung Quốc, ở biên giới Trung Việt không ngừng gây ra đủ việc, tiến tới với ý đồ dùng võ lực đổi thay đường biên giới hiện có. Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần đề xuất khuyến bảo và cảnh cáo, một vài lần kiến nghị thông qua đàm phán đối bên giải quyết việc tranh giành, đều gặp sự cự tuyệt. Bắt đầu nửa năm sau của năm 1978, nhà đương cuộc Việt Nam dồn đến một lực lượng lớn quân đội ở biên giới Trung Việt, và đã thêm nhiều lần hoạt động xâm nhập phía Trung Quốc, chỉ trong vòng nửa năm, mà đã vô trang gây hấn đến hơn 700 lần, giết và làm bị thương nhân viên biên phòng và dân cư biên giới Trung Quốc trên 300 người. Bộ đội biên phòng Trung Quốc ở tỉnh Quảng Tây, Vân Nam đã nhịn và rồi không sao nhịn nổi với tình huống đó, nên đến ngày 17 tháng 2 năm 1979, quá đối bức tức sức đánh trả để tự vệ, ở khu vực biên giới bộ đội chánh quy cùng quân vô trang Việt Nam riêng phần tấn công dữ dội. Sau khi đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đánh trả để tự vệ, từ ngày 5 đến 16 tháng 3 bộ đội biên phòng Trung Quốc vâng lệnh rút về hết toàn bộ vào trong đất Trung Quốc.

Nguyễn Q. Thắng

VÕ LONG TÊ

**LES ARCHIPELS
DE HOÀNG-SA ET DE TRƯỜNG-SA
SELON
LES ANCIENS OUVRAGES VIETNAMIENS
D'HISTOIRE ET DE GÉOGRAPHIE**



PUBLICATIONS EN LANGUES ÉTRANGÈRES
DE LA COMMISSION DE TRADUCTION

SAIGON
MINISTÈRE DE LA CULTURE, DE L'ÉDUCATION ET DE LA JEUNESSE
1974

Bìa sách của tác giả Võ Long Tê

Hoàng Sa – Trường Sa...

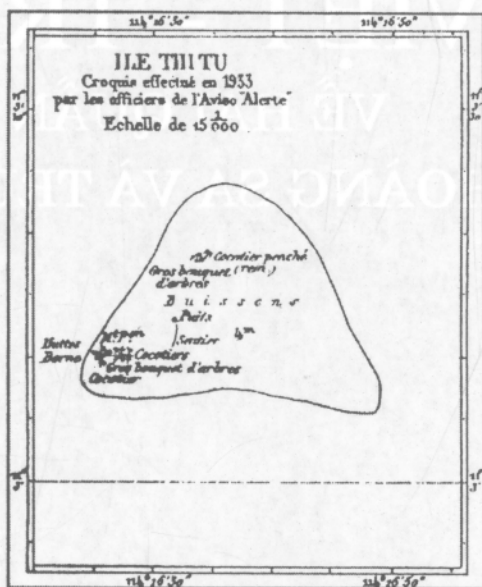
Nguyễn Q. Thắng

HOÀNG SA TRƯỜNG SA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TP.HCM
- 1988 -

Bìa sách của tác giả Nguyễn Q. Thắng

LA SOUVERAINETÉ SUR LES ARCHIPELS PARACELS ET SPRATLEYS



L'Harmattan

Bìa sách của Monique Chemillier-Gendreau

LƯU VĂN LỢI

CUỘC TRANH CHẤP
VIỆT - TRUNG
VỀ HAI QUẦN ĐẢO
HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Bìa sách của tác giả Lưu Văn Lợi viết về cuộc tranh chấp hai quần đảo
Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam (Dẫn bởi Sdd)

Dr. h. c. TRAN - MINH TIET

L'AGRESSION SINO-COMMUNISTE

DES ILES PARACEL

VIÊTNAMIENNES

(LA GUERRE POUR LA PAIX)

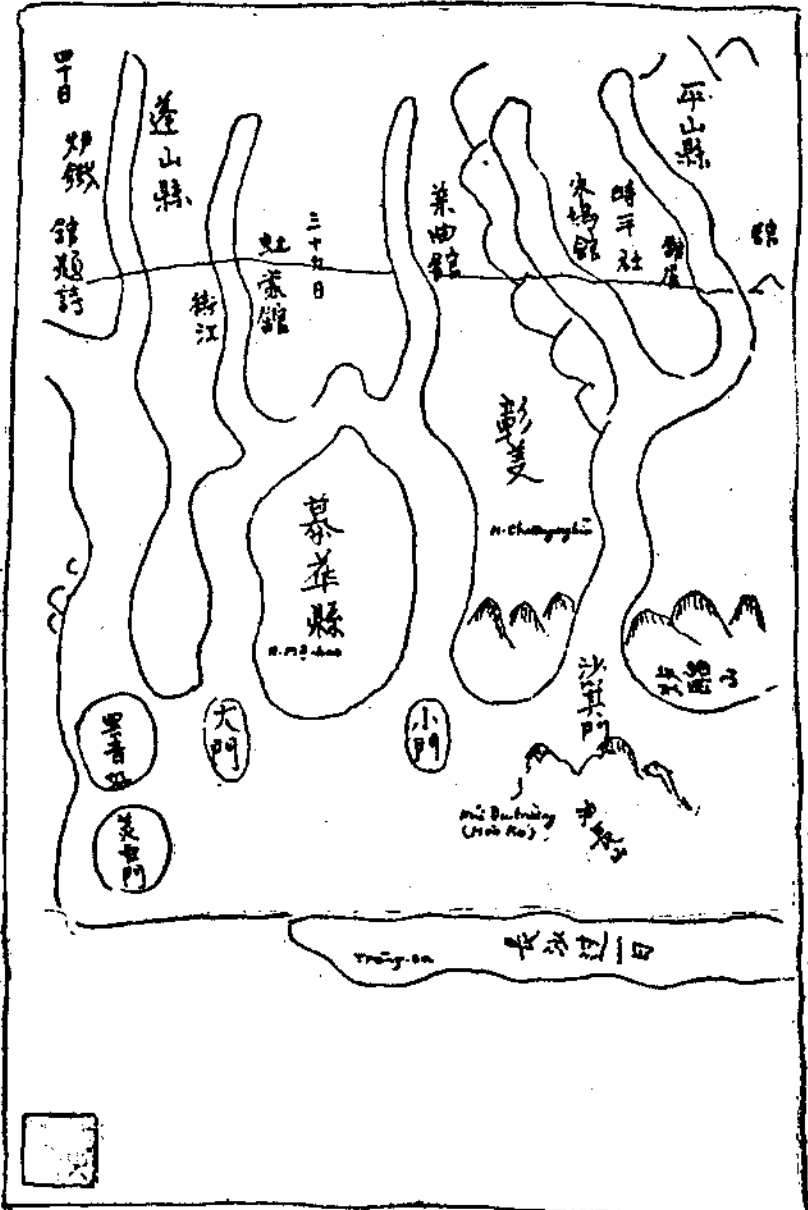


NOUVELLES EDITIONS LATINES

1, rue Palatine — PARIS-6^e

Bìa sách của tác giả Trần Minh Tiết

廣東天南諸國景興二年秋本



Bản đồ xứ Quảng Nam đời Lê theo Thiên Nam lộ đồ vẽ lại năm 1741 do Gs Hoàng Xuân Hãn công bố trên tập san Sử Địa số 29-1075, Sài Gòn

SÁCH THAM KHẢO

- BỬU CẨM *Quốc hiệu nước ta* (từ An Nam đến Đại Nam) Phủ Q. V. K. Đ. T. V. H xuất bản, 1969, Sài Gòn.
- CA VĂN THỈNH, BẢO ĐỊNH GIANG. *Nguyễn Thông con người, tác phẩm*. NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1983.
- DUƠNG VĂN AN *Ô Châu cận lục*, Bùi Lương dịch. NXB Văn Hóa Á Châu, 1961 Sài Gòn.
- DUƠNG CHÂU (Zhou Jian), *Les frontières maritimes de la Chine* (Các biên giới ngoài biển của Trung Quốc), Université Paris X, 1991, Paris (Luận án tiến sĩ đệ tam cấp).
- DUƠNG KỶ *Việt sử khảo lược*, La San xuất bản, 1961, Sài Gòn.
- ĐÀO DUY ANH *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Khoa học Xã hội, 1964, Hà Nội.
- ĐÀO VĂN HỘI *Lịch trình hành chánh Nam phần*, 1961, Sài Gòn.
- HOÀNG XUÂN HÂN *Lý Thường Kiệt...* Đại học Vạn Hạnh tái bản 1966, Sài Gòn.
- HUỖNH KHẮC DUNG *Sử liệu Việt Nam*, Nhà văn hóa xuất bản, 1959 Sài Gòn.
- P.HUARD, M.DURAND *Connaissance du Việt Nam*. Nhà in Quốc gia, 1954, Hà Nội.

Nguyễn Q. Thắng

– PHAN THỨC TRỰC. *Quốc Sử di biên*, Bộ Giáo dục xuất bản, 1973, Sài Gòn.

– PHAN HUY CHÚ - *Hải trình chí lược* (Tam ngữ Hán, Việt, Pháp ngữ, Tạ Trọng Hiệp dịch).

– PHAN KHOANG *Việt Sử xứ Đàng Trong*, NXB Khai Trí, 1968, Sài Gòn.

– MỘT NHÓM TÁC GIẢ *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Khoa học Xã hội, 1985, Hà Nội.

– MỘT NHÓM TÁC GIẢ *Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam*, tập 1, NXB Sự thật, 1983, Hà Nội.

– NGUYỄN SIÊU *Phương Đình địa dư chí*, bản dịch của Ngô Mạnh Nghinh. NXB Tự do, 1960, Sài Gòn.

– NGUYỄN LANG *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Lá Bối, 1974, Sài Gòn, tập 2, 3, NXB Văn Học, Hà Nội 1994.

– TRỊNH HOÀI ĐỨC *Gia Định thành thông chí*. Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo. Nha Văn Hóa XB, 3q. 1972, Sài Gòn.

– THÍCH ĐẠI SÁN *Hải ngoại kí sự*, Nguyễn Duy Bật dịch ĐH Huế xuất bản, 1963, Huế.

– QUỐC SỬ QUÁN *Đại Nam nhất thống chí*, (Trung kì - 17 quyển).

– Bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Đào Duy Anh, NXB Khoa học Xã hội, 1969, 1970, Hà Nội.

– Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Trần Tuấn Khải... Nha Văn Hóa xuất bản, 1964, Sài Gòn.

– QUỐC SỬ QUÁN. *Đại Nam thực lục chính biên* (38tập)

Nguyễn Q. Thắng

bản dịch của tổ phiên dịch Viện Sử học, NXB Khoa học Xã Hội, 1976, 77, 78... Hà Nội.

– JEAN LOUIS TABERD - *Từ điển La Tinh - An - Nam*, 1838, Sài Gòn.

– BỘ NỘI VỤ - *Qui pháp vụng tập*, tập 1, Sài Gòn.

– VÕ LONG TÊ *Les Archipels de Hoàng Sa et de Trường Sa selon les anciens ouvrages Vietnamiens d'histoire et de géographie*, 1974, Sài Gòn.

– TRẦN MINH TIẾT - *L'agression sino communiste des îles Paracels Vietnamiens. La guerre pour la paix*, 1975, Paris.

– NGUYỄN Q. THẮNG - *Hoàng Sa - Trường Sa*, NXB Trẻ TP.HCM, 1998.

– MONIQUE CHEMILLIER - GENDREAU - *La Souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, NXB L'Harmatlan, Paris, 1997, Hà Nội.

– NGUYỄN Q. THẮNG - NGUYỄN BÁ THẾ - *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Văn Hóa, 1999, Hà Nội.

– NGUYỄN Q. THẮNG - *Từ điển tác gia văn hóa Việt Nam*, NXB Văn Hóa, 1997, Hà Nội.

– LƯU VĂN LỢI, *Cuộc tranh chấp Việt Trung về hai Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, NXB Công an, 1995, Hà Nội.

– Và phần lớn thư mục Hoàng Sa, Trường Sa đã dẫn ở thư mục:

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	5
Lời đầu sách	7
Lời nói đầu	9
Phần thứ nhất	11
Chương I	
ĐỊA LÍ VĂN HÓA HOÀNG SA, TRƯỜNG SA	11
1. Vài nét về lịch sử hành chánh	12
2. Giao thông hàng hải và vị trí Quốc phòng	17
3. Vị trí và địa thế các đảo chính	23
4. Tài nguyên thiên nhiên	35
5. Khí hậu và thảo mộc	39
Chương II	
HOÀNG SA, TRƯỜNG QUA CÁC BẢN ĐỒ CỔ	
VIỆT NAM	46
1. Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư	46
2. Đại Nam nhất thống toàn đồ	56
3. An Nam Đại quốc họa đồ	65
4. Bản đồ của anh em nhà Van Langren... ..	73
Chương III	
HOÀNG SA, TRƯỜNG SA DƯỚI MẮT	
CÁC SỬ GIA VIỆT NAM	77
1. Lê Quý Đôn với Phủ biên tạp lục	77
2. Phan Huy Chú với <i>Lịch triều hiến chương loại chí</i> , <i>Hoàng Việt dư địa chí</i>	88

3. Quốc sử quán triều Nguyễn với các sách Sử Địa.....	100
a. Đại Nam thực lục tiền và chính biên	103
b. Khâm Định Đại Nam hội điển sự lệ	105
c. Quốc triều chính biên toát yếu	116
d. Đại Nam Nhất thống chí	120

Chương IV

HOÀNG SA, TRƯỜNG SA VỚI CÁC	
TÁC GIẢ NƯỚC NGOÀI	133
1. Trần Luân Quỳnh với Hải quốc kiến văn lục	133
2. Thích Đại Sán với Hải ngoại ký sự	139
3. Các nhân chứng phương Tây	145
a. Tư liệu của người Hà Lan	145
b. Tư liệu tại văn khố Hội truyền giáo Paris	148
c. Tư liệu của Giám mục Taberd, Chaigneau	152

Chương V

DIỄN BIẾN VỤ TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN	
QUẦN ĐẢO HOÀNG SA TRƯỜNG SA	159
1. Thời kì tiền thuộc địa	159
2. Thời kì Pháp chiếm Việt Nam	161
3. Thời kì hậu Thế chiến II	167

Chương VI

Công pháp Quốc tế và vấn đề chủ quyền hai Quần đảo	
Hoàng Sa và Trường Sa	180
1. Khái quát vấn đề	180
a. Vị trí địa lí	181
– Hoàng Sa	182
– Trường Sa	183
2. Nền tảng pháp lí giả định của vấn đề	184
– Tính chất địa dư của vùng đất đang tranh chấp	184
3. Tính chất pháp lí của vụ tranh chấp	186
a. các tiêu chuẩn công pháp Quốc tế	188
b. các bằng chứng chủ quyền	188

* <i>Phía Trung Quốc</i>	185
* <i>Phía Việt Nam</i>	192
4. Sự hình thành quyền sở hữu của Việt Nam đối với	
2 Quần đảo và tầm mức pháp lý của nó	198
a. chủ quyền Việt Nam trên 2 Quần đảo có bị nước nào	
phản bác và chống đối không	202
b. Các hệ quả không hề có việc Việt Nam thân phục	
Trung Quốc	206
c. Các nước khác trong vùng	213
Chương VII	
SỰ THẬT LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ	214
1. Hoàng Sa, Trường Sa trong thời Pháp thuộc	214
2. Hoàng Sa, Trường Sa sau thế chiến thứ II	223
Phần thứ hai	
Tư liệu	
Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam	237
Bản tuyên bố tại hội nghị San Francisco	260
Các tài liệu hành chính	264
– Nghị định số 56-SC	264
– Thông báo ngày 19-7-1933 của bộ ngoại giao Pháp	265
– Thông báo của bộ Ngoại giao Pháp	266
– Nghị định số 4702-CCP của Thống đốc Nam Kỳ	266
– Nghị định số 3282 ngày 5-5-1939 của Toàn quyền	
Đông Dương	268
– Sắc lệnh số 143-NV ngày 22-10-1956 của Tổng thống	
Ngô Đình Diệm	269
– Danh sách các đơn vị hành chính Nam Việt	271
– Sắc lệnh số 174-NV ngày 13-7-1961 đặt Quần đảo	
Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam... ..	272
– Nghị định số 709-BNV/HĐP ngày 21-10-1969 sáp nhập	
xã Định Hải vào quận Hòa Vang tỉnh Quảng Nam	273
– Nghị định số 420-BNV/HCDP/26 ngày 6-9-1970	

sáp nhập một số đảo vào xã Phước Hải, quận Đất Đỏ tỉnh Phước Tuy	275
- Nghị định số 156-3-6 ngày 15-6-1938 của Toàn quyền Đông Dương	276
- Bức công điện của Wilden Đại sứ Toàn quyền cộng hòa Pháp tại Trung Hoa.....	277
- Thư mục Hoàng Sa.....	279
- Phụ lục	295
- Chủ quyền trên hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thử phân tích lập luận của Việt Nam và Trung Quốc .	295
- Sách tham khảo	326

MỤC LỤC PHỤ TRƯỞNG

1- Bản đồ Bãi Cát Vàng do Đỗ Bá vẽ	49
2- Bản đồ ba phủ xứ Quảng Nam	50
3- Bản đồ đường qua xứ Quảng Nam theo bản vẽ lại của Dumoutier	58
4- Bản đồ qua xứ Quảng Nam đời Lê theo Thiên Nam lộ đồ	388
5- Đại Nam Nhất thống toàn đồ	59
6- An Nam Đại quốc họa đồ	69
7- Bản đồ vương quốc Xiêm và các nước lân cận	72
8- Bản đồ của anh em Van Langren	75
9- Bản đồ Đông Ấn và các nước chung quanh Ấn Độ	73
10- Bản đồ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Việt Nam Cộng hòa trước năm 1975	345
11- Bản đồ chi tiết các đảo trên Quần đảo Trường Sa	347
12- Bản đồ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa (theo sách của tác giả Chemillier-Gendreau)	349
13- Bản đồ Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa (theo bản vẽ lại của tác giả Võ Long Tê, Sđđ)	350
14- Bản đồ Trịnh Hòa hạ Tây dương (của Trung Quốc không có vẽ hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam)	351
15- Bản đồ Đại Thanh đế quốc (của Trung Quốc không có vẽ hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam) ..	353
16- Trịnh Hòa hàng hải đồ (của Trung Quốc không có vẽ hai Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam)	355
17- Bản đồ Nguyễn Nguyên vẽ năm 1842	356
18- Bìa sách Hồng Đức bản đồ	357
19- Bản đồ Những cơ sở và điểm xâm nhập của người châu Âu... (Bản đồ do Đô đốc D'Estaing vẽ hồi thế kỉ XVIII ..	358
20- Không ảnh Hoàng Sa (của Việt Nam Cộng hòa)	359
21- Bức công điện của Đại sứ Pháp tại Bắc Kinh (TrQ)	361

22- Bức thư (Công hàm) của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi thủ tướng Chu Ân Lai (TrQ)	362
23- Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn	363, 364
24- Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú (quyển 5)	365, 366
25- Bia sách Hoàng Việt địa dư chí (Bản in ở Huế)	367
26- Bia sách Hoàng Việt địa dư chí (in ở Đền Ngạn - Chợ Lớn)	368
27- Đại Nam thực lục, quyển 52	369
28- Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ	370
29- Đại Nam thực lục, quyển 104	371
30- Đại Nam thực lục tiền biên, quyển 10	372
31- Đại Nam thực lục, quyển 152	373
32- Đại Nam thực lục, quyển 154	374
33- Đại Nam thực lục, quyển 164	375
34- Đại Nam thực lục, quyển 165	376
35- Quốc triều chính biên toát yếu, quyển 3	377
36- Đại Nam nhất thống chí, quyển 6, phần hình thể	379
37- Đại Nam nhất thống chí, quyển 6, tỉnh Quảng Ngãi	380
38- Từ điển Từ Hải của Tuung Quốc	381, 382
39- Bia sách của tác giả Võ Long Tê	383
40- Bia sách của tác giả Nguyễn Q. Thắng	384
41- Bia sách của tác giả Monique Chemillier-Gendreau	385
42- Bia sách của tác giả Lưu Văn Lợi	386
43- Bia sách của tác giả Trần Minh Tiết	387

Cùng một tác giả

- *Huỳnh Thúc Kháng - Con người và thơ văn*, 385 tr., Phủ QVKĐT Văn hóa, Sài Gòn XB, 1972.
- *Trung Kì dân biến thi mật kí* (dịch thuật), 235 tr., Phủ QVKĐT Văn hóa, Sài Gòn XB, 1973.
- *Tìm hiểu một tác phẩm văn chương*, Trường Xuân XB, 1974, Sài Gòn.
- *Âm vị học và ngữ học Việt Nam*, Đại học Cần Thơ XB, 1975,
- *Tiểu luận I* (Mấy vấn đề về Văn học Việt Nam) Trường Xuân XB, 1975.
- *Phan Châu Trinh cuộc đời và tác phẩm*, 310 tr. NXB TP. HCM, 1986, NXB Văn Học, Hà Nội, 1992, 2001, 2005.
- *Hoàng Sa - Trường Sa*, 270 tr., NXB Trẻ TP.HCM, 1988.
- *Tiến trình văn nghệ miền Nam*, 420 tr., NXB An Giang. 1990, NXB Văn học, 1998.
- *Chúng tôi tập viết tiếng Việt*, 260 tr., NXB Long An, 1991, Thanh Niên 2001.
- *Huỳnh Thúc Kháng - Tác phẩm*, 420 tr., NXB TP. HCM, 1992.
- *Kim Thạch Kì Duyên*, 520 tr., XB Văn Học, Hà Nội, 1993.
- *Khoa cử và Giáo dục Việt Nam*, 434 tr., NXB Văn Hóa. 1993, 1994, in lần thứ 3, 550 tr. khổ 14,5x20,5 cm (1998), TP.HCM 2003.
- *Hoàng Việt luật lệ* (luật Gia Long) dịch thuật, 2800 tr., NXB Văn Hóa, 1994, Hà Nội (cùng dịch).
- *Tiểu luận II* (Mấy vấn đề học thuật Việt Nam), 230 tr., NXB Văn Học, 1995, Hà Nội.

- *Quảng Nam Đất nước và Nhân vật*, 648 tr., NXB Văn Hóa, 1996 (cùng NXB), Hà Nội, 2001.
- *Quảng Nam trong hành trình mở cõi và giữ nước*, NXB TP.HCM 2004.
- *Hà Đình Nguyễn Thuật - Tác phẩm*, NXB TP.HCM 2003.
- *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam*, 1230 tr., NXB Khoa học Xã hội, 1991, 1992. NXB Văn Hóa 1993; 1997, 1424 trang, Hà Nội 1999 TP.HCM, in lần thứ 8.
- *Từ điển tác gia Văn hóa Việt Nam*, 1760 trang NXB Văn Hóa, 1999.
- *Trần Văn Dư với phong trào nghĩa hội năm 1885*, NXB Văn Hóa, 2001
- *Tuyển tập Phan Văn Hùm*, NXB Văn Hóa Thông tin, 2003
- *Tìm tòi và cảm nhận*, NXB Văn Hóa, 2001
- *Đường phố TP Hồ Chí Minh*, NXB Văn Hóa, 2001
- *Tuyển tập Vương Hồng Sển*, NXB Văn Học, 2001
- *Tuyển tập Bình Nguyên Lộc*, NXB Văn Học, 2001
- *Lược khảo Hoàng Việt luật lệ*, NXB Văn Hóa, 2002
- *Tuyển tập Nguyễn Hiến Lê*, 4 tập, NXB Văn Học, 2005
- *Phong trào Duy tân 1908 với các khuôn mặt tiêu biểu*, NXB Văn Hóa TT, 2006
- *Hoàng Sa - Trường Sa lãnh thổ Việt Nam với Công pháp Quốc tế*, NXB Kiến thức, 2008
- *Văn học Miền Nam (2 tập)* NXB Văn Hóa Thông tin, 2003
- *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới*, (4 tập) 6.000 trang NXB Văn học, 2007
- *Son Vương - Nhà văn, người tù thế kỷ (2 tập)* 1800 trang, NXB Văn học, 2007.
- *Thiện Chiếu - Nhà cải cách Phật học.*
- *Hương gió Phương Nam.*
- *Sống đẹp với Hà Đình.*

} Sắp in

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

53 Nguyễn Du - Hà Nội
Tel (844) 9454661; Fax (844) 9454660
Email: lienhe@nxbtrithuc.com.vn

**Hoàng Sa - Trường Sa, Lãnh thổ Việt Nam
nhìn từ Công pháp Quốc tế**
NGUYỄN Q. THẮNG

Chịu trách nhiệm xuất bản :

CHU HẢO

Biên tập: **NGUYỄN BÍCH THỦY**

Trình bày, sửa bản in : **NGUYỄN THẮNG**

Bìa : **MAI QUẾ VŨ**

* **Liên kết xuất bản:** Công ti TNHH THU LÂM
61/420A Phan Huy Ích Gò Vấp TP.HCM
ĐT: 9968045

* **Địa chỉ phát hành:**
Tổng Công ti phát hành sách Fahasa TP.HCM

In 1000 cuốn, khổ 16x24cm tại Xi nghiệp in Fahasa đường Trường Chinh. Q. Tân Bình, TP.HCM. Giấy đăng kí KHXB: 203-2008/CXB/01-05/TrT. Quyết định Xuất bản số 17/QĐLK-NXB TrT của Giám đốc NXB Tri thức ngày 10/3/2008.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2008.

Đính chính

Trang	Dòng	In là	Sửa là
17	11 ↓	47 độ 15	17 độ 15
220	01 ↑	11°30	113°
220	03 ↑	11°1 - 11°3	111° - 118°
388	01 ↑	1075	1975
391	13 ↑	1998	1988

HOÀNG SA TRƯỜNG SA

LÃNH THỔ VIỆT NAM

NHÌN TỪ CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

"1. Từ lâu, Nhà nước Việt Nam đã chiếm hữu thật sự Quần đảo Hoàng Sa và Quần đảo Trường Sa khi mà các quần đảo đó chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào.

2. Từ đó đến nay, suốt mấy thế kỉ, Nhà nước Việt Nam đã thực hiện thật sự và liên tục chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

3. Nhà nước Việt Nam luôn luôn bảo vệ tích cực các quyền và danh nghĩa của mình trước mọi mưu đồ và hành động xâm phạm tới chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền lợi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa."

(**Bộ Ngoại giao Việt Nam**, *Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam*, tr. 234)



61/ 420A Phan Huy Ích
P.12 - Q. Gò Vấp

Phát hành tại hệ thống các nhà sách FAHASA

Hoàng Sa Trường Sa lãnh thổ Việt Nam
Nhìn từ công pháp quốc tế



86,000

VND